No 167 Novembre-Décembre 1931

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

Sau cuộc kinh-lý của quan Tổng-trưởng Reynaud

Từ khi Đông-dương thuộc quyền thống-trị của Đại-Pháp, chưa bao giờ có một quan Nội-các bên quí-quốc sang kinh-lý bên này. Gần đây chính quan Thuộc-địa-bộ Tổng trưởng tại chức là quan PAUL REYNAUD, không quản đường-sá xa-xôi, tự Pháp sang đây để quan-sát tình-hình chính-trị kinh-tế của bản-xứ, thật là một sự mới lạ, đáng kỷ-niệm trong lịch-sử xứ này.

Cuộc du-lịch của quan REYNAUD trong một tháng trời trải qua Nam-kỳ, Cao-miên, Trung-kỳ, Bắc-kỳ, Ai-lao, rồi kết-cục qua Xiêm-la mấy bữa, đoạn cưỡi tầu bay về Pháp được an-toàn cả, các báo hằng ngày đã tự-thuật tường, không cần phải nhắc lại nữa.

Duy cái cảm-tưởng của quốc-dân ta đối với cuộc du-lịch này thế nào, cũng nên dò xét mà bày tỏ ra, để lưu lại một cái chứng cho sau này.

Khi quan Tổng-trưởng đến Sài-gòn, đồng-bào ta trong Nam nghênh-tiếp ngài, ông Bùi Quang-Chiêu đọc diễn-thuyết chào mừng, rồi có đệ-trình một tập tường-kê các khoản thỉnh-cầu, đại-khái cũng xuất-nhập như các khoản đã thỉnh-cầu với quan Toàn-quyền VARENNE năm xưa, nghĩa là: xin cho ở các hội-nghị lẫn người Tây người Nam, thứ nhất là Hội-đồng Quản-hạt, số hội-viên ta được ngang bằng với hội-viên Tây; xin cho An-Nam được cử một đại-biểu ở Cao-đẳng Hội-nghị Thuộc-địa tại Pháp; xin cho được rộng các quyền ngôn-luận, tập-hợp, giao-thông; xin chỉnh-đốn việc học; vân-vân.

Khi tới Huế thì quan Tổng-trưởng có dự một kỳ hội-đồng viện Cơ-mật, không rõ bàn xét những việc gì, và các quan Nam-triều thỉnh-cầu những điều gì; chỉ biết theo lời điện-báo thì nói rằng có đề-cập tới điều-ước Bảo-hộ năm 1884 và xét về cách sau này thi-hành điều-ước ấy thế nào. Sau xem báo thời thấy lời điều-trần của ông Nguyễn Trác, nghị-trưởng viện Dân-biểu Trung-kỳ, trong có nói đến việc đức Bảo-đại về nước và việc ban hiến-pháp cho nước Nam sau này.

Kịp đến khi tới Hà-nội thì các thân-hào cũng có đặt một cuộc nghênh-tiếp, nhưng không có điều-trần gì cả. Duy bữa quan REYNAUD mới bước chân tới đất Bắc-kỳ, ngày 6 *Novembre* bản-chí chủ-bút có đăng trong báo *France-Indochine* một bức thư ngỏ đệ-trình quan Tổng-trưởng, bức thư ấy viết bằng chữ Pháp, xem ra cũng có ảnh-hưởng ít nhiều, hiện đã có đăng cả nguyên-văn cùng bản dịch quốc-ngữ trong *Nam-Phong* kỳ trước (số 166).

Bản-chí chủ-bút lấy việc quan Thuộc-địa-bộ Tổng-trưởng sang thăm Đông-dương là việc quan-trọng, nhân dịp này không nên trình bày những việc chi-tiết mà nên thỉnh-cầu ngay điều cốt-yếu đệ-nhất, là xin cho nước Nam một cái chính-thể phân-minh, ngõ-hầu cho người An-Nam được có một cái tổ-quốc để mà thờ, không đến nỗi phải làm một dân không nước.

Bởi thế nên trong bức thư đó thiết-tha nói về cái tinh-thần lập-quốc của

nước Nam, về cái tôn-chỉ quốc-gia của người mình, mà kết-luận một câu rằng:

« Chúng tôi chỉ thỉnh-cầu quan-lớn có một điều, một điều rất là thiết-tha quan-hệ hơn cả các điều khác: là xin ngài cho chúng tôi một cái tổ-quốc để chúng tôi thờ ».

Bức thư ngỏ đó đã có lọt đến tay quan Tổng-trưởng, nghe như ngài cũng có để ý.

Quan REYNAUD ở Bắc-kỳ vừa một tuần-lễ, ngày 13 *Novembre* thì ngài cưỡi máy bay đi Ai-lao. Giữa ngày hôm ấy, bản-chí chủ-bút lại đăng một bài trong báo *France-Indochine* nói về cái cảm-tưởng của người Nam ta đối với cuộc du-lịch của ngài thế nào, bài này ngài kịp đọc trước khi lên tầu bay, và cứ như lời mấy qui-quan đi tiễn ngài thuật lại, thì nghe đâu ngài cũng có chú-ý, cho là lời phán-đoán không đến nỗi sai-lầm lắm.

Xin lược-dịch ra đây, gọi là một bài bàn góp về cuộc du-lịch của quan Thuộc-địa bộ Tổng-trưởng ở Đông-dương (1).

***

Khi xuất-bản bài này thì quan Thuộc-địa Tổng-trưởng đã xong cuộc du-lịch ở Bắc-kỳ và cưỡi máy bay đi sang Ai-lao rồi. Mong rằng ngài sẽ mang theo một cái cảm-giác tốt đối với xứ này, cùng đối với người dân ở đây đã vui-vẻ tiếp rước ngài.

Ngài là người thay mặt cho nước Pháp, nên dân Bắc-kỳ chúng tôi nghênh-tiếp ngài một cách đậm-đà và trân-trọng. Khi ngài ở Nam-kỳ, đồng-bào ta trong ấy có tặng ngài cái danh-hiệu là «Nam-kỳ chi đệ-nhất công-dân» (*premier citoyen de la Cochinchine*); chúng ta đây không bắt-chước đồng-bào trong Nam mà cũng tặng ngài cái tên là «Bắc-kỳ chi đệ-nhất công-dân», vì chính chúng ta đây cũng chưa biết rõ cái danh-nghĩa làm dân của ta ra thế nào, thì lấy danh-nghĩa gì mà tặng ngài được! Duy có các bạn tòng-sự các sở Nhà-nước bữa đặt tiệc trà nghênh-tiếp ngài, tặng ngài cái tên là « Đông-dương chi đệ-nhất tương-tế-gia » (*premier mutualiste de l'Indochine*), thì có lẽ còn có nghĩa, vì cái hội nghênh-tiếp ngài đó là một hội tương-tế của các viên-chức công-sở đặt ra để giúp đỡ lẫn nhau vậy.

Tuy-nhiên trong cách đồng-bào ta đối với quan REYNAUD có một cái vẻ kính-mến, dường như qua cái chức-vị ngài mà trực-tiếp đến cái nhân-cách ngài vậy. Ngay tự lúc đầu ngài đã tỏ ra là một người giản-dị, nhã-nhặn, lúc nào cũng có cái nét mặt tươi-cười, vừa có vẻ khoan-dung, mà lại vừa có vẻ trào-phúng, cái cách đó cũng đáng phục lắm. Vì chúng ta là một dân-tộc vừa biết cảm sự khoan-dung, mà cũng vừa biết hiểu cách trào-phúng lắm.

Vả lại đối với cuộc du-lịch của quan Tổng-trưởng ta vẫn không có cái lòng mơ-tưởng xa-xôi gì, ta không hề có mong-đợi ngài như một ông thánh Cứu-thế có phép làm cho xứ Đông-dương sớm trưa thành một cõi thiên-đường cực-lạc được, nên ta nghe những lời nói của ngài có vẻ thận-trọng, rõ ra tư-cách nhà chính-trị, ta cũng không có lấy chi làm thất-vọng cả. Không những thế, mà trái lại ta nghe lại lấy làm khoái nữa, vì những lời ngài nói toàn có cái vẻ khoan-dung mà trào-phúng, chính là cái tinh-thần hoạt-kê dĩnh-ngộ của người Pháp. Quan REYNAUD thường nhắc đi nhắc lại rằng ngài không hay hứa trước điều gì cả. Nhưng mỗi lần ngài nói thì ta

(1) Xem nguyên-văn chữ Pháp đề là *Après le voyage du Ministre*, ở phần Phụ-trương dưới này.

nghe ngài nói vui quá, thành ra cũng không mong đợi cho ngài hứa với ta điều gì nữa. Có lúc nghe diễn-thuyết mà quên hẳn rằng người nói đó là chính quan Tổng-trưởng Thuộc-địa nước Pháp, tưởng như một người Pháp thượng-lưu nào đương đem những câu chuyện văn-vẻ lý-thú mà nói cho ta được khoái-trá vậy. Hấy giờ thì ngài đối với ta dường như không phải là một vị tổng-trưởng của Chính-phủ Dân-quốc nữa, mà là một tay sứ-thần đại-biểu cho cái tinh-thần hoạt-kê của nước Pháp (*un ambassadeur de l'esprit français*).

Có lẽ ngài lập-tâm chủ-ý như vậy; nếu thế thì cũng là khéo lắm. Ngài sang đây giữa hồi khủng-hoảng, thiên-hạ ngóng trông như một vị danh-sư đến cứu cho qua khỏi, nên ngài có ý thận-trọng, không muốn lộ cái ý mình quyết-định thế nào, bên cứ đem cái tài lịch-thiệp tự-nhiên, đem cái vẻ hào-hoa phong-nhã mà cảm-dụ người ta, khiến cho thiên-hạ quên những nỗi khó-khăn của mình đi mà không nghĩ đến yêu-cầu thỉnh-thác một cách thiết-tha cho lắm. Ngài dụng-ý như vậy mà quả được trúng như vậy, kể cũng tài.

Dù thế nào mặc lòng, ngài đáp lại những bài diễn-thuyết của thiên-hạ đọc mừng dài biết bao nhiêu, chỉ trả lời rằm ba câu vắn-tắt mà có ý-tứ linh-lợi vô-cùng, người An-Nam lấy làm phục lắm. Lấy làm phục, vì chỉ để ý đến lời nói khéo mà thôi, không xét đến nói những gì, không có mong đợi sẽ hứa cho điều này hay điều khác, hay sẽ tuyên-bố cho việc nọ hay việc kia gì cả.

Quan Reynaud thật có tài ngôn-ngữ. Thứ nhất là có tài nói một cách thích-nghi lắm, biết hiểu ý-tứ mà nói bao giờ cũng trúng. Cái tài ăn nói đó, không phải cứ làm nghị-viên là có đâu, thật là một cái tài riêng, lại thêm có cái trí thông-minh dĩnh-ngộ, đến chỗ nào thì hình như cảm-giác biết ngay mình nói với hạng người nào, mình đứng ở trong hoàn-cảnh nào. Cho nên nói không sai đường, không « lỗi điệu » (*fausses notes*) bao giờ, không có cái giọng hùng-biện giả để huyễn-diệu công-chúng. Nói bao giờ lời-lẽ cũng rõ-ràng, giản-dị, bao giờ lời nói cũng có hai cái tính-cách riêng như trên kia đã nói, là: có vẻ khoan-dung và có vẻ trào-phúng (*bienveillance et ironie*). Thời-hồ lại có một vài câu xuất-sắc, một vài ý lỗi-lạc, khiến cho người nghe phải để ý và phải suy-nghĩ.

Tự khi mới bước chân lên bến Sài-gòn đến giờ, quan Tổng-trưởng đã từng nghe kể đến vài tá bài diễn-thuyết, có bài đã phí mất bao nhiêu công-phu của tác-giả đẽo-gọt nhuận-sắc, vậy mà bài nào ngài cũng trả lời lại một cách dung-dị vô-cùng. Dù chỉ trả lời một vài câu nữa, cũng không bao giờ là những câu khẩu-đầu vô-vị. Bao giờ cũng có một vài đoạn khiến cho người ta phải cảm-giác và phải chú-ý.

Như ở bữa tiệc của đồng-bào trong Nam-kỳ nghênh-tiếp ngài, nhà lãnh-tụ trứ-danh trong Nam là ông Bùi Quang-Chiêu có đọc một bài diễn-thuyết dài và rất hùng-hồn, quan Reynaud trả lời lại, gọi ngay ông Bùi là « bạn đồng-bang quí của tôi » (*mon cher compatriote*), — vì ông Bùi vốn là dân Tây, — rồi nói rằng: « Trong hai chúng ta đây, có lẽ ngài tây hơn tôi ». Lời nói đó vẫn là lời khen, nhưng có ý khoan-dung một phần mà cũng có ý trào-phúng một phần nữa.

Bữa hội Khai-trí Hà-nội đặt tiệc trà nghênh-tiếp ngài, quan Hội-trưởng Hoàng Trọng-Phu có đọc lời chúc-từ, Ngài trả lời lại, ví hội Khai-trí như hội Hàn-lâm nước Pháp, nghĩa là một nơi có cái vẻ trang-nghiêm lịch-sự, có nền-

nếp, nhưng ưa bảo-thủ, có người cho là trọng thủ-cựu hơn duy-tân. Vẫn biết rằng hội Khai-trí không thể sánh được với hội Hàn-lâm nước Pháp, nhưng cũng có phảng-phất một cái không-khí tương-tự, nên trong lời ví có ý khen một cách rất ý-tứ. Lại trong bài diễn-thuyết của quan Hội-trưởng có nói đến vấn-đề hai văn-hóa Đông Tây có ngày phối-hợp được với nhau, quan Tổng-trưởng liền nhân cái đề đó mà đáp một bài có ý-vị vô cùng. Ngài nói rằng rồi cũng có ngày cái tinh-thần Đông-Á với cái tinh-thần Tây-Âu sẽ có điều-hòa với nhau. — dung-hóa hai cái với nhau, chứ không phải cái nọ đồng-hóa hẳn cái kia, như có kẻ thiển-cận thường tưởng lầm đâu, — khi đó thời sẽ tạo-thành ra một cái văn-hóa mới đặc-biệt, thật là một cái kỳ-công đáng cảm-phục, bấy giờ hoặc có ai hỏi vì sao mà nên được cái kỳ-công đó, thì nên nhắc lại câu của MONTAIGNE nói về bạn tri-kỷ là LA BOÉTIE rằng: «Chẳng vì đâu cả, chỉ vì y là y mà tôi là tôi vậy.» (*Parce que c'était lui, parce que c'était moi*). Lời nói có thú-vị không?

Lại bữa tiệc các ông dân-biểu ở phủ Toàn-quyền, quan REYNAUD gọi ngay các ông là «các bạn đồng-bối của tôi» (*mes chers collègues*), rồi nói rằng: «Các ngài là nghị-viên Hà-nội cũng như tôi đây là nghị-viên *Paris* vậy.» — Có rõ là vừa khoan-dung mà vừa trào-phúng không?

Lại bữa tiệc của thân-hào Bắc-kỳ mừng ngài, ông Phạm Huy-Lục là nghị-trưởng viện Dân-biểu Bắc-kỳ đọc diễn-thuyết có nhắc lại mấy lời thỉnh-cầu của đồng-bào trong Nam đã đệ-trình rồi, như xin tự-do ngôn-luận, xin cho các hội-nghị số người Nam được bằng người Tây, v. v., quan Tổng-trưởng đáp lại, mượn ngay một câu của chính ngài đã nói khi trước mà quan Hội-trưởng hội Khai-trí mới nhắc lại bữa nọ, câu rằng: « Đông-phương ngày nay bị nóng sốt, chính là vì tư-tưởng của Tây-phương đã gây nên » (*Ce sont les idées de l'Occident qui ont donné la fièvre à l'Orient*), rồi nhân đó phô-diễn ra nói rằng những điều thỉnh-cầu đó chính là mô-phỏng ở những tư-tưởng của Tây-phương mà chính Tây-phương ngày nay đã không có lòng sùng-tín nữa rồi, nghĩa là : cái bệnh sốt của Tây Âu truyền cho Đông-Á, hiện nay chính Tây-Âu đã qua khỏi rồi, vì tự mình đã tìm được những thuốc trừ độc để trị cái độc của mình sinh ra : Âu-châu có sản ra ROUSSEAU (Lư-thoa), nhưng sau lại sinh ra GOETHE, ra TAINE, ra RENAN để chế lại.

Các thân-hào Bắc-kỳ bữa đó có lẽ cũng mong đợi được nghe quan Tổng-trưởng ngài tuyên-bố cho những điều quan-trọng gì, thành ra ngài dạy cho một bài triết-học về chính-trị, dạy một cách ôn-tồn khéo-léo, làm cho thân-hào ta quên cả mấy lời thỉnh-cầu của ông nghị-trưởng mới gọi là nhắc qua lại lúc trước.

Ấy cứ nghe những lời đáp-từ, lời diễn-thuyết của quan Tổng-trưởng REYNAUD, thì xem ra cái cách của ngài đối-đãi người ta như vậy, cách cũng khôn-ngoan mà thú-vị lắm. Song đó có lẽ mới là cái phần biểu diện trong nhân-cách của ngài mà thôi, ngài dụng-ý phô-trương cái phần này ra một chút là để cho thích-hợp với cơ-hội vậy.

Người nào đã được cái hân-hạnh đến gần ngài thì biết rằng ngài còn có những cái đặc-tính hay khác nữa. Như đối với vấn-đề gì ngài cũng có một cái quan-niệm đích-xác ; việc gì cũng mau hiểu và hiểu trúng. Biết xem xét, biết hỏi-han. Nói chuyện với ai, không để cho người ấy nói lạc vào những điều chi-tiết, liền nhắc cho nhớ đến cái mục-đích trong câu chuyện là gì. Nghe

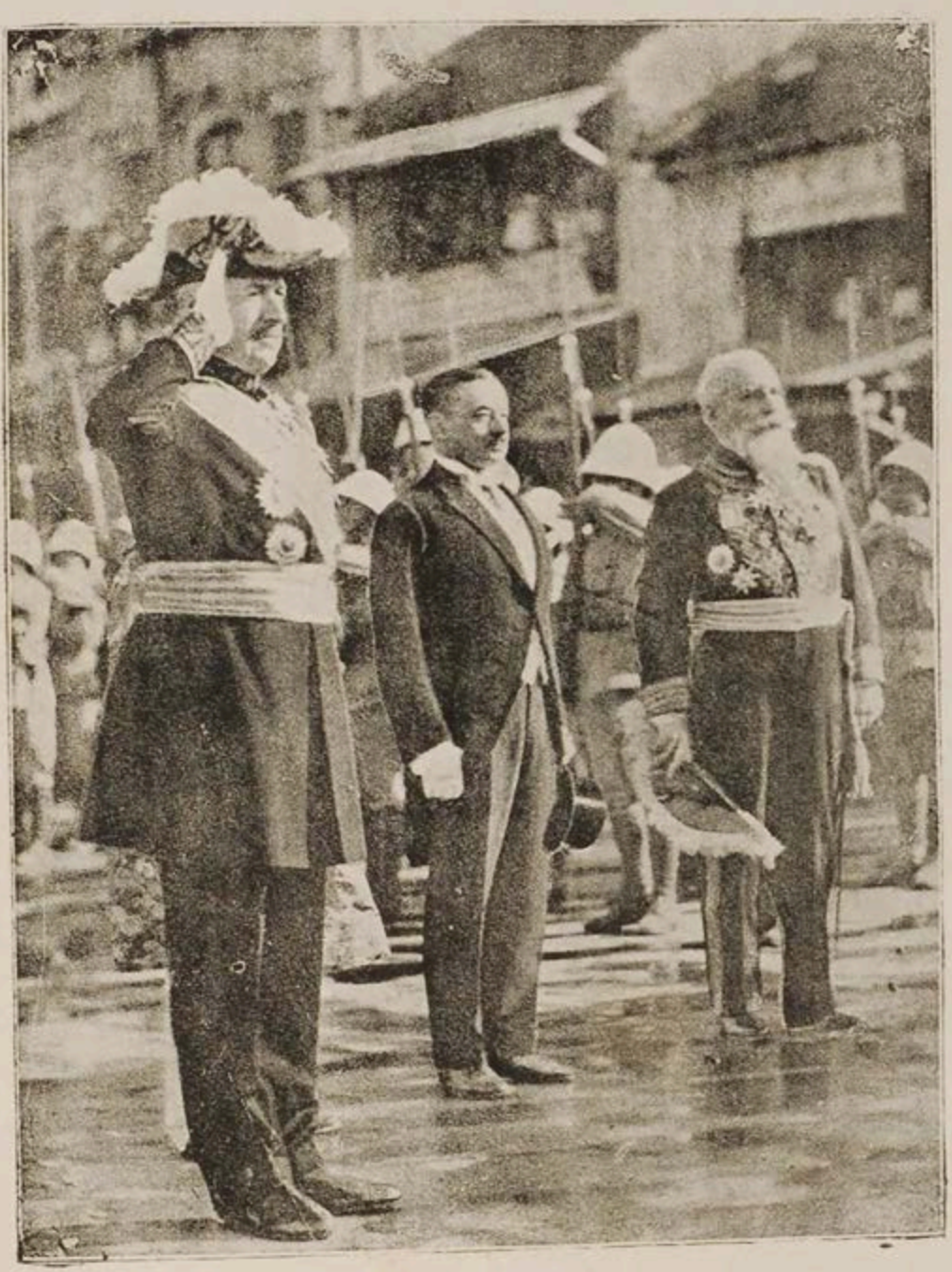

Quan Thuộc-địa bộ Tổng-trưởng REYNAUD *tới Hà-nội*
(Bên tả là quan Nguyên-soái BILLOTTE, bên hữu là quan Toàn-quyền PASQUIER)

Hội Khai-trí Tiến-đức nghênh-tiếp quan Thuộc-địa Tổng-trưởng PAUL REYNAUD

chuyện thường cầm bút biên, không để cho lạc mất điều cốt-yếu. Nói tóm lại thời quan Tổng-trưởng xem ra là một người minh-mẫn, có phương-pháp, biết trọng thực-sự, biết ưa đích-xác. Mong rằng những tính tốt đó sẽ giúp cho ngài làm trọn cuộc điều-tra cho có kết-quả, rồi khi điều-tra xong sẽ khởi-hành một cuộc cải-cách lớn, để bổ-cứu cho cái tình-trạng khủng-hoảng đương bây giờ, khiến cho các xứ trong cõi Đông-dương cùng cả toàn-thể Đông-dương sẽ khôi-phục được cái cảnh-tượng điều-hòa về tinh-thần, về chính-trị, về kinh-tế.

Trong suốt cuộc kinh-lý ở Đông-dương, quan REYNAUD chỉ mới tỏ ra là một vị tiêu-biểu cho cái tinh-thần hoạt-kê dĩnh-ngộ của người Pháp mà thôi. Phần việc đó thì ngài đã làm được trọn vẹn rồi.

Nay ta còn đợi ngài làm cái phần việc thuộc về chức-vị ngài là Thuộc-địa-bộ Tổng-trưởng, là quan Thuộc-địa Tổng-trưởng thứ nhất đã sang tận nơi mà quan-sát các vấn-đề Đông-dương, quan-sát để giải-quyết cho được ổn-đáng.

Cuộc kinh-lý này không có lẽ không có kết-quả được ; không có lẽ không sản-xuất ra nhiều việc cải-cách quan-trọng. Thử đợi sáu tháng nữa sẽ hay.

Phải, nhưng sáu tháng nữa, quan REYNAUD có còn ở Bộ Thuộc-địa nữa không ? Trong một bài diễn-thuyết nọ ngài có nói rằng vì sự tình-cờ trong trường chính-trị mà ngài thành vị chúa-tể các thuộc-địa nước Pháp. Sự tình-cờ đó rồi cũng có ngày đưa ngài sang bộ Tài-chính, bộ Dự-toán (là nơi ngài đã từng qua trước khi sang bộ Thuộc-địa), bộ Cấp-dưỡng hay bộ Hàng-không vậy. Chính-trị nước Pháp cũng hay thay-đổi bất-nhất lắm, và có điều tệ nhất là kẻ cầm quyền cứ đổi tay nhau luôn. Nhưng quan REYNAUD là một nhà chính-trị có tư-cách cầm quyền, có lẽ dù thay đổi thế nào rồi cũng có chân trong Chính-phủ ; chẳng ở Bộ nọ thì ở Bộ kia, bao giờ đứng trong Nội-các vẫn là vị Tổng-trưởng đã biết việc Đông-dương, có thể bàn xét về Đông-dương một cách đích-đáng vậy.

Trong khi kinh-lý, quan REYNAUD lại đem theo một vị quan to ở Bộ Thuộc-địa, có thể gọi là quan phó của ngài cũng được, tức là ông GASTON JOSEPH, chánh ti chính-trị ở Bộ, vốn là chân quan-lại nên không có thay đổi. Có người đã nói : bộ ngoại-giao có ông PHILIPPE BERTHELOT thì bộ Thuộc-địa có ông GASTON JOSEPH. Vậy trong việc cải-cách về Đông-dương sau này ta cũng trông mong ở ông này một phần vậy.

. . .

Một tuần-lễ sau khi dời Hà-nội đi Ai-lao thì quan Tổng-trưởng xuống Sài-gòn bằng thủy-phi-cơ, ở lại đấy một ngày, rồi mới đáp tầu bay sang Xiêm và về Pháp. Ngày ấy là ngày cuối cùng ngài ở Đông-dương. Tự mấy bữa trước các báo đã đăng tin rằng thế nào ngày ấy ngài cũng đọc một bài diễn-thuyết quan-trọng trước khi dời xứ này. Bấy lâu những lời ngài nói toàn là lời thù-tạc cả, lần này thì tất sẽ tuyên-bố ý-kiến cho chúng ta được biết. Ý ngài định giải-quyết thế nào cho cái tình-trạng khủng-hoảng ở Đông-dương, về đường kinh-tế, về đường chính-trị, tất sẽ bày tỏ cho ta hay.

Chúng ta đối với cuộc du-lịch của quan Tổng-trưởng vẫn không có mơ-tưởng háo-hức gì, nhưng thấy tin như vậy cũng có ý mong đợi.

Quả bữa ngọ-yến đặt tại phủ Toàn-quyền ở Sài-gòn để tiễn ngài trước khi lên máy bay, ngài có đọc một bài diễn-thuyết dài hơn cả các bài từ trước,

Nhưng tuy dài vậy, mà tựu-trung cũng không có tuyên-bố điều gì là quan-trọng cho lắm, giả nửa toàn là những lời tán-dương cái sự-nghiệp khai-hóa của nước Pháp ở bên này, rồi nói đến cái « chính-sách lễ-nhượng » (*politique d'égards*), nghĩa là khuyên người Pháp đối với người bản-dân phải nên cẩn-thận, giữ lễ-phép cho khỏi mất lòng người ta; sau cùng mới nói đến phương-cách để bổ-cứu cho tình-trạng khủng-hoảng về kinh-tế và về chính-trị ở bản-xứ. Phương-cách ấy là gì? Tuy lời nói rườm-rà, nhưng rút lại chỉ có hai : về kinh-tế thì hứa sẽ trù-tính đặt một kho cho vay dài hạn để giúp cho các nhà nông công thương đương quẫn-bách, về chính-trị thì cho sự khủng-hoảng bây giờ là bởi các quan Tây không trực-tiếp đến dân, không biết rõ dân-tình, nên định sẽ tăng thêm ngạch quan cai-trị Tây để có thể thường-thường tiếp với người dân cho rõ sự lợi-bệnh. Ấy kế-hoạch của ngài chỉ có vậy mà thôi. Còn bao nhiêu chuyện cải-cách khác không thấy đả-động gì đến cả. Thành ra bài diễn-thuyết quan-trọng đó, đối với ta cũng không khác gì những bài . . . . .

Lại thêm bài diễn-thuyết đó có một đoạn kết, khiến cho ta phải ngẫm-nghĩ vô-cùng. Quan Tổng-trưởng kết một câu như sau này :

« Tôi còn nhớ mấy bữa trước đi ngoạn-cảnh vịnh Hạ-long, có đến thăm một cái mộ-địa ở nơi hòn đảo kia, là mộ-địa những lính thủy Pháp chết trận ở đây khi xưa. Tôi hồi-tưởng lại bữa đó, mà tôi quay nhìn lại các ông An-Nam tôi nói rằng : — Các ông phải hiểu cho rằng như vậy thì đất Đông-dương này đối với chúng tôi là thiêng-liêng lắm chứ! »

Vâng, điều đó thì người An-Nam vẫn đã hiểu lắm. . . .

N.-P.

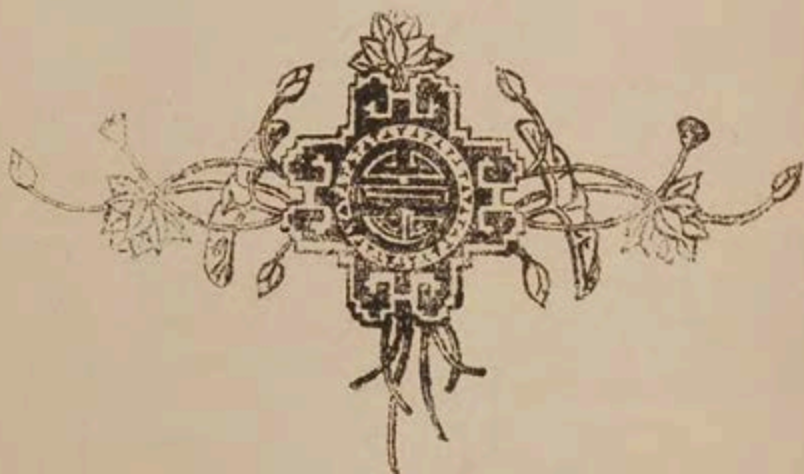

KHỔNG-TỬ VỚI THÍCH-GIÀ (1)

Xét về Khổng-tử với Thích-già, kể ra phạm-vi rất rộng; nhưng nay hãy xét về những chỗ dị-đồng của hai bậc thánh ấy lược kể như sau.

1) Giáng-sinh cùng đồng-thời. — Người ta vẫn bảo rằng từ khi Phật Thích-già giáng sinh đến nay (Trung-hoa dân-quốc năm thứ mười ba, lịch tây 1924) là 2951 năm; song cái thuyết tương-truyền ấy thực không có bằng-cứ; nay các nhà học-giả đã tường xét về lịch-sử đông-tây, mới biết đích rằng Phật Thích-già giáng-sinh đến nay là 2489 năm; mà đức Khổng-tử giáng-sinh đến nay (1924) là 2476 năm; đông tây hai vị thánh sinh ra cùng đồng-thời, đương cái khi Khổng-tử giảng-giáo ở hạnh-đàn, cũng chính vào cái lúc Thích-già đương thuyết-pháp ở đất Lộc-uyển và Xá-vệ.

2) Hai vị thánh cùng là dòng quí-tộc. — Khổng-tử là người nước Lỗ, con cháu sau ông Vi-tử nước Tống; Thích-già là con thái-tử vua Tĩnh-phạn nước Già-tì-la-vệ ở về Trung-Ấn-độ. Tuy hai ông cùng là dòng quí-tộc, nhưng mà cảnh-ngộ khác nhau; Khổng-tử khi nhỏ đã mồ-côi, xử về cảnh nghịch, học thành mà làm nên bậc vĩ-nhân còn dễ. Thích-già thì sinh-trưởng ở trong vương-cung, được hưởng cái hạnh-phúc của nhân-gian, xử về cảnh thuận, học thành mà làm nên được bậc vĩ-nhân cũng hơi khó.

3) Cùng là bậc bác-học đa-tài. — Khổng-tử là bậc thánh sinh-tri, thể-cách kỳ-vĩ, thân dài chín thước sáu tấc. Dạy người thì lấy *Lễ, Nhạc, Xạ* (bắn) *Ngự* (ngự xe), *Thư* (viết chữ), *Số* (chép tính) làm cốt; *lễ nhạc thư số* là thuộc về việc văn; *xạ ngự* là thuộc về việc võ; thực là văn-võ toàn-tài. Thích-già thì tự khi bảy tám tuổi, nhất-thiết các đường học-vấn đều không phải tập mà biết cả; lại thâm hiểu về học Ngũ-minh 五明, là Y-phương minh 醫方明, Công-xảo-minh 工巧明, Thanh-minh 聲明, Nhân-minh 因明 (2), Nội-minh 內明, và lại có sức khỏe, khi làm thái-tử từng đấu võ với các con vua; có khi ra ngoài cửa thành gặp con voi lớn đứng chặn ngang, thái-tử liền giơ tay ra nắm lấy con voi vứt ra ngoài thành, lại chạy nhanh lên lấy tay đỡ lấy; tuy là chuyện hoang đường, nhưng cũng tỏ là người toàn-tài văn-võ như Khổng-tử.

4) Học-thuyết có chỗ dị-đồng. — Bàn về học-thuyết thì Khổng-tử sinh-trưởng ở phương bắc nước Tấu, chuộng về đường thực-tế, cốt về đường lực-hành, trọng việc người mà ưa bảo-thủ; cái chỗ cốt-tử về học-thuyết thì cốt ở chính-tâm thành-ý, mà suy ra đến sửa mình, tề nhà, trị nước, bình thiên-hạ; hoàn-toàn là phái nhập-thế. Nói về đạo-đức thì rất trọng chữ *nhân* 仁, nhưng phải trước do người thân rồi mới đến người sơ, có chia ra thứ bậc, chính là nghĩa thân người thân rồi mới đến nhân với thứ-dân, nhân với thứ-dân rồi mới đến yêu muôn vật vậy. Cái cách dạy người thì định ra đạo ngũ-luân để làm khuôn-phép cho cái nghĩa-

(1) Nguyên bài giảng-thuyết của Tưởng Duy-Kiều 蔣維喬

(2) Tức là danh-học, Nhật-bản gọi là luận-lý-học.

vụ vua tôi cha con, vợ chồng, anh em, bè bạn. Xem như trong sách *Luận-ngữ* kẻ học trò hỏi về đạo *nhân*, thì ngài đáp mỗi người một khác; đó là ngài tùy người mà dạy, lập-thuyết không có hạn nào cả. Cách tu-thân thì trước phải lập cho mình rồi đạt cho người, đều trọng về thực-tế; phàm những sự u-huyền ngài đều không nói đến cả; vậy nên thầy Tử-Lộ hỏi về sự chết thì ngài bảo rằng: « Chưa biết sự sống, sao biết được sự chết ». Thầy Tử-Cống cũng nói rằng: « Những điều văn-chương của Phu-tử thì có thể ngài giảng cho nghe được, chứ ngài nói đến tính với đạo trời thì ít khi được nghe. » Ngài chỉ trọng thực-tế cho nên ưa bảo-thủ; ngài thường nói rằng: « Ta chỉ thuật lại những việc trước mà không dám tự-tác ra điều gì, ta vẫn tin mà ham mến đạo cổ. » Về văn-niên đạo ngài không được đắc-dụng, ngài mới trở về san kinh *Thi* kinh *Thư*, định kinh *Lễ* kinh *Nhạc*, tán kinh *Dịch*, làm kinh *Xuân-thu*, những nghĩa chữ *san* chữ *định* chữ *tán* đều là cái ý thuật lại mà không dam sáng-tác ra cả; cho đến kinh *Xuân-thu* chẳng qua ngài cũng theo sử nước Lỗ mà bút-tước thêm vào để tỏ lời bao biếm mà thôi.

Thích-già sinh ở đất Trung-Ấn-độ, mà nước Ấn-độ xưa kia vốn có giáo Bà-la-môn, thiên-trọng về đường xuất-thế, cho nên tư-tưởng Thích-già cũng chịu cái ảnh-hưởng ấy mà thuần là phái xuất-thế. Nhưng cũng có giảng về luân-lý nhập-thế thì cũng giống như Khổng-tử; còn như cái tư-tưởng xuất-thế thì Khổng-tử không nói đến. Giáo-nghĩa của Thích-già rất trọng hai chữ *từ-bi* 慈悲, *từ* là hiền-từ cùng người cùng vui, *bi* là thương-bi muốn cứu-khổ cho chúng-sinh. Xét cái uyên-nguyên tư-tưởng của Thích-già thì chứng như việc khi thiếu-niên sau này: Khi Thích-già mười-hai tuổi, đương lúc mùa xuân dân-gian cày-cấy, đức phụ-vương đem ngài ra cửa cung đi chơi, ngài trông thấy những kẻ nông phu cày ruộng lật đất lên, có vô-số những con trùng phải chết phơi ra trên mặt đất, rồi đàn chim bay lại mổ ăn. Trong tâm ngài lấy làm thương xót, từ bấy giờ mới sinh ra cái lòng chán đời lìa tục. Một hôm lần đến dưới gốc cây ngồi xếp bằng tròn thiền-định yên-lặng. Đức phụ-vương đi tìm thấy hỏi cớ sao ngồi đó. Ngài đáp rằng: Vì trông thấy chúng-sinh ăn thịt lẫn nhau, sinh lòng thương xót mới ra ngồi ở đây, không muốn về cung nữa. Phụ-vương mới yên-ủi dỗ về; lại sợ ngài xuất-gia đi tu, mới cùng với các quan thương-nghị bày thêm đồ chơi vui ở trong cung; lại nạp thêm cho ngài hai nàng phi nữa; thôi thì bày hết sự vui trên cõi đời để làm vui cho Thái-tử, mà Thái-tử không có ham-mến chút gì. Sau đức phụ-vương lại cho ngài đi chơi để thêm sự kiến-văn cho vui. Ngài thấy dân-gian có những đám người chết đem chôn, mới nghĩ rằng ở trên đời người ta không khỏi cái khổ lúc sinh, lúc già, lúc ốm, lúc chết, mới nghĩ sao cho giải-thoát được. Khi ngài mười chín tuổi, đương nửa đêm lẻn ra ngoài thành xuất-gia đi tu, vào tu ở núi Tuyết-sơn, khổ-hạnh sáu năm; chợt đến giờ tý đêm hôm mồng lám tháng chạp, ngài ngồi ở dưới gốc cây bồ-đề tự-nhiên tỉnh-ngộ, thành được vô-thượng chính-đẳng chính-giác. Ngài lại nghĩ đem cái giác-ngộ của mình ra mà phổ-độ cho chúng-sinh; ngài thuyết pháp trong bốn-mươi chín năm, mà ngài vẫn tự bảo rằng chưa từng thuyết một chữ nào; ý Thích-già là cốt trọng ở giác-ngộ, chứ không trọng ở thuyết-ngôn văn-tự; ví như đem cái thuyền để dẫn độ cho chúng-sinh đưa sang bờ bên kia, khi đến bờ bên kia rồi thì cái thuyền cũng bỏ đi; nếu mình thuyết pháp mà chỉ nệ ở ngữ-ngôn văn-tự, cho là đạo-lý ở đó, thì có khác gì

đưa thuyền cho người ta đến bờ rồi, lại đội cả thuyền mà đi, thực là ngu lắm. Lại ví như bóng mặt trăng ở trên không, có người không trông thấy, người tiên-giác trông thấy lấy tay trỏ bảo, mục-đích là cốt cho trông thấy mặt trăng, chứ không phải bảo ngắm vào ngón tay. Nếu cái người không biết kia chỉ ngắm vào ngón tay, mà bảo rằng mặt trăng ở đó, thì chẳng lầm lắm dư! Những kinh-điển nhà Phật cũng ví như cái thuyền với ngón tay mà thôi, nếu chỉ trọng văn-tự mà không biết trọng giác-ngộ, thì không khác gì đội thuyền mà đi, nhận lầm ngón tay là mặt trăng vậy. Nay những Phật-tạng kinh-điển truyền lại rất nhiều, đều là sau khi Phật đã tịch-diệt đi rồi, những kẻ đệ-tử sợ để lâu ngày quên những đi mất, mới cùng nhau biên-tập lại, chứ khi Phật còn tại-thế không có trước-tác gì; khác với Khổng-tử lại còn thân tự thuật-tác.

Học-thuyết của Phật-giáo và Khổng-giáo hai nhà, một đảng thì trọng về nhập-thế, một đảng thì trọng về xuất-thế, uyên-nguyên khác nhau. Thế mà thói quen người ta vẫn bảo rằng tam-giáo đồng-nguyên; xem đó thì biết tư-tưởng người ta sai lầm, nên cái cách học cũng chỉ là phụ-hội, chứ không biết phân-tích ra cho rành, học-giả phải nên trừ cái bệnh ấy mới được.

***

Nước Tàu xưa nay vẫn có tam-giáo là: Nho, Thích, Đạo. Xét ra thì Nho-gia có phải là tôn-giáo hay không, cũng chưa định-luận. Đạo-gia thì uyên-nguyên ở cái triết-lý họ Hoàng, họ Lão, về đời Tam-đại và đời Tần, đời Hán rất là thịnh-hành; đến đời Hậu-Hán có Trương Đạo-Lăng 張道陵 thác-danh đạo-giáo Lão-tử, nhưng thực không phải là chân-diện-mục của phái Đạo-gia. Phật-giáo thì tự đời Hán truyền vào nước Tàu, thế-lực rất mạnh, triết-lý cũng thâm, nay còn truyền lại Tạng-kinh hơn tám nghìn quyển, giáo-nghĩa rất là tinh-bác, tôn-giáo trong thế-giới không giáo nào ví bằng được, thực là một tôn-giáo cao-đẳng. Gần đây những nhà nghiên-cứu về kinh Phật thì tự ông Dương Nhân-Sơn 楊仁山 người An-huy trước nhất. Ông từng bỏ của ra mua lấy các kinh-điển, đem về hiệu-đính lại, có lập ra một chỗ gọi là « Kim-lăng khắc-kinh-xứ, » đem in các kinh ra để làm ơn cho kẻ hậu-học; chúng ta mà được dòm thấy cái áo-chỉ đạo Phật cũng là nhờ về ông ấy vậy. Kinh Phật xem ra rất khó nghĩa, vì nhiều câu thuật-ngữ khó hiểu, vả lại do ở chữ Phạm mà dịch ra, cái văn-pháp chữ Phạm cách dàn-xếp khác với văn-pháp chữ Tàu, vậy nên những kinh dịch ra đó thành ra một văn-thể khác. Khi mới đọc kinh Phật gặp những chỗ khó hiểu, thì chớ vội nản, vô-luận là hiểu hay không hãy cứ đọc đi cho nhiều lần thì tự-khắc là lĩnh-hội, trước còn lĩnh-hội được một và phần rồi sau dần dần hiểu biết mãi ra. Nay muốn giảng-cứu về Phật-học đại-ý thì trước nhất phải biết rõ cái mục-đích Phật-giáo. Mục-đích Phật-giáo thì cốt ở bốn chữ: « Minh tâm kiến tính 明心見性 ». Tâm phân ra có hai môn: một là chân-tâm 真心, hai là vọng-tâm 妄心; chân-tâm thì bất-sinh bất-diệt thường-trụ bất-động; vọng-tâm thì hốt-sinh hốt-diệt, biến-động không thôi. Phật-giáo chỉ cốt khiến cho cái tâm người ta phản vọng qui chân, mà tu đến cõi bất-sinh bất-diệt. Nay cái cõi hiện-tại của chúng ta lưu-trụ đây đều là hư-vọng không thực cả. Tại cớ sao? Ví như cái bàn để trên mặt đất, vẫn hình như là không động đậy; nhưng cái cách nó xếp đặt quan-hệ với nhau, nó vẫn biến-động luôn luôn, không một phút nào yên, biến-động lâu thì phải nát, về sau

thành ra hủ-bại không dùng được nữa. Thân-thể người ta cũng thế, cứ kể về sinh-lý thì thân-thể người ta bởi mười bốn phần nguyên-chất hợp thành lại; những phần nguyên-chất ấy nó kết thành cái tế-bào, vô-số cái tế-bào ấy rồi nó hợp lại thành ra thân-thể. Những cái tế-bào ấy lại tùy những lúc người ta ngôn-ngữ động-tác, dần-dần nó chia xé mà tiêu-hao đi; rồi lại bởi những thức ăn của người ta ăn vào, qua trong tràng-vị tiêu-hóa đi rồi biến ra huyết-dịch, lại sinh ra cái tế-bào mới để bổ-sung vào. Những cái tế-bào ấy khi nó tiêu-hóa đi và lúc nó bổ-sung vào, mới cũ thay đổi, tiềm-di mặc hóa, không một phút nào đình. Thử lấy kính mà soi xem thì thấy cái khi mình thiếu-niên đã khác hẳn cái bộ diện-mục lúc bé; khi mình tráng-niên lại khác hẳn cái bộ diện-mục lúc thiếu-niên; đến khi tuổi già thì huyết kiệt da giãn, diện-mục lại khác hẳn, đó tức là bởi cái tác-dụng của mới cũ nó thay đổi. Nay theo về sinh-lý mà tính xem cái tác-dụng của sự mới cũ nó thay đổi, thì chẳng qua độ bảy năm toàn-thân lại đổi ra một bộ dạng khác; đó là sự biến-thiên nó nhiệm-nhặt lắm người ta không thể biết được, đó là cái hiện-tượng sinh diệt trong bản-thân ta. Phàm những vật ở trong thế-gian, đều không tránh khỏi cái vòng sinh - diệt ấy, thì đều là hư-vọng chẳng thực cả, hà những thân ta như thế, đến như tâm ta cũng vậy. Thử xét lại mà xem, thì thấy những cái vọng-niệm thiên-đoạn vạn tự, chợt sinh chợt diệt, không một lúc nào đình, cái vọng-niệm ấy tức là cái tính phan-viên, được cái này lại với đến cái kia, được cái kia lại với đến cái nọ, không biết thế nào là cùng. Cái mục-đích của Phật-học chỉ cốt là làm cho tất cái vọng-niệm ấy, để trở về chân-niệm. Nhưng ngoài cái vọng niệm không phải là lại có một cái chân-cảnh đâu, nghĩa là lúc sinh ra vọng-niệm thì là vọng-cảnh; lúc tắt hết vọng-niệm thì là chân-cảnh. Vì như trên mặt bể lớn lúc gió yên sóng lặng, tức là cái chân tướng mặt bể đó; lúc nào gió dồn sóng dập tức là cái vọng-tướng mặt bể đó; nên sóng gió yên lặng thì trông thấy ngay cái chân-tướng mặt bể; chứ không phải ngoài lúc sóng gió ra lại có một cái chân-tướng mặt bể. Tâm người ta hễ tắt được vọng-niệm thì tức là chân-tâm; chứ không phải ngoài cái vọng-niệm lại có một chân-cảnh khác. Sở-dĩ đạo nhà Phật dụng công chỉ cốt làm cho tuyệt vọng-niệm. Vọng-tâm đã tuyệt được hẳn thì cũng không cần phải nói đến cái chân-tâm nữa. Nay theo như sinh-lý-học chia tâm ra có *tri* 知, *tình* 情, *ý* 意 ba phần; nhà Phật thì chia ra tám *thức* 識, xem ra có phần tinh-tế hơn. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân là năm *thức* ở trước; thứ sáu là *ý-thức* 意識, thứ bảy là *mạt na* 末那, thứ tám là *a lê-gia* 阿梨耶. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý gọi là sáu căn 六根, đối với *sắc* 色, *thanh* 聲, *hương* 香, *vị* 味, *xúc* 觸 (1), *pháp* 法 là sáu trần 六塵; mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý cảm-thụ những cái sắc, thanh, hương, vị, xúc thì nghĩa nó đã rõ rồi. Duy cái nghĩa chữ *pháp* không phải là pháp-luật, *pháp* đây là trỏ tất cả những cái sự-vật hữu-hình vô-hình, mà do ý-thức mình tưởng-tượng nghĩ đến; vì phàm những sự-vật trong khoảng trời đất đều có trật-tự nhất-định cả, cho nên gọi là *pháp*. Nghĩa chữ *mạt-na* là giữ lấy cái thân mình, cái ý giữ lấy cái thân mình là căn nguyên cho các tội ác, mà là cái ý riêng của người ta, nó từ lúc sơ-sinh đã có ý ấy, xem như đứa trẻ con mới lọt lòng mẹ, đã biết bú sữa, tuy là tự ý nó xung-động, nhưng

(1) Chạm mó vào là xúc.

nó đã biết có cái thân nó rồi, nên muốn cầu để nuôi lấy cái thân nó, đó tức là cái ý giữ lấy thân mình. Nghĩa chữ *a-lê-gia* là hàm chứa, ví như người ta hay truy nhớ được những sự và mươi năm về trước, đó tức là cái công-dụng của *a-lê-gia*. Chân-tâm của người ta vốn là bất-sinh bất-diệt, nhưng thường bởi chân-tâm lại khởi ra vọng-niệm, như là mặt bể thường khởi lên gió mà gợn sóng lên, cho nên gọi là *thức-lãng* 識浪. Những thức-lãng ở về phần bảy thức trên, lại bởi cái thức thứ tám là *a-lê-gia* nó khởi ra, vậy nên cái thức *a-lê gia* lại làm gốc cho vọng-niệm. Phật-học chỉ cốt là làm cho phản-vọng qui-chân, chuyển-biến cái thức *a-lê-gia* đi để cho nó thành ra chân-trí-tuệ, mà siêu-thoát ra ngoài cái bể sinh-tử mênh-mang kia.

Đã hiểu biết cái mục-đích về Phật-học rồi lại phải nên nghiên-cứu cái phương-pháp. Đại-loại phương-pháp khả phân làm hai: một là thế-gian-pháp, hai là xuất-thế-gian-pháp. Thế-gian-pháp cũng giống như các tôn-giáo khác, phép ấy rất giản-dị, chỉ thu lại có mấy câu là; « Chớ làm mọi sự ác, phụng-hành mọi điều thiện, giữ cho trong sạch ý mình, Phật-giáo chỉ thế mà thôi. » Chẳng qua chỉ bảo người ta làm thiện mà răn chừa điều ác vậy. Xuất-thế-gia-pháp thì có phân biệt ra Đại-thừa và Tiểu-thừa, vì khi đương đời Phật trông thấy mọi người căn-khí khác nhau, nên thuyết-pháp dạy cho cũng có phân-biệt; cái người căn-khí nhỏ nghe Phật dạy thì thành ra Tiểu-thừa, cái người căn-khí lớn nghe lời Phật dạy thì thành ra Đại-thừa, chứ nguyên Phật-pháp không có phân ra Đại Tiểu. Tiểu-thừa có phân ra hai hạng là thanh-văn 聲聞 với duyên-giác 緣覺, Đại-thừa thì chỉ có một hạng bồ-tát 菩薩. Do hạng bồ-tát tiến lên là bậc Phật. Phật vì hạng thanh-văn mà thuyết-pháp gọi là tứ-đế 四諦, tức là khổ-đế 苦諦, tập-đế 集諦, diệt-đế 滅諦, đạo-đế 道諦; *đế* 諦 nghĩa là thẩm-xét về cái đạo-lý chẳng hư-không. Người thường ai cũng nghĩ muốn tránh cái khổ mà tới cõi vui, nhưng không biết khổ với vui vốn không phân-biệt; cái khổ với cái vui nó đều bởi cảm-thụ về hoàn-cảnh mà sinh ra. Cái cảnh người ta có lúc thuận lúc nghịch, gặp cảnh thuận thì vui, gặp cảnh nghịch thì khổ, hai cái ấy vốn không phân-biệt; nay có thể xét về cái thời-gian nó sinh ra khổ hay là vui mà nói rõ ra như sau này. Phàm thời-gian có lúc sinh, lúc trụ, lúc diệt, ví như người ta bị đau, lúc bệnh mới khởi lên là lúc sinh, đương trong lúc bệnh là lúc trụ, cái lúc sinh lúc trụ ấy đều là khổ cả; nhưng đến lúc bệnh diệt rồi thì vui. Lại như nghe âm-nhạc, lúc mới nghe là lúc sinh, đương lúc nghe là lúc trụ, đều là cái thời-gian vui sướng; đến lúc âm-nhạc diệt đi rồi thì sinh ra cái cảm tan hết cuộc vui, lại thành ra khổ. Xem thế thì trong cõi đời cảm-xúc về cái cảnh vui cảnh khổ, chỉ bởi tại cái thời-gian ngắn hay dài mà phân-biệt ra; đương lúc sinh lúc trụ đều khổ cả thì là cảnh khổ; đương hai lúc sinh trụ ấy đều vui cả thì là cảnh vui, cái vui cái khổ chẳng qua là tự mình cảm-xúc, chứ không có phân-biệt gì cả. Thân người ta gặp phải cảnh khổ nhiều cảnh vui ít, nào là lúc sinh, lúc già, lúc ốm, lúc chết, lúc nào cũng bị cái cảnh vô-thường nó biến-thiên, chỉ tại người ngu-si không biết rõ được, tất phải nghe Phật lên tiếng cảnh-tỉnh cho thì mới hay giác-ngộ, cho nên gọi là « thanh-văn ». Đời người ta ở trong cái cõi sinh lão bệnh tử, gặp phải cảnh khổ nhiều vui ít, cho nên gọi là « khổ-đế 苦諦 ». Nhưng cái cảnh sinh lão bệnh tử là cái quả-kiếp người ta ai cũng phải gặp, không thể tránh được; đã có quả kiếp phải có nguyên-nhân, nay xét về nguyên-nhân tức-thế nó bởi tại

sao? Nguyên nó bởi tại cái vô-minh phiền-não. Bởi phiền-não mới thành ra nghiệp quả, rồi nó họp thành ra cái khổ quả sau này, nên gọi là « tập-đế 集諦 ». Người ta đã biết cái nguyên-nhân đó thì phải tìm lấy một phương-pháp để diệt đi, gọi là « diệt-đế 滅諦 ». Muốn thấu được cái diệt-đế ấy, thì phải trước tu lấy đạo Phật, gọi là « đạo-đế 道諦 ». Đó tức là cái phép « tứ-đế » để cho hạng « thanh-văn » tu-trì. Phật lại thuyết-pháp để cho hạng người « duyên-giác 緣覺 » là gặp duyên may mà giác-ngộ, hiểu thấu được mười hai cái nhân-duyên. Mười hai nhân-duyên là *vô-minh* 無明, *hành* 行, *thức* 識, *danh-sắc* 名色, *lục-nhập* 六入, *xúc* 觸, *thụ* 受, *ái* 愛, *thủ* 取, *hữu* 有, *sinh* 生, *lão-tử* 老死. *Vô-minh* với *hành* là cái nguyên-nhân quá-khứ, rồi nó sinh ra cái quả hiện-tại phải chịu khổ. *Vô-minh* nghĩa là ngu-si mờ ám, *hành* nghĩa là tự mình tạo-tác ra. *Thức*, *danh-sắc*, *lục-nhập*, *xúc*, *thụ*, năm cái nhân-duyên ấy là cái quả hiện-tại. *Thức* nghĩa là cái khởi-niệm lúc mới đầu-thai. *Danh* là cái tâm, *sắc* là cái thân, là trỏ cái hình-thể còn chưa đủ ở trong thai. *Lục-nhập* nghĩa là lục-căn mới thành ra ở trong thai nó sắp nhập vào cái gì. *Xúc* nghĩa là sau khi đã sinh ra rồi bởi có lục-căn mà nó cảm-xúc phải lục-trần. *Thụ* nghĩa là phải nhận chịu lấy cái cảnh-ngộ, gặp cảnh nghịch thì khổ, cảnh thuận thì vui. *Ái*, *thủ*, *hữu* là cái nhân hiện-tại. *Ái* nghĩa là tham-luyến về tài, sắc, danh, ăn và ngủ năm cái vật-dục. *Thủ* nghĩa là vơ lấy cả *sắc*, *thanh*, *hương*, *vị*, *xúc* năm trần, cố muốn cầu cho thỏa cái dục-vọng. *Ái* với *thủ* thì cứ theo đuổi mãi làm cho phiền-não, tức là cái duyên vô-minh hiện-tại. *Hữu* nghĩa là đã có cái bụng trần-dục rồi nó sinh ra có nghiệp quả « *tam-hữu* 三有 » là *sinh*, *lão*, *tử*; *sinh*, *lão*, *tử* là cái quả vị-lai; lấy bởi cái nhân quả đó nó tuần-hoàn sinh-tử mãi không thôi, nên không tránh khỏi ra ngoài mười-hai cái nhân-duyên ấy được. Người ta thì vẫn thuận theo cái dòng sinh tử, bởi *vô-minh* mới sinh ra *hành*, *hành* là bởi *thức*, nó cứ thuận thứ-tự nhân-duyên sinh ra mãi, cho đến khi *lão tử*. Hạng người duyên-giác là bởi gặp những nhân-duyên ấy mà giác-ngộ, nghĩa là hiểu thấu được mười hai cái nhân-duyên ấy, mà hay giác-ngộ được đạo; biết rằng cái căn sống chết của người ta là bởi tại cái duyên *vô minh*, nên phải diệt hẳn đi trước. *Vô-minh* đã diệt thì *hành* diệt, *hành* diệt thì *thức* diệt, rồi đến *lão-tử* cũng diệt, đó là ngược lại cái dòng sinh-tử, tức là cái phép mười hai nhân-duyên của hạng người duyên-giác tu-trì.

Giáo Đại-thừa với Tiểu-thừa có chỗ khác nhau, Tiểu-thừa thì chỉ biết lợi cho mình, mà Đại-thừa thì cốt là làm lợi cho người khác. Trên kia nói về cái phép của hạng người thanh-văn, duyên-giác tu-trì, đều là vị mình mà tu để cho nó thoát cõi sinh tử. Còn như bậc Đại-thừa bồ-tát thì không thế. Hai chữ « *bồ tát* 菩薩 » là bởi chữ Phạm dịch ra, chữ Phạm nguyên là bốn chữ « *bồ-đề-tát-thùy* 菩提薩埵 », *bồ-đề* nghĩa là giác; *tát-thùy* nghĩa là chúng-sinh. Lấy giác-ngộ mà tìm xét Phật-đạo là tự lợi cho mình; lấy từ-bi mà cứu vớt chúng-sinh là làm lợi cho kẻ khác, chứ không những làm lợi cho mình. Cái phương-pháp tu-hành lại có sáu độ 六度 là bố-thí 布施, trì-giới 持戒, nhẫn-nhục 忍辱, tinh-tiến 精進, thiền-định 禪定, bát-nhã 般若. Bậc Đại-thừa bồ-tát đã cốt ở lợi tha, vậy nên trước nhất phải bố-thí. Cái cách bố-thí lại chia làm hai là *tài-thí* 財施 với *pháp-thí* 法施. Đem của-cải giúp cho người gọi là *tài-thí*; đem đạo đức dạy cho người gọi là *pháp-thí*. *Trì-giới* là cái qui-luật răn điều ác tu điều thiện, người ta mà làm ác chỉ bởi tại

cái lòng dục-vọng; chửa thỏa-mãn được cái lòng dục-vọng, thì sinh ra phiền-não; sở dĩ phải trì-giới để cho nó nén bớt dục-vọng đi. Phép có năm giới: 1) giới sát; 2) giới ăn trộm; 3) giới dâm; 4) giới nói càn; 5) giới uống rượu. *Nhẫn-nhục* cốt để trị cái lòng giận tức. *Tinh-tiến* là bảo phải hết sức dụng-công học-hành cho tấn-tới. *Thiền-định* là cái phép dụng-công chân-thực của bồ-tát, chỉ cốt chuyên-tâm tĩnh-niệm, chuyên-nhất cho không tán-mạn. Sau khi thiền-định thì nó phát-sinh ra đại-trí-tuệ, hay chiếu rõ nhất-thiết chư-pháp không điều gì là chẳng thông-đạt, như thế gọi là bát-nhã.

Nay xét về các tôn-phái đạo Phật ở nước Tàu thì có mười phái: 1) Câu-xá-tông 俱舍宗; 2) Thành-thực-tông 成實宗; hai tông này là về giáo-pháp Tiểu-thừa; 3) Luật-tông 律宗; 4) Pháp-tướng-tông 法相宗; 5) Tam-luận tông 三論宗; 6) Hoa-nghiêm-tông 華嚴宗; 7) Thiên-thai-tông 天台宗; 8) Chân-ngôn-tông 眞言宗; 9) Tĩnh-thổ-tông 淨土宗; 10) Thiền-tông 禪宗; trở lên tám tông là giáo-pháp Đại-thừa. Khi Phật còn tại-thế thuyết-pháp bốn-mươi chín năm, chưa từng có làm ra quyển sách nào, những kinh-điển bây giờ đều bởi đệ-tử sau khi đức Phật đã diệt rồi, mới họp-tập những điều sở-văn mà biên-tập lại. Nước Tàu từ đời nhà Hán đến đời nhà Đường, phiên-dịch ra các kinh rất thịnh. Nay còn truyền lại *Đại-tạng-kinh* chia ra ba loại là *Kinh* 經, *Luật* 律, *Luận* 論. Tự Phật khẩu-thuyết ra hay là sai đệ-tử thuyết ra gọi là *Kinh*; người sau chú thích thêm vào gọi là *Luận*; giảng rõ về giới-luật gọi là *Luật*. Chia ra các tông-phái là bởi các đệ-tử sở-văn về Phật-thuyết có chỗ khác nhau; cũng như Khổng-tử giảng về đạo *nhân* 仁 cho học-trò mỗi người một khác, nên các đệ-tử truyền đi mới phân ra các tông-phái. Tựu-trung phân-biệt ra có hai xe là « *không* 空 » với « *hữu* 有 ». Hai xe *không* với *hữu* đó là bởi khi Phật còn tại-thế xét về quan-niệm mọi người có khác nhau, nên phải phân ra để cứu-chính lại cho theo về trung-đạo. Nguyên vì có người nói rằng thế-gian nhất-thiết đều là không cả, Phật sợ rằng cứ chấp-nệ về *không*, thì chẳng hợp đạo trung; nên phải nói là *hữu* (có). Cái người ấy đã hiểu là có rồi, lại tưởng rằng thế-gian nhất-thiết là có cả, nên Phật mới nói là *không*. Cái mục-đích của Phật dạy người chỉ cốt bảo người ta đừng cố-chấp về một bên, phải giác-ngộ lấy có cái trung-đạo « phi không phi hữu »; bởi người ta sở-văn khác nhau như thế, mới phân ra hai tông *không* với *hữu*. Nước Tàu trong hai phái Tiểu-thừa thì Câu-xá-tông giảng về *hữu*; Thành-thực-tông giảng về *không*. Câu-xá-tông là bản ở bài *Câu-xá-luận* của Thế-thân bồ-tát chuyên giảng về hữu-tông. Đời Lục triều về hồi nhà Trần có Chân-đế-tam-tạng dịch bài luận ấy, đến sau thất-truyền. Đến đời Đường có ông Huyền-trang-pháp-sư lại dịch ra ba mươi quyển, các học-trò mới phát-dương thêm ra nên mới thành tông này. Thành-thực tông bản ở bài *Thành-thực luận* của A-lê-bạt-đà, chuyên phát-minh về cái lẽ nhị-không là người với pháp, trái hẳn với tông Câu-xá. Tông này xét về lẽ vạn-hữu trong vũ-trụ, phân ra thế-giới môn 世界門 với đệ-nhất-nghĩa môn 第一義門. Thế-giới môn thì nhận rằng chư-pháp đều là có, mà *nhân* với *ngã* chẳng phải không. Nhưng không biết nhất-thiết chư-pháp đều bởi nhân-duyên mà sinh ra, đã ly nhân-duyên thì diệt cả, tuy rằng có cũng là giả, hình như có mà thực không. Tiến lên đến đệ-nhất-nghĩa môn thì giảng về nhân-không pháp-không, cái chân-lý nhị-không đến tông này mới thật là rõ-rệt

tiêu-biểu ra. Luật-tông khởi lên là tự khi Phật sắp tịch-diệt, kẻ đệ-tử mới hỏi Phật rằng: « Khi Phật tại-thế thì lấy Phật làm thầy; Phật diệt đi rồi thì lấy ai làm thầy? » Phật rằng: « Lấy giới làm thầy. » Luật-tông là khởi-thủy từ đó. Đến đời Đường có ông Đạo-tuyên luật-sư mới phát-minh cho tông này thịnh lên. Gần đây ở Bảo-hoa-sơn chuyên lấy giảng luật trứ-danh. Nguyên Phật-giáo lấy ba chữ « giới 戒, định 定, tuệ 慧 » dạy người, nhưng ba điều ấy vẫn phải theo nhau, chứa khi nào chẳng hay trì « giới » mà dã hay « định tuệ ». Trì-giới thì phải trái hết phàm-tình mà thuận theo thánh-đạo; chẳng trì-giới thì trái với chánh-đạo mà lại theo về phàm-tình; sao hay thoát khỏi được vòng sinh-tử. Pháp-tướng-tông thì kinh luận rất nhiều, tông này thành-lập tự ông Huyền-trang pháp-sư đời Đường. Ông Huyền-trang là một nhà đại-học-vấn, từ khi xuất-gia đi tu xem thấy những kinh-điển người trước dịch ra, đều có chỗ hoài-nghi, mới quyết chí sang Ấn-độ để học; khi sang đến Ấn-độ theo học ông Giới-hiền luận-sư, tinh-thông các phép, đến khi về nước Tàu mới dịch mà truyền ra thành tông Pháp-tướng này. Giáo-nghĩa thì cốt lấy cái lẽ vạn-hữu của vũ-trụ, đều bởi cái tri-thức nó chuyển-biến, tam-giới duy-tâm, ngoại-tâm thì không có pháp nữa, đương lúc ấy tôngp-hong này rất thịnh. Từ đời Tống trở về sau mới suy kém dần đi, những bài luận-sớ cũng thất-lạc đi cả; đến cuối đời Minh lại chấn-hưng, kẻ học-giả trước-thuật ra cũng nhiều sách; nhưng không được trông thấy những bài luận-sớ, thì không khỏi bịa-tạc ra và sai-suyễn cũng nhiều. Nay những bài luận-sớ lại thấy ở trong sách *Tục-tạng* của Nhật-bản, kẻ học-giả mới được biết cái chân-diện-mục của tông này. Bên Ấn-độ vốn có « tính 性 » « tướng 相 » hai tông, tính-tông thì bàn về lẽ tính-không, tướng-tông thì bàn về lẽ ảo-hữu. Tướng-tông tức là Pháp-tướng-tông đã kể ở trên; Tính-tông tức là Tam-luận-tông. Tam-luận là *Bách-luận* 百 論, *Trung-luận* 中 論, *Thập-nhị-môn luận* 十 二 門 論. *Bách-luận* thì đả-phá những tà-thuyết của thế-gian, để cho hiển chính-pháp. *Trung-luận* thì khám-phá những chỗ mê-hoặc của Đại Tiểu hai thừa, cho nó thông-hiểu cả hai giáo-nghĩa Đại Tiểu. *Thập-nhị môn-luận* thì đả-phá những điều vọng-chấp của Tiểu-thừa, để hiển cái chân-nghĩa Đại-thừa. Hoa-nghiêm-tông với Thiên-thai-tông chính là Phật-học của Trung-quốc. Hoa-nghiêm-tông là một kinh-giáo rất rộng-rãi, từ đời Đường Đỗ-Thuận hòa-thượng mới y theo kinh mà lập ra tông này, thực là một ông sơ tổ về tông này. Thiên-thai-tông thì tự đời Tùy có ông Trí-giả đại-sư ở núi Thiên-thai sáng-lập ra, nên mới gọi là Thiên-thai-tông. Tông này giảng về *Pháp-hoa kinh*, pháp-môn tu-trì thì có tam-chỉ 三 止, tam-quan 三 觀. Tam-chỉ: 1) Thể-chân-chỉ 體 眞 止, nghĩa là thể biết được suốt hết cái vọng của vô-minh điên-đảo, tức là cái chân-tướng thực; 2) Phương-tiện tùy-duyên-chỉ 方 便 隨 緣 止, nghĩa là cứ tùy-duyên lịch-cảnh mà vẫn an tâm bất-động; 3) Tức nhị-biên phân-biệt chỉ 息 二 邊 分 別 止, nghĩa là không phân-biệt cái cõi hai bên sinh với tử, hữu với vô đều nát-bàn hóa cả. Tam-quan là: Không-quan 空 觀, Giả-quan 假 觀 với Trung-quan 中 觀. Chân-ngôn-tông cũng gọi là Mật-tông, khác với các tông; các tông thì hay lấy lý làm gốc, phải cứ theo lý mà tu, tông này thì ở ngoài lý lại thiên-trọng về sự-tướng, y theo về kinh *Đại-nhật*, kinh này không phải Thích-giả thuyết ra, mà là ông Đại-nhật Như-lai truyền lại, và bảo rằng những kinh Thích-gia thuyết ra đều là phương-tiện,

duy có kinh-giáo này mới là thuyết chân-thực, nên gọi là Chân-ngôn-tông. Cái phương-pháp tu-trì thì cốt tụng-niệm trì-chú, nghi-thức rất nhiều. Tự đời Đường truyền vào nước Tàu, đến đời Minh phải cấm-chỉ, nhưng vẫn thịnh-hành ở Nhật-bản. Nay Lạt-ma-giáo ở bên Tây-tàng Mông-cổ, tức là chi-lưu về tông này. Tĩnh-thổ-tông chuyên dạy người niệm Phật để cầu sinh nơi tĩnh-thổ, nên gọi là Tĩnh-thổ-tông. Đời Tấn có ông Tuệ-Viễn-pháp-sư xướng ra tông này, có lập một Liên-xã ở núi Lư-sơn, khi ấy những người vào Liên-xã đều là người danh tiếng, ông Đào Tiềm cũng dự vào Liên-xã. Những các tông khác dạy người tu-trì đều phải cố gắng tấn lên, cho thấu đến Tam-giới, thành công rất khó. Tông Tĩnh-thổ này thì chỉ bảo người niệm Phật, toàn nhờ về Phật-lực để siêu-độ tam-giới; và có thể đem cả nghiệp-chướng đi sinh nơi tĩnh-thổ, nhưng chỉ cốt lúc lâm-chung không có loạn-niệm là được, thực là một phép rất tiện-lợi về đường tu-hành. Thiền-tông thì sáng-lập ra từ ông Đạt-ma tổ-sư đời Tấn, ông Đạt-ma nghĩ rằng người ta cứ dụng công về học chữ thì kiến-trí nó chấp-nệ, làm trở-ngại cả đường chân-tu, vậy nên không bắt học chữ nghĩa, chỉ cốt trỏ vào cái tâm ngồi yên lặng quên hết mọi niệm, rồi tự-nhiên minh tâm kiến-tính. Vậy nên Thiền-tông này không kỳ là người dốt hoặc người cực thông-minh, đều có thể học được. Nay Tĩnh-thổ-tông và Thiền-tông rất là thịnh-hành. Từ đời Minh trở lại trong đám rừng rậm có người dùng cái phương-pháp tham-thiền này tức là về phái Thiền-tông đó; nhưng vẫn có kiêm dụng cả cái công-phu niệm Phật, thế là theo cả Thiền-tông với Tĩnh-thổ-tông vậy.

Trở lên kể ra mười tông phái Phật-giáo, nhưng cũng không ngoại hai cái xe *không* với *hữu*; cái cách tu-trì cũng không ngoại hai điều là *sự-tu* 事修 với *lý-quan* 理觀. Hiện bây giờ nhiều người nghiên-cứu về Phật-học, nhưng ít người hay biết rõ được. Đại-khái chia ra hai hạng người, một là hạng người thất-ý về đường chính-trị, mới trở ra đi tu, coi đạo Phật là tiêu-cực, là cõi tỵ-thế, nên gặp lúc bất-đắc-chí mới mượn cảnh chùa-chiền để đi tu; nhưng không biết đạo Phật vốn là tích-cực, xem như Thích-già thuyết-pháp bốn mươi chín năm, lúc nào cũng muốn đảm-nhiệm lấy cái việc phổ-độ chúng-sinh, chứ có phải là tiêu-cực đâu. Lại còn những kẻ mới thiệp-liệp về Phật-học mà đã tự-đắc là chân-tu; lại nhân thấy trong kinh Phật có những chỗ nói về quỉ thần, mới khiên-cưỡng phụ-hội, bày ra việc thần-quái để vu-hoặc người đời, học-giả phải nên xét kỹ mới được.

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

KHẢO VỀ HỌC-THUẬT TƯ-TƯỞNG NƯỚC TÀU (1)

V

V. *Lão-học thời-đại*

Nước Tàu về đời Tam-quốc đời Lục-triều chính là lúc phái Đạo-gia đương thịnh-hành, mà thực là một thời-đại học-thuật tư-tưởng nước Tàu trong và nghìn năm rất suy kém. Bàn cho rõ ra thì đời Tam-quốc đời Lục-triều là cái thời-đại về chủ-nghĩa hoài-nghi, chủ-nghĩa yếm-thế, chủ-nghĩa phá-hoại, chủ-nghĩa quỉ-quyệt, mà cũng là một cái thời-đại quá-độ của hai tông-phái Nho-gia và Phật-gia.

Đời Đông-Hán phái Nho-giáo đương thịnh như thế kia, chẳng được và mươi năm đến đời Tấn Nguy mà đã suy-lạc như thế nọ, là tại cớ sao ? Ta xét ra có năm điều.

Một là tại cái phản-động-lực về cách học huấn-hỗ. Cuối đời Hán kẻ học-giả chỉ giữ lấy lời thầy, chiếm lấy môn-hộ, tức như sách *Hán-thư Nghệ-văn-chí* bảo rằng : « Kẻ học-giả chỉ biện-nạn kiện từng nghĩa vặt, bịa-tạc bày ra thuyết khéo, giải nghĩa độ năm chữ mà kéo dài ra đến hai ba vạn lời nói, một đứa trẻ học độ một pho sách đến già bạc đầu mà vẫn không thông. » Ấy cái cách học nó làm hại mất cả tinh-linh đến như thế là cùng. Thói thường vật cực thì tất phản, uốn quá thì hóa cong, xuống đến đời Nguy đời Tấn, nhân-tâm đã chán-chê mỏi - mệt, có người đề-xướng lên cái thuyết hư-vô thì họ ùa theo ngay, đem bao nhiêu những tư-tưởng trước vứt vào trong cái vũng hoài-nghi phá-hoại cả, cái thường-tình vật-lý nó vẫn như thế, cũng chẳng lạ gì.

Hai là bởi tại Tào Tháo xướng lên cái thói xấu. Năm Thái-thủy nguyên-niên đời Tấn, Phó Nguyên 傅元 có dâng sớ nói rằng : « Gần đây bởi tại vua Nguy Võ chuộng pháp-thuật, cho nên thiên-hạ mới quí hình-danh ; vua Nguy Văn ưa kẻ thông đạt, cho nên thiên-hạ mới khinh người thủ-tiết. » Khi Tào Mạnh-Đức chiếm giữ Ký-châu, chuộng lấy những kẻ sĩ thác-thỉ, có hạ lệnh hai ba lần chỉ cầu lấy những kẻ « có tiếng là ô-nhục, có nết đáng chê cười, hoặc là bất-nhân bất-hiếu, mà có cái thuật trị nước dụng binh được (2). » Bởi vì thế cho nên phong-tục mới đại-hoại, nhân-tâm mới đại-biến. Cố Đình-Lâm có bảo rằng : « Kinh-thuật và tiết-nghĩa, những phong - thói tự đời vua Quang - vũ vua Minh vua Chương trải mấy đời gây dựng mãi lên còn chửa xong ; thế mà cái thói hủy cả phương-chính, hoại cả cương-thường tự một mình Tào Tháo gây nên là chóng lắm. » Lời nói ấy thực là đúng, nho-thuật mất đi phần nhiều là vì thế vậy.

Ba là bởi giết-gióc dữ quá, nhân-tâm sợ-hãi. Đời nhà Hán cái vạ họ ngoại-thích kẻ hoạn-quan, thường thấy nối gót luôn mãi. Những nhà hậu-phi đời Lưỡng-Hán có tiếng đến hơn bốn mươi nhà, thế mà bị vạ lớn ra thì phải chu-diệt, nhỏ ra thì phải phóng-trục ; còn được toàn thân-gia ấy không được bốn năm nhà. Những lúc hoạn-quan cầm quyền, giết người như rác, rồi tiếp đến họ Đồng họ Viên nối lên, không để sót một mống nào nữa ; người ta mới nghĩ rằng trong chốn cốt-nhục, mà còn bị chém giết như thế thì còn gì nữa. Lại

(1) Nguyên Hán văn của Lương Khải-Siêu. Xem N.-P. tự số 163.

(2) Thấy hạ lệnh về tháng 8 năm Kiến-an thứ 22, và mùa xuân năm thứ 15, tháng 12 năm thứ 19, đều hạ lệnh như thế cả.

như cái vạ đảng-cố, những hạng danh-sĩ tự khen nhau là bát-tuấn bát-cố, đều bị một lưới vét sạch. Lại có kẻ học-hành hơn nhất đời làm quan đến chức tam-công, mà cũng phải chém giết ở cửa khuyết như giết con dê con lợn. Người trong thiên-hạ thấy cái quyền-thế cũng không thể chắc được như thế kia, mà đạo-đức học-vấn cũng không thể cậy được như thế nọ, nhân-tâm bàng-hoàng không biết đi về đâu nào, cho nên lần trốn cả vào cái cõi hư-vô hoang-đản, coi muôn vật như chó rơm chẳng thiết gì cả, có phải ngẫu-nhiên đâu.

Bốn là gặp phải buổi thiên-hạ đại-loạn, dân-sinh khổ quá. Cuối đời Hán từ Trương Giốc 張角 nổi loạn, rồi đến Đổng Trác 董卓, Lý Thôi 李傕, Quách Dĩ 郭汜, Tào Tháo 曹操, Viên Thiệu 袁紹, Tôn Kiên 孫堅, Lưu Bị 劉備, về hồi ấy bốn bề như sôi-nổi loạn-lạc luôn mãi, xương chất đầy đồng, máu chảy đầy hang. Nối đến tám vua đời Tấn lại gặp cái loạn Ngũ-hồ, giết nhau máu tràn ở đất trung-nguyên, hằng năm luôn mãi; học-giả đã vô-sở-dụng mà lại gặp phải hồi loạn-ly, không còn có lúc nào thư-thả để mà nghiên-cứu về cái học thuần chính thiết-thực, chỉ ngồi mà thở dài tkan rằng đời người ta vô-thủ, thiên-địa bất-nhân, cái lòng yếm-thế tự-nhiên sinh ra vậy.

Vì có bốn cái nguyên-nhân trên ấy, lại thêm các vua đời Lưỡng-Hán sùng-thượng lời sấm-vĩ, mê-tín điềm hưu-cữu, vì thế nên những cái thuyết âm-dương ngũ-hành càn-dỡ, nó tiêm-nhiễm mãi vào trong tâm người ta, mà lại thấy quyền-thế và đạo-đức hai đàng đều không thể chắc bằng được cả, dân-chí bâng-khuâng nghĩ rằng dễ thường có ông tư-mệnh cho mình, ta đi cầu cúng, đi tu-luyện, may ra có cơ tránh khỏi chăng, bởi thế mới đua nhau theo về đạo-giáo, đó lại là cớ thứ năm.

Vì có năm cớ trên là một cái nguyên-nhân rất lớn cho đường học-thuật suy kém; vậy nên trong khoảng đời Tam-quốc Lục-triều, đạo-giáo Lão-tử khắp cả trong nước, tựu-trung chia ra cũng có nhiều phái.

1) *Phái huyền-lý* 玄理. — Tự đời vua Ngụy Văn-đế xướng lên chuộng cái phong khoáng-đạt, cả nước đua theo; đời Kiến-an đã có thất-tử là bảy nhà văn-thơ, chỉ đua chuộng về thói phù-mĩ, rồi sau mới thành ra cái thói thanh-đàm, trải hai ba trăm năm, lúc mới khai-tông ra là bởi tự Hà Án 何晏, Vương Bật 王弼, xét trong truyện Vương Diễn sách *Tấn-thư* có nói rằng: « Ngươi Án ngươi Bật tổ-thuật thuyết Lão Trang, bảo rằng trời đất muôn vật đều lấy hư-vô làm gốc, mà hay mở-mang thành ra các việc, không đâu là chẳng có. » Cái thuyết ấy nói ra có chứng, viện ra thành lý, lại ứng theo thời-thế, cho nên nó làm cho thiên-hạ đua theo cả. Về sau này lại có lũ: Nguyễn Tịch 阮籍, Kê Khang 稽康, Lưu Linh 劉伶, Vương Diễn 王衍, Vương Nhung 王戎, Nhạc Quảng 樂廣, Vệ Giới 衛玠, Nguyễn Chiêm 阮瞻, Quách Tượng 郭象, Hướng Tú 向秀, đều lấy cách không-đàm huyền-lý mà có tiếng ở đời. Thậm-chí đến cha anh khuyên răn, thầy bạn giảng bàn, cũng đều bảo rằng phải nên suy xét thuyết Lão Trang mới là sự-nghiệp đệ-nhất (1). Đương lúc ấy trong sáu kinh

(1) Truyện Phan-Kinh có nói rằng: Ngươi Kinh có cùng bàn truyện với Nhạc Quảng. Quảng khen rằng: Ngươi có thiên-tài hơn người, nếu hay xét học về huyền-lý thì cũng là một tay giỏi ở đời. Lại trong truyện Vương Tăng-Kiền có dẫn cái thư răn con nói rằng: Ngươi chưa biết được cái thuyết huyền-lý không-đàm của Bình-Thúc, mà đã lên mặt không-đàm thì rất là nguy-hiểm, v. v..

trừ kinh *Dịch* ra còn đều bỏ cả. Mà trong các truyện xung-dương những người có học-vấn thì đều khen là người ấy hay nghiên-tinh về sách Lão-tử và kinh *Dịch*. Khi ấy Lão-kinh với Dịch-kinh đều khen bằng nhau, là cái lời phổ-thông lúc bấy giờ. Phạm Ninh 范甯 có bảo rằng cái tội của Vương Bật, Hà Án lại tệ hơn Kiệt Trụ. Biện Hồ 卞壺 có trách Vương Trừng 王澄, Tạ Côn 謝鯤 làm bại-hoại cả lễ-giáo, khuynh-phúc cả triều-đình. Những lời nói ấy thực là phải lắm. Nay cứ bình-tâm mà xét về chính-trị thì họ Vương họ Hà đáng là cái tội làm bại-thượng phong-tục không thể chối được. Nhưng xét về cái lịch-sử học-thuật tư-tưởng thì Vương Bật thâm về Lão-kinh Dịch-kinh; Quách Tượng, Hướng-Tú thâm về thuyết Trang-tử, Trương-Kham thâm về thuyết Liệt-tử, đều lấy có chỗ tâm-đắc mà thành ra thuyết một nhà, có phần hơn những bác hủ-nho chỉ nhai văn nhá chữ ở cuối đời Đông-Hán. Thuyết họ Lão tuy rằng quá thiên-khích, nhưng cũng là một tay cự-tử về phái Nam, cũng là một nghĩa nên có ở trong triết-học thế-giới, ta dẫu ghét nhưng không muốn bài-bác đi cả. Song cái thuyết họ Lão nó có ảnh-hưởng hại đến quần-trị, là bởi Lão-tử đã lấy phá-hoại nhất-thiết làm tôn-chỉ, mà lại lấy cái tâm-thuật âm-hiểm, cái quyền-mưu quỷ-quyệt giúp thêm vào, vậy nên cái thuyết Lão-tử làm hại thiên-hạ không tại cái chủ-nghĩa yếm-thế, mà tại cái chủ-nghĩa tư-lợi; đời Ngụy đời Tấn mà tôn-sùng đạo Lão tất đến xua cả người thiên-hạ ra loài cầm-thú, là cái thế nó xui nên như vậy, đó là cái chính-phái Lão-học thời bấy giờ.

2) *Phái đan-đỉnh* 丹鼎. — Mã Quí-Dữ 馬貴與 có nói rằng: « Cái thuật phái Đạo-gia cũng tạp-nhạp nhiều mối, nào là thanh-tĩnh là một thuyết, tu-luyện là một thuyết, phục-thực là một thuyết, học về kinh-điển khoa-giáo lại là một thuyết, những thuyết ấy đều lấy Lão-tử làm tôn-chủ để thi-hành cái giáo của mình (1) ». Đó thực là các lưu-phái về Đạo-giáo trong vài nghìn năm. Tựu-trung phái tu-dưỡng, phái phục-thực, nó cũng hơi giống nhau, ta gọi tóm là phái Đan-đỉnh, nó khởi-nguyên từ khoảng đời Tần đời Hán; đời vua Tần Thủy-Hoàng, lũ người Hầu-sinh 侯生 Lư-sinh 盧生 đã xướng lên cái thuyết thần-tiên. Đến đầu đời Hán có Trương Lương 張良 khi thành-công rồi cáo lui, bảo rằng đi theo chơi với ông Xích-Tùng-tử, hoặc là lời nói bịa rằng không kể, nhưng ta chắc rằng Trương Lương cũng có cái tư-tưởng thần-tiên ấy. Đến đời vua Hán-Võ mê-tín đi tế phong-thiện, lại có lũ Lý Thiếu-Quân 李少君, Loan Đại 欒大 bịa đặt ra để làm huyễn-hoặc vua, bởi thế cái thuyết tu-luyện phục-thực lại càng thịnh. Đến cuối đời Hán có Ngụy Bá-Dương 魏伯陽 làm ra sách *Tham-đồng-khế* để truyền-thụ, nên cái thuyết thần-tiên lại càng truyền mãi ra; đến đời Tấn ông Cát Hồng 葛洪 mới tập cả đại-thành làm ra sách *Bão-phác-tử nội-ngoại biên* đều bốn quyển, truyện *Thần-tiên* mười quyển, truyện *Ẩn-dật* mười quyển, còn những sách khác nữa đến hơn trăm quyển, có nói rằng: « Đạo-giáo là gốc Nho-giáo, Nho-giáo là ngọn của Đạo-giáo. » Lại có sách *Đan-kinh* để phát-minh về cái yếu-quyết phục-thực, lời nói quái-dản không thể xét hết được; những tư-tưởng phái thần-tiên về sau này là tự đó. Những kẻ theo về thuyết ấy bịa-tạc ra để lừa dối đấng nhân-chủ lấy giàu sang thì chẳng kể chi. Còn đến như họ Ngụy họ Cát thì cái chí dẫn

(1) Thấy chép ở trong mục «Kinh-tịch khảo» số 52 sách *Văn-hiến thông-khảo*.

không như bọn kia, nhưng vì ôm cái tư-tưởng yếm-thế mà lại không hiểu cái chân-lý giải-thoát, chỉ biết có khu-xác mà không biết có linh-hồn, chỉ muốn sống lâu để đứng xem mà cười cợt cõi trần-hoàn, đó là cái hiện-tượng phải có ở trong tư-tưởng tôn-giáo về thời-đại dã-man (1), cũng chẳng lạ gì; đó lại là một biệt-phái thứ nhất về Lão-học thời bấy giờ vậy.

3) *Phái Phù-lục* 符 籙.— Phái Phù-lục so với phái Đan-đỉnh lại càng kém lắm, phái Đan-đỉnh khởi ra từ đầu đời Hán, phái Phù-lục khởi ra cuối đời Hán, khoảng năm vua Thuận vua Hoàn có người Cung Sùng 宮 崇, người Tương Khải 襄 楷 mới đem sách *Thần-thư* của Vu Cát 于 吉 dâng vào trong triều. Sau người Trương Giốc 張 角 mới dùng cái thuật ấy để làm loạn thiên-hạ (2). Đồng-thời lại có Trương Đạo-Lăng 張 道 陵 cũng dùng cái thuật ấy truyền-thụ kín cho nhau, dài mãi đến đời sau đều tôn-ngưỡng làm bậc chân-nhân, phụng-sự làm bậc thiên-sư (3). Từ đó những người sĩ-phu về hồi Nam Bắc-

---

(1) Đạo Bà-la-môn bên Ấn-độ thì muốn cho diệt bỏ khu-xác đi để chóng hưởng cái vui nát-bàn. Thuyết thần-tiên bên Trung-quốc lại muốn giữ mãi cái khu-xác để cho được phi-thăng. Mỗi đàng ý-kiến thiên thâm khác nhau, nhưng đều mê-hoặc thúc-phọc về khu-xác cả. Người cổ nước Ai-cập có dùng cái thuật để bảo-toàn thi-thể cũng là bởi còn trọng cái khu-xác. Giáo Gia-tô nói là trọng phần hồn, nhưng lại nói đến ngày thẩm-phán cuối cùng thì cái hồn người chết lại tự trong mả hiện ra, đó cũng là mê-hoặc về khu-xác. Đó là cái bước đầu tôn-giáo tiến-hóa đều như thế cả, có trách gì cái thuyết thần-tiên.

(2) Truyện Tương Khải trong sách *Hán-thư* nói rằng: Khải dâng thơ lên nói trước có dâng sách *Thần-thư* của Vu-Cát do người Cung Sùng ở Lang-gia nhận được. Lại nói rằng người Lang-gia là Cung Sùng có đến cửa khuyết dâng cái sách của thầy mình là Vu Cát là sách *Thần-thư* bắt được ở trên suối Khúc-trì một trăm bảy-mươi quyển, gọi là sách *Thái-bình thanh-lệnh*, sách ấy nói về âm-dương ngũ-hành, và nhiều lời tạp-ngữ về đồng-cốt. Quan hữu-tư tâu rằng sách người Sùng dâng lên là những lời yêu-vọng bất-kinh, nên đem cất đi. Sau người Trương Giốc cũng có sách ấy. Thế thì cái thuật người Trương Giốc cũng có sở-tổ. Xét sách *Thần-thư* của Vu-Cát tức phái Đạo-gia gọi là *Thái-bình-kinh* cũng có ghi ở trong *Trung-hưng sử-chí* ở đời Tống. Sách *Kinh-lịch-khảo* của Mã Đoan-Lâm cũng còn ghi mục ấy. Vu Cát sau phải Tôn Sách giết đi.

(3) Xét *Tam-quốc-chí Bùi-chú* rằng: Trương Lăng là người đời vua Thuận-đế nhà Hán, vào ở núi Hạc-minh trong đất Thục, làm ra thư-phù để trị bệnh cho người. Con Lăng là Hành, con Hành là Lỗ, vẫn giữ cái phép ấy truyền mãi, tự hiệu là quân-sư. Những quân theo nó gọi là quỉ-tốt, là tế-tửu, là lý-đầu, triều-đình không thể đánh dẹp được, phải cho Lỗ làm quan thái-thú Hán-ninh. Đó là đầu đuôi truyện Trương Lăng chép ở trong truyện như thế. Sau có Khấu Khiêm-Chi tự nói rằng mình thường gặp Lão-tử, sai cho nối Đạo-Lăng làm bậc thiên-sư, từ đó đời Lục-triều mới có cái hiện thiên-sư. Xét sách *Thông-khảo* về năm Thiên-bảo thứ sáu đời Đường có lấy con cháu đấng thiên-sư đời Hậu-Hán cho nối vào dòng chân-giáo, phong tặng chức thiên-sư là thái-sư. Vua Thái-tôn đời Tống năm Tường-phù thứ chín, có cho kẻ đạo-sĩ ở Tín-châu là Trương Chính-Tùy hiệu là Chân-tĩnh tiên-sinh, từ đó đời nào cũng cho hiệu. Năm Chí-nguyên thứ 13 đời Nguyên, có cho Trương Tôn-Diễn hiệu là Linh-ứng sung-hòa chân-nhân, cấp cho ấn bạc tam-phẩm, sau lại gia thêm mãi đến nhất-phẩm. Đến đời vua Minh Thái-tổ mới dồi làm nhị-phẩm, nhân-duyên mãi đến bây giờ, gần ngang bằng chức Diễn-thánh-công họ Khổng và chức Giác-hoàng về đạo Gia-tô, chẳng lạ lắm thay!

triều tập theo cái đạo Ngũ-Đẩu-mễ (1) không biết bao nhiêu mà kể. Mà nhất là Khấu Khiêm-Chi 寇 謙 之 rất hiển ở phía Bắc (2), Đào Hoằng-Cảnh 陶 弘 景 rất hiển ở phía Nam (3), đương lúc ấy lục-nghệ cửu-lưu đều bỏ sạch hết cả, duy có phái Đạo-giáo là dầy dẫy khắp cả thiên-hạ. Nay xét ra lúc ấy Phật-giáo đã truyền vào Trung-quốc, nhưng kẻ yêu-vọng chỉ trộm lấy cái thuyết thô-thiển về Mật-tôn của Phật-giáo để khi-hoặc dân ngu; mà Đạo-giáo thì nói cái kiếp trời đất bại-hoại cũng hơi giống như thuyết kinh Phật; lại nói cái thể thiên-tôn vẫn thường còn bất-diệt, hay khai kiếp-vận để độ nhân-gian (4), đó đều là bắt chước cái thuyết của phái Câu-xá-thiền-tôn nhà Phật; phái Đạo-gia lại lấy cái thuyết mê-tín về âm-dương ngũ-hành của nhà Nho đời Lưỡng-Hán để duyên-sức thêm vào. Vậy nên ta bảo rằng thời ấy là cái thời-kỳ Nho Phật quá-độ, mà phái Đạo-gia rất là rõ-rệt vậy. Đó là biệt-phái thứ hai về Lão-học lúc bấy giờ.

4) *Phái chiêm-nghiệm* 占 驗. — Từ đời Tây-Hán các nhà Nho-giả như lũ Dực Phụng 翼 奉, Khuê Mạnh 眭 孟, Lưu Hướng 劉 向, Khuông Hành 匡 衡, Cung Thắng 龔 勝, đã thịnh bàn về thuyết ngũ-hành, lời sấm-vĩ; đến đời vua Quang-vũ lại cũng ưa-thích, cho nên lưu-phái càng rộng thêm ra. Kẻ Nho-giả đời Đông-Hán như Trương-Hành 張 衡, Lang Khải 郎 顗 đều là bậc danh-gia; có như Tương Khải 襄 楷, Sái Ung 蔡 邕, Dương Hậu 楊 厚 cũng sàn-sàn bằng nhau cả. Từ đó những thuật Phong-giốc 風 角, Độn-giáp 遁 甲, Thất-chính 七 政, Nguyên-khí 元 氣, Lục-Nhật Thất-phân 六 日 七 分, Phùng-chiêm 逢 占, Nhật-giả 日 者, Đĩnh-chuyên 挺 專, Tu-du 須 臾, Cô-hư 孤 虛, Vân-khí 雲 氣 (5), đều thịnh-hành ở đời; trong sách *Hậu-Hán*

(1) Một tên về Giáo-phái Trương Lăng.

(2) Sách *Ngụy-thư* về mục «Lão Thích chí» nói rằng: Khấu Khiêm-Chi tự nói có gặp được người tiên là Thành Công-Hưng truyền-thụ cho phép lớn. Lại gặp Thái thượng lão-quân mệnh cho nối sau vị thiên-sư Trương Lăng, lại cho 20 quyển sách khuyên-giới là *Vân-trung-âm tụng-tân-khoa*. Ấy cái tên Thái-thượng-lão-quân và Thiên-sư là trước ra từ đấy. Về sau Thôi Hiệu mới theo học phụng-sự làm thầy, mà truyền-thụ lấy pháp-thuật, nói với vua Thế-tổ nhà Nguyên-Ngụy, sai sứ đem ngọc bạch tam-sinh đi đón Khấu Khiêm-Chi tôn-phụng làm thiên-sư, hiển-dương tân-phép ban-bố ra thiên-hạ, đạo-nghiệp từ đó thịnh-hành, mỗi khi vua mới lên ngôi thì phải làm lễ chịu nhận phù-lục.

(3) Sách *Lương-thư* nói Đạo Hoằng-Cảnh tinh cái thuyết âm-dương ngũ-hành phong-giốc tinh-toán, lại học cái phép tịch-cốc đạo-dẫn; truyền-thụ phù-lục đạo-kinh vua Võ-đế vẫn cùng giao-du, đến khi lên ngôi, Hoằng-Cảnh có đem câu văn đồ-sấm dâng lên, ân-nghĩa lại càng hậu. Các quan trong triều nhiều người cũng theo thụ-đạo. Đất Tam-ngô và ngoài ven bể tín theo cũng nhiều. Trần Võ ở đất Ngô-hưng, cũng thờ phụng-sự

(4) Họ nói Thiên-tôn khai kiếp chẳng phải một lần, có những niên-hiệu là: Diên khang, Xích-minh, Long-hán, Khai-hoàng, mỗi khoảng cách nhau đến bốn-mươi vạn năm v. v.. Đó đều là bắt-chước cái thuyết « quá-khứ thất-phật » và cái thuyết « *thành, trụ hoại, không*, bốn kiếp » của nhà Phật.

(5) Những thuật này đều diễn nghĩa ở truyện «Phương-thuật» *Hậu-Hán-thư*.

phương-thuật liệt-truyện có chép ba-mươi ba người đều là bạng người phương thuật cả. Song cái thuật ấy đến đời Tam-quốc mới thực là hiển, nghiễm-nhiên có cái thế-lực ở trên xã-hội, như Phi Trường-Phòng 費長房, Vu Cát 于吉, Quản Lạc 管輅, Tả Từ 左慈 là những tay có tiếng nhất ở đời ấy. Về sau Quách Phác 郭璞 có làm ra sách *Táng-thư* (1) chú-thích sách *Thanh-nang* là tổ về các nhà Kham-dư đời sau; Kê-Khang 稽康 cũng có bài luận «Nan-trạch vô-cát-hung ». Xem thế thì khi ấy cái thuyết phong-thủy đã thịnh-hành vậy. *Tùy chí* có lục một sách của Lạc-lục-tử (người đời Lục-triều soạn), những người xem về lộc-mệnh cho sách ấy làm bản-kinh. Lâm Hiếu-Công 臨孝公 cũng có sách nói về lộc-mệnh, Đào Hoằng-Cảnh cũng có bản *Tam mệnh-sao*, thực là tổ các nhà tính đoán số-mệnh đời sau. Vệ Nguyên-Cao 衛元嵩 làm ra sách *Nguyên-bao*, Dữu Qui-Tài 庾季才 (đều là người đời Bắc-Châu) có làm ra sách *Linh-đài bí-uyển*, đều là tập đại-thành về môn bốc-phệ đời sau. Đào Hoằng-Cảnh làm ra sách *Tướng-kinh*, là tổ các nhà xem tướng đời sau. Tóm trong nghìn năm trở lại, biết bao nhiêu thuyết vu-vọng quái-đản làm hãm-nịch nhân-tâm, mà lúc ấy đã thành là một khoa-học; dẫu bảo rằng đời Ngụy Tấn Lục-triều là cái kho tội-ác lầu chìm đắm xã-hội cũng phải. Đó là biệt-phái thứ ba về Lão-học lúc bấy giờ.

Nói tóm lại, đương cái thời-đại về phái Đạo-gia độc chiếm, văn-học cũng rõ-rệt khả quan, mà phát-huy ra cái tinh-thần yếm-thế cũng rất thịnh. Xem những câu thơ rằng: « Rượu rồi ta hát ta chơi, người ta thấm thoát cõi đời được bao! Hạt sương buổi sớm khác nào, ngày giờ vi-vụt đi sao vội-vàng! » — những câu ấy thực là tỏ ra cái tinh-thần yếm-thế, mà đều là cái ý coi khinh muôn vật của Lão-tử và cái ý chẳng cần gì sau khi chết của Dương Chu. Tuy rằng cõi văn học trong hai nghìn năm của nước Tàu, đại-suất đều là giọng ấy cả, mà về đời Ngụy Tấn Lục-triều lại càng tệ lắm, không từng có khí hùng-hồn tiến-thủ, chỉ toàn là cái giọng ủy-mĩ đồi-đường, đó cũng bởi cái độc của học-thuyết họ Lão họ Dương nó xui nên thế vậy.

Lúc bấy giờ cũng có người trị về kinh-học như Lữ Vương Túc 王肅, Đỗ Dự 杜預, Ngu Phiên 虞翻, Lưu Sước 劉焯, Lưu Huyền 劉炫, Từ Tuân-Minh 徐遵明, nhưng cũng không hay vượt ra ngoài cái học-phong đời Đông-Hán mà phát-minh được điều gì, chỉ là nhai văn nhá chữ vụn-vặt lại càng tệ lắm. *Bắc-sử truyện nho-lâm* có nói rằng: « Phái Nam-học giản-ước mà có được cái tinh hoa, phái Bắc-học rườm-rà mà bày ra chi-diệp. » Cái cảnh-tượng đại-khái hai phái ấy tuy khác nhau, nhưng đối với cái lịch-sử Nho-học trong vài nghìn năm, cũng đều không có quan-hệ gì mấy; tuy bảo rằng đời ấy là cái thời-đại Nho-học rất tối tăm cũng là phải.

Phật-học tuy từ đời vua Minh-đế nhà Hán, đã truyền vào nước Tàu, Tần Bồ-Kiên cũng sùng-thượng Phật-pháp, chăm phiên-dịch sách Phật, đã dần khai-diễn ra các tông-phái, nhưng cho là cái thời-đại Phật-học manh-nha thì phải, chứ bảo chính là cái thời-đại Phật-học thì không phải, thời ấy những người theo Phật-học chỉ là tụng-đọc kinh-văn, y theo nghi-thức mà thôi, chứ chưa ai đã có tâm-đắc về lý-pháp chư-thừa của Phật-học.

Cái độc của Lão-học không những chỉ ở đời Ngụy Tấn Lục-triều, mãi đến

(1) Sách này có lục ở trong *Tứ-khố*, hoặc nói là tự người sau làm ra, mà bịa là của Quách Phác.

đời Đường trở về sau cho đến ngày nay, cái phong Lão-học vẫn còn chửa tắt. Tuy vậy, nhưng cũng không thịnh lắm như các đời kia, phân phái ra cũng nhiều, nhưng cũng là kém xa, vậy nên mới phân-hoạch cái lịch-sử học-thuật tư-tưởng trong vài nghìn năm, mà cho cái thời trên kia là thời-đại Lão-học cũng là đúng vậy.

VI. — *Phật-học thời-đại*

1) Ta thường xét về cái khoảng đời Lục-triều, đời Tùy Đường, cho là cái thời-đại học-thuật tư-tưởng nước Tàu rất suy kém. Tuy vậy, đó chẳng qua là nói về một phương-diện Nho-học mà thôi; đương lúc ấy phái nhà Nho ngoài việc văn-học ra không có làm việc gì cả (1), mà những người có tiếng trong cõi văn-học như là Vương Thông 王通, Lục Đức-Minh 陸德明, Không Dĩnh-Đạt 孔穎達, Hàn Dũ 韓愈, đối với trong sử học-thuật tuy không có một tí giá-trị gì. Tuy vậy, nhưng việc học cũng không nên chỉ lấy Nho-giáo làm hạn, lúc bấy giờ ngoài Nho-giáo ra, lại còn có phóng ra một tia sáng quang-mang vạn-trượng ở trên lịch-sử, tức là Phật-giáo. Trong khoảng đời Lục-triều và suốt đời Đường và trăm năm, những kẻ sĩ chí cao hạnh khiết, học-thức siêu-bạt đều đua nhau theo vào trong phạm-vi Phật-giáo cả, giáo nọ thịnh thì giáo kia phải suy, không thể nào hai vật đều lớn lên cả đôi được, Nho-giáo phải suy kém là phải.

Hoặc kẻ nói rằng Phật-học là học của nước ngoài, không phải là học-thuật cố-hữu của nước Tàu, nay mà cũng liệt vào sử học-thuật tư-tưởng của nước Tàu thì không phải. Không biết rằng chẳng kỳ là học-thuật nào nếu mà hay phát-huy quang-đại lại hay đem ra thực-hành, thì cái học-thuật ấy tức là sở-hữu của người ấy. Ví như mình đi du-học ở nước khác, mà hay quán-thông được cái học của nước ấy, lại hay lĩnh-hội thiết-thực có thú-vị, ăn vào rồi đều hóa đi cả, thế mà lại bảo cái học ấy là học của nước khác chứ không phải là học của mình, thì không phải; một người như vậy suy ra một nước cũng như vậy. Nếu cứ phải lấy cái học cố-hữu của nước mình mới cho là học của mình, như thế thì những nước bên Bắc-Âu chửa từng có cái văn-minh cố-hữu bao giờ, chỉ học lấy những học-thuật của Hi-lạp, La-mã, hoặc của Do-thái, thế thì sử học-thuật của những nước ấy không bao giờ thành-lập được hay sao. Lại như nước Nhật cũng chửa từng có cái văn-minh cố-hữu, chỉ thâu-thái của Tàu hoặc của Tây, dễ-thường sử văn-học của nước ấy cũng không bao giờ thành-lập được. Vậy nên luận về học-thuật chỉ nên xem xét về môn học nào có thể đại-biểu được cả tư-tưởng trong một nước đương lúc ấy làm đoán-định, chứ bất-tất phải kể cái học ấy là phải hay không phải của mình.

Biết rõ như thế thì dẫu bảo rằng đương lúc đời Tùy Đường giao-tế chính là cái thời-đại học-thuật tư-tưởng từ sau đời Tần trở lại đây rất là lúc thịnh vượng, phái kinh-học đời Lưỡng-Hán trước cũng không thể kịp được, còn các đời khác chẳng kể làm chi; phái lý-học đời Tống Minh sau này cũng chẳng bằng được, còn những đời khác cũng chẳng kể làm chi. Không những là so-sánh ở trong nước Tàu là như thế, nếu đem cả học-thuật tư-tưởng của thế-giới đồng-thời ấy mà so ra, thì ở Ấn-độ từ khi các bậc cự-tử về giáo đại-

(1) Nho học với văn-học khác hẳn nhau, làm về sử Nho-học nước Tàu, thì nên cho đời Lục triều đời Đường là thời-đại rất suy; làm về sử văn-học nước Tàu, thì nên cho đời Lục triều đời Đường là thời-đại toàn-thịnh.

thừa tịch diệt đi rồi, không có người thừa-kế được chính-pháp, thì càng ngày càng suy. Ở Âu-châu thì đời trung-thế-kỷ còn là bắc-ám, từ đời La-mã diệt-vong trở về sau, đất Toàn-Âu bị phải rợ Bắc-địch nó dầy séo, sắp hẳm vào cái cõi không còn có lịch-sử nữa, mà đương lúc ấy hay nhờ dễ giữ được một cái sợ văn-minh hầu đứt lại nối, chỉ trông về một vi thiên-chúa giáo thủ-cựu chuyên-chế mà thôi; xét về Ấn-độ Âu-châu là như thế, còn các nước khác chẳng kể làm chi. Vậy nên bảo rằng học-thuật tư-tưởng đời Tùy Đường là một cái vẻ vang độc nhất vô-nhị trên thế-giới đồng-thời cũng là phải. Xét về đàng trong thì như thế kia, xét về đàng ngoài thì như thế nọ, vậy nên học-thuật đời Tùy Đường thực là chiếm một cái vị-chí trọng-yếu trong bài bản-luận này vậy.

2) *Lịch sử Phật-học phát-đạt lên dần.* — Nước Tàu mà thâu-thụ học-thuật nước ngoài khác với nước Nhật. Nước Nhật là một nước nhỏ, và lại tự mình chưa có cái học cố-hữu, vậy nên có học-thuật nào tự ngoài đưa vào thì cả nước đua theo ngay, biến đổi chóng lắm, không bao lâu cả nước đều đồng-hóa cả. Tuy vậy, cứ xung cái lượng ra thì chẳng qua làm được giống như người mà thôi, chứ không hay vượt ra ngoài những cái thâu-thụ, mà tự mình hay có thêm bớt, hay tự sáng-tạo được điều gì. Nước Tàu tài không như thế, nước Tàu vốn là một nước lớn, đã có cái học cố-hữu tương-truyền đã vài nghìn năm, tường vách nghiêm-chỉnh, vậy nên những tư-tưởng cõi ngoài thâu vào không phải là dễ, dẫu thâu vào rồi mà có khi trải vài mươi năm hoặc trăm năm cũng chưa lay động được mảy lông, vì như rót mực vào nước, mà nước là một vò tròn hay một ao vuông, thì cái vết mực vạt chốt loang khắp ra cả; nếu rót vào trên mặt sông mặt bể mênh mông, thì hồ dễ đã loang ra được. Tuy vậy, nước Tàu không thâu-thụ học-thuật nước ngoài thì chớ, nếu đã thâu-thụ thì tất hay hấp-thụ được cái sở-trường để tự bồi-dưỡng, và lại hay làm biến cái chất đi mà dụng ra lại thần-kỳ hơn, tạo-thành ra một cái văn-minh mới của nước mình, không khác gì màu thanh xanh hơn lam, chất băng lạnh hơn nước. Than ôi! núi sâu chầm lớn mới sinh ra được loài giao-long, vết ngón chân của ông Long-Bá khổng-lồ, không phải là cái lưng của người nước chim-chích vì bằng được. Nếu không tin lời nói ấy, xin chứng về Phật-học.

Phật học truyền vào nước Tàu cứ các sách nói hoặc bảo là tự đời Tần có cùng với lũ Bảo-lợi-phòng giao-thông; hay là tự đời Tây-Hán sang nước Hung-nô bắt được kim-nhân, là khi bắt đầu nước Tàu mới có Phật-giáo, nhưng chân ngụy chưa thể xét kỹ được. Song cứ theo như chính-sử thì nói tự đời vua Minh-đế nhà Đông-Hán năm Vĩnh-bình thứ mười, khi ấy có hai ông sư là Nhiếp-ma, Chúc-pháp-lan tự bên tây Ấn-độ, vâng tờ chiếu đem kinh-điển đến nước Tàu, từ đó giáo-nghĩa nhà Phật mới tràn sang phương Đông. Tuy vậy, cái lòng mê-tín tôn-giáo của dân-tộc Tàu rất là bạc-nhược, nên họ vẫn chưa tin. Đến đời vua Hoàn-đế mới tín-sùng, khoảng năm Hưng-bình dân-gian cũng có kẻ tin theo. Đến đời Tam-quốc lại có người Ấn-độ là Chi-tiêm, Chi-lượng, Chi-khiêm sang truyền giáo gọi là ba họ Chi. Năm Gia-bình thứ hai đời Ngụy, có ông Đàm-ma-a-la mới đem giới-luật sang nước Tàu, Phật-giáo bấy giờ đã tiệm đủ. Song đương lúc bấy giờ thuyết phái Đạo-gia vẫn còn thịnh, chiếm hết cả toàn-quốc, không thể lay chuyển được; nhưng cũng đã có người biết cái thế-lực của Phật-giáo

không thể khinh được, mới khởi lên mà bài-bác (1). Đến đời Tấn thay đời Ngụy, Phật-giáo đã dần thành ra tai mắt một khoa-học, khi ấy có ông Phật-đồ chừng 佛圖澄 tự bên Tây-vực lại, chỉ chăm dịch kinh Phật. Từ đời Đông-Tấn trở về sau các bậc vĩ-nhân xuất-hiện rất nhiều, như là: Đạo-An 道安, Huệ Viễn 惠遠, Trúc Đạo-Tiềm 竺道潛, Pháp Hiền 法顯, là những người rất có tiếng.

Đạo-An có chơi với lũ Tập Tạc-Xỉ, chuyên công phát-dương Phật-giáo ở trong bọn sĩ-phu. Huệ-Viễn ở núi Lư-sơn ngày đêm khai-đàn thuyết-pháp, giảng bàn Phật giáo là bắt đầu từ đó, thực là lạm-tràng ra phái Tĩnh-thổ-tông. Pháp Hiền thì vượt qua núi Tuyết-sơn sang bên Thiên-trúc, đem được nhiều kinh điển nhà Phật đưa về, có làm ra bài *Phật-quốc-ký*, người nước Tàu mà sang bên Ấn-độ là trước tự Pháp Hiền. Pháp Hiền tam-tạng không những là công-thần trong cõi Phật-giáo, mà lại là người thám-hiểm công đầu ở nước Tàu. Đồng-thời ấy phương bắc lại có một vị đại-sư khởi lên mở ra một kỷ-nguyên mới cho lịch-sử Phật-giáo, là ông Cưu-ma-la thập 鳩摩羅什.

La-thập là người nước Quỳ-tử, đã tinh pháp-lý, lại hiểu chữ Hán, đời Diêu-Tần năm Hoằng-thủy thứ ba ông mới vào đất Trường-an, ngày đêm chăm việc phiên-dịch, bao nhiêu kinh-luận đều làm ra tự tay ông cả, có đến ba nghìn môn-đồ, được bảy-mươi người đạt-giả, bốn người thượng-túc, Đạo-Sinh, Đạo Dung, Tăng Triệu, Tăng Duệ, là những người rất có tiếng. Công-đức của ông La-thập không phải một điều, mà điều lớn nhất là hay truyền-thụ giáo Đại-thừa. Chư-tăng trước kia dẫu dụng công hết sức, song những điều thảo-luận còn là bậc tiểu-thừa mà thôi. Đến ông La-thập mới trước nhất truyền ra chính-nghĩa Tam-luận-tông, lại dịch kinh Pháp-hoa, dịch bài Thành-thực-luận, Thành-thực-tông truyền vào nước Tàu mới từ đó. Từ đấy về sau lại có ông Phật-đà-bạt đà-la 佛馱跋陀羅, dịch kinh Hoa-nghiêm; ông Đàm-vô-sấm 曇無讖 dịch kinh Nát-bàn, từ đó những nghĩa huyền-diệu thâm-vi của đạo Phật mới bắt đầu thâu-nhập nước Tàu, cõi học mới dựng nên một cung-tường mới.

Trong khoảng đời Nam-bắc triều cả nước như sôi nổi, quần-hùng khởi lên tứ tung, mà Phật-giáo truyền vào cũng nhiều lối, đời vua Thiếu-đế nhà Tống có dịch bản *Ngũ-phân-luật-văn*, vua lại thường dịch bản kinh *Thổ-hiền*, kinh *Vô-lượng-thọ*, kinh *Anh-lạc*. Lại đi đón ông Na-bạt-ma ở Diễm-tân đưa về lập giới-đàn để nghe giảng pháp, nước Tàu mà có giới-đàn là trước từ đó. Trải qua đời Trần, đời Tùy rồi đến đầu đời Đường, các tông Phật-giáo mới đều khởi lên, ông Bồ-đề-lưu chi mới xướng ra Địa-luận-tông, ông Đạt-ma mới xướng ra Thiền-tông, ông Chân-đế tam-tạng mới xướng ra Nhiếp-luận-tông và Câu-xá-tông; Trí-giả đại-sư mới xướng ra Thiên-thai Pháp-hoa tông; Nam-sơn luật-sư mới xướng ra Luật-tông; Thiện-đạo đại-sư mới xướng ra Tĩnh-thổ-tông; Từ-ân tam-tạng mới xướng ra Pháp-tướng-tông; Hiền-thủ quốc-sư mới xướng ra Hoa-nghiêm-tông; Thiện-vô úy tam-tạng mới xướng ra Chân-ngôn-tông.

---

(1) Đời vua Minh-đế nước Ngụy có hai người đạo-sĩ là Phí Thúc-Nha, Chử Thiện-Tín có làm bài « Đạo Phật ưu-luyệt luận ». Lại có Mâu-Tử làm bài « Lý-cảm luận », mà vua Ngô là Tôn-Hiệu cũng đã có cái nghị phế bỏ Phật-giáo. Xem thế thì Phật-giáo đã có khởi lên, nên mới có kẻ biện-bác mà muốn phế bỏ đi vậy.

không khác gì muôn ngựa đều đua, trăm dòng xô chảy, đến đó mới là thời-đại Phật-học toàn-thịnh.

3) *Kỷ-lược về các tông phái.* — Nay đem các tông phái có thế-lực trong khoảng đời Lục-triều, đời Tùy và đời Đường liệt ra một biểu để rõ các thống-hệ như sau.

Tên các tông-phái	Ông khai-tổ	Viễn-tổ (người Ấn-độ)	Hồi mới khởi	Hồi giữa đương thịnh	Hồi sau đã suy
Thành-thực-tông	Cứu-ma-la-thập	A-lê bạt-ma	Đời Tấn An-đế	Đời Lục-triều	Tự giữa đời Đường về sau
Tam-luận-tông	Gia-tường đại-sư	Long-thụ, Đề-bà	—	—	—
Nát-bàn-tông	Đàm-vô-sấm	Thế-thân	—	Đời Tống, đời Tề	Sau đời Trần thuộc tông Thiên-thai
Luật-tông	Nam-sơn luật-sư	Đàm-vô-đức	Đời Lương Võ-đế	Đời Đường Thái-tôn	Đời Nguyên trở về sau
Địa-luận-tông	Quang-thống luật-sư	Thế-thân	—	Khoảng đời Lương Trần	Đời Đường về sau thuộc tông Hoa nghiêm
Tĩnh-thổ-tông	Thiện-đạo đại-sư	Mã-minh, Long-thụ, Thế-thân	—	Đời Đường, Tống Minh	Cuối đời Minh về sau
Thiền-tông	Đạt-ma đại-sư	Mã-minh, Long-thụ, Đề-bà, Thế-thân	—	—	—
Câu-xá-tông	Chân-đế tam-tạng	Thế-thân	Đời Trần Văn-đế	Giữa đời Đường	Đời Văn-Đường về sau
Nhiếp-luận-tông	—	Vô trước, Thế-thân	—	Khoảng đời Tùy, Trần	Sau đời Đường thuộc tông Pháp-tướng
Thiên-thai-tông	Trí-giả đại-sư	. . . . .	Đời Trần, đời Tùy	—	Đời Văn-Đường về sau
Hoa-nghiêm-tông	Đỗ-thuận đại-sư	Mã-minh, Kiên-tuệ, Long-thụ	Đời Trần	Sau đời Đường Tắc-thiên	—
Pháp-tướng-tông	Từ-ân đại-sư	Vô-trước, Thế-thân	Đời Đường Thái-tôn	Giữa đời Đường	—
Chân-ngôn-tông	Bất-không tam-tạng	Long-thụ, Long-trí	Đời Đường Huyền-tôn	—	—

Trở lên mười ba tông, trừ tông Nát-bản, Địa-luận, Nhiếp-luận, ba nhà sau thuộc về tông khác; còn mười tông đều kinh-qua một thời-đại rất quang-đại, đua nhau khởi lên, chi-phối hết cả tư-tưởng trong khoảng vài trăm năm. Nay xét các tông thuộc về giáo-thừa nào lại liệt ra một biểu như sau :

- *Giáo-lý*
  - Tiểu-thừa-giáo
    - Câu-xá-tông
    - Thành-thực-tông
  - Quyền Đại-thừa-giáo
    - Luật-tông
    - Pháp-tướng-tông
    - Tam-luận-tông
  - Đại-thừa giáo
    - Hoa-nghiêm-tông
    - Thiên-thai-tông
    - Chân-ngôn-tông
    - Tịnh-thổ-tông
    - Thiền-tông

Giáo-chỉ của các tông-phái nếu kể cho hết ra, thì dẫu đến vài vạn lời nói cũng không hết và cũng chưa xét được tỏ tường, xin hãy để đó. Nay hãy thuật về lịch-sử các tông (1).

1) *Câu-xá tông* 俱舍宗.— Sau khi Phật đã tịch-diệt rồi được chín trăm năm, thì có ông Thế-thân bồ-tát y theo bốn kinh A-hàm (2) làm ra Câu-xá-luận (ba-mươi quyển) thực là khởi đầu ra bản-tông này. Khi ấy nước Ấn-độ từ nhà Phật cho đến ngoại-đạo ai cũng ham học theo tông này, thế-lực rất hiển-hách ở bên Tây-vực. Đến đời Trần Văn-đế năm Thiên-gia thứ tư, có người cao-tăng Ấn-độ là Ba-la-mật-na (tức là Chân-đế tam-tạng) đem bản chữ Phạm sang Tàu, dụng công năm năm mới dịch thành một bộ gọi là « A-tỳ đạt-ma câu-xá luận » tức là kinh Câu-xá cũ. Sau đến đời Trần có Trí-Khải 智 愷, đời Đường có Tĩnh-Tuệ 淨 慧 đều làm chú-sớ kinh ấy. Năm Trinh-quán đời Đường, có ông Huyền-Trang 玄 奘 pháp-sư thân sang nước Thiên-trúc theo thầy tăng là Già-gia-xá luận-sư học về áo-nghĩa câu-xá, khi về nước Tàu lại dịch nguyên bản ra chia làm 30 quyển; lại có đệ-tử là Thần-tấn, Thổ-quang, Pháp bảo-tôn hết sức làm bài chú-sớ rồi ghi chép đem truyền ra. Nhưng tông này là bước dầu về tông Pháp-tướng, cho nên gọi là tông phụ-thuộc về tông Pháp-tướng.

2) *Thành-thực tông* 成 實 宗.— Ông tổ-sư tông này tức là ông A-lê-bạt-ma làm ra Thành-thực luận, ông sinh sau khi Phật đã tịch-diệt rồi độ chín trăm năm, thường theo phái « hữu-tông » bản-sư mà học về luận già-chiên-diên (3), nhưng vẫn thấy còn thiếu, mới thông xét cả đại-tiểu thừa mà sáng lập ra luận Thành-thực về tông này, nhưng nghĩa tông này không được thịnh-hành ở Ấn-độ. Đến đời Diêu Tần năm Hoằng-thủy thứ mười ba, ông Cưu-ma-la-thập mới dịch ra mà đem truyền-bá ở nước Tàu ; có kẻ đệ tử là Đàm-Ảnh giúp để biên-thuật lại, lại có Tăng-Duệ làm thêm chú thích, từ đó nghĩa tông này mới rõ. Lại từ cuối đời Tấn đến đầu đời Đường trong khoảng hai trăm năm, Phật-giáo đã thấm-dầm cả một đời, trong khoảng đời Tề đời Lương thịnh nhất ở đất Giang-nam. Song luận này vốn cùng với tông « Tam-luận » đều dịch ra, phép truyền-thụ phải học-tập cả đôi, cho nên cũng gọi là tông phụ-thuộc về tông Tam-luận.

3) *Luật tông* 律 宗. — Từ khi Phật tịch diệt đi rồi, có ông Già-diệp tôn-

---

(1) Bài khảo này cốt lấy nước Tàu làm chủ, nhưng các tông-phái khởi nguyên phần nhiều có quan-hệ đến nước Ấn-độ, vậy phải truy-luận đến nước ấy.

(2) Tăng-nhất A-hàm-kinh 50 quyển, Trung-a-hàm-kinh 60 quyển, Trường-a-hàm-kinh 22 quyển ; Tạp-a-hàm-kinh 50 quyển, bốn A-hàm-kinh ấy đều là kinh Tiểu thừa.

(3) Phật-phái Ấn-độ chia ra có hai phái lớn là : Hữu-tông và Không-tông.

giả cùng với năm trăm thầy la-hán kết-tập pho Đại-tạng phân ra ba tạng là: *Kinh, Luật, Luận*. Luật ở trong Phật-giáo là một bộ-phận lớn. Truyền sang nước Tàu mới từ đời Tào-Ngụy năm Gia-bình thứ hai, có ông Đàm-ma-a-la mới truyền đi gọi là luật « Thập-bát-thụ.» Đời Lưu-Tống năm Nguyên-gia thứ mười một, mới thi cái luật « ni-thụ» là cho cả các vãi đều thụ giới-luật. Đến đời Điêu-Tần năm Hoằng-thủy thứ sáu, Cưu-ma-la-thập mới dịch pho Thập-tụng luật. Về sau có các thầy tăng là lũ Tri-luật nối ra đời, Luật giáo mới truyền dần sang nước Tàu, mà trác-nhiên hoàn-toàn là một tông phái thì trước tự ông Nam-sơn luật-sư đạo-tuyên. Ông Nam-sơn sinh về đời Tùy khoảng năm Khai-hoàng, thụ-giới ở ông Trí-thủ luật-sư, sau về ẩn ở núi Chung-nam, nghiên-tinh giới-luật. Đến ông Huyền-trang đi tây-du trở về nước Tàu, mới mở dịch-đàn ở đất Trường-an, thì ông Nam-sơn thân làm thư-ký dịch luật vài trăm quyển, chứng minh giới-luật là một viên đốn giáo thừa, không phải chuyên thuộc ở Tiểu-thừa, thực là có công về Phật-giáo không phải là ít. Thời ấy đều khởi lên lại có hai phái: Một là Tường-bộ-tông 相部宗 là tự ông Pháp-lệ luật-sư sáng lập ra; hai là Đông-tháp-tông 東塔宗 là tự ông Hoài-tố luật-sư sáng-lập ra; cùng với Nam-sơn tông-thống gọi là ba tông Luật-gia. Nhưng hai tông kia không được thịnh lắm, duy có Nam-sơn-luật đến đời Nguyên vẫn còn giữ được tông-thế không suy.

4) *Pháp-tướng tông* 法相宗. — Pháp-tướng, Thiên-thai, Hoa-nghiêm ba tông cũng gọi là tông-giáo tam-gia, đều là nghĩa đại-thừa diệu-đế, Phật-học thời ấy duy ba tông rất là quang-đại. Tông Pháp-tướng này cũng gọi là Duy-thức tông 唯識宗, vì là cốt ý sáng tỏ cái nghĩa duy-thức. Lại có tên là Từ-ân-tông 慈恩宗, vì ông khai-tổ tên là Từ-ân; tông này truyền pháp bên Ấn-độ rất là phân-minh. Phật-thuyết trong kinh Đại-thừa có kinh Hoa-nghiêm, kinh Thâm-mật, kinh Lăng-già, đều là phát-minh cái nghĩa « vạn-pháp duy-thức », thực là gốc của Phật-học. Khi Phật tịch-diệt rồi đến chín trăm năm, lại có ông Di-lặc-tử-tôn ứng theo lời thỉnh của ông Vô-trước bồ-tát, thuyết ra năm bộ đại-luận là: « Du-già sư địa-luận », « Phân-biệt du-già luận », « Đại-trang-nghiêm luận », « Biện-trung biên luận », « Kim-cương bát-nhã luận ». Ông Vô-trước lại thừa ý ông Di-lặc làm ra « Hiển-dương luận », « Đối-pháp luận ». Đồng thời ấy lại có ông Thế-thân bồ-tát (em ông Vô-trước) làm ra « Ngũ-uẩn luận », « Bách-pháp minh-môn luận » « Duy thức tam-thập tụng », mới mở rộng được tôn-chỉ nhà Phật. Lại thứ-tự kể từ khi Phật tịch-diệt rồi mười một thế-kỷ có Nan-đà hộ-pháp-tôn mười ông Đại-luận-sư chú-thích bài « thập-tam tụng » của ông Thế-thân đều có tâm-đắc cả. Mà đệ-tử hộ-pháp là Giới-hiền luận-sư tức là truyền-pháp đại-tướng giỏi hơn cả một đời, hay xét hết được những áo-nghĩa về luận Du-già, Duy-thức, Thanh-minh, Nhân-minh, trong năm nước Ấn-độ ông ấy là tài-biện đệ-nhất, truyền-thụ cho ông Huyền-Trang, rồi đem truyền sang nước Tàu, từ đó về sau Phật-học ở Tây-vực suy kém đi dần. Đến đời Đường năm Trinh-quán thứ ba, ông Huyền-trang tam-tạng mới đi Tây-du cầu Phật-pháp, một mình đi khắp năm nước Ấn-độ được chịu lễ Giới-hiền, thụ hết được năm Đại-luận (Di lặc làm ra) và Thập-chi-luận (Vô-trước làm ra), lại rộng thông hết cả Nhân-minh 因明, Thanh-minh 聲明

mọi học (1). Sau khi trở về nước mới phát-minh cho rộng ý ấy, đó thực là khi bắt đầu Pháp-tướng-tông mới truyền vào nước Tàu. Học-trò Huyền-Trang là Khuy-Cơ hiệu là Từ-ân pháp-sư hay thụ hết được vi-ngôn, thông hết được huyền-chỉ, mới làm ra chú-sớ để chứng các nghĩa, lập ra tông-qui, tông Pháp-tướng này mà đại-thành là bởi tại đó. Tái-truyền đến ông Huệ-Trị ở Chi-châu làm ra bài « Duy-thức liễu-nghĩa-đăng » ; tam-truyền đến ông Trí-Châu ở Phác-dương làm ra bài «Duy-thức diễn-bí»; trải qua mấy tôn-sư ấy tông-nghĩa lại càng quang-đại thêm ra.

5) *Tam-luận-tông* 三論宗. — Ba luận : 1) Trung-luận ; 2) Thập-nhị môn-luận ; 3) Bách-luận. Hai luận trên là tự ông Long-thụ bồ-tát làm ra, còn Bách-luận sau là tự ông Đề-bà-bồ-tát làm ra, vậy nên tông này là tổ tự ông Long-thụ, ông Đề-bà (2) ; mà Cưu-ma-la-thập chính là bậc tam-truyền đệ-tử của ông Đề-bà, mới truyền pháp sang phương đông, mở rộng tông này ra ; phiên-dịch bốn quyển luận đều tự tay ông cả. Học-trò ông Cưu-ma thì có tám kiệt là : ông Đạo Sinh, Tăng Triệu, Đạo Dung, Tăng Duệ, Đàm Ảnh, Tuệ Quan Đạo Hằng, Đàm-tế, đều thụ được đại-nghĩa, Đàm-Tế sau truyền cho Đạo-Lãng, Đạo-Lãng truyền Đạo-Thuyên, Đạo-Thuyên truyền Pháp-Lãng, Pháp-Lãng truyền Gia-Tường ; đến ông Gia-tường đại-sư (tên là Cát-tạng) thì tông này mới thực là toàn-thịnh. Về sau ông Huyền-Trang lại theo học ông Thanh-Biện, Trí-Quang hai bậc đại-sư, thụ được lời vi-ngôn. Sau lại có ông Địa-bà-già-la sang phương đông, khẩu-thụ tông nghĩa cho ông Từ-Ân. Từ-Ân xa thì thừa được lời dịch của ông Thập, gần thì thụ được phép truyền của ông Trang, lại rộng xét được thuyết ông Già-la, làm ra sách « Thập-nhị-môn-tông trí-nghĩa ký ». Tông này từ đó mới là đại-thành.

6) *Hoa-nghiêm-tông* 華嚴宗. — Phật Thế-tôn khởi tự dưới gốc cây bồ-đề, vì ông Thâm-vị bồ-tát và ông Văn-thù Phổ-hiền-tôn thuyết ra kinh Hoa-nghiêm ba mươi tám phẩm và mười vạn câu kệ, thực là nghĩa rất vi-diệu trong giáo thừa kinh Phật, mà là một pháp-môn rất cao trong nhất-thừa. Đương lúc ấy những kẻ căn-duyên thanh-văn chửa học được thuần-thục, nghe về thuyết ấy thì không hiểu được hết. Sau khi Phật tịch-diệt được 500 năm, có ông Mã-minh bồ-tát mới làm ra «Đại-thừa khởi-tín luận » để khai diễn ra một pháp-môn chân-như, tức là bản ở kinh này. Rồi đến bảy trăm năm lại có ông Long-thụ bồ-tát xuất hiện làm ra « Đại-bất-tư-nghị-luận » để giải-thích kinh này. Sau chín trăm năm nữa, lại có ông Thiên-thân bồ-tát làm ra « Hoa-nghiêm thập-địa luận » để phát-minh cho rộng ra. Ba ông ấy tức là những ông tổ về bản tông này ở bên Ấn-độ. Còn ở bên nước Tàu thì từ đời Đông-Tấn năm Nghĩa-hi thứ mười bốn, ông Bạt-đà-la mới dịch ra sáu mươi quyển kinh Hoa-nghiêm, về sau chư sư giảng-thuyết lưu-truyền làm ra chú sớ thích nghĩa cũng nhiều, nhưng cũng chưa thành được là một tông phái. Đến khoảng đời Trần đời Tùy, có ông Đỗ-thuận thiền-sư mới đề-xướng cương-nghĩa, lập ra tông danh, có làm kinh «Hoa-nghiêm pháp-giới quan-môn», «Ngũ-giáo chỉ-quan» và « Thập-huyền chương », mới phát

(1) Bên Ấn-độ có năm cách học gọi là Ngũ-minh, môn-đồ Phật và ngoại-đạo đều học cả. Cách học Nhân-minh tức là Danh-học, mà tức Nhật-bản gọi là Luận-lý-học.

(2) Hoặc có người thêm Đại-trí-độ-luận nữa, gọi là bốn luận tông.

minh hết diệu-chỉ kinh này, đó thực là ông sơ-tổ mới khai tông vậy. Thứ hai đến ông tổ Trí nghiễm làm ra «Sưu-huyền ký», «Khổng-mục chương.» Ông tổ thứ ba là Pháp-tạng hiệu là Hiền-thủ quốc-sư làm ra «Ngũ-giáo chương» để phát minh giáo tưởng của tông này. Lại làm hai mươi quyển «Tham-huyền ký» để giải nghĩa kinh Hoa-nghiêm. Còn nhiều nhà trước-thuật nữa đến hơn hai mươi bộ, tôn-phong về Viên-tông này đến đây mới là đại-thành, vậy nên ông Hiền-thủ cũng gọi là Hoa-nghiêm thái-tổ. Từ khi ông Hiền-thủ mất đi rồi, có ông Tuệ-uyển dám sinh tư-kiến của mình san bỏ mất thuyết của thầy, làm cho tông-thống suýt đến trụy-lạc. Đến ông tổ thứ tư là Trừng-quan mới làm ra «Hoa-nghiêm đại-sớ sao» bài-xích những dị-thuyết, khôi-phục lại chính-tông, bởi thế đạo tâm-truyền của chư tổ mới không đến trụy-lạc, ông tổ này tức là Thanh-lương quốc-sư. Ông tổ thứ năm là Tông-mật, hiệu là Khuê-phong thiền-sư nối theo ông Thanh-lương, phát-minh nghĩa Hoa-nghiêm, kiêm-thông cả nghĩa chư-tông, Phật-đạo mới lại càng quang-đại, năm ông trên ấy tức là Hoa-nghiêm ngũ-tổ.

7) *Thiên-thai-tông* 天台宗. — Cũng có tên gọi là Pháp-hoa-tông, vì theo kinh *Pháp-hoa* để lập ra tông này. Nguyên tông này không phải là truyền tự bên Ấn-độ, mới sáng-thủy ra là tự ở bên nước Tàu, mà bởi tự ông Trí-giả đại-sư. Ông tên là Trí-Khải người về khoảng đời Trần đời Tùy, vì ở núi Thiên-thai truyền ra tông này nên mới gọi là Thiên-thai-tông. Khi ấy có ông Nam-nhạc tuệ-tư thiền-sư đạo-đức hơn cả một đời, hay chứng-minh nghĩa tam-muội, ông Trí-giả mới đến yết-kiến, thì Thiền-sư bảo rằng: Trước kia ở núi Linh-sơn đã cùng nghe kinh *Pháp-hoa*, túc-duyên theo đuổi, nay còn lại đây ư? Thiền-sư mới sai ông Trí-giả tu lại «Pháp-hoa tam-muội» qua mười-bốn ngày thì ông Trí-giả mới tỉnh-ngộ, tiếp được chân-truyền đạo Phật, mới sáng-lập ra phái này. Ông Kinh-khê tôn-giả là cháu pháp-tôn sáu đời ông Trí-giả, có nói ở trong sách «*Chỉ-quan nghĩa-lệ*» rằng: «Gia-giáo trong một nhà dùng ý-nghĩa gì đều lấy tông Pháp-hoa làm cốt, và lấy trí-luận (1) làm chỉ-nam, lấy đại-kinh (2) làm chú-thích, lấy đại-phẩm (3) làm phép xem, có dẫn các kinh để cho chứng-thực, lại dẫn các luận để cho giúp nên, xét về tâm để làm kinh, chứng chư pháp để làm vĩ, mới tổ chức ra được bộ kinh sách này, khác với các kinh khác, v. v.». Ấy cái chân-tưởng tông này sáng-lập ra đã nói đủ cả ở đó. Sau đến ông Chương-an đại-sư mới nối sau tông Thiên-thai này làm cho tông-phong mở rộng, có bài «Thiên-thai duy-tân thuyết» là tự ông Chương-an mới biên-tập để thành ra điển-tích một tông, và làm cương-mục một nhà. Sau lại có ông Trí-uy, Tuệ-uy, Huyền-lãng, Diệu-lạc đều là bậc môn-đồ có tiếng. Tự đời Trung-Đường trở về sau thì ông Kinh-khê tôn-giả rất là hiển-danh vậy.

(8) *Chân-ngôn-tông* 眞言宗.—Phật-giáo có phân ra làm hai là Hiển-giáo với Mật-giáo. Tông này tức là Mật-giáo. Mật-giáo 密教 là không phải nhờ đến ngôn-ngữ để lập-giáo. Cứ theo như thuyết nhà Phật thì đức Phật có ba thân: 1) Thích-già phật; 2) Đại-nhật như-lai-phật; 3) Di-đà-phật; đó là thực bởi một đức Phật mà sinh ra

(1) Tức là Đại-trí độ-luận.
(2) Tức là kinh Nát-bàn.
(3) Tức là kinh Bát-nhã.

ba thể (1). Phật Đại-nhật là pháp thân của Thích-già, phật Thích-già là hóa-thân của Đại-nhật. Bởi vậy đời sau kẻ học-giả tóm chia các tông, cũng phân ra Thích-già giáo, Đại-nhật-giáo và Di-đà-giáo ba loại. Trong mười tông kể ra đây duy có Chân-ngôn-tông là thuộc về Đại-nhật-giáo, Tĩnh - thổ - tông là thuộc về Di-đà-giáo (2) ; còn tám tông thì đều thuộc về Thích-già-giáo. Truyền rằng ông Kim-cương-tát-thủy thân thụ pháp-môn ở ông Đại-nhật-như-lai, sau khi ông Như-lai tịch đi rồi bảy trăm năm, ông Tát-thủy truyền cho ông Long-mãnh-bồ-tát ; Long-mãnh truyền-thụ cho ông Long-trí ; Long-trí truyền-thụ cho ông Thiện-vô-úy. Ông Thiện-vô-úy mới sang nhà Đường phiên-dịch kinh Đại-nhật, để truyền-thụ cho ông Kim-cương-trí. Ông Kim-cương-trí thật là một ông sơ tổ truyền pháp ở nước Tàu. Về sau có ông Bất-không-hóa-thượng sang đông-phương, nối sau ông Kim-cương-trí lại dụng công về đường phiên-dịch, làm quốc-sư cho ba đời Huyền-tôn, Túc-tôn và Đại-tôn ; Chân-ngôn-tông mà hay đứng vững được là tự ông Bất-không trước. Tuy vậy tông này ở bên nước Tàu không được thịnh, sau có ông Không-hải (3) truyền sang nước Nhật, nay còn thịnh-hành ở nước Nhật và ở Tây-tàng, Mông-cổ, Tiêm-la cũng có.

9) *Tĩnh-thổ-tông* 淨土宗. — Tông này y về ba kinh (4) với một luận (5), chuyên niệm Phật để nhờ sức mà cầu giải-thoát, tức là giáo Di-đà ; bậc tiên-sư ở Ấn-độ thì suy-tôn ông Thiên-thân bồ-tát. Sau khi ông Thiên-thân tịch đi rồi năm trăm năm, ông Bồ-đề-lưu-chi mới truyền pháp-môn Tĩnh-thổ này sang nước Tàu. Trước kia về thời Hậu-Hán có người nước An-tức là sa-môn An-thanh-cao mới dịch hai quyển kinh Vô-lượng-thọ. Đến đời Tấn có ông Tuệ-viễn pháp-sư, kết họp Bạch-liên-xã ở núi Lư-sơn, niệm Phật tu-hành, mới bắt đầu khai ra tông Tĩnh-thổ này. Nhưng pháp-môn vẫn còn chưa đủ. Khi ông Bồ-đề-chi-lưu sang nước Tàu vào đời Bắc-Ngụy Vĩnh-bình nguyên-niên. Ông Lưu-chi truyền-thụ cho ông Đàm-Loan. Ông Loan mới làm ra « Vãng-sinh tĩnh-thổ luận-chú » để phát-minh cho rộng nghĩa ra. Về đời Tùy khoảng năm Đại-nghiệp có ông Đạo-sước, đời Đường khoảng năm Trinh-quán có ông Thiện-đạo, đều là bậc đại-sư có tiếng. Các tông-phái về Thiền-tôn, Thiên-thai, Pháp-tướng, Hoa-nghiêm, lúc đương thời tuy rằng cực - thịnh, nhưng giáo-lý nó rất thâm-vi huyền-diệu, không phải người thiền-học ngu-độn hay thấu hiểu được, tin theo thì chỉ có những bậc sĩ-phu mà thôi. Chứ như Tĩnh-thổ-tông, vì cái giáo-nghĩa sức nó hay cảm-hóa được kẻ ngu-phu ngu-phụ ; những giáo-lý gì khó hiểu đều gác để đó, vậy nên cái thế-lực nó tràn khắp cả toàn-quốc. Khi đương-thời ông Thiện-đạo thiền-sư cảm-hóa đến nhiều người không còn ngó đến hàng thịt lợn nữa, xem đó thì biết cái lực-lượng nó mạnh. Nay thế-tục theo Phật-giáo đại-đề đều hấp được cái dòng mạt-lưu về tông ấy.

10 *Thiền-tông* 禪宗. — Pháp-tướng, Thiên-thai, Hoa-nghiêm ba tông hiệu là giáo-hạ tam gia ; còn Thiền tông là giáo-ngoại biệt-truyền, bốn tông ấy đều là đại-thừa thượng-pháp rất là thâm-thúy, nhân-tài về phái Phật-học nước Tàu cũng ở cả đó. Phái Thiền-tông cho rằng không cần phải ngôn-ngữ văn-tự, chỉ cốt bản-tâm kiến-tính

(1) Hơi giống như thuyết Gia-tô nói ba vị chúa là cùng một thể.
(2) Nay đàn-bà hay niệm câu : Nam-vô A-di-đà-phật, tức là về tông Di-đà-giáo.
(3) Tức là người sáng-tạo ra lối chữ mẫu-tự ở nước Nhật.
(4) Một là kinh Vô-lượng thọ ; hai là Quan-vô-lượng-thọ-kinh, A-di-đà-kinh.
(5) Tức là « Vãng sinh-tĩnh-thổ-luận » tự ông Thiên-thân bồ-tát làm ra.

thành Phật làm giáo-nghĩa, biến hẳn cái khuôn Phật-giáo. Sau này về khoảng đời Tống đời Minh, Nho Phật hỗn-hợp cũng trước từ đó. Lịch-sử tông này truyền rằng trên hội núi Linh-sơn Phật Thích-tôn giơ cành hoa, Phật Già-diệp sẽ cười, chính-pháp truyền-thụ từ đó. Về sau Già-diệp tôn-giả đem y-bát truyền-thụ cho An-Nan; khoảng giữa trải qua các đời ông Mã-ninh, Long-thụ, Thiên-thân đến hai-mươi-bảy đời bí-mật tương-truyền, chẳng phải viết ra một chữ, rồi truyền đến ông Đạt-ma thiền-sư. Tự ông Già-diệp đến ông Đạt-ma, đó là hai-mươi-tám ông tổ Ấn-độ. Đạt-ma thừa-mệnh hai-mươi-bảy ông tổ, đông-độ sang nước Tàu, đương về đời Lương Võ-đế năm Phổ-thông thứ bảy, mới đến Quảng-đông, sau vào ở núi Tung-sơn ngoảnh mặt trông vào vách mười năm, mới được người truyền-pháp, truyền xong rồi thì tịch. Vậy nên Đạt-ma cũng gọi là ông sơ-tổ về dòng Thiền-tông nước Tàu. Rồi đến ông nhị-tổ là Tuệ-Khả, tam-tổ là Tăng-Sán, tứ-tổ là Đạo-tín, đều y theo cái lệ ông tổ-sư Ấn-độ, chẳng thuyết-pháp, chẳng làm sách, chỉ tìm được người truyền bát, thì lập-tức viên-tịch. Đến ông ngũ-tổ là Hoằng-nhẫn hiệu là Hoàng-mai đại-sư, mới khai cửa núi ra dạy học trò, môn-đồ đến một nghìn năm trăm người, ông Ngọc-toàn thần-tú là bậc thủ-tọa, mà không được truyền pháp, ông lục-tổ là Đại-giám tuệ-năng lấy là người giã gạo không biết chữ gì mà lại được truyền y-bát. Sau ông Thần-tú lại học ông lục-tổ mới ngộ được đại pháp. Vì thế Thiền-tông mới chia ra Nam Bắc hai phái: Nam là Tuệ năng; Bắc là Thần-tú. Từ ông lục-tổ trở về sau thời không truyền y-bát được nữa mà giáo-ngoại phái Mật-truyền mới lại càng quang-đại rồi diễn ra năm tông là: Vân-môn, Pháp-nhãn, Tào-đồng, Vi-ngưỡng, Lâm-tế. Từ đời Tống đời Minh trở lại đây, những tông-phái ấy lại càng đầy đẫy khắp trong nước. Nay liệt ra cái biểu Thiền-môn ngũ-tông như sau:

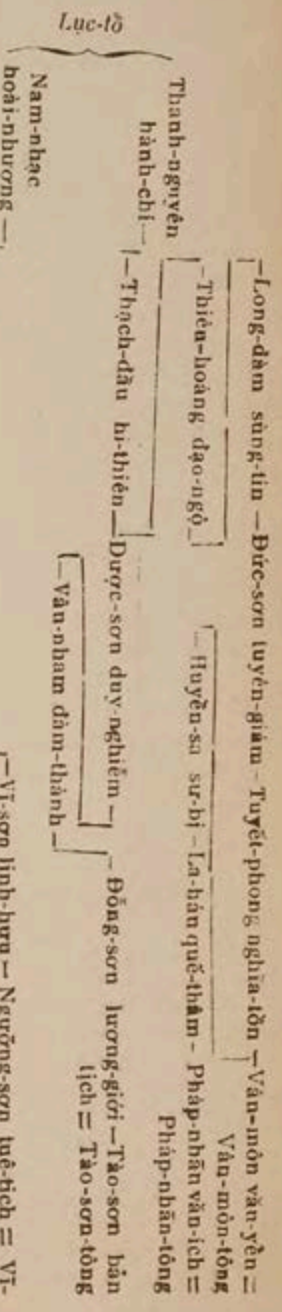

Trở lên là kể qua các dòng tôn-phái truyền-thụ như thế nào, còn như những điều trường-đoản đắc-thất của các tôn-phái, thì chưa biết thế nào mà nghị-luận được, xin hãy để khuyết đó. Tiết sau này xin nói về cái đặc-sắc Phật-học của nước Tàu, và những điều tinh yếu về học-thuyết của các hiền-triết (1).

4) Những điều đặc-sắc và các vĩ-nhân về phái Phật-học nước Tàu. — Nước Tàu không có hấp-thụ học-thuyết ở người ngoài thì thôi, nếu đã hấp-thụ được thì tất hay làm cho phát-huy quang đại thêm ra, mà làm hiện hẳn ra một đặc-sắc khác, xem như phép toán-học thì biết, mà về Phật-học này cũng vậy. Phật-học của nước Tàu là riêng hẳn ra một phái Phật học của nước Tàu, chứ không phải thuần là Phật-học của Ấn-độ. Xem như nước Nhật hấp-thụ Phật-học của Tàu, mà cách học đến nay vẫn không có một tí gì hay vượt ra ngoài phạm-vi Phật-học của Tàu. Tuy rằng có phái Chân-tông và Nhật-liên-tông là do người Nhật tự sáng ra, nhưng Chân-tông chẳng qua là một chi-lưu về Tĩnh-thổ-tông, Nhật-liên-tông cũng chẳng qua là một dòng-dõi về Thiên-thai-tông, chứ không có một nghĩa gì vi-diệu là được cái mối bất-truyền ở trong di-kinh cả (2). Lại không hay tự dịch ra một kinh, tự tạo ra một luận, tự sáng ra một phái, so với Trung-quốc thực còn kém xa. Xem như thế thì một dân-tộc nước lớn như nước Tàu lại chẳng tự-hào hơn thế-giới ư! Ta chắc rằng nước Tàu độ vài mươi năm nữa tất hay hợp cả học-thuật tư-tưởng các nước bên Thái-tây mà dung-trú cả lại trong một lò, để tạo thành ra một cái văn-minh mới của nước Tàu cho rực-rỡ cả trong khoảng trời đất.

Phật-học của nước Tàu có bốn điều đặc-sắc

1°) Tự đời Đường trở về sau, nước Ấn-độ không còn có Phật-học mà Phật-học truyền sang cả nước Tàu. — Chúa Cơ-đốc sinh ở nước Do-thái, mà nước Do-thái hai nghìn năm trở lại đây không còn có Cảnh-giáo nữa, Cảnh-giáo lại thịnh-hành ở các nước bên Âu-tây. Phật Thích-già sinh ở nước Ấn-độ, mà nước Ấn-độ hơn nghìn năm trở lại đây không còn có Phật-giáo nữa, Phật-giáo lại thịnh-hành ở các nước bên Á-đông, chẳng lạ lắm ru! Từ khi Phật tịch đi rồi, trong khoảng vài trăm năm, năm nước Ấn-độ còn truyền lại chỉ có bậc Tiểu-thừa, mà trong phái Tiểu-thừa lại chia xé nhau ra, khi giảng-diễn cho công-chúng mỗi phái một ý-kiến khác, chia ra đến hai mươi bộ. Đến thế-kỷ thứ năm (3), ngoại-đạo thịnh lên nhiều, Phật-pháp chỉ còn như sợi dây chửa đứt; đến cuối thế-kỷ thứ sáu mới có ông Mã-minh, thế-kỷ thứ bảy mới có ông Long-thụ, ông Đề-bà; thế-kỷ thứ chín mới có ông Vô-trước, Thế-thân; thế-kỷ thứ mười-

(1) Biểu trên này nói về lịch-sử phái Phật-học là cứ theo những sách của người Nhật làm ra như là sách «*Bát-tông cương-yếu*» và sách «*Thập-nhị-tông-cương-yếu*», «*Phật-giáo các tông cương-lĩnh*» mà làm ra bài khảo này, chỉ rút lại có mấy trang là nói qua đại-lược mà thôi. Những bài khảo về đạo-học này xem ra nó vô-vị, thắc rằng các nhà tân-học không lấy làm thích, nhưng cũng là một cái công-án về học-thuật tư-tưởng của nước Tàu, thì học-giả cũng nên biết.

(2) Phái Chân-tông cho tại-gia tu-hành được ăn thịt lấy vợ, đó là một điều đặc-sắc, nhưng cũng giống như phái Ưu-bà-tắc của Ấn-độ và các ông cư-sĩ ở nước Tàu. Nếu cho như thế là môn-đồ nhà Phật, thì sao bằng phái Thiền-tông chỉ cốt tu ở bản-tâm, chẳng cần gì môn-đồ nhà Phật, lại còn cao hơn.

(3) Thế-kỷ đây là tính từ khi Phật tịch-diệt đi rồi, cứ trăm năm là một thế-kỷ

một mới có ông Thanh-biện hộ-pháp; thế-kỷ thứ mười-hai, mười-ba mới có ông Giới-hiền, Trí-quang thực chính dòng Phật-giáo thì chẳng qua độ khoảng năm trăm năm mà thôi. Từ ông Huyền-trang đi sang Tây-du được yết-kiến cả Giới-hiền, Trí-quang các ông luận-sư rồi được thụ-pháp mà đem về, vì thế cái đạo tâm-truyền của chư Phật mới đem về nước Tàu cả. Từ đó trở về sau các giáo-đồ Ấn-độ chỉ luận-chiến với nhau mà trễ-nải về việc truyền-giáo; nên các ngoại-đạo về dòng Bà-la-môn lại có kẻ thế-lực nó khởi lên công-kích lẫn nhau, môn-đồ nhà Phật không chống nổi mới nghĩ cách điều-hòa, dần-dà bắt-chước cả giáo-qui về dòng Bà-la-môn, nào là niệm mật-chú, cần tu-hành, bao nhiêu nguyên-khí khai-giáo lúc buổi đầu đều tiêu-diệt hết cả. Đến thế-kỷ thứ mười-lăm thì cái nước tổ Phật ấy không còn có vết-tích Phật-giáo nữa; về sau lại một hồi bị dầy sẻo về Hồi-giáo, lại một hồi nữa bị xâm-lấn về Cảnh-giáo, Phật-học từ đấy là trụy-lạc đi nhiều. So với bên Trung-quốc tự đời Đường trở lại đây trong khoảng vài trăm năm, các bậc đại-sư kế-khởi lên, khai-sáng ra các tông-phái mới, Thiền-tông đã thịnh-hành ra, các người thạc-học trong nước đều thông-hiểu về nghĩa-lý nhà Phật; còn cái dư-ba lại hay tràn sang để khai-phát cho nước Nhật-bản, Phật-giáo mà không đến tuyệt-diệt, đều là nhờ về công của các hiền-triết nước Tàu. Khoảng trung-gian tuy có suy kém đi hai ba trăm năm, nhưng đến nay lại dần-dà có cái thế phục-hưng (1), sau này dễ thường hay hợp được bốn thứ văn-minh tự đời Tiên-Tần và nước Hi-lạp nước Ấn-độ cùng các nước Âu-Mĩ gần đây mà thống-nhất cả lại, làm cho quang-đại thêm ra, dễ thường ở nước Tàu chăng.

2°) *Phật-học các nước đều là Tiểu-thừa, duy nước Tàu hay truyền được Đại-thừa.* — Phật-giáo lưu-hành phía Tây đến nước Ba-tí, phía Bắc đến nước Tiên-ti (2), phía Nam đến nước Tiêm-la, phía Đông đến nước Nhật-bản, phàm các nước lớn nhỏ trong cõi Á đông đến một trăm và mười nước đều tiêm nhiễm Phật-học cả (3). Tuy vậy, nhưng các nước ấy chỉ truyền được Tiểu-thừa mà thôi (4), vì từ khi ông Mã-minh mới khởi lên, bên nước Ấn-độ những người trong Phật-giáo, đều bài-bác ông bảo rằng: Đại-thừa không phải là Phật-thuyết, cho nên giáo Đại-thừa lưu-hành ở Ấn-độ không được mấy, rồi phái ấy truyền đi các nước ngoài, đến đâu cũng chỉ ham thích cái nghĩa vặt mà bài bác nghĩa Đại-thừa, xem như ngày nay ở Tây tàng, Mông-cổ là cái nơi Phật-pháp rất thịnh, mà có mấy người đã hay lĩnh-thụ được cái diệu-chỉ kinh *Hoa-nghiêm*, kinh *Pháp-hoa* đâu. Duy ở nước Tàu tuy rằng đời Tấn

(1) Gần đây có ông Nam-hải, ông Lưu-dương đều hay đề-xướng Phật-học, sau này dễ cũng có kết-quả.

(2) Tức là nước Tây-bá-lợi-á.

(3) Học-thuyết về Gia-giáo dễ thường cũng bắt-chước phái Bà-la-môn và Phật-giáo ở Ấn-độ mà lập-thành ra. Nói về vị Thiên-chúa cũng giống như Vi-đà-luận bảo rằng có đại-tự-tại-thiên và Phạm-thiên; nói về kiếp vĩnh-sinh cũng giống như Phật-giáo bảo rằng kiếp Nát-bàn. Còn như những thuyết thiên-đường địa-ngục, và những qui-thức kỳ đảo ngày lễ-bái, giống như phép Tiểu-thừa cả. Đời xưa nước Hi-lạp, nước Ai-cập, và nước Do-thái, nước Ấn-độ đã có giao-thông với nhau, như ông Đức-lê là bậc đại-triết nước Hi-lạp, trong sách sử cũng bảo ông có đến Ấn-độ, thế thì những thuyết của tôn-giáo Ấn-độ, cũng có lưu-truyền đến nước Do-thái, chẳng lấy gì làm lạ, nhưng chưa xét được xác-thực, vậy không dám nói quyết hẳn.

(4) Phật-học của nước Nhật-bản là tổ tự nước Tàu, thì bài này chưa nói đến.

đời Ngụy trở về trước, Phật-pháp mới manh-nha, chửa đạt được đến tinh-vi, từ ông La-thập trở về sau, lưu-truyền rộng mãi ra cả nước đua theo, mới có ba nhà Đại thừa khởi lên; đến khoảng đời Tùy đời Đường thì vết-tích Tiểu-thừa đã gần tuyệt-diệt đi hết. Xem thế thì tông-giáo cũng theo cái công-lệ tiến-hóa để lưu-hành, ở về thời-đại dã-man, nhân-quần trí-thức còn kém thì phải dụ lấy những điều phúc thiện, truật lấy những thuyết tai-hại, nên quyền-pháp mới thi-hành được. Đến đời văn-minh đã tấn tới, người ta đã biết cái bản-tính tự-lập, đoạn hẳn cái căn-tính ỷ-lại, vậy nên do cái chủ-nghĩa khủng-cụ, mà biến ra cái chủ-nghĩa giải-thoát, do cái chủ-nghĩa lợi-kỷ, mà biến ra cái chủ-nghĩa lợi-tha, Phật-pháp sở-dĩ mới hay lưu-hành được. Người nước Tàu mà hay lĩnh-thụ được nghĩa Đại-thừa, thực là bởi cái trình-độ văn-minh của dân-tộc Trung-hoa cao hơn các nước kia mấy lần vậy.

3°) *Các tông-phái Phật-học nước Tàu phần nhiều là do người Tàu tự sáng-lập, chứ không phải bắt-chước của Ấn-độ.* — Xem như cái biểu liệt ra mười tông-phái trên tiết thứ ba, thì Câu-xá-tông duy có ông Thế-thân tạo ra một bài luận, để cho các nhà học-giả nước Ấn cùng truyền-tập, chứ chửa lập hẳn ra một tông, thành ra tông-phái là bởi tự nước Tàu. Thành-thực-tông thì từ ông A-lê-bạt-ma trở về sau, sách cũ bên nước Ấn-độ thì không thấy nói đến, lưu-truyền sang nước Tàu mới thực là thịnh lên. Tam-luận-tông ở bên nước Ấn tuy rằng truyền ra cũng rộng, nhưng không bằng bên nước Tàu. Còn đến như kinh *Hoa-nghiêm* thì bản kinh nó ở Ấn-độ đã mai-một đi không được rõ mấy (1), còn làm gì có tông-phái, duy ở bên Ấn-độ còn có bài-luận «Đại-bất tư-nghị» và «Thập-địa», là hay phát-minh về nghĩa-lý Hoa-nghiêm, chứ ngoài ra không còn thấy gì nữa; hay y theo kinh *Hoa-nghiêm* để lập-giáo, là bởi tự ông Đỗ-thuận, Hiền-thủ, Thanh-lương, Khuê-phong là trước nhất, thế thì dẫu bảo rằng Hoa-nghiêm-tông tự người Tàu sáng-lập ra cũng phải. Lại như Thiền-tông tuy rằng nói ở bên Tây-thổ có hai mươi tám tổ, nhưng vẫn còn mờ mịt lắm, bỏ mất một quãng giữa từ ông tổ trước giao-tiếp với ông tổ sau, thì uyên-nguyên chưa thể xét được, mà về phần chân hay ngụy cũng chưa thể biện được. Nếu mà thực ra thì trong khoảng hơn nghìn năm bên nước Ấn-độ, ngoài hai-mươi tám người ấy ra không có một phái Thiền-tông nào nữa, chắc hẳn là thế. Không những thế, lại như ông tổ sau thụ được y-bát, thì ông tổ trước liền tịch-diệt ngay, thế thì trong khoảng hơn nghìn năm không có khi nào có hai người đồng-thời mà hay hiểu được chính-pháp Thiền-tông, thế thì dẫu bảo nước Ấn-độ không có phái Thiền-tông cũng phải. Xem thế thì Phật-giáo có ông Lục-tổ thì mới có phái Thiền-tông; cũng như là Gia-giáo có ông Lộ-đức rồi mới có dòng Bố-la-đích-sĩ-dan (*protestant*). Còn đến như nghĩa Tam-muội về tông Thiên-thai và «Chỉ-quan pháp-môn» thì mới sáng-thủy tự ông Trí-giả đại-sư, trên không có học ai, mà cũng không có bắt-chước của ai, thì thực là rõ vậy. Bởi thế xem ra trong mười tông duy có Luật-tông, Pháp-tướng-

(1) Cứ theo như sách Phật nói rằng khi Phật tịch-diệt đi rồi bảy trăm năm, mới có ông Long thụ bồ-tát hay lấy thần-lực tìm thấy kinh *Hoa-nghiêm* ở Hải-long-cung, đó là khi bắt đầu kinh ấy mới lưu-hành. Cái thuyết thần-bí ấy tuy rằng không đủ tin, nhưng xem thế thì Hoa-nghiêm-tông không phải hiển ở bên Ấn-độ.

tông, Chân-ngôn-tông, Tĩnh-thổ-tông là thường thịnh-hành ở Ấn-độ; còn các tông khác đều là tự sáng-lập ra ở nước Tàu, sẽ xem cái biểu sau này:

1 — Câu-xá-tông.....	Ấn-độ có mà không thịnh	Trung-quốc rất thịnh.
2 — Thành-thực-tông.	Sáng-lập tự Ấn-độ	Trung-quốc rất thịnh.
3 — Luật-tông.....	Ấn-độ rất thịnh.....	Trung-quốc cũng thịnh.
4 — Pháp-tướng-tông.	Ấn-độ rất thịnh.....	Trung-quốc cũng rất thịnh.
5 — Tam-luận-tông..	Ấn-độ không thịnh.....	Trung-quốc rất thịnh
6 — Hoa-nghiêm-tông.	Ấn-độ không có.....	Sáng-lập tự Trung-quốc mà rất thịnh.
7 — Thiên-thai-tông..	Ấn-độ không có.....	Sáng-lập tự Trung-quốc mà rất thịnh.
8 — Chân-ngôn-tông..	Ấn-độ rất thịnh.....	Trung-quốc rất kém.
9 — Tĩnh-thổ-tông...	Ấn-độ rất thịnh.....	Trung-quốc cũng thịnh.
10 — Thiền-tông.....	Ấn-độ không có.....	Sáng-lập tự Trung-quốc mà rất thịnh.

Nước Tàu những tông-phái có công-đức, có thế-lực về Phật-học, thì không gì bằng Giáo-hạ tam-gia là Thiên-thai, Pháp-tướng, Hoa-nghiêm ba tông, và Giáo-ngoại biệt-truyền là Thiền-tông; còn các tông-phái khác chỉ là chi-lưu phụ-dung mà thôi. Tựu-trung trong bốn tông-phái trên đó, chỉ có một tông-phái là từng thịnh ở bên Ấn-độ, còn ba tông-phái là sáng-lập ra tự nước Tàu. Thế thì cái vị-trí của người Tàu ở trên lịch-sử Phật-giáo, so với các vị cổ-đức bên nước Ấn-độ thì như thế nào! Thường xét ra bên nước Ấn-độ duy có thời-đại về Tiểu-thừa là có phân-phái (1); còn thời-đại phái Đại-thừa thì không có phân phái. Phái Đại-thừa khởi lên có ba thời-kỳ: Thời-kỳ thứ nhất là ông Mã-minh (cuối thế-kỷ thứ sáu); thời-kỳ thứ hai là ông Long-thụ, ông Đề-bà (thế-kỷ thứ bảy); thời-kỳ thứ ba thì có ông Vô-trước, ông Thế-thân (thế-kỷ thứ chín); đều so bản-sư truyền-thụ chứ không có dị-nghị gì cả; giống như đầu đời Hán có những ông Phục-sinh, Thân-công, Hậu-Xương truyền-thụ về kinh-học. Kịp đến mạt-lưu thì có ông Hộ-pháp Thanh-biện, chứng biện lẽ không-hư về trên điều khác; ông Giới-hiền, Trí-quang, biện luận lẽ chân-tính ở trên đầu mối, đặt bày tường lũy cho mới, thêm ra môn-hộ cho nhiều, nhưng Phật-giáo đã quay pháp-luân sang phương đông rồi; vì rằng giáo-

(1) Sau khi Phật diệt rồi, phái Tiểu-thừa chia làm 20 bộ; lúc mới phân ra Đại-chúng-bộ, Thượng-tọa-bộ, là tự khi đầu Phật tịch-diệt rồi vào độ một thế-kỷ mới phân ra vậy. Rồi lại phân ra Nhất-thuyết-bộ, Xuất thế-bộ, Kê-dận-bộ, là từ đầu đời thế-kỷ thứ hai chia ra vậy. Rồi lại phân ra Đa-văn-bộ và Thuyết-giả-bộ, đó là tự giữa thế-kỷ thứ hai chia ra vậy. Rồi lại chia ra Chế-đa-sơn-bộ, Tây-sơn-trụ-bộ, Bắc-sơn-trụ-bộ, là tự cuối đời thế-kỷ thứ hai chia ra vậy. Tám phái ấy đều từ bộ Đại-chúng chia ra. Thứ lại phân ra thuyết nhất-thiết hữu-bộ, là tự đầu đời thế-kỷ thứ ba chia ra vậy. Rồi lại chia ra Độc-tử-bộ, lại do Độc tử-bộ chia ra Pháp-thượng-bộ, Hiền-trụ-bộ, Chính-lượng-bộ, Mật-lâm-sơn-bộ. Rồi lại chia ra Hóa-địa-bộ, lại do Hóa-địa-bộ chia ra Pháp-tạng-bộ, đó là tự đời giữa thế-kỷ thứ ba chia ra vậy. Lại chia ra Ẩm-quang-bộ, là tự cuối đời thế-kỷ thứ ba chia ra vậy, lại chia ra Kinh-lượng-bộ là tự đầu thế-kỷ thứ tư chia ra vậy. Mười phái ấy đều do Thượng-tọa-bộ chia ra. Từ thế-kỷ thứ tư trở về sau, phái Tiểu-thừa suy kém, phái Đại-thừa chửa khởi lên, Phật-giáo đã hầu tuyệt.

nghĩa Đại-thừa tuy rằng manh-nha ở bên Ấn-độ, mà tập-đại-thành lại ở nước Tàu, vậy nên muốn cầu Phật-pháp chẳng phải ở nước [illegible] ở bên nước Tàu, các vị cổ-đức [illegible] cho như thế cả.

40 *Phật-học nước Tàu tuy là tôn-giáo mà kiêm cả triết-học* — Cái tâm mê-tín tôn-giáo của người Tàu vốn là bạc-nhược. Sách *Luận-ngữ* nói rằng: « Chưa hay thờ người sao hay thờ quỉ; chưa hay biết sự sống sao hay biết được sự chết. » Mặc-tử bảo Trình-tử rằng: « Nhà Nho cho đạo trời là không sáng tỏ, đạo quỉ là không thiêng liêng. » Cái nghĩa lớn của Khổng-học nó dầm thấm vào lòng người đã lâu như thế. Vậy nên Phật-giáo và Gia-giáo đều lấy là tôn-giáo ở nước ngoài truyền vào Trung-quốc, thế mà Phật-giáo cực thịnh, mà Gia-giáo không được thịnh mấy, là tại cớ sao? Vì rằng Gia-giáo chỉ lấy mê-tín làm chủ; còn triết-lý thì thiển-bạc không hay thiếp-phục được lòng người sĩ-quân-tử nước Tàu. Phật-thuyết vốn có cả tôn-giáo và triết-học hai phương-diện, cái cứu-cánh chứng cho biết đạo thì cốt ở giác-ngộ (giác-ngộ trái với mê-tín); cái pháp-môn đi vào đường đạo thì cốt ở trí-tuệ (Gia-giáo thì cho trí-tuệ người ta có hạn, không thể tranh với toàn-tri toàn-năng của tạo-hóa được.) Cái chỗ đắc-lực để tu đạo thì cốt ở tự sức mình (Gia-giáo thì hàng ngày chỉ cốt cầu nguyện, thế là nhờ về sức khác); Phật-giáo không vì như các tôn-giáo tầm-thường được. Người Tàu vì không quá về mê-tín, nên hấp-thụ đạo-giáo nào phần nhiều ở về phương-diện triết-học, chứ không ở về phương-diện tôn-giáo; mà triết-lý của Phật-học, lại hay giúp thêm cho đường triết-học nguyên vẫn có của nước Tàu. Triết-học của nước Tàu phần nhiều thuộc về trên nhân-sự và quốc-gia, còn về phần nguyên-lý của trời đất vạn-vật, nghiên-cứu ra còn ít lắm. Anh-nho là Tư-tân-tắc (Spencer) có phân triết-học ra làm hai khoa, là khả-tư-nghị với bất-khả-tư-nghị. Triết-học về trước đời Tần của nước Tàu, thì thiên về phần khả-tư-nghị, mà thiếu về phần bất-khả-tư-nghị. Từ khi Phật-học truyền vào Trung-quốc mới bổ thêm vào cho đủ; triết-học nước Tàu mới phóng ra một vẻ lạ-lùng; học-vấn sau đời Tống đời Minh mà lại khởi lên được, là nhờ về các vị cổ-đức đời Tùy đời Đường ban cho vậy.

Nguyễn Hữu-Tiến *dịch*

ĐIỀU-ĐÌNH CÁI ÁN QUỐC-HỌC (1)

Lời giới-thiệu (2)

Thưa các ngài,

Hội Trí tri là một hội học, nhà chi-hội Hải-dương đây lại ở vào một nơi có tiếng văn-học ngày xưa ; theo mục-đích của hội, tôi muốn thời-thường mở cuộc họp mặt cùng nhau ở đây, đem những vấn-đề cổ-học mà chuyện-trò đàm-đạo, nhắc lại cái văn-hóa cũ, cho ta nhớ lại cũng là một sự có ích cho tinh-thần học-vấn, tức như năm 1929 hội ta đây đã mời được ba ông Nguyễn Văn-Bình, Trịnh Đình-Dư và Nguyễn Trọng-Thuật giúp cho ba kỳ diễn-thuyết. Lại năm ngoái thì diễn-giải các khoa tân-học để cho rộng trí-thức, tức như quan kỹ-sư Moussié *diễn-thuyết về vô-tuyến-điện thoại và quan bác-sĩ* Berret *diễn về bệnh ho lao và bệnh hủi, khiến cho hội thêm vui-vẻ và có ích cho sự học lắm. Năm nay tôi lại mời các ông ấy giúp cho vài ba kỳ, thì nay ông Nguyễn Trọng-Thuật đã vui lòng viết bài sẽ nói ra để các ngài nghe.*

Ông Nguyễn có đưa tôi xem bài thì bài đề là « Điều-đình cái án quốc-học ». Nguyên vì hiện nay trong xã-hội học-giả đương tranh-luận với nhau về cái vấn-đề quốc-học. Ông Lê Dư ở Hà-nội thì nói ta có quốc-học, ông Phan Khôi ở Sài-gòn thì cãi ta không có quốc-học. Hai ông biện-luận đã nhiều, chưa ai chịu ai, tức là thành một cái học-án đó. Ấy vì thế mà người thứ ba ra điều-đình là ông Nguyễn Trọng-Thuật này đây. Ông phân ra rằng trong học-giới các nước có hai cái học, là cái học riêng của một nước với cái học chung của thế-giới. Cái học riêng của một nước, ấy là quốc-học, tức là quốc-sử, quốc-văn, quốc-chính, quốc-tục, vân-vân, nước nào có tính-cách riêng của nước ấy. Cái học chung của thế-giới, tức là các khoa-học và những cái học nguyên-lý về các khoa như luân-lý, triết-học, hóa-học, vân vân, các nước học chung của nhau được. Như thế rồi, đối với nước ta, về quốc-học ông sẽ nói ta có những tài-liệu gì ; về thế-giới công-học, ông đem các thời-đại nước ta chịu Hán-học, cho đến gần đây so-sánh với học-giả các nước Á-đông đồng-thời, xem tiền-nhân ta sở-đắc thế nào và vì sự gì mà không được thịnh-hành.

Như thế thì ra quốc-học là cái có sẵn mà chưa biết ra đó thôi. Còn thế-giới công-học thì tiền-nhân ta trước cũng có thể gọi là đã nhiều người có tư-cách biết học và cũng đã có biết chăm về cái học nghĩa-lý.

Những học-thuyết, học-phái của ta, ông tìm ra biểu-chương lên rồi đặt thành tên mới cả, cái đó còn để xem các nhà thạc-học trong nước sẽ bình-luận ra thế nào. Còn tôi thì tôi cứ xét công-việc của ông viết bài này thực là dụng-công tìm kiếm, so-sánh kỹ-càng mà nghị-luận thành-thực rõ-ràng, giữ được thái-độ bình-tĩnh không thiên-vị, ông tự-nhận là điều-đình cũng đáng.

Ngô Vi Liễn

---

(1) Của ông Nguyễn Trọng-Thuật diễn-thuyết tại hội Trí-tri Hải-dương ngày 26 Novembre 1931.

(2) Của ông Hội-trưởng hội Trí-tri.

Bài diễn-thuyết

Thưa các ngài,

Hiện nay trong nước ta đang có một cuộc tranh-luận về vấn-đề quốc-học, là cái học riêng của một nước. Nó khác với nghĩa quốc-học cũ là cái nhà trường học của cả nước như xưa.

Khởi-xướng ra hai chữ quốc-học về nghĩa mới ở ta đây là ông Lê Dư ; cãi lại rằng nước ta không có cái học đáng gọi là quốc-học là ông Phan Khôi. Hai bên tranh-luận ở báo *Đông-tây* Hà-nội, thành ra một cái học-án cho học-giả trong nước đang bàn xét.

Tôi lấy cuộc tranh-luận này thực là một cái điềm hay đáng mừng cho cõi học nước nhà. Phàm tranh-luận về cá-nhân, về tư-lợi, đều là những cuộc tranh-luận không hay và không nên có ; còn những cuộc tranh-luận về học-vấn nghiên-cứu thì càng bàn đi nói lại, chân-lý càng hiển-hiện ra, học-vấn càng tinh-tế mà có ảnh-hưởng cho tiền-đồ cõi học nhiều lắm.

Nhân bàn đến quốc-học, luận-giả thường nhắc đến học-thuyết với học-phái mà trách-bị các học-giả nước ta xưa không có học-thuyết học-phái. Học-thuyết là những hạt giống văn-minh, học-phái là những kẻ đem gieo những hạt giống văn-minh ấy. Nay học-giả nước ta nhờ ảnh-hưởng của học-thuật Thái-tây cùng nước Pháp, đã biết lo đến cái gốc sự học, lo đến hạt giống văn-minh, trách-bị tiền-nhân tức là khát-vọng cho ngày nay đó. Cũng giống như ở Nhật-bản hồi cuối đời duy-tân mà người ta khát-vọng một cái tân-tôn-giáo đó. Như thế há không phải là một cái điềm hay đáng mừng cho cõi học ta dư?

Các ngài cũng như chúng tôi đây, cũng cùng là quốc-dân, cũng cùng mang tiếng được sinh ở một nước cũ-kỹ có học-vấn, có giáo-hóa lâu đời, cũng cùng có đôi chút học-bánh, dù ngày nay cõi học mở rộng, có người chuyên về Hán-học, có người chuyên về Tây-học, thế càng rộng càng hay, song đó là về hình-thức, về chuyên-môn cả, còn cái tri-thức phổ-thông của thế-giới, cái tinh-thần duy-nhất của bản-quốc thì cũng là một cả. Như thế thì gặp cái vấn-đề có quan-hệ đến nền văn-hóa cố-hữu, và có ảnh-hưởng cho hậu-học đối với cái lâu-đài tân-học sắp đem xây tiếp vào đây, có lẽ nào mà ta không để ý xem xét đến được.

Đối với cái học-án này tôi chỉ xin làm một kẻ cung-chứng đem những điều sở thấy cứ thực trình bày để các học-giả xét đoán, chứ tôi không thiên về bên nào. Cũng không chực làm một nhà thầy kiện để cố-ý biện hộ cho cổ-nhân vậy.

Nay xét đến nguyên-nhân cuộc tranh-luận này, thì chỉ ông Lê Dư sơ-ý một chút để nên chuyện mà thôi. Nguyên ông làm trong trường Bắc-cổ Hà-nội đã lâu năm, khảo-cứu sưu-tập được nhiều những tập văn-thi nôm của nước ta, nay ông muốn đem in dần ra làm một bộ sách tùng-thư thuần về bản-quốc. Ông lấy việc làm như thế là nó thuộc vào một phần trong khoa quốc-học như của Nhật-bản đó. Ông bèn đặt tên cho bộ sách ấy là « *Quốc-học tùng-san* ». Cuốn in ra bắt đầu là « *Bạch-vân-am thi-văn-tập* », trên đầu bìa có bốn chữ tên bộ sách như thế.

Ở nước ta dù đã có nhiều người biết đến cái tên quốc-học về nghĩa mới của Nhật-bản này — cả tôi đây cũng vậy, tôi đã dịch đến cái tên quốc-học ấy ở tôn-giáo-sử Nhật-bản đăng tạp-chí nhiều lần — đã lâu mặc lòng, song cái công đem mà đề-yết và thực-hành cho

nó vào cõi học của ta là mới từ ông Lê. Công-việc và thể-tài để biên-tập bộ sách tùng-san ấy thế nào là trách-nhiệm của ông. Còn cái tên quốc-học mà có thể nhận làm cái tên một khoa-học mà nước ta có thể có được và có thể đề-xướng lên được thì là việc chung của cả cõi học trong nước, ta không thể không xét đến.

Đại-phàm mới phát-minh ra một danh-từ về chủ-nghĩa gì hay là mới thâu-thái nó ở đâu mà đem đề-xướng lên cho xã-hội, thì phải giải-thích cho rõ cái tính-cách của nó ra trước. Bởi vì ngày nay thường một danh-từ mà nghĩa mới nghĩa cũ, nghĩa rộng nghĩa hẹp nhiều lắm, thế mà ông Lê không giải-thích cho cái tên quốc-học mà ông mới dùng ấy một câu nào cả. Lại quyển «*Bạch-vân-am thi-văn-tập*», ông Lê giữ tính-cách biên tập và tồn-cổ, cho nên ông không có bình-luận gì vào đấy một câu nào. Nghĩa là chỉ để cho học-giả được đủ nhiều tài-liệu để nghiên-cứu mà thôi. Nhưng ông cũng không dặn cho người ta biết thế. Ở cái đời khoa-học thực-nghiệm này, trông ngoài bìa sách thấy hai chữ «quốc-học» mới-mẻ to-tát, mở cuối sách thấy một ít lời sấm, thì ai cũng phải ngờ. Ấy vì thế nghị-giả nhận sai nghĩa chữ quốc-học đi mà thành lầm.

Nay xét ra nghị-giả lầm vì hai cớ này: Một là không biết đến cái nghĩa quốc-học đan-thuần của Nhật-bản, nhân thấy ở Trung quốc đâu đầu đời Dân-quốc, có một phái nào đó xướng lên lấy sách bách-gia chư-tử làm quốc-học để đối với Tây-học đang tràn vào. Quả như lời nghị-giả thì nghĩa quốc-học ấy là ngoan-cố khoa-đại đấy, quả thế thì lầm. Hai là nghị-giả không đem thời-đại học-thuật của nước nhà mà so-sánh với xa gần, về đồng-thời không chịu lượng xét cho học-giới ta xưa bị những trở-lực gì mà dù có ít nhiều điều biệt-kiến cũng phải tiêu-trầm, rồi không chịu khó bới móc trong chỗ giấy rách mà nhặt-nhạnh lại, nhất-diện cứ câu-chấp ở đống sách bề-bộn của Tàu mà kết án cho cổ-nhân mình, kết-luận rằng: «*Nước ta không có cái học đáng gọi là quốc-học.*» Xét ra thì ý nghị-giả muốn nói về cái học chung của thế-giới kia, mà gọi lầm làm quốc-học đấy, chứ quốc-học thì nước nào mà chả có.

Song-le dù đối với cái học chung của thế-giới đi nữa, như so với cụ Khổng cụ Phật cùng Đông-châu chư-tử thì cổ-nhân ta không những không có mà lại còn là học-đồ, nhưng so với bạn học cùng cái thời-đại học-thuật với nhau, nghĩa là so với các học-giả Hán, Tống, Minh, Thanh, mà đời kêu là đại-nho thì cổ-nhân ta đời nào cũng có như thế đấy, chỉ vì số nhiều không biết trọng mà để trầm-mai đi, thì còn lấy đâu mà thành-lập lưu-hành được. Chứ nếu đều thành-lập lưu-hành đến nay cả thì đã chả có cái cảnh-tượng học-thuật khủng-hoảng như bây giờ.

Hiểu thấu cái tình-tệ ấy của học-giới ta và đã từng tỏ lòng ái-tích, thật mới có ông Phan Khôi, tôi còn nhớ một số *Phụ-nữ tân-văn* năm nọ, ông có than phiền cho một cái học-thuyết mới là «Tư sinh dịch hóa 牛易化» của một nhà học-giả đã đăng ở *Nam-phong* rồi, ông nói đại-ý rằng giá ở nước khác thì thuyết ấy không luận hay dở ra sao, nhưng cũng thành ra một cuộc bàn luận, mà ở ta thì thôi cả. Coi đó thì biết ông thật có tâm đến học-giới nước nhà mà cái lầm về nghĩa quốc-học này không phải tại ông.

Cho được hiểu rõ hai điều lầm của nghị-giả trên này, tôi xin bàn giải, so-sánh và chứng-dẫn luôn làm một bài khảo-cứu như sau này, các ngài tự suy-xét phán-đoán lấy, chứ tôi không

muốn theo cách biện-luận tỉa-tách từng lời, cãi vặt từng câu nữa.

Dưới đây trước tôi phân-giải cho hai cái học ở trong học-giới các nước ngày nay là *quốc-học* với *thế-giới công-học* khác nhau thế nào. Rồi tiến lên xem học-thuật Việt-Nam đối với hai cái học ấy ; về quốc-học thì lấy nghĩa của Nhật-bản rồi xem Việt-Nam sẽ có những gì ; về thế-giới công-học thì trước xét ở Trung-quốc, ở Nhật-bản về đồng-thời xem thế nào, rồi xét đến Việt-Nam xem thế nào.

Hai cái học trong học-thuật thế-giới:

Học-thuật các nước thế-giới đến ngày nay là hoàn-bị và tinh-tế, song lấy quốc-tính mà phân ra thì có hai loài là *quốc-học* với *thế-giới công-học*. Quốc-học là cái học riêng chỉ một mình nước ấy có. Thế-giới công-học là cái học chung của các nước học lẫn của nhau. Xem Á-tuyền-thị Trung-quốc đời Quang-tự giải sau này thì đủ hiểu. Họ Á-tuyền có dịch một quyển sách *Hóa-học* của Nhật-bản, rồi tự viết lấy bài tựa, đầu bài tựa nói : 《有一國獨有之學。有世界公有之學。歷史，地輿，國文，政治，法律等。各國各有其性質。此一國獨有之學也。自然界之學。原理之學。世界公有之學也。然世界公有之學中，亦有一國獨有之學。如言博物則詳於本國之所產。言理化則詳於本國之藝術物品。以本國之材料佐證之。以本國之文字記載之。適於其國人之性質。如是則雖世界公有之學。而定爲一國獨有之學。...》— Nghĩa là có cái học độc-hữu của một nước, có cái học công-hữu của thế-giới. Như lịch-sử, địa-lý, quốc-văn, chính-trị, pháp-luật, v. v. ; nước nào có tính-chất của nước ấy, ấy là cái học độc-hữu của một nước đó. Như học về tự-nhiên-giới, học về nguyên-lý, ấy là cái học công-hữu của thế-giới đó. Song trong cái học công-hữu của thế-giới, cũng có cái học độc-hữu riêng của một nước. Như về vật-lý thì nói tường đến những cái sở-sản của bản-quốc hơn. Về lý-hóa thì nói tường đến những nghệ-nghiệp phẩm-vật của bản-quốc hơn ; rồi đem những tài-liệu của bản-quốc mà chứng-tá, lấy tiếng chữ bản-quốc mà ghi-chép, cho nó thích-hợp với tính-chất của người nước mình. Ấy như thế thì tuy là cái học công-hữu của thế giới mà thực là cái học độc-hữu của một nước.

Họ Á-tuyền gọi cái học độc-hữu của một nước, tức tôi gọi là quốc-học, và gọi cái học công-hữu của thế-giới, tức tôi gọi là thế-giới công-học đó. Cứ ý họ Á-tuyền thì không những cái học riêng như lịch-sử, văn-tự, v. v., là quốc-học đã đành, mà đến những cái học chung như về tự-nhiên, về nguyên-lý, đã gọi là của chung thì dù tự mình sáng ra, dù tự người ta sáng ra cũng là của chung cả. Của chung đấy nhưng hễ đem quốc-sản, quốc-văn mà biến-hóa giải-thích cho hợp với tính-chất người trong một nước được, như khoa-học ta mà phân chất về con rươi con ruốc, cái lá vối, v. v., thì là của riêng. Tức là quốc-học. Song quốc-học này là về nghĩa rộng, tôi chỉ bàn quốc-học về nghĩa hẹp để đối với thế-giới công-học là hai mà thôi.

Coi đó thì biết quốc-học tức là cái học bất-dịch, chỉ một nước ấy có, chỉ người nước ấy cần phải học, hoặc là chỉ người nước ấy mới có thể học thâm-thấu được, còn nước khác không có, người nước khác không cần phải học, hoặc là có học cũng không thâm-thấu được. Đến như thế-giới công-học thì là cái học của chung, là cái học biến-dịch, nghĩa là tùy thời mà đổi mới, tùy thời mà khứ-thủ không nhất-định được.

Ví như một người, quốc-học là phần bản-thể, thế-giới công-học là phần

bồi-dưỡng Bản-thể thì cần phải nuôi cho lớn khôn khỏe đẹp ra mà không bỏ và thay chỗ nào được, nếu bỏ hay là thay chỗ nào thì là bất-cụ, quá thì chết. Còn bồi-dưỡng thì nếu nhà có thì chớ bằng có mà thiếu, hoặc có mà xấu, hoặc không có đi nữa thì cứ lấy ở ngoài. Song phải tùy theo tuổi-tác mà nuôi cho dễ tiêu-hóa. Nếu còn bé mà đã cho uống rượu, lớn rồi mà còn mớm cơm, hoặc bo-bo chỉ cậy ở những đồ ôi của hủ của nhà, thì lại càng là cái hại cho bản-thể.

Xem thế thì về thế-giới công-học, thiếu đâu cứ cầu ở ngoài, đã hủ rồi thì cứ cải lại, hoặc khử cả đi, hoặc phát-kiến thêm ra được để đóng góp với đời càng tốt. Đến như quốc-học thì phải có sẵn cả rồi, là cũ-kỹ tích-lũy chứ không phải là mới. Hoặc có những bỏ thì nay đem ra, có tản - mát thì nay thu-tập lại, chứ không phải đi chuốc ở đâu đem vào được.

Ấy tính-cách, tinh - thần đại - đồng của hai cái học các nước ngày nay khác nhau là thế. Lấy bản-thể với bồi-dưỡng mà ví thì hai cái không thể lìa nhau ra được. Bản-thể phải cần có bồi-dưỡng, mà bồi-dưỡng có hợp với tính-chất của bản-thể mới có công-hiệu tốt. Lấy địa-vị mà chia thì quốc-học là địa-vị chủ-nhân, là bản-thể bất-dịch, nhưng phải khiêm-cung mà thụ-giáo; thế-giới công-học là địa-vị thầy-bạn, là bồi-dưỡng biến-dịch, được tôn-sùng mà phải tùy chủ. Ấy hai cái học quan-hệ với nhau là như thế.

1. — Về quốc-học

Tuy-nhiên, trong học-giới người ta cũng mới lược phân ra làm hai cái học là quốc-học với thế-giới công-học như đã nói ở trên, cho học-giả biết qui-nạp vào chủ-nghĩa bản-quốc mà thôi. Thực ra thì như các nước Âu Mĩ đối với hai cái học ấy đều hoàn-bị tinh-vi lắm rồi, mà cũng không có đâu phân hẳn ra làm một chuyên-khoa gọi là quốc học; phân hẳn ra như thế chỉ có Nhật-bản đã từ ước hơn trăm năm nay. Nay xét ra cũng là vì quốc-học của họ bấy giờ đối với thế-giới công-học thì còn bị kém hèn ẩn-khuất mà mới phải xướng lập lên đó thôi. Thế cho nên tính-cách và tinh-thần của quốc-học Nhật-bản nó lại còn ngộ-nghĩnh và hay-ho hơn là của Á-tuyền-thị đã giải gọi là cái học độc-hữu như trên ấy. Nay muốn biết tính-cách tinh-thần của quốc-học nước ấy, phải hỏi đến lịch-sử và nguyên-nhân phát-minh ra nó.

Nhật-bản là một đảo-quốc cách-biệt với cõi đại-lục Á-đông, cổ-thời ít tiếp-xúc, xung-đột với người ngoài, nên dân-tộc vẫn giữ được bản-tính giống như quốc-thể. Tổ-truyền có một cái quốc-giáo nói : Vua Quốc-tổ Thần-vũ thiên-hoàng là thiên-thần xuống khai-thác cõi tam đảo mà lập quốc cho Nhật-bản, cũng giống như thuyết họ Hồng-bàng con tiên cháu rồng nước ta. Thì từ đó về sau chỉ một họ nhà vua Thần-vũ được làm vua và chủ-tế thiên-thần mà thôi; còn thần-dân không ai được ngấp-nghé vào đấy. Cổ truyền cũng có thứ chữ hòa-văn, nhưng cách viết bất-tiện, nên chưa có văn-học văn-hóa gì, đại-khái như chữ của người thổ thượng-du ta vậy. Nhưng về đường vũ-công thì đã khá. Đến trung-cổ, ngang đời Lưỡng-Tấn trung-quốc, Nhật-bản đánh được Triều-tiên mà Nho-giáo Phật giáo của Trung-quốc do Triều-tiên truyền vào, nước mới có văn-học văn-hóa từ đó. Song cũng từ đó các phiên-thần tranh nhau tiếm quyền mà vương-chính suy đi. Lại đến cận-cổ, ước vào giữa đời Lê Trịnh nước ta trở đi, Tướng-quân họ Đức-xuyên dẹp các phiên, thu toàn-quyền, lập lên Mạc - phủ như vương-phủ chúa Trịnh, Thiên-hoàng

chỉ còn hư-vị mà thôi. Tế-chủ thì vua Lê, chính-quyền thì chúa Trịnh không khác gì.

Họ Đức-xuyên từ Gia-khang đến Khánh-hỉ hơn hai trăm năm thì tiếp sang thời duy-tân mới đây đó. Gia-khang dẹp yên các phiên rồi xếp việc vũ, tu việc văn mà văn-học mới hưng-thịnh hơn trước. Nho với Phật chiếm-cứ cả cõi tư-tưởng của người trong nước. Song Nho thì ấp-tốn chinh-tru, thay triều đổi họ, Phật thì xuất-thế, đều có bất lợi cho quốc-thể của họ, họ lấy làm lo. Bấy giờ có người mới xướng lên đem quốc-giáo thần-đạo, quốc-sử, (mà quốc-sử đến bấy giờ cũng mới đủ) hòa-văn, cổ-điển hợp làm một môn học gọi là quốc-học, để đối với Nho-học Phật-học mà không quên quốc-túy vậy. Cho nên sử chép: « Bản-cư Tuyên-tràng xướng ra quốc-học 本居宣長能言國學. » Ấy cái danh-từ quốc-học nghĩa mới mới xuất-hiệu ra học-giới Nhật-bản từ đó. Từ đó về sau mấy món cốt-yếu của quốc-học, người ta tìm thêm mãi ra. Thần-đạo thì mượn nghĩa-lý của Nho Phật mà nhuận-sắc vào. Cuối đời Đức-xuyên có Bình-điền Đốc-giản 平田篤胤 phát-huy cổ-nghĩa ra mà nói rằng: « ... Thiên-hoàng là hiện-thế nhân-thần 皇爲現世人神, thì tế với chính phải là một chỗ 則自當祭政一致. » Nay nhà làm tôn-giáo-sử gọi lối thần-đạo này là quốc thể thần-đạo có chép rằng: 「國學者復唱此或繼神道, 以尊崇古典, 景仰建國初平之祭政一致.」 — Bọn quốc-học lại xướng ra lối quốc-thể thần-đạo để tôn-sùng cổ-điển, nhớ mến phép « tế với chính một chỗ » là cái phép từ thủa mới dựng nước khi xưa. Cũng nhờ đó mà kết-quả giúp cho vua Minh-trị được phục-chính, thành được nghiệp duy-tân. Người Nhật-bản nay thâu-thái văn-hóa Thái-tây làm nên phú cường mà vẫn giữ được quốc-tính quốc-hồn cũng lại nhờ có khoa quốc-học ấy nó thường thường hoán-tỉnh vậy.

Xem thế thì người Nhật bấy giờ họ sở-dĩ xướng-lập ra khoa quốc-học là đem những cái cố-hữu tầm-thường mà cốt-cách của tổ-bang từ thiên-cổ ra, đánh thức cho bọn quốc-dân bập-bẹ « Tử-viết, Thi-vân, » « bát-nhã ba-la-mật » kia, đối với cái học chung thế-giới ấy mà nhờ có mình, nhờ vì mình mà học. Tức là dựng chủ-nhân dậy, đứng hẳn ra ngôi đông-đạo mà tiếp rước lấy hai đại-sư Nho Phật vào mà giáo-hóa cho con cái, chứ không phải đưa chủ-nhân ra để chực đóng cửa cài then không cho sư-tân tới nhà, hoặc là chực giở lối chữ nghĩa cùn để đối chọi với thầy, thì lại càng ngăn-trở sự thụ-giáo cho con-cái.

Muốn cho rõ cái ý ấy hơn nữa, tôi xin mượn lời chủ-nhân là quốc-học, bố đẻ của cậu học-trò là quốc-dân Nhật-bản bấy giờ, nói với hai ông thầy học của con là Nho với Phật như sau này, cho thêm vui:

« Kính phu-tử, bạch Thế-tôn, vì tôi đây hâm-mộ giáo-hóa của phu-tử cùng Thế-tôn mà mời hai ngài về đây để dạy bảo cho cháu. Nhưng nhà tôi đây tổ-tông truyền dõi giữ chỗ hải đảo tốt đẹp này. Một dòng chất-phác, trung hậu mà khí-khái, đã thành lề-thói, đã có thể-thống nhất-định. Vậy xin ngỏ cùng phu-tử với Thế-tôn, thế nào là hiếu-trung nhân-nghĩa, thế nào là trí-tuệ từ-bi, xin phu-tử với thế-tôn cứ tự-do hết lòng mà đào-tạo cho cháu. Nhưng chỉ xin hai ngài ngó tới cái gia-truyền của nhà tôi trên kia mà liệu cảm-hóa cho cháu. Cháu được thành-tài đạt-đức, đua ganh với đời mà hằng biết nghĩ đến tôi Ấy là tôi cám ơn phu-tử với Thế-tôn. »

Ấy địa-vị, tính-cách, tinh-thần của quốc-học Nhật-bản đại-khái có đan-thuần như thế thôi

Cho nên từ xưa đến nay, Nhật-bản không những nhờ văn-hóa của ngoài để khai-hóa, mà lại nhờ đến cả nho-giả, tăng-đồ của Tàu cũng nhiều. Thế mà nói đến quốc-túy, họ vẫn ra vẻ tự-tôn, tự-đắc mà mê-tín nữa. Tựa-hồ như họ cho rằng về phần ấy có như thế mới thú. Đây tôi xin trích một đoạn văn kết-luận sách *Nhật-bản sử* của Cương-bản Giám-phụ đời Minh-trị, cho biết giọng văn quốc-sĩ nước ấy. Ông soạn bộ *Vạn-quốc sử*, đặt Nhật-bản-sử lên đầu rồi kết-luận rằng: «若夫民間孝子義僕貞婦之類甚多。其人莫非秉此心而行者。獨中古文學之士。不得其人。則爲可惜。然古人忠厚成性。發於其言者。斐然成章。莫非至文。視之後人。競於辭藻。未可同年而語也。後人徒弄筆墨。譬諸錫蠹蠹蠹。何足貴哉。要之我邦忠厚之風。原于祖宗。深仁厚澤。淪其骨髓。而學問則其次也。方今皇運中興。克復舊物。與萬國交通。取其所長。文運大興。其裨益民生。有過前古。苟不修室德而專事虛文。則恐有邪說惑衆。暴行蹂起。將至現黑暗世界。夜叉政府。可不畏乎哉。» Còn như những hạng con hiếu, vợ trinh, đầy tớ có nghĩa ở dân-gian nhiều lắm, ai là không theo ở cái lòng phú bẩm chung kia mà làm. Duy có đời trung-cổ, không được một người nào là hạng văn-học thì cũng đáng ân-hận. Song cổ-nhân tính quen trung-hậu, nói ra lời nào là có cái ý hay tự-nhiên, đều là những văn chí-lý đó. Đem mà so với những thứ văn đời sau họ đua nhau viết cho hoa-mĩ, thì còn hơn biết bao nhiêu. Vì rằng người đời sau họ chỉ khua múa bút mực, khác gì túi gấm mà đựng nhơ, còn qui gì. Rút lại là cái phong trung-hậu của nước ta từ tổ-tông truyền lại, đức sâu ơn nặng thấm vào cốt-tỉ nhân-dân, mà sự học-vấn còn là phần sau vậy. Đương nay Hoàng-vận trung-hưng, đem lại nếp cũ, nước ta cùng vạn-quốc giao-thông, học được cái sở-trường của người ta, mà văn-vận được nên rất thịnh, giúp ích cho dân-sinh, hơn tiền-cổ nhiều. Nhưng nếu không tu lấy thực-đức mà chỉ chuyên làm hư-văn thì e bị lời tà làm mê hoặc lòng người, nết hư nổi lên, sẽ đến hiện ra một thế-giới hắc-ám, một chính-phủ ma-quỉ, thì đáng ghê đến đâu.

Ấy là lúc đã làm nên được cái sự-nghiệp duy-tân, thâu-thái được cái văn-minh mới rực rỡ rồi đó, mà lời nói suy trước nghĩ sau, trong chỗ dở biết hay, trong chỗ hay biết dở, nơm-nớp có, ngông-nghênh có như thế. Thật đáng đại-biểu cho cái tinh-thần quốc-học của họ.

Ấy quốc-học chỉ có thế thôi thì nước nào mà chả có, mà chả nên đề-xướng lên. Dẫu đến Ai-lao, Cao-miên cũng vậy, phương-chi là Việt-Nam ta. Còn như Trung-quốc tuy là nơi tổ-tích học-vấn cùng văn-minh cũ của Á-đông thật, song nay cũ rồi, nếu có phái nào đó mà muốn đề-xướng quốc-học tưởng cũng chỉ nên nhận những phần độc-hữu, phần bản-chất, phần chủ-nhân bất-dịch để làm một chuyên-khoa nghiên-cứu, thời-thường tỉnh thức cho bọn con em tân-học mà thôi. Còn như các cụ Đông-châu chư-tử thì cũng phải mời cả các cụ ra cùng với các cụ Tây-phương ngồi ghế sư-tân để chủ-nhân còn lựa lọc. Chứ mà ôm-đồm hàm-hồn cả lại để khoa-đại, ra điều ta đã có sẵn đủ cả các cái học hay lắm rồi đây, thì lại càng làm tự-tế thông-minh cho con cháu.

Nghĩa quốc-học Nhật-bản đại-yếu là như thế. Các nước khác tuy không biệt quốc-học ra làm chuyên-khoa, song trong học-giới của người ta thì quốc-học vẫn hoàn-bị phát-đạt làm chủ cho thế-giới công-học rồi, dù chẳng xướng lập ra nữa cũng chẳng hại gì. Duy

Việt-Nam ta mấy nghìn năm nay, không những quốc-âm chưa được làm tiếng phổ-thông học-vấn, mà đến quốc-sử cũng chưa được làm sách phổ-thông ở học-đường bao giờ. Vậy bây giờ đề-xướng và biệt ra làm một khoa để nghiên-cứu riêng cũng là cấp-vụ vậy. Nếu mà có làm thì công việc tưởng bất-ngoại những nguồn như sau này :

Quốc-sử, quốc-văn, quốc-thần, địa-dư-chí, cổ-điển, ngạn-ngữ, ca-dao và văn-thi.

Quốc-sử.— Phần này là gốc quốc-học, nước ta trước đã có những truyện khẩu-truyền về đời Hùng, đến đời Trần mới có sách quốc-sử thì quốc-học phục-hưng từ đó. Phần này thì phong-phú lắm, các sử-ký, liệt-truyện, gia-phả và bi-ký đều là tài-liệu. Song lối sử cũ còn khuyết-điểm nhiều, nay phải sưu-tập mà chép làm lối dân-sử đủ những dấu tiến-hóa hưng-suy của một dân-tộc.

Quốc-văn-tự. — Tức là ngữ-ngôn văn-tự là cái gốc của cõi học một nước, nhất là về quốc-học. Kể ra thì ta thí-nghiệm dùng quốc-âm làm sách học từ Hồ Qui-Ly, trước nước Pháp hơn một thế-kỷ mà nay chưa thành-lập. Vậy phải làm sao cho chóng có những sách tự-điển có giá-trị.

Quốc-thần. — Những vị thần từ Hùng-triều trở xuống, nào quốc-tổ, nào vĩ-nhân cùng những vị có công-đức bất-hủ với dân với nước, tra-cứu dấu cũ, ghi chép sự-tích, cải-lương cách thờ cúng cho quốc dân biết cách sùng-bái kỷ-niệm mà tín-ngưỡng phải đường.

Địa-dư-chí. — Biên chép đủ các nơi danh-thắng, các chỗ bờ-cõi thành-phủ cùng danh-hiệu duyên-cách từ xưa đến nay.

Cổ-điển.— Chính-trị của lịch-triều, chế-độ của xã-hội, phong-tục của dân-gian, trong chỗ lưu-tệ hủ-bại cũng còn có nhiều cái hay khác với của Trung-quốc, nên sưu-tầm ra.

Ngạn-ngữ phong dao. — Phần này vừa là cái kho tự-điển văn-luật, vừa là một pho kinh-điển của cả một dân-tộc kinh-nghiệm hoặc sở-đắc, về luân-lý, về phép hành-vi, về mĩ-cảm, tích-lũy lâu đời mà truyền-khẩu còn lại. Suốt dân-gian trẻ già nam nữ, không ai không nhớ ít nhiều, không ai làm việc gì, nghĩ điều gì, nói câu gì mà không viện lấy làm điển-cố khuôn-phép. Trừ những câu tả-tình tả-cảnh thuộc về giọng thơ ra, còn phần nhiều là những câu cách-ngôn hay là học-thuyết bằng vận-ngữ mà tất tinh-túy lắm. Tưởng ít nước có được một thứ cách-ngôn không sách mà phổ-cập đến như thế. Cũng có đủ những câu về cái học riêng và những câu về cái học chung. Những câu về lịch-sử, địa-dư, phong-tục là về cái học riêng một nước. Những câu về luân-lý đạo-đức là về cái học chung thế-giới. Đaơ cử như mấy câu sau này, xin đọc để các ngài nghe, để cho câu chuyện về học-vấn khỏi nhạt.

1º — Ai lên Phố Cát Đại đồng,
Hỏi thăm cô tú có chồng hay chưa.
Có chồng năm ngoái năm xưa.
Năm nay chồng vắng như chưa có chồng.

Phố Cát, Đại-đồng hai nơi ở Tuyên-quang, đời Lê gọi con gái chưa chồng là tú nữ. Đây là bài phong-dao tả về ông Vũ Duy-Mật giữ Tam-tuyên chống với nhà Mạc mà tìm vua Lê.

2º — Kéo quân qua cửa Hùng quan,
Chim muôn tiếng hát hoa ngàn hương đưa.

Nhớ ai ra ngần vào ngơ,
Nhớ ai ai nhớ bây giờ nhớ ai.

Hùng-quan là một cửa ải ở Tuyên-quang, đây là ông Vũ Duy-Mật kéo quân đi đánh Mạc mà nhớ vua Lê.

3º — Chém cha cái giặc chết hoang,
Làm cho thiếp phải gánh lương cho chồng.
Gánh ra xứ Bắc xứ Đông,
Đã gánh cho chồng lại gánh cho con.

Đây là bài thơ chinh-phụ ở về đời Lê Trịnh. Xứ Bắc xứ Đông về Hậu-Lê tức bây giờ là tỉnh Bắc-ninh tỉnh Hải-dương. Bấy giờ đời Lê-mạt, một vùng Đông Bắc có tướng Tuyền tướng Hẻo nổi đánh chúa Trịnh, loạn vừa to vừa lâu. Lính Thanh Nghệ là thân-binh của chúa Trịnh phải chuyên đi đánh dẹp, gọi là lính đường trong, lương nước không đủ nhà phải cấp thêm. Mụ này trước gánh lương cho chồng sau lại gánh cho con là hai đời kế nhau ra lính. Mụ này từ lúc mà hồng cho đến khi đầu bạc, trèo đèo lặn suối, xông pha vào chỗ lửa binh để gánh lương đến cấp thêm cho chồng cho con là hai mối thâm-tình đương hi-sinh vì việc nước. Tưởng trong đời ít đâu có bài ca chinh-phụ đến bi-tráng như thế. Thơ tiền người lính đi trận của Tàu mà đến « 哭聲直上干雲霄 *khốc thanh trực thượng vu vân tiêu* = Tiếng khóc vang động đến mây xanh. » Lại : « 生女猶得嫁比鄰, 生男埋沒同芳草 *sinh nữ do đắc giá tỉ lân, sinh nam mai một đồng phương thảo* = Sinh gái gả gần hàng xóm nọ, sinh trai vùi ở nội hoang kia. » Thế thì còn có khí-phách gì nữa !

Ba bài trên ấy là về cái học riêng đó ; còn cái học chung thì như :

1º Khôn sống mống chết, mạnh được yếu thua.

Ấy là cái nghĩa sinh-tồn cạnh-tranh, ưu-thắng liệt-bại về cái học thiên-diễn đấy.

2º Ép dầu ép mỡ, ai nỡ ép duyên.

Ấy là cái nghĩa về nam-nữ tự-do tuyển-trạch đấy.

3º Bẻ chẳng vin, cả gẫy ngành.

Ấy là cái nghĩa gia-đình đồng-ấu giáo-dục đấy.

4º Học cho cách-vật tri-tri,
Văn-chương đạo-đức điều gì cũng thông.

Ấy là cái chương-trình cầu học ngày xưa, mà đến ngày nay lại càng thích-hợp hoàn-toàn lắm. Cách-vật tri-tri là khoa-học. Trước phải có cái tri-thức về khoa-học thì sự suy biết mới có căn-cứ, rồi đến văn-chương đạo-đức điều gì cũng phải thông. Giáo-dục mà đến như thế là hoàn-bị chứ gì. Thế thì người nào đặt bài này, đem cách-trí lên đầu cho chương-trình học-vấn như thế, không phải là tinh lắm ru? Vậy thì ngày nay các ông đồ tây đồ nho mà công-kích khoa-học ấy là trái với quốc-túy đó.

Trong ngạn-ngữ phong dao của ta đại-khái như thế nhiều lắm, thật là quí, thật là lạ. Trước không có sách, chỉ truyền-khẩu. Nay đã nhiều người biên-tập in ra phong-phú lắm, thực cũng có công. Song truyền-khẩu lâu ngày nên sai-xuyễn, xâm-tạp vào nhiều lắm. Nay cần có một thứ sách chọn lấy tinh-túy mà chú-giải ra thì mới được.

Văn-thi cũ. — Có tiếng nói hay, mới có văn thơ hay, mà văn thơ càng phát-đạt thì tiếng nói lại càng thêm tinh-túy. Văn thơ nôm cũ của ta kể cũng đã thịnh. Nhất là các thơ ca lại nhiều lối và trang-thiên lại dài hơn của Tàu nhiều. Nay phải sưu-tầm ra cho hết, mà biện-chính lại cho tinh.

Trước đây mà giàu cái tư-tưởng về quốc-học thì có Lê Quí-Đôn, hiệu Quế-đường. Không những ông làm sử-ký, sưu-tập văn thơ của tiền-nhân ta mà chép ra thành sách riêng. Ông lại còn viết một bộ *Kiến-văn-lục*, chép đủ những sự lặt-vặt, nào văn-hóa chế-độ Lý Trần, nào địa-dư, thổ-sản, thổ-hóa, văn-thơ, thần-tử, nhân-vật của nước ta, hoặc tìm ở di-thư, ở bi-

ký, hoặc ông tìm ở sách Tàu, có nhiều chỗ người Tàu tán-dương nước ta, ông đều lục ra để biểu-dương văn-hóa nước nhà. Nhất là sách *Sứ Giao-châu-tập* của Trần Cương-Trung nhà Nguyên sang sứ nhà Trần là lúc nam bắc đã bãi-binh rồi, khi về Tàu thì Trần Cương-Trung viết thành tập thơ ấy, những chỗ chú-thích nói đủ văn-hóa chế-độ nhà Trần. Trần Cương-Trung tưởng lại lúc còn ở An-Nam mà hủ vía, có một bài thơ đề là « Sứ hoàn tức sự 使還卽事 » tả về những sự lo sợ. Xin trích hai câu ra đây để làm chứng: « 命戈影裏丹心苦銅鼓聲中白髮生 » Nghĩa là thấy bóng giáo vàng bụng khổ thay, nghe tiếng trống đồng đầu bạc hết. Bài thơ đó tuy không phải là tài-liệu quốc-học ta, nhưng xem đó thì biết những dấu cũ của ta, còn có thể tìm ở sách bên Tàu được nhiều nữa.

Nay muốn biết cái tinh-thần của văn-hóa chế độ Lý Trần thế nào, nên đọc những lời chỉ-dụ của hai vua nhà Trần như sau này.

Đời Minh-tôn hoàng-đế, các quan triều là Lê Bá-Quát, Phạm Sư-Mạnh muốn thay đổi chế-độ theo Tàu. Ngài nói: « Nam bắc khác nhau, quốc-gia ta đã tự có hiến-chương riêng rồi, 國家自有成憲,南北各異. »

Đời Nghệ-tôn hoàng-đế ngài thường nói: « 先朝立國。自有法度。不遵宋制。蓋以南北各帝其國。不相襲也。大治間嘗生用事。不達立法微意。乃舉祖宗舊法恰向北俗上安排。若衣服樂章之類。不可枚舉。故初政一遵開泰舊例。 » Nghĩa là tiền-triều ta lập quốc đã tự có pháp-độ riêng chứ không theo của nhà Tống. Bởi vì nam bắc đều tự-chủ lấy nước mình, không nên phóng-chép của nhau. Duy từ niên-hiệu Đại-trị (đời Dụ-tôn), nhân bọn thư-sinh chấp chính, họ không hiểu cái ý sâu lập-pháp của tổ-tôn, bèn đem cả phép cũ mà đổi dựa theo như tục Tàu, như là những việc về y-phục ca-nhạc, còn nhiều việc khác nữa. Vậy từ nay việc chính-trị buổi đầu nhất-thiết phải tuân theo về điển-lệ năm Khai-thái (đời Minh-tôn trước Dụ-tôn).

Coi đó thì biết văn-hóa Lý Trần khác với của Tống, mà cái sự-nghiệp Lý Trần không phải là ngẫu-nhiên đâu.

Tôi lược bàn mấy mục về quốc-học như trên, nếu nay muốn mở học-viện thì phải ở Nhà-nước hoặc một đoàn-thể lớn.

Còn muốn ra báo-chí, tùng thư, mở phòng biên-tập khảo-cứu, ra sách lẻ thì học-hội nhỏ hoặc cá-nhân tự làm lấy được. Cách sau này thì gần đây người ta cũng đã nhúc-nhắc làm, như những hội những người làm tự-điển, làm sử-ký, làm địa dư-chí, tập phong-dao ngạn-ngữ, vân vân. Những việc nghiên-cứu biên-tập ấy không phải là quốc-học dư? Những người ấy không phải là Hán-học-giả, Tây-học-giả mà kiêm làm quốc-học-giả đấy dư? Những người biểu-chương tinh-thần quốc-âm, chủ-trương giáo-dục phổ thông bằng quốc-ngữ, há không phải là những người biết chăm đến cái gốc quốc-học dư? Chỉ vì chưa biết đề-yết hai chữ quốc-học lên và việc làm chưa có chương-trình thống-hệ gì đó thôi.

II — *Về thế-giới công-học*

Muốn biết công-phu học-vấn về thế-giới công-học của người Việt-Nam xưa thế nào, trước phải biết trình-độ khai-hóa của người Việt-Nam trước khi chịu cái học của Trung-quốc thế nào đã.

Phàm một dân-tộc mà chịu một cái học mới nào ở ngoài truyền vào thì tự mình phải có một cái trình-độ đã khai-hóa thì mới chóng nhập-diệu được. Nay xét hai việc bang-giao của

người Việt-Nam chép ở sử Trung-quốc về thượng-cổ là đời Đường Nghiêu và đời Tây-Châu, thật là những cuộc thám-hiểm rất mới-mẻ mà vẻ-vang của ta ở trên lịch-sử giao-thông Đông-Á.

Đây nói về cuộc giao-hiếu với Tây-Châu. Bấy giờ đường từ ta sang Tàu còn cách nhiều rợ chưa hóa với Tàu, cho nên sứ-giả ta phải dịch tiếng đến ba lần. Lại còn nhiều chỗ đất còn bỏ hoang chưa có lối thông-cù, cho nên lúc sứ-giả ta về phải quên đường, Châu-công phải tặng cái địa-bàn để làm hướng-đạo. Người Tàu lại từ-tạ là không biết mình, không muốn nhận lễ, sứ-giả ta phải dẫn lời tiên-tri trong nước là vì mến thánh-nhân mà đến.— Bấy giờ nói thánh-nhân cũng như bây giờ nói văn-minh — Thế thì việc đi đó có phải là sợ uy mà vào đâu, chính là vì quan-sát văn-minh mà đến đó chớ. Mà đời Tây-Châu của Tàu tỉ i văn-minh hoàn-bị sớm nhất thế-giới thật. Nếu không thì tội-vạ gì mà lần-mò một cách gian-hiểm như thế. Tất là bấy giờ người Việt-Nam ta cũng đã có một cái văn-hóa riêng mà dân-trí khai-thông hầu ngang với Tàu rồi. Tức là một đoạn lịch-sử Hùng-triều đó. Chỉ vì sau này bị đồng-hóa với Tàu mà tiêu-ma mất hết của mình đi đó thôi.

Cũng vì nhờ có một dân-tộc đã sớm khai-thông như thế, cho nên kế sau hồi đó, Triệu Vũ-đế mới nhờ mà nhất-đán lập ngay lên một đế-quốc; Trưng-nữ-vương mới nhờ mà thu-phục lại được một vương-quốc; Hán học-giả thì bọn Lý Cầm đời bắc-thuộc sức học đã ngang với người Tàu, nên mới viện lệ mà được bổ làm quan triều quan quân ở trung-châu Tàu. Coi đó thì đủ biết, nếu người mình trước kia mà còn dã-man vị-hóa như sử Tàu nói về đời Tích-Quang, họ phải dạy cho mới biết cày-cấy, mới biết cưới vợ lấy chồng, thì làm thế nào mà có được những cái hiệu-quả tiến-hóa chóng như trên kia được.

Bây giờ nói đến cái kết-quả về Hán-học trong thời-đại hơn hai nghìn năm nay. Muốn biết cái bằng tốt-nghiệp về Hán-học của cậu học-sinh Việt-Nam xưa thế nào, trước phải biết cái thời-đại học-vấn ấy của cả thế-giới bấy giờ thế nào đã. Việt-Nam ta thâu-thái học-thuật cùng văn-hóa của Trung-quốc từ bắt đầu đời trung-cổ cho đến gần đây, hơn hai nghìn năm chính là cái thời-đại học-thuật đình-trệ của cả toàn thế-giới.

Văn-minh thế-giới còn truyền và thịnh đến nay có văn-minh Á-đông, văn-minh Ấn-độ và văn-minh Âu-châu. Xét đến uyên-nguyên học-thuật thì mới có bốn xứ là đất phát-sinh, tức là Trung-quốc, Ấn-độ, Hi-lạp ngày xưa và Anh Pháp ngày nay. Sự tiến-hóa thì có ba thời-đại gián-đoạn nhau là thời-đại phát-đoan, thời-đại đình-trệ và thời-đại phục-hưng hay là tân-sáng.

Thời-đại phát-đoan về thượng-cổ: Trung-quốc có Đông-châu chư-tử, vừa đạo-học vừa khoa-học mà chú-trọng về đạo-học. Ấn-độ có Bà-la-môn với Phật thuần về đạo-học. Hi-lạp có Chư-hiền đạo học với khoa-học riêng nhau.

Thời-đại đình-trệ về trung-cổ. Các cái cổ học mới phát-đoan của đời thượng-cổ khắp thế-giới đều bị đình-trệ cả, sẽ nói tường ở dưới này.

Thời-đại phục-hưng nối lại cái mối thừa của cổ-học Hi-lạp, tức là phái tôn-nghi (hoài-nghi) của DESCARTES nước Pháp và phái thực-nghiệm của BACON nước Anh. Rồi từ đó các nước Âu tây Mĩ-bắc mới đua nhau tìm kiếm mãi ra cho đến nay, đã mĩ-bị nhiều lắm. Tuy nói là phục-hưng mà thực hầu hết là tân-sáng. Cho nên cũng gọi là thời-đại tân-sáng. Nay thì có cái thế làm hướng-đạo-sư để phục-

hưng và tân-sáng cho cả các học-thuật các nước trong thế-giới.

Nay đã biết thời-đại học-thuật của Việt-Nam ta xưa chính là lúc học-thuật đình-trệ của thế-giới, vậy có so-sánh gì về bấy giờ không nên lầm sang thời-đại khác.

Sở dĩ một thời-đại ấy mà cả học-thuật thế-giới bị đình-trệ như thế là vì Âu-châu thì bị tôn-giáo làm mờ-ám mất cái cổ-học của Hi-lạp đi, nên sử đã gọi là thời-đại hắc-ám. Ấn-độ thì Phật-giáo đã di-cư sang Á-đông, Á-đông thì nào là đế-chính thống-nhất, phá liệt-quốc làm quận-huyện từ đời nhà Tần mà không còn cái thế đua tranh nhau về tài-trí nữa. Nào là Nho-học được độc-tôn bãi bỏ bách-gia đi từ đời Hán Vũ-đế, mà không còn cái phong đua tranh nhau về học-phái nghiên-cứu nghĩa-lý nữa. Lại nào là cái học khoa-cử từ đời Hán xuống đời sau càng ngày càng thịnh về hư-văn; học-chế thống-nhất, văn-thể thống-nhất, nó làm thúc-phọc cả học-vấn tư-tưởng mà khiến phải cùn-cặn đi. Ấy là những cớ làm trở-lực cho sự tiến-bộ của học-thuật Á-đông đời ấy đó. Vì thế mà học-thuật đời ấy không những không vượt hơn được người trước, mà lại không phát-minh hết được những cái hay của người trước ra. Cuộc đời không tiến tất phải thoái, cho nên cũng lại vì thế mà những cái nguy-học tà-thuật nó thừa-cơ đua nhau thịnh lên từ đời Hán mà làm mê-hoặc cho đời, che ngăn chân-lý, đến nay chưa hết hại. Như Nho thì bói toán, vận-số, Lão thì thần-tiên, đồng-bóng, chiêm-nghiệm, bùa-cúng, đều vin vào cái thuyết «*âm-dương, ngũ-hành*» mà bịa-tạc mãi ra. Phật thì có phép thần-thông từ Ấn-độ đem lại. Những kẻ ngu-mê không kể, đến như Chu-Hi đời Tống thường nói cách-trí mà bàn hình-thể châu Ký là chốn cổ-đô còn tin phong-thủy mà nói *tay long tay hổ*, thì ai mà không. Cho mới biết cũng là một cái lầm chung của cả một thời-đại vậy.

Tuy-nhiên đem cổ-học Á đông mà so với cái tân-học mĩ-bị ngày nay thì còn khuyết-điểm nhiều, song cái gốc của nó là Nho với Phật thì vốn cao-minh mà thực-tế, cho nên dù thời-đại đó, nó có bị trở-lực gì thì cũng chỉ là không tiến-hóa lên được mà thôi, chứ những cái tinh-thần đã thực hành ra cho nhân-quần xã hội lúc đó cũng còn được nhiều cái hay lắm. Nói thực-tình thì chính nhờ nó đã gây cho xã-hội Đông-phương được một cái nền-móng vững-vàng rồi, nay chỉ có việc trừ bỏ cỏ gai mà xây cao cái lâu-đài tân-học lên thôi.

Ấy cái thời-đại học-thuật của thế-giới về trung-cổ là như thế, của Á-đông lúc ấy là như thế. Bây giờ thì bạn đồng-học với ta ở trường Đông-phương học đã đều tốt-nghiệp cả rồi, cái trình-độ ra trường Tây-phương-học là do ở công-phu học cũ. Vậy nay muốn định cho biết cái bằng tốt-nghiệp của cậu học-sinh Việt-Nam ở trường Đông-phương bấy giờ cao thấp thế nào, trước phải xét xem hai cái bằng tốt-nghiệp của bạn đồng-môn bấy giờ là cậu học-sinh Trung-quốc với cậu học-sinh Nhật-bản thế nào, thì mới có mực-thước mà định được. Nghĩa là phải xem bạn đồng-học với ta họ đã dụng-công về đường học-vấn đối với trong các bản-phái bấy giờ được những gì.

1° Về Trung-quốc. — Các đấng tiên-triết lập nên các học-phái Á-đông thượng-cổ thì là thầy, còn người Trung-quốc, người Cao-ly, người Nhật-bản và người Việt-Nam về trung-cổ là bạn đồng-môn cả. Duy người Trung-quốc thì là con thầy, con thầy thì được cái tiện-lợi hơn là cùng một tiếng nói với thầy và có cái gì thì được biết trước. Kể trong thế-gian cũng vạn ông con thầy thất-học mà học-trò lại giỏi, song

ông thế-huynh Tàu này thì cứng, cái hay cái dở bao giờ cũng đi trước cho môn-sinh.

Ở Trung-quốc mà học-thuật còn truyền và thịnh đến trung-cổ thì có Nho, Lão hoặc gọi là Đạo. Cùng với Phật hoặc gọi là Thích ở Ấn-độ truyền vào, là ba phái vừa là học-vấn vừa là tôn-giáo, thường gọi là ba đạo hay là ba đạo-học. Dưới nữa thì có hai cái nghệ-học lớn là binh-học của Tôn Ngô, y-học của sách *Tố vấn*, *Nội-kinh*, đều từ đời Chiến-quốc truyền lại. Mấy cái học ấy rồi truyền khắp ra cho cả cõi Á-đông, ấy văn-minh học-thuật Trung-quốc là đó. Song tựu-trung duy có đạo Nho là một cái học hiện-thế, căn-bản của xã-hội Trung-quốc do từ thái-cổ trở xuống đến Khổng-tử tích-lũy mãi mà gây nên, nên được chiếm cả các địa-vị quyền-yếu về chính-thức xưa nay là tôn-giáo, chính-trị, luân-lý và xã-hội. Vậy đây tôi xét tường về đạo Nho trước đã.

Nay muốn biết trong Nho-phái Trung-quốc về đời đình-trệ có thể phân ra làm mấy chi-phái, thì phải xem vào hai công-việc là giải-kinh — chú-giải nghĩa kinh — với luận-đạo, — diễn-luận nghĩa đạo, — ấy tinh-thần và tính-cách khác nhau ở chỗ đó. Vậy chia ra làm bốn chi-phái là : *Hán-nho học-phái*, *Biệt-Khổng Nho-học-phái*, *Tống-nho học-phái* và *Vương Dương-minh học-phái*.

a) Hán-nho học-phái. — Phái này thuộc về những nho-giả ở đời nhà Hán. Có một Đổng Trọng-Thư 董仲舒 làm sách *Xuân-thu phồn-lộ*, vừa giải kinh vừa luận đạo mà nói thiên về nghĩa tai-dị. Còn thì bọn Phục-Kiền 服虔, Hà Hưu 何休, Trịnh Khang-Thành 鄭康成, Khổng An-Quốc 孔安國, v.v., đều làm việc giải kinh, mỗi người chú-giải vài kinh góp lại mà chỉ chú-giải giản-ước mà thôi.

Kinh-truyện đạo Nho là sách từ thái-cổ hợp lại nên nhiều nghĩa khó. Lại bị nhà Tần cấm và đốt, đến Hán tìm ra còn khiếm-khuyết sai xuyễn nhiều lắm. Nếu không có chú-giải thì kẻ sơ-học không học được, song vì thế mà lại là cái mối để làm cho sai nghĩa kinh đi và không ai chịu ai ở chỗ đó, mà phân-chi biệt-phái với nhau cũng ở chỗ đó. Phái này thịnh-hành đến đời Tống.

b) Biệt-Khổng Nho-học-phái. — Phái này là tôi mới chia ra. Phái này họ muốn biệt với Khổng-tử mà lập riêng ra một môn-hộ. Đời Hán có Dương-Hùng làm sách *Pháp-ngôn* 法言 so với sách *Luận-ngữ*, làm sách *Thái-huyền* sánh với kinh *Dịch*. Đời Tùy có Vương Thông có sách di-thư gọi là kinh *Trung-thuyết* 中說, tự so với kinh của Khổng-tử. Đời Tống có Vương An-Thạch nói : « *Tai-dị không quan-hệ gì với nhân-sự* », cho kinh *Xuân-thu* là những lời nhật-báo vụn-vặt của triều-đình, nên nghị phế kinh *Xuân-thu* đi không cho học-trò học. Lại làm sách *Tân-kinh-thuyết* 新經說, nói về chính-sách phú-quốc. Nay không luận ba nhà này lập thuyết hay dở ra sao, song Nho-học Trung-quốc suốt đời trung-cổ đến nay chỉ có ba nhà ấy là dám muốn ra ngoài khuyên-sáo, mà đều bị đời cho là tội với thánh mà đánh đổ cả. Trừ sách *Thái-huyền* về lý-số của họ Dương được bọn mê-tín theo, còn các sách kia không ai hỏi đến nữa.

c) Tống-nho học-phái. — Phái này thuộc về bốn nhà nho-giả là Châu-tử 周子, Trình-tử 程子, Trương-tử 張子 và Chu-tử 朱子 ở đời Tống cùng truyền-thụ cho nhau. Phái này làm nhiều sách có giải-kinh có luận-đạo.

Về giải-kinh thì cho cách chú-giải ước-giản của Hán-nho là cái học hủ-hủ, chỉ giảng nghĩa đen không phát-minh được gì, bèn chú-giải lại. Trình-

Dì có sách *Dịch-truyện* 易傳, *Xuân thu-truyện* 春秋傳. Chu-tử có sách *Dịch-bản-nghĩa* 易本義, *Thi-tập-truyện* 詩集傳, *Tứ-thư tập-chú* 四書集註 tập đại-thành cả ba nhà trên. Về luận-đạo thì Châu-tử có sách *Thông-thư* 通書 nói về khí Thái-cực; Trình-Hiệu thì có sách *Bính-tính* 定性 nói thêm về thuyết Thái-cực; Trương-tử có sách *Tây-minh* 西銘 và sách *Chính-mông* 正蒙; Chu-tử có sách *Cận-tư-lục* 近思錄 và các sách tập-chú trên kia.

Cứ bình-tính mà xét thì cái học của Trình-tử, Chu-tử cũng có điều khả-thủ, là hai nhà đều biết chú-trọng đến cái vấn-đề cách-trí, song mới đề-xướng ra được ý-kiến mà chưa có phương-pháp. Còn ra thì cả bốn nhà Châu, Trình, Trương, Chu giải luận thực là phiền-phức, thành bẩn ra một khoa triết-học mới, nhưng đều là những lời nói xuông, những nghĩa ức-đoán về « lý với khí, tâm với tính » cả mà thôi.

Các ông lại chủ-trương chủ-nghĩa đốc-tín quá cho đến thành ra mê-tín, cố-chấp. Nhưng các ông sở-dĩ vẫn tự-phụ là kế-tục được đạo Nho đã đứt hơn nghìn năm cũng là ở những chỗ đó. Ấy cái triết-học sai-lầm của Tống-nho là thế, nhưng vì nó cũng rườm-rà mới-mẻ, có thống-hệ mà kiêm-bị hẳn-hoi, nên đời dễ lầm. Học-giả đời Minh là Tiết-Huyên 薛瑄 với Sái-Thanh 蔡清 đều nhận sách của Châu Trình Trương Chu là « chính-mạch ». Lại nhờ được lối khoa-cử lấy bài kinh-nghĩa (hoặc gọi là bát cổ = tám vế) đặt ra từ đời Tống để giải-nghĩa kinh-truyện, nhà Minh bèn định học-chế và văn thể bài kinh-nghĩa phải theo nghĩa giải luận của Châu Trình Trương Chu làm chính-thống. Vì thế mà học-phái Tống-nho thống-nhất ở Trung-quốc và tràng-viễn mãi đến nay. Hợp lối triết-học của Tống-nho với chế-độ nhà Minh, đời gọi là Tống Minh văn-minh, Nhật-bản cũng thâu-thái mà ta cũng thâu-thái, thì bấy giờ đã biết đâu là lầm.

d) Vương Dương-minh học phái. — Phái này chủ về thực-hành, không giải kinh mà lập luận cũng ít, chỉ cốt qui-định lấy cái chủ-nghĩa lớn để làm mục-đích cho sự học sự hành mà thôi. Phát-nguyên từ Lục Tượng-sơn đời Tống, Lục chuyên-hướng vào lương-tâm, nói rằng: «此心之良。天之所與。我能長此。則宇宙無非至理. Lương-tâm này là của trời cho, nếu ta thực giữ được nó thì trong vũ-trụ cái gì mà không là chí-lý ». Họ Lục nhân cùng Chu-tử giảng học, Lục cho Chu là chi-li, Chu cho Lục là thái-giản. Từ đó chia làm hai đảng cãi vã nhau mãi, đến đời Minh người ta gọi là cuộc « Chu Lục dị đồng ». Vương Dương-minh đời Minh nổi lên mới thực chủ-trương về nghĩa thực-hành, ông nói: « 影響尚疑朱仲晦, 支離休作鄭康成 Bắt bóng lạ gì ông Trọng-Hối (Chu-tử, chi-ly ngán nỗi ông Khang Thành. » Bèn lấy « tri lương-tri 致良知 » làm tinh-thần, lấy một câu rất giản-ước là « tri-hành hợp-nhất » làm mục-đích cho sự học, mà cái lịch-sử vĩ-nhân kiêu-nhẫn cương-nghị của ông tức là sách chú-thích về học-thuyết « tri hành hợp nhất » của ông đó. Học trò của ông là Từ Ái nói: « Cái học của ông là đích-truyền của họ Khổng. » Đích-truyền-chỉ có thế mà thôi. Cho nên ông cũng tự phụ rằng: « 可憐絕學經千載, 肯負男兒過一生. Đạo học hầu tuyệt đã lâu đời, có lẽ tài trai chịu thế thôi.

Chỉ vì ông luận nghĩa « cách-vật trí-tri » thì thiên về giản-dị quá, nên phái Tống-nho Trung-quốc công-kích (xem sách *Đại-học*) mà học-thuyết của ông không có ảnh-hưởng gì cho nước

tổ. Sau truyền sang Nhật-bản thì cực-thịnh, bấy giờ người Trung-quốc mới biết tới.

Đời Nguyên có Kim Lý-Tường cũng có chú-thích lại kinh truyện, nhưng không được đời công-nhận. Sau đến đời Thanh cũng có phái « bài Tống-nho », song cũng không ăn thua gì với cái học khoa-cử. Cho nên Lương Khải-Siêu tổng-luận cả học-thuật đời Thanh nói rằng: « 不復知學。其黠者以屬敗矯僞之朱學。文其奸.Không còn biết học là cái gì. Kẻ giảo-hiệt thì lấy cái học hủ-bại kiểu-ngụy của Chu-tử để che cái gian của mình ».

Tóm xem hai việc giải-kinh luận-đạo trên ấy, thì biết càng giản-ước lại càng phát-xuất được tinh-hoa, mà càng phiền-vụ lại chỉ càng lần-mò về chi-diệp. Câu ấy đã thành lời công-nhận trong Nho-học thời trung-cổ vậy. Ấy thế mà cái học Biệt-Khổng, hoặc không đủ tư-cách mà bị đồ không kể; còn cái học Hán-nho giản-ước thì bỏ đã lâu, cái học Vương-thị thực-hành thì không đắc-dụng, mà đắc-dụng và thống-nhất thì lại là cái học phiền-vụ kiểu-ngụy của Tống-nho, cho mãi đến ngày tiếp-xúc tân-học, phế khoa-cử thì mới suy.

Xét ra cũng vì cái học Tống-nho là chủ-nghĩa đốc-tín bảo-thủ, nên trên được các triều tín-nhiệm; cái phép khoa-cử là con đường tắt xuất-thân, nên dưới được dân-gian ham-chuộng. Hai cái ấy nó hòa-hợp lại thì thành một vị thuốc mà nhà y-học ngày nay gọi là hưng-phát-tễ, tức như thuốc phiện vậy. Vì thuốc phiện mới hút vào thì nó cũng ngon và lành, làm phấn-phát tinh-thần được một lúc. Nhưng cái độc của nó ngấm-ngầm, thành nghiện lõ, bại-liệt rồi mới biết thì không làm gì được nữa.

Chính thuốc phiện thật cũng xuất-hiện từ đời ấy. Nay nói khôi-hài về cái văn-minh Tống-Minh của Trung-quốc, Việt-Nam đời gần đây, có lẽ cũng phải kể đến cả thuốc phiện nữa.

Nhưng mà cái học Tống-Minh khoa-cử thì người ta nghiện thật. Chả thế mà đời Quang-tự là lúc Âu-Á đã thông-đồng, Nhật-bản theo Tây-học, dùng cơ-khí đã thành-công, thế mà Trung-quốc thì ngoại-giao thất-bại nhiều mà cứ giữ cái học khoa-sử; bọn hàng sách lại dùng lối in thạch-bản của Thái-tây để in rút nhỏ những sách thể-chú bán cho học-trò đưa trộm vào trường thi. Các thầy khóa Việt-Nam ta cũng được thừa huệ thứ sách thạch-bản thể-chú ấy để đem vào trường hồi ấy.

2° Về Nhật-bản. — Nhật-bản chịu văn-minh Trung-quốc từ đời Đông-Tấn mà đến mãi đời Đức xuyên ngang đời Lê Trịnh ta mới toàn-thịnh. Song về Phật-học thì Lương Khải-Siêu đã nói rằng không d ch được bộ kinh nào, không làm được bộ luận nào. Còn Nho-học thì tôi xem cũng không phát-minh được cái gì mới-mẻ. Duy không theo lối khoa-cử và dân có giai-cấp thế-tập rất nghiêm, không có cái thể dân-chủ như ở ta, thằng cu con bố đốp mà mai ông Trạng ngày kia ông lớn được. Vì thế ai muốn học gì thì học, theo phái nào thì theo mà gây thành được cái học vị-kỷ. Cho mới biết thời-thế tạo anh-hùng là thế. Nay xem tôn-giáo-sử chép: « Từ đời Túc-lý giao-hiếu với nhà Minh, thâu-nhập văn-minh của Tống Minh, nhân thế sách Chu-tử thể-chú cũng đem vào từ đó. Vì sách ấy mà thành cái trương-bản cho Tân-nho-giáo phục-hưng sau này. » Tức là chỉ về Nho-giáo ở đời Đức-xuyên vậy.

Thế mà nay xem mấy Nho-phái kế nhau nổi danh ở đời Đức-xuyên thì đều là phái đã lập sẵn của Trung-quốc cả.

Hồi đầu Mạc-phủ định học-chế lấy Tống-nho làm « Nho học chính-thống »,

thì lúc ấy Tống-nho học-phái thịnh-hành là cố-nhiên rồi. Kế đó có Vật-mậu-khanh chuyên học kinh sử Tàu, làm văn theo Tàu, song ông bài-xích nghĩa của Tống-nho mà theo chú-sớ của Hán-nho, gọi là cổ-học-phái tức là Hán-nho học-phái đó. Ông lại suy luận mà ngờ cả Khổng-tử nữa, nhưng ông sùng-bái người Tàu quá, cái gì của Tàu cũng là hay. Thậm-chí ông tự xưng là « 東夷之物茂卿 Tôi là Vật-mậu-khanh ở rợ Đông-di. » Đến nay người Nhật còn chê ông câu ấy và gọi là cái học «sùng-bái Chi-na ».

Bấy giờ lại có một phái chỉ học nghĩa đen từng câu và làm văn theo khuôn mẫu nhất-định, nay người Nhật gọi là cái học chết.

Sau nữa có Trung-giang Đẳng-thụ tiếp được cái học của Vương Dương-minh ở Trung-quốc đưa sang thì khởi-xướng ngay lên. Cái học chủ thực-hành này thích-hợp với đức-tính người Nhật, nên họ sùng chuộng lắm, cảm-hóa được một vùng, người ta gọi họ Trung-giang là «Cận-giang thánh-nhân», ấy là Vương học-phái.

Phái này với phái quốc-học mới nổi lên cùng nhau đang thịnh thì gặp tân-học Thái-tây đưa lại, sẵn có nhân-tài ra thừa đương mà giúp nên nghiệp duy-tân. Không khác gì người vừa cường-tráng thì gặp hội ganh đua, mà Trung-quốc với Việt-Nam thì như người đã già lại nghiện nặng hom-hem vậy.

Ấy ngày nay nói đến văn học đời Đức-xuyên mà rằng: «學派迭興 Học-phái thay nhau nổi lên», là theo những học-phái của Tàu cả, chứ có cái chủ-nghĩa nào đáng đặt tên mới đâu. Còn về thời ấy tôi cũng chưa thấy nói có ai dịch sách Nho ra hòa-văn hay là chú giải lại kinh truyện nào cả.

Đến như luận-đạo thì sử nói Vật-mậu-khanh làm sách lập thuyết riêng một nhà, sử có chép hai đoạn danh-ngôn, đây tôi xin lục một đoạn để các ngài so với những lời luận-đạo của các Tiên-nho ta xem thế nào. Vật-mậu-khanh nói: «孔子之道。卽先王之道。先王爲安民立之制度云爾。統會於安民。是孔子所以貴於仁。仁安民之德也。 Đạo của Khổng tử tức là đạo của tiên-vương. Tiên vương vì an dân mà lập ra chế-độ nọ kia, là thống-hội về an dân cả. Thế cho nên Khổng-tử sở-dĩ qui về điều nhân, điều nhân là cái đức an-dân đó.» Ngoài ra cũng có mê-tín, cũng đồng-bóng phù-chú chẳng kém gì ta mà mãi đến nay chưa hết. Lại cũng lầm, cũng ghét Gia-giáo, cũng cấm giao-thông với người ngoài. Nhờ có nước Mĩ đến bách mới ký thông-thương. Duy có một điều người ta hơn mình là nhờ được sĩ-phu trong nước chông tỉnh-thức mà biết phục theo lẽ phải. Như trước hâm mộ văn-minh Tống-Minh, có người cảnh-cáo cho là lầm thì bỏ ngay mà theo Vật-mậu-khanh về cổ-học, theo Trung giang về Vương-học. Sau lầm về cái chước « bế-quan », đến khi tiếp thấy văn-hóa nước Mĩ thì xô nhau mà theo học Âu-hóa như điên cuồng, Âu-hóa đã đạt rồi thì lại quay ngay về mà bảo-tồn quốc-túy, bảo-tồn Á-túy. Cho nên Nhật-bản tự cổ đến nay chưa từng có sáng-thiết được một khoa-học gì góp vào thế-giới công-học, thế mà vẫn là một nơi văn-hóa của hoàn-cầu tụy-tụ.

3o Về Việt-Nam — Hai cái bằng tốt-nghiệp trường Đông-phương học của hai ông sinh viên đồng-môn là Trung-quốc, Nhật-bản đã thuật đại-yếu như trên ấy, nay xin xét đến của ông sinh-viên Việt-Nam. Nói đến ông này thì không thể không viện lấy một câu chuyện để phủ đầu mà thoái-thác được. Ngày nọ có một bà già trông thấy các cô thiếu-nữ đi chơi hội, cô nào cũng mở ba mở bảy cáo-cáo sặc-sỡ. Bà già vui vẻ chào rồi nói: « Ngày

xưa già cũng đã có một mớ áo cũng đẹp như của các cô thế này này. » Các cô hỏi : « Thế đâu ? » Bà già nói : « Ấy có cái thì già mới sổ tay, có cái thì chửa, mà gặp loạn bị mất cả rồi ». Các cô mỉm cười, bà già bẽn-lẽn. Ấy thế gọi là câu chuyện « mớ áo thì loạn ». Tuy-nhiên cái mớ áo thì loạn về câu chuyện học-thuật Việt-Nam ta, tôi sẽ kể ra sau đây, thì nó còn có chứng-cớ, còn sót cái trăng cái vạt, hoặc còn sót cả một cái áo mà bỏ dấp-điếm ở đâu, chứ không phải là ghen với bạn mà hồng mà bịa ra để nói khoác. Vả dù mà có còn chăng nữa thì cũng là những « mốt quá thời » như ai rồi, chẳng qua nói ra chỉ để làm chứng rằng mình cũng đã có tư-cách có hồi làm nên phong-vận biết may áo đẹp rồi, thì rồi đây ta cũng cố công kiếm tiền mà may mớ khác cho đúng « mốt tân-thời », chứ ta không phải là vẫn « quích » từ xưa đâu.

Trong một thời-đại Hán-học hơn hai nghìn năm, nước ta dù bị nhiều trở-lực hơn bạn đồng-môn, cũng khoa-cử, cũng có lúc Nho độc-tôn, cũng ngụy-học tà-thuật, cũng tạm yên không ganh đua với ai, lại nước bé binh ít loạn nhiều, thế mà các học-giả lúc đó cũng vẫn hết sức tìm kiếm về học-vấn để đóng góp với bạn, chứ không chịu toàn phỏng chép của bạn cả đâu. Còn như thành hay bại, được truyền hay không được truyền, thì phải xét là sự bởi vì đâu, chứ không lấy đó mà luận là không có được.

Kể ra thì cả Nho-học và Phật-học, ta đều có công hợp sáng ra chi-phái với Trung-quốc ngay từ đầu đời trung-cổ, sau vì loạn-lạc bại-vong mà mất hết đi, đến sau nữa lại phải học lại tất cả của Trung-quốc. Song từ đời độc-lập trở đi, lúc nào cũng có danh-nho cao-tăng lo biệt lập lại môn-phái riêng, mà đều như dã-tràng xe cát bể cả. Thánh-thử con cháu cứ phải lẽo-đẽo theo sau ông voi Tàu mà nhai lại cái bã mía không xong.

Nay muốn biết cho tường tận những cái nhân-quả về học-thuật của Việt-Nam trong cái thời-đại đình-trệ hơn hai nghìn năm, lúc thịnh lúc suy, lúc tiến lúc thoái nó quan-hệ với thời-thế mà biến-thiên tiếp-tục nhau thế nào, thì phải viết hẳn ra một sách về lối sử có thế-thứ thì mới bao-quát hết được. Nhưng bài này còn là tư-cách khảo-cứu, còn phải đem chất-chính với các ngài xem những chỗ tôi đề-yết lên sau đây có thể gọi là những học phái được không. Nên cách xếp đặt dưới này còn lồng-chồng, lời-lẽ còn mộc-mạc, xin các ngài thứ cho.

Tóm lại học - thuật Việt - Nam trong một thời đại, cả Nho-học Phật-học đều có ba cái tính-chất khác nhau là hợp-sáng, biệt-sáng và toàn mô-phỏng. Ba tính chất ấy có những học-phái này :

Về Nho-học, tính-chất hợp-sáng có Hán-nho đích Việt-nhân học-phái ; tính-chất biệt-sáng có Chu An thực-hành học-phái, Hoa-Việt Nho-học phái, Quế-đường học-phái hay là Lê Nguyễn nho-học-phái; tính chất toàn mô phỏng có Tống nho học-phái.

Còn về Phật-học thì sẽ lần-lượt giải theo sau Nho-học

a) *Tính-chất hợp-sáng*

Hợp-sáng là ta hợp-lực với Trung-quốc mà gây dựng lên. Trước nói về Nho-học có những phái là :

Hán-nho đích Việt-nhân học-phái — Chữ Nho sách Tàu thì ta đã thâu-thái từ đời Triệu Vũ-đế rồi. Còn lập được chi-phái về Nho-học thì mới từ Sĩ-Nhiếp. Ông ở đời bắc-thuộc nhà Hán, người Việt mà tiên-tổ sáu đời trước ở nước Lỗ, thủa nhỏ du-học bắc-phương hấp được cái giáo-hóa sông Tứ-thủy.

Sau được làm Thái-thú bản-châu rồi giữ lấy đất nước mà tự-trị, đóng đô ở Luy-lũ, nay còn lăng ở xã Tam-á phủ Thuận-thành Bắc-ninh, đời gọi là Sĩ-vương. Vương thực-hành đem Nho-học dạy phổ-cập cho dân-gian, còn tự mình thì chú-giải các kinh sách Nho. Cứ tờ thư của Viên-Vi nhà Hán và sách của Thái-sử nhà Thanh thì đều nói vương trú-giải cả ba truyện Tả-thị, Công-dương và Cốc-lương của kinh *Xuân-thu*, lại giải tường những nghĩa lớn về cổ-văn kim-văn kinh *Thư* và nhiều sách nữa. Sách của vương bấy giờ không những dân ta được học mà người Tàu cũng học nữa. Người Việt-Nam gọi vương là « Nam-giao học-tổ » tức là tổ của học-phái nước Nam, chứ không phải là tổ mới bắt đầu dạy chữ Tàu sách Nho đâu.

Đời sau người Tàu cho sách của vương là thiển-lược mà giải lại, nhưng nghĩa của vương đã thành một nghĩa riêng, tức là một phái ở đời Hán rồi. Vả cứ như lối học của Vật-máu-khanh Nhật bản lấy lối học của Hán-nho ước-giản hơn Tống-nho lối học phiền-vu, thì cái học của vương cũng chửa nên dứt. Vậy gọi là Hán-nho đích Việt-nhân học-phái. Nghĩa là học phái Hán-nho mà đích là người Việt.

Phật-học thì đang lẽ sơ-tổ ở Đông-phương là từ nước ta, song vì mất đi nên đây phải gọi là hợp-sáng. Cũng bắt đầu và thịnh ở đời họ Sĩ và ở kinh-đô Luy-lũ. Sách *Phật-tổ lịch-đại* chép: « Nha sư Thiên-trúc là Kỳ-vực đến sứ Giao-Quảng từ đời Hán Vĩnh-bình». Lại nói : « Nhà sư Thiên-trúc là Phật-đà bạt đà đến Giao-chỉ rồi sang Tàu gặp Cưu-ma-la-thập ». Sách *Đàm-thiên pháp-sư truyện* của Tàu nói: «Cõi Giao-châu tiện đường sang Thiên-trúc, lúc Phật-pháp truyền vào Tàu chưa đủ mà ở Luy-lũ đã sáng-tập hơn 20 cái bảo-sát, độ được hơn 500 vị sư, dịch được 15 bộ kinh, mở trang giảng học đến hơn 300 người.» Thế là Phật-học về phái Đại-thừa truyền ở ta trước và thịnh trước hơn bên Tàu, mà kinh-đô ta bấy giờ hai văn-hóa Nho Phật đã đang đua nhau đem tinh-túy ra để cống-hiến cho dân-tộc ta rồi.

Lại sách *Đại-Đường cầu pháp cao tăng truyện* 大唐求法高僧傳 nói: « Nhà sư Vận Tải là người Giao-châu giỏi tiếng Côn-lôn, tiếng Phạm, sang nước Thất-lỵ Phật-thệ rồi về truyền đạo Phật cho Trung-quốc.» Lại nói: « Khuy-sung pháp-sư người Giao-châu tên Phạm gọi là Chất chở-la-đề-bà cùng nhà sư Minh-viễn đi thuyền sang nước Ấn-độ rồi chết ở đó, tuổi 30 » Thế thì sư Việt-Nam đã sang tận nước Phật rồi, có phải chỉ một Huyền-Trang là Đường-tăng về sau mà thôi đâu.

Đời Đường còn có nhiều danh-tăng truyền Phật-giáo sang Tàu và vào Tàu dịch kinh, còn có những thơ của các thi-hào nhà Đường kính tặng còn chép ở sách Tàu như.

Dương Cự-Nguyên 楊巨源 tiễn sư cụ Phụng-diệp pháp-sư về An-Nam có câu: «經論從天去 Người vào luận kinh Phật ở thiên-triều về ».

Cổ Đảo 賈島 tiễn sư cụ Duy-giám về An-Nam có câu: «講經春殿裏花繞御床前. Ngài giảng kinh Phật ở trong đền xuân nhà vua, hoa quấn mé nam dường ngự ».

Trương Lịch 張籍 tặng sư cụ Nhật-nam có câu: « 譯經上蕉葉 Dịch kinh ra trên tầu lá chuối ».

Coi đó thì há không phải gốc Phật-giáo Phật-học là ở ta dư? Những kinh Phật đã dịch ở đời họ Sĩ, không biết rồi mất đi hay là đưa sang Tàu mà thành ra của Tàu, cũng như những sách giải kinh Nho của họ Sĩ vậy.

Sư cụ Thông-biện cũng nói với Lý Thái-hậu rằng tông-phái đạo Phật có ở ta đã lâu. Giáo-tông tức Tầu gọi là Thiên-thai tông thì một bởi tăng-hội là

Mâu Bác-Khang 牟博康 truyền sang. Thiền-tông tức Tàu gọi là Tào-khê-tông thì bởi Côn-ni-đa-lưu-chi người Ấn-độ truyền sang. Nhưng sau đều mất cả, lại phải học lại của Tàu, mà chỉ có hai phái về một tông là Tào-khê với Lâm-tế. Cứ cái biểu Phật-tổ kế-thế của chùa Đỗ-xá, ở Hải-dương thì Tào-khê mới có từ đời Đinh, Lâm-tế mới có từ đời Lê. Thế thì trước Đinh Lê đạo Phật ở ta thuộc về tông-phái nào ? Xem thế thì gốc-tích Phật-phái của ta về trước Đinh Lê đều thất-lạc cả.

Hai phái này bây giờ sinh ra nhiều họ, ở Hải-dương thấy có hai họ là họ Võ về môn-đồ chùa Muống, họ Thanh về môn-đồ chùa Yên-ninh.

b) *Tinh-chất biệt-sáng*

1° Chu An 朱安 thực-hành học-phái. — Từ đầu đời độc-lập, Nho Phật vẫn đồng-tôn, đến giữa đời Trần có Chu An nổi lên, Nho mới thắng Phật mà chiếm độc-quyền từ đó. Ông có viết sách *Tứ-thư thuyết-ước*, cứ hai chữ « tứ thư » thì biết ông đã tiếp được sách của Tống-nho rồi, vì cái tên « tứ thư » đến Tống nho mới có. Còn nghĩa hai chữ «thuyết-ước» thì không biết ông nói gì, vì sách bị giặc Minh thu mất. Song có một điều đáng chắc rằng chủ-nghĩa của ông là thực-hành chứ không chỉ nói xuông như Tống-nho. Bấy giờ thi-cử chưa thịnh, triều-đình vẫn đặc-cách dụng nhân, ông chỉ là một người đạo-học trứ-danh được trưng-triệu ra làm thầy giáo trường Quốc tử. Lịch-sử sư-đạo, lịch-sử vĩ-nhân kiên-nhẫn cương-nghị của ông giống như Vương Dương-minh Trung-quốc đời sau. Giáo-hóa của ông cảm-hóa được khắp công-khanh sĩ-thứ lúc đó sâu-xa lắm. Vì thế sau người ta truy tôn ông vào Khổng-miếu. Sách *Việt-sử tổng-vịnh* nói : « Cái học của ông là « cùng lý chính tâm, trừ thuyết tà, cự nết bậy. » Học-trò như Phạm Sư-Mạnh, Lê Quát đều giữ được thuyết của thầy. Cho nên Lê Quát viết bài văn bia cho chùa Thiệu-phúc có những câu rằng: « 余志明聖人之道。以化斯民。而卒未能信於一鄉。吾所以深有愧於佛氏之徒也. Tôi vốn có chí hiểu cho biết đạo thánh-nhân để giáo-hóa cho dân ta, mà vẫn chưa được một làng người ta tin theo. Tôi sở-dĩ lấy làm xấu hổ với môn-đồ nhà Phật lắm » Xem thuyết của học-trò thì biết của thầy, lấy « minh đạo hóa dân » làm chủ-nghĩa, lấy « xấu hổ không bằng người » làm tinh-thần. Thế chả phải thực-hành là gì ? Thực-hành thì một câu thế là đủ, còn cần gì phải nói nhiều. Vả xem thuyết này cũng ôn-hòa, biết tự-sỉ mà thôi, chứ cũng không hiển-nhiên bài-xích một cách hẹp-hòi gì cho lắm. Cái tinh-thần của thuyết « tri hành hợp nhất » cũng đến thế thôi, chớ còn gì nữa.

Sau đó cái chủ-nghĩa quốc-gia hăng-hái của phụ-tử Nguyễn Trãi về buổi Hồ-Minh, há không phải ảnh-hưởng ở Côn-sơn, Phượng-hoàng dư? Vậy nên gọi cái học họ Chu là Chu An thực-hành học-phái hay là Chu-học.

2° Hoa Việt Nho-học phái. — Phàm lúc nào học-thuật của đời đã thịnh thì tất sinh ra cái tư-tưởng tự-giác và tự-tín. Nghĩa là tự-giác tự-tín rằng mình có tư-cách. Học-thuật nước ta đến Lý Trần là cực-thịnh, nào hai cái học Nho Phật, nào chữ quốc-âm cùng văn nôm và các nghệ-thuật đều đã theo cái tư-tưởng « thiên-thư định-phận » mà biệt-lập ra ngoài khuyên-sáo của Chi-na cả rồi. Lúc ấy Hồ Quí-Ly lại thực-hành chủ-nghĩa Hoa-Việt Nho-học thì biết cái tư-tưởng tự-giác tự-tín của người Việt-Nam bấy giờ đã đạt tới cao-độ vậy. Tội-vạ họ Hồ thế nào đã có nhà lịch-sử, ta bàn học-vấn ta không nên vì người mà bỏ mất cái tư-tưởng hay. Bấy giờ ông làm Tể-tướng nhà Trần, dịch thiên *Vô-dật* trong kinh *Thư* ra quốc-âm để dạy thái-tử. Tiếng ta dùng để dịch sách triết-học như sách *Vô-dật* là một sách rất khó nghĩa từ đó. Mà học sách của

nước ngoài có dịch được như thế mới là có sở-đắc. Ông lại lấy ý mình giải nghĩa kinh *Thi* bằng chữ quốc âm để cho nữ-giáo-sư dạy cung-nhân, hậu-phi; và tự làm bài tựa nói bác cả nghĩa của Chu-tử. Lại làm sách *Minh đạo* mười-bốn thiên dâng vua Trần, trong có nói ngờ về sách *Luận-ngữ*. Lại cho Châu-tử, Trình tử và Chu-tử là học rộng mà tài sơ. Những điều mà họ Hồ ngờ về sách *Luận-ngữ* phải hay là quấy thế nào mặc lòng, song cái ngờ vẫn là cái quí trong đạo học-vấn. Ở Á-đông mấy nghìn năm, rừ Mặc-tử là ngoại-đạo ra, mới có họ Hồ dám ngờ Khổng-tử mà nói đã trước Nhật-bản lâu rồi. Bấy giờ phản-đối lại họ Hồ thì có quan Trợ-giáo là Đoàn Xuân-Lôi, dâng thư cho vua Trần mà bác thuyết họ Hồ đi, bị họ Hồ bắt đi đầy? Đời sau lại có Ngô Sĩ-Liên bênh Chu-tử là hiểu được bụng-thánh 得聖人之心 mà bác họ Hồ. Thế chả là học-phái cạnh-tranh kịch-liệt là gì đấy. Vả họ Hồ có nhiều chính-sách cải-cách cũng hay, ta chưa dễ mà bảo không phải là thực-học được. Nay sách *Minh-đạo* mất rồi, không biết ông nói gì. Song cứ một cái chủ-nghĩa lấy quốc-âm dịch sách Tầu để học là đủ. Vậy nên gọi cái học của Hồ là Hoa-Việt Nho-học-phái. Hoặc gọi là Hồ-học.

Phái Hoa việt Nho-học này cũng còn nhiều người theo đuổi, như đời Lê có Đặng Thái-Phương là nhà sư ở Nghệ-an soạn hai quyển *Châu-dịch quốc-âm giải nhgĩa*. Lại còn có người dịch kinh *Thi* nữa.

3° Quế-đường học-phái hay là Lê Ngu-ẩn học-phái. — Đời Hậu-Lê có Quế-đường Lê Quí-Đôn bác-học đa-tài, lịch-duyệt bắc-nam triều-dã, trước-thuật nhiều, học-vấn lừng-lẫy cả cõi Á-đông là Việt-Nam, Trung-quốc và Triều-tiên. Kể những sách về Nho-học mà ông làm thì có *Dịch-kinh phu-thuyết* 易經膚說, giải nghĩa kinh *Dịch*; *Thư-kinh diễn-nghĩa* 書經衍義, diễn nghĩa kinh *Thư*; *Xuân-thu lược luận* 春秋略論, luận-nghĩa kinh *Xuân-thu*; *Thi-thuyết* 詩說, thuyết mới về kinh *Thi*; *Lễ-thuyết* 禮說, thuyết mới về kinh *Lễ*; *Liên-sơn Qui-tàng nhị Dịch thuyết* 連山歸藏二易說, thuyết mới về hai kinh *Dịch* cổ là Liên-sơn với Qui-tàng. Còn hai quyển nữa là *Quần-thư khảo-biện* 羣書攷辨 luận về sử, *Thánh-mô hiền phạm lục* 聖模賢范錄 luận về đạo, lúc ông đi sứ có mang hai sách này sang Tầu đưa cho sứ-giả Cao-ly là Hồng Khải-Hi 洪啓禧 xem, Hồng có viết hai bài tựa. Trở về đến Quảng-tây, ông lại đưa cho quan Đốc-học tỉnh ấy là Chu Bội-Liên 朱佩蓮 xem. Chu phục lắm, phê rằng: "史辨一書，援經據傳，自標卓識，聖模賢範錄，大闡明體之學也。史辨大闡致用之學也。讀炎武日知錄庶幾近之。" Sách biện luận về sử này căn-cứ ở nghĩa kinh-truyện để tiêu-biểu điều biệt-kiến của mình. Sách *Thánh-mô hiền phạm* này là cái học minh-thể của nhà đại-nho; sách *Sử-biện* này là cái học trí-dụng của nhà đại-nho. Trung-quốc có sách *Nhật-tri-lục* của Cố Viêm-Vũ ngõ-hầu sánh bằng được». Chu lại viết hai bài tựa.

Trên ấy tám bộ sách về Nho học, ông lại còn làm hai-mươi tám bộ về các cái học khác nữa. Như Lão học thì có *Đạo đức kinh diễn-nghĩa*, Phật-học thì có *Kim-cương kinh chú-giải*, Binh-học thì có *Vũ-kinh chú-giải*, *Sư-luật toản-yếu*, *Vũ-bị tâm-lược*. Quốc-sử thì có *Đại-việt thông-sử*, *Quốc-sử tục-biên*, *Kiến-văn lục*. Còn các sách nữa về chính-trị, văn-tuyển, thi-tuyển của lịch-đại mà ông mới sưu-tầm ra, v. v.

Song đây chỉ kể về những sách học Nho thì ông giải đủ ngũ-kinh. Đến như sách luận đạo thì được thế-giới Á-đông khen là biệt-kiến, thế tức là thuyết riêng một nhà rồi. Ông lại dạy học đông, như thế mà không phải là một học-phái dư? Vậy nên gọi cái học của ông là Quế-đường học-phái.

Đời Hậu-Lê lại còn Nguyễn Huy-Oánh soạn bộ *Kinh truyện tập-yếu* mười lăm quyển dung-hội thuyết của các nhà. Ngô Thời Sĩ làm bộ *Xuân-thu quản-kiến* mười lăm quyển, dung-hội cả nghĩa năm truyện. Song hai nhà này không có thuyết riêng, nên không gọi là cái học riêng được.

Đời Nguyễn-triều gần đây có Nguyễn Bá-Nghi 阮伯 毅, khi ông làm Tổng-đốc Sơn-tây có chú-giải lại cả *Tứ-thư* mà bỏ hết nghĩa của Tống-nho đi. Sách đệ vào kinh trình-duyệt thì bị bác bỏ đi.

Lúc ông làm sách, thường bàn nghĩa với quan Đốc-học đồng-thành là Ngạc-đình Nguyễn Hữu-Tạo 阮有造, ông này cũng có thuyết *Nhữ-phần* về kinh *Thi* và thuyết chữ « *quyển* » về *Luận-ngữ* phản với nghĩa Chu-tử. Nay người Sơn-tây bọn tôn-sinh còn gọi là Ngạc-học. Thế thì về phái Nguyễn Bá-Nghi bấy giờ cũng nhiều người, song đây chỉ kể có ông là đại-biểu mà thôi. Vậy có thể đem sáchchú-giải Tứ-thư của Nguyễn-công Bá Nghi với các sách giải luận kinh truyện của Lê công Quế-đường trên ấy, mà gọi là Lê Nguyễn nho học phái.

Về Phật-học— Phật-giáo đến Lý-Trần là thịnh nhất Á-đông, mà Phật-học lại càng đắc-lực cho hiện-thế, ai đọc quốc-sử đời ấy thì đã biết cả. Về học-vấn những cao-tăng đồng-thời với nhau nhan-nhản như Ngô-ấn thiền-sư có thuyết « *tam-ban* 三般 » lấy thân khẩu tâm 身口心 làm gốc của đạo; lại thông cả hai thứ chữ Đường với Phạm. Thông-biện thiền-sư thì thông cả ba nguyên-lưu Phật-phái là Ấn độ, Chi-na, Nam-Việt mà ông đã bạch với Lý Nhân-hoàng Thái-hậu. Cứu-chỉ thiền-sư có thuyết «*tâm pháp nhất như* 心法一如». Mà đặc-sắc nhất thì có hai nhà này là một ông bụt sống Viên-chiếu thiền sư và một ông vua bồ-tát là Trần Thái-tôn.

Ông Bụt Viên-chiếu ta và giảng học ở chùa Cả-tường (?) về Hà-nội bấy giờ, có soạn sách *Dược-sư thập-nhị nguyện văn* 藥師十二願文; sách *Tán-viên giác-kinh* 贊圓覺經; sách *Thập-nhị Bồ-tát hạnh tu trừng đạo tràng* 十二菩薩行修証道場; sách *Tham-đồ hiển-quyết* 參徒顯決; bấy giờ đều có ấn-hành. Sách *Dược-sư thập-nhị nguyện văn* thì Lý Nhân-tôn đưa bản cảo sang dâng cho Tống Triết-tôn, Triết-tôn với các pháp-sư thượng-tọa chùa Tưởng-quốc vào xem. Các sư Tàu xem rồi chắp tay bạch Phật nói: «南方有肉身大士出世善能說經. Đây là Phật sống hiện ra ở Nam-phương mới có thể nói ra thành lời kinh được thế này bần-đạo chúng tôi có đâu dám thêm bớt chữ nào vào được nữa.» Rồi bèn sao lấy một bản mà gửi bản chính về trả ta. Ấy cái hiệu bụt-sống là thế. Vua Trần Thái-tôn tu tại-gia mà ngộ đạo có làm quyển *Thiền-tông chỉ nam* 禪宗指南 » và viết bài tự-tự. An-tử quốc-sư khen rằng: « 諸佛之心盡在於此 Bụng Chư-Phật ở cả đây ». Sách ấy bấy giờ có xuất-bản tôi không được đọc, nhưng được đọc quyển *Khóa-hư* 課虛 là những bài luận khác của nhà vua làm, mà sau người ta tập lại in ra có bài tự tự sách «*Thiền-tông chỉ nam*» cũng in vào đó. Nay xem các bài kệ bài luận của Viên-chiếu với Trần Thái-tôn thì biết Phật-học bấy giờ vẫn giữ được cái tinh thần điều-hòa, tư-tưởng siêu-việt với tư-tưởng hiện-thế. Bài này có hạn, tiếc không dẫn được nhiều những nghĩa hay nữa, đây tôi chỉ trích-lục vài câu thiền-cận rõ-ràng làm chứng mà thôi. Sách của Viên-chiếu thiền-sư mục vấn-đáp nói về Phật với Thánh « Khổng-tử có câu rằng: 晝則金烏照。夜來玉兔明, ngày thì mặt trời soi, đêm thì mặt trăng chiếu». Đó là nói phật với thánh mỗi bên có một chức vụ đó. Sách *Khóa-hư* thì chỗ nào cũng dẫn ba lời nói của Khổng-tử, Lão-tử và Phật mà

đối-chiến. Như nói: «我佛之教又假先聖以傳於世也. Đạo của đức Phật ta lại nhờ đức Tiên-thánh mà truyền cho đời.» Ấy Phật-học bấy giờ giữ được cái tinh-thần điều-hòa như thế, cũng là do ở cái tinh-thần của chính-thể Tam-giáo đồng-tôn tinh-dụng mà ảnh-hưởng nên. Lại Trúc-lâm tam-tổ, là Trần Nhân-tôn, Pháp-hoa, Huyền-quang đời cho là Thích-ca, Ca-diệp và Ât-nam phục-sinh. Như thế mà không đủ đặt ra làm được một tông-phái rồi ư? Mà nào ai đặt.

Phật-học đến Hậu Lê thì có Hương-hải thiền-sư, đỗ cử-nhân làm Tri-phủ ở trong Quảng-nam, 25 tuổi bỏ quan đi tu, tinh-thâm Phật-học, chùa Nguyễn kính-tín lắm, sau bị gièm, Thiền-sư bèn đưa đồ-đệ vượt bể về cố-quốc Đại-Việt, vua Lê chúa Trịnh rất tôn-sùng. Thiền-sư trụ-trì và giảng học ở chùa Nguyệt-đường, tự chú-giải kinh Phật bằng chữ quốc-âm đến 30 thiên đều có ấn-hành cả. Học-đồ đông lắm đến hơn 70 vị thượng-tọa, chùa Nguyệt-đường bèn nên một sơn-môn to lớn và tráng-lệ có tiếng. Hương-hải thiền-sư cũng vẫn giữ được cái chân-truyền là điều-hòa siêu-việt với hiện-thế, có câu kệ rằng: «原來三教同一體 Nguyên-lai Tam-giáo đồng một thể.» Còn có nhiều kệ để dạy học hay lắm, như là nói về những nghĩa *hảo* với *xứ*, *chân* với *vọng*, về *tùy duyên*, về *thiện* với *ác*, đều có cái ý-vị triết-học hiện-thế. Như nói: «善惡是戏緣, 於心實不有. Thiện ác bởi ta làm, bản-tâm thực không có.» Thế là phản với cả hai cổ thuyết *tính thiện* và *tính ác* đó.

Về binh-học thì nhà Lý đổi lại binh-chế, quan nhà Tống là Sái Đình Khánh sang bắt-chước và làm sách đem về dâng vua Thần-tôn nhà Tống; còn những binh-thư của Hưng-đạo-vương và của Quế-đường soạn thuật chưa kể.

Về Y-học thì Tuệ-tĩnh thiền-sư phát-minh môn thuốc nam, làm sách *Nam dược thần hiệu* để đối địch với thuốc bắc, nổi tiếng đến Tàu. Cái chủ-nghĩa của phái Nam-dược này là ở bốn câu đầu bài phú «Nam-dược tính» rằng: «欲惠生民。須尋聖藥。天書已定南邦。土產何殊北國。 Muốn cứu sinh-dân, phải tìm thánh dược. Sách trời đã định Nam-bang, thổ-sản khác gì Bắc-quốc.» Thế là cái tư-tưởng tự-tín, truyền đến cả những vị thuốc thổ-sản vậy. Còn bộ *Tâm-linh* 66 quyển của Lãn-ông soạn-thuật chưa kể.

Về kỹ-xảo thì có «tứ-khí 四器» của nhà chúa về đời Lý Trần. Vua Lý Thái-tôn lại sai người nước dệt gấm vóc rồi thải những gấm vóc trong nội-phủ ra để tỏ không dùng gấm vóc của Tống-quốc nữa. Đặng Lộ đời Trần chế ra cái máy «linh-lung nghi» để xem nghiệm thiên-văn không sai tí nào, vua Hiến-tôn bèn cho cải phép làm lịch. Bỏ gốm về thế-kỷ 14 của ta nó khác với khuôn mẫu của Tàu, nay người Tây lấy làm quí lắm.

c) Tính-chất mô-phỏng

Nho thì theo về Tống-nho học-phái. Phật thì theo về Bắc-tăng môn đồ. — Từ người nhà Minh thu lấy cả sách về Nho-học Phật-học cùng điển-cố của ta, rồi ban các sách *Ngũ-kinh Tứ-thư thể-chú* cho trường công, ban các sách *Bắc-tăng-truyện* cho các sư, ý muốn làm cho ta đồng-hóa với Tàu, thì từ đó học-thuật của Nho Phật, văn-minh của Lý Trần là những cái đặc-tính mất hết, mười lăm năm loạn Minh thực là dài hơn một nghìn năm bắc-thuộc trước.

Nhà Lê quang-phục lại, một là tìm lại dấu cũ thì không còn gì, hai là bị huyễn-hoặc về cái văn-minh Tống Minh. Bèn mô-phỏng hết thảy chế-độ, mô-phỏng học-chế thi-pháp của Minh-triều, cũng lấy sách Tống-nho làm chính-thức cho bài kinh-nghĩa, cũng lấy khoa-cử làm cái định-hạn dụng-nhân như Trung-quốc. Vì

vậy mà cái học-phong thực-hành của phái Chụ An, cái tư-tưởng tự-tín tự-giác của phái Hoa-Việt, không thể nào phục-hưng lại được nữa. Quế-đường luận sĩ-phong đời Tiền-Lê chia ra làm ba cuộc biến. Đại-lược nói: Quốc-gia khôi-phục thừa sau khi nhiễu-nhương thì nhà Nho vắng-vẻ, đến đời Hồng-đức mở rộng khoa-mục thì kẻ sĩ xô về hư-văn. Đời Đoan-khánh trở đi thì sĩ-tập suy-bại quá lắm. Đó là ông luận sĩ-phong bởi học-phong mà ra đó. Ông lại hết sức nói cái tệ của Tống-nho với bài kinh-nghĩa rằng: «經義舊套。誠拙撲無文采。其要曾程朱旨意也。Bài kinh-nghĩa viết theo sáo cũ, chỉ cốt dùng ý nghĩa của Trình Chu đó thôi, chứ chẳng có vẻ văn-chương gì».

Ấy cái liều thuốc văn-minh Tống Minh ta mới thực nghiện từ đó. Mới nghiện vào thấy nó cũng hưng-phát tinh-thần một chút, rồi dưới đều có lợi. Nên trên càng tín-nhiệm, dưới càng ham-chuộng, mô-phỏng lại mô-phỏng, không khó nhọc mà được công-hiệu to. Hai ngọn đèn trong hai cái bàn đèn ở vùng trời nam đất bắc từ bấy giờ tuy có to nhỏ khác nhau, mà mờ tỏ cũng theo nhau, cho đến ngày tận số. Thế cho nên trong hai cõi, bốn năm thế-kỷ có phải không có người biết hối đâu. Như ở Tàu đã nhiều mà ở ta cũng không ít. Nào là Bùi Sĩ-Tiêm đời Hậu-Lê xin đổi lại phép thi. Quế-đường giải luận lại kinh truyện cũng là muốn dâng một vài liều thuốc cai đó mà nào có ai nghe. Triều Tây-sơn thì đổi phép thi, đầu bài lấy chữ nho mà bài viết bằng chữ nôm, công-văn công-điệp cũng dùng chữ nôm. Song mới thi-nghiệm được một việc dùng quốc-âm thì triều Tây-sơn lại đoản mệnh.

Tóm lại Nho-học từ Mạc Trịnh đến nay, kết-quả bất-ngoại hai câu này: Nhận là học-đồ của Khổng-tử mà thực là nô-lệ của Trình Chu. Mượn sách Tống-nho làm nghề cử-nghiệp.

Ngoài cái học Tống-nho với cử-nghiệp ra thì nhà Nho lúc ấy lại còn có hai tạp-phái nữa. Một là tạp với phái âm-dương thuật-số, hai là lưu về tư-tưởng chán đời của Lão-thị.

Tạp với phái âm-dương thuật-số thì cự-phách là Nguyễn Bỉnh-Khiêm. Ông này cũng là một nhà sư-nho đạo-đức, song đối với Nho học không làm được việc giải kinh hoặc luận đạo gì đặc-sắc, thì ông cũng chỉ là đệ-tử trung-tín của Tống-nho mà thôi. Còn ông sở-dĩ được hiển-danh là ở cái học thuật-số, học sách *Thái-ất* của phái Dương Hùng, làm ra những lời sấm để phỏng-đoán việc tương-lai của thời-thế. Thế mà Châu Sán nhà Thanh luận những nhà lý-học An-Nam có kể đến ông, thì biết cũng là cái học lầm chung của cả cõi Đông-Á lúc ấy.

Lưu về tư-tưởng chán đời của Lão-thị thì đầu nêu là Cống Quỳnh. Mỗi khi cuộc đời nhiều nỗi tang-thương biến-cố, mà người tầm-thường tự nghĩ không sao khiến nổi, thì cái tư-tưởng «vạn-vật là đồ bỏ 萬物芻狗» của Lão-thị lại thừa cơ xuất-hiện ra mà sinh ra chủ-nghĩa yếm-thế. Tức là Cống Quỳnh, ông này học tài mà khinh bỏ cả thế-sự. Trước còn giả vờ để ngạo-mạn cả chủ thần chúa Trịnh, sau đến làm văn tế giễu cợt cả bố đẻ và bố vợ.

Ấy cái hiệu-quả về học-thuật sai-lầm của Tống-nho với cử-nghiệp ở hai phương Nam Bắc lúc lên lúc xuống, lúc thịnh lúc suy, bên này nó ứng với bên kia như mực nước ở cái ống trì với ở cái bể chứa nước của nhà máy nước vậy, còn ai lươn ngắn mà ai trạch dài! Kết cục cuộc Nho-học trung-cổ bên này cũng như bên ấy, cũng có hai lưu-phái là phái ngoan-cố thủ-cựu với phái duy-tân.

1) Phái thủ-cựu của nước ta có Vũ Phạm-Khải là đại-biểu, ông trông thấy và nghe nói những cơ-khí Tây-dương

tài khéo, bèn làm bài *Biện hoặc luận* 辨惑論 tự xưng mình là trung-quốc và nói : « Khéo thì khéo chứ cũng chả khéo bằng Hà-đồ với Lạc-thư 巧莫巧於河圖洛書.» Ý ông này định đem Hà-đồ Lạc-thư ra để chống với cơ-khí Tây-dương bấy giờ chăng ? Rõ thật là mình mê lại còn bảo ai hoặc !

2°) Phái duy-tân có Nguyễn Trang-Tộ là đại-biểu . Ông là một nhà giáo-sĩ đạo Thiên-chúa, tinh-thâm Nho-học, sang du-học Âu-châu, lĩnh-hội được cả các khoa-học, lại du-lịch Hương-cảng rồi về làm bài điều-trần đại-thế thiên-hạ và học thuật mới của Thái-tây, xin biến-pháp, xin đổi lại phép học phép thi. Có những thuyết « Lục-lợi từ 六利詞, Tế-Cấp 濟急, Nông-học thập-lợi 農學十利 » và nhiều thuyết khác. Văn của ông điều-hòa cả hai cái tư-tưởng Đông-Tây, nhiệt-thành mà uyển-chuyển. Ông là thầy tu mà như thế, thật là không trái với cái quốc-túy điều-hòa siêu-việt với hiện-tại. Văn tập còn cả, nay đọc lại cũng còn giá-trị lắm. Như thế há ông không phải là người bắt đầu điều-hòa hai cái học cổ kim Đông-Tây làm một ở nước ta dư? Tuy không phát-minh gì, nhưng cũng gọi là *cái học Đông-tây điều-hòa của Nguyễn Trang-Tộ* được. Cái học của ông thực không kém gì của Phúc-trạch Dụ-cát ở Nhật-bản, Khang Lương ở Trung-quốc bấy giờ. Thế mà cái học của ông Dụ-cát thì còn thịnh-hành đến nay, mà của ông với của hai ông Tầu kia thì đều bị phái thủ-cựu đánh đổ.

Trở lên các học-phái Nho Phật trong ba tính-chất là hợp-sáng biệt-sáng và mô-phỏng của ta trong một thời-đại đình-trệ, đại-lược như thế. Hợp-sáng thì đã mai-một mất rồi, mô-phỏng thì còn có gì mà kể. Duy có biệt-sáng thì chứng-cớ còn đó. Vì dù những cái tên sách ấy mà không tìm ra cho đủ được nữa, cũng không có thể gọi là không có được. Nay tôi đặt mấy câu thiết-vấn như sau này :

Tôi hỏi : — Truyện Phù-đồng thiên-vương có ít nhiều không ?

Tất có người trả lời rằng : — Cái đó chưa chắc.

— Vâng, cái đó chưa chắc thật. Vậy như thành-trì cung-điện của các vua Lý, Trần, Lê, ở Hà-nội không luận to nhỏ tốt xấu ra sao, nhưng có không?

Tất người ấy lại nói :

— Sao lại không có.

Tôi lại hỏi :

— Vậy thế bây giờ ở đâu ?

Hỏi đến đấy tất người ấy không trả lời được nữa. Ấy cái tình-trạng của học-phái ta xưa cũng đại-loại như thế. Nay xét lại xem sở-dĩ làm sao mà phải như thế thì có hai cớ như sau này :

Một là bị nhà Minh làm đứt mối đi, hai là tự mình mới sinh ra bệnh cầu-thả mà nhẵng-bỏ đi.

Tuy-nhiên nhà Minh lấy mất sách làm đứt cái mối văn-minh học-thuật của Lý Trần đi, song lấy mất sách chớ có lấy mất tinh-thần chủ-nghĩa đâu. Chủ-nghĩa Chu-học, tinh-thần ở thực-hành ; chủ-nghĩa Phật-học, tinh-thần ở điều-hòa ; chủ-nghĩa Hoa-Việt, tinh-thần ở quốc-âm ; vậy sao mà không phục-hưng lại được. Thế thì cớ thứ nhất tuy hại, nhưng cũng không tệ lắm. Tệ lắm là ở cớ thứ hai. Cớ thứ hai từ Lê Hồng-đức bắt đầu gieo cái mầm cầu-thả, rồi Mạc và Trịnh là hai triều tiếm-ngụy lại càng lợi-dụng mà tài-bồi cho thành cái rừng cầu-thả. Cầu-thả nên toàn mô-phỏng, toàn mô-phỏng thì không còn biết biến-hóa nữa. Như người học vẽ tranh mà làm cách lồng phóng hay là «can-kê» thì thế nào cũng không đúng. Kỳ-cục mãi càng không đúng, bấy giờ khoanh tay lại, lắc đầu lè lưỡi mà rằng : « Bức vẽ mẫu là thiên-tài trời đã định, mà mình là bất-tài

trời đã định. » Chớ nào có biết đâu rằng cách học muốn cho bằng người thì phải biến-hóa khác đi. Nay cứ toàn mô-phỏng, thấy không có thể theo cho bằng được, bèn sinh lòng tự-tiện 自 賤, là mình tự khinh cái tài mình. Tự-tiện quá rồi tự-khí 自 棄, là mình tự bỏ cái tài mình, cho mình là đồ bỏ. Mà đồ bỏ thật, vì học không có cái gì dùng được như mẫu của người. Bấy giờ dẫu có ai hoán-tỉnh cho cũng không tin, có ai biết-sáng biết-lập cái gì cũng không thèm ngó tới. Có ngó tới thì lại đem bức vẽ mẫu trước ra so, chỗ nào khác thì cho là *lập-dị* ; chỗ nào dùng thì cho là không bằng. Vả đã yên-trí rằng cũng là giống bất-tài trời định, sao còn có kẻ kia. Rồi lại sinh đố-kỵ nữa, dân-gian thì vùi dập của nhau đi, triều-đại thì phá-hoại của nhau đi. Gần đây mà không nhờ được trường Bác-cổ Hà-nội vì khảo-cổ mà bảo-tồn lại, thì một ít sách nát với mấy cái cổ-khí xù-xì kia còn đâu đến giờ cho ta được xem nữa.

Cũng vì thế mà bao nhiêu cái hay không còn gì nữa. Cũng vì thế mà anh thợ vẽ cầm đến cái bút là vẽ ngay phong-cảnh « *Cô-tô thành ngoại Hàn-sơn tự* » thầy đồ cầm đến cái bút là tả ngay lịch-sử « *Hàn Cao-tổ, Trương Lương, Hàn Tín* » ; anh phường tuồng ra trò là diễn ngay tấn *Lưu Bị, Quan Vũ, Trương Phi*. Cũng vì thế đã quen đi rồi, nên chính thổ sản thổ-hóa mà hễ cái gì tồi thì cho một tiếng « *nam* » vào để giễu ; như cái áo tơi là họ gọi là « áo cứu nam xôt-xạt » ; anh chàng dở người mà hay bàn thời-thế họ gọi là « Gia-cát Nam ». Cái gì tốt thì cho một tiếng « tàu » vào để khen, như măng khô gọi là « măng tàu ». Ấy cũng vì cái tư-tưởng đã thiên đi như thế mà những nhà chế-tạo nội-hóa rất khốn-khổ, đồ tốt không bán được phải thất-nghiệp, mà những đồ thô-bỉ tầm-thường thì may còn ngoi-ngóp sống để kiếm ăn với những người quê mùa nghèo khó vậy. Như thế thì hèn nào mà kỹ-nghệ không đồi-bại hủ-liệt.

Vật-chất như thế mà đạo-học cũng như thế, mà như thế đã lâu rồi, song cũng là bệnh mới về sau, chứ không phải là bản-lai.

* *

Nay kết-luận : quốc-học với thế giới công-học của Việt-Nam về thời-đại đình-trệ như trên ấy, tôi đã so-sánh với xa gần, đã chứng-giải biện-luận như thế là đủ rồi. Ngày nay thế-giới giao-thông, học-thuật nhất trí. Học-thuật tân-sáng của Thái-tây là cái nhà trường qui-thức cao-đẳng mới và chung của cả các dân-tộc trong thế-giới về thời-đại này, dâu biết sớm và nhanh chân thì được học trước. Song đến cái chỗ chân-thực giác-ngộ, chân-thực tâm-đắc thì phải nhờ vào cái khiếu biết học của bản-chất, trông vào cái trình-độ học cũ mới được. Bởi vậy tôi đã ví quốc-học là bản-chất, ví những cái học cũ ở Á-đông là nhà trường Đông-phương-học; mà những cái sở-đắc cũ là những cái bằng tốt-nghiệp trước vậy. Bây giờ bạn học cũ đã đều lên trường Cao-đẳng mới, ta dù chậm-chạp cũng đã tìm tới cổng trường, nhưng trước khi thụ-giáo, ta phải tự sát-hạch lại cái bằng tốt-nghiệp cũ của ta là phải lắm. Cái bằng tốt-nghiệp cũ của ta, về môn quốc-học, những tài-liệu về bản-chất, so với bạn học cũ dẫu chẳng được toàn ưu-điểm gì, nhưng cũng ưu liệt tương-bán. Về môn công-học dù bị nội-giới ngoại-giới cùng số nhiều ham-mê về cử-nghiệp, khiến cho có sở-đắc mà không được lưu-hành, có lưu-hành mà được một số ít người hoặc được một thời-kỳ ngắn-ngủi ; song những tinh-thần chủ-nghĩa như là điều-hòa siêu-việt với thực-tế, thực-hành minh-đạo hóa-dân, tự-tín tự-giác về quốc-âm thổ-sản như trên ấy, thực đã biết đem cái học công-hữu của

thế-giới biến-hóa ra làm cái học độc-hữu của một nước rồi đó. Cái khiếu biết học, cái trình-độ học cũ như thế, nào có kém gì bạn đồng-môn xưa. Nay chúng ta sinh vào buổi học-thuật giao-thời của nước nhà. Ngửa lên thiên-cổ, cúi xuống thiên-cổ, cái lâu-đài học-thuật sau đây, cố-nhiên là toàn hi-vọng ở người tân-tiến ở Tây-học. Song cái nền móng thì phải cắm vào chỗ tinh-thần đã có sẵn, đã sở-đắc rồi mà xây dựng lên. Tuy-nhiên cái đã-qua đã qua rồi, cái chửa-đến còn chửa đến. Đương lúc gián-đoạn này, cái trách-nhiệm cắt vạch cỏ tìm cho ra cái đất nền móng cũ mà giới-thiệu cho người sau, há không phải là những người ngày nay dư? Vậy cái gì là quốc-học cần phải tài-bồi? Cái gì là công-học đã sở-đắc cần phải quí báu mà giữ lấy? Lại cái gì là trở-lực bởi đâu, cái gì là cố-tật mê-muội phải tránh? Nhất-thiết phải bình-tĩnh mà xét, chịu khó mà tìm, được đến đâu thì được, còn đâu để lại, thế mới không phụ.

Cái chủng-loại của một dân-tộc lại cần hơn là của một cá-nhân. Cái gì cũng có di-truyền, không những tóc da tính-tình có di-truyền, mà trí khôn về học-vấn cũng có di-truyền, ấy gọi là chủng-trí hun-thành. Xưa nay có chủng-trí mà làm mất đi cũng có, chớ không có chủng-trí thì không làm nên gì bao giờ. Bởi vậy trước khi tôi khảo bài này, về quốc-học dù hay dở cũng phải có sẵn tài-liệu đã cố-nhiên rồi, còn về thế-giới công-học thực tôi lấy làm lo lắm. Lo rằng không có giống chăng. Đến khi tìm được mấy cái tên sách trên kia thì tôi lấy làm tiếc. Tiếc vì không có sách nào được lưu-hành đến nay. Song nghĩ kỹ lại thì tôi không tiếc nữa mà chỉ khấp-khởi lấy làm mừng thầm. Mừng rằng người Việt-Nam xưa cũng đã có khiếu biết học, tức là có cái giống biết học rồi. Cứ mấy cái tinh-thần chủ-nghĩa, là điều-hòa siêu-việt với thực-tế, thực-hành minh-đạo hóa-dân, tự-tín tự-giác về quốc-âm thổ-sản của các cụ đã để lại trên kia là đủ rồi. Đủ làm gương sáng, làm đèn chiếu, làm địa-khoán, làm quốc-túy, làm chủng-trí cho người sau rồi. Tuy một hồi bị cái bệnh nghiện khoa-cử, cẩu-thả tự tiện tự-khi mà quên đi, khiến cho mấy cái tinh-thần chủ-nghĩa trước không nảy-nở ra được; nay nhờ luồng quang-tuyến của tân-học nước Pháp đã chiếu cho ta biết cái căn bệnh xưa, thì ta phải biết mà phục-hưng lấy cái hay lại.

Còn mấy bộ sách trên kia mà cho có còn lưu-hành đến nay đi nữa, thì cũng là quá-khứ cả rồi. Có gạn lọc lại cũng chẳng còn được là bao nhiêu. Chẳng những của các cụ, chẳng những của các nước về thời-đại đình-trệ, về thời-đại phát-đoan, mà đến cả của đời tân-học thực-nghiệm đây cũng vậy. Mỗi một nhà thực-nghiệm sau nổi lên thì học-thuyết của nhà thực-nghiệm trước lại bị quá-khứ đi một phần hoặc hầu hết. Đó là cái công-lệ tiến-hóa phải như thế.

Đứng xa xa trông thấy cái lâu-đài học-thuật của người ta mặt nào cũng nguy-nga hùng-tráng mà thèm. Song có ngờ đâu rằng trước kia người ta chịu tích-lũy quí-báu từ từng hòn gạch một mà xây nên. Mà mình từ trước kia thì khinh-bỉ vất đi từ từng hòn gạch một, nên chẳng xây được cái gì.

Nay ta đã biết cái bệnh-căn của cõi học ta xưa, một là vì xã-hội cẩu-thả mà toàn mô phỏng, một là vì kẻ học-giả ham cái cận-lợi khoa-cử. Vậy bây giờ là lúc học-thuật đại-đồng, và ganh đua, chính là cái cơ-hội rất may-mắn cho cõi học Việt-Nam ta. Thâu-thái điều-hòa ở lúc này, phục-sinh ở lúc này, mà biệt-sáng cũng do ở lúc này. Cuộc tranh-luận về học-thuyết học-phái của tiền-nhân này chính là cái trưng-triệu

khát-vọng về tân-học-thuật của một nước đó. Song trước khi vì học-thuật nước nhà mà hi-vọng, ta phải hết sức mà trừ bỏ cái căn-bệnh cầu-thả đi, trừ bỏ cái tính tự-tiện tự-khí đi. Không thì về xã-hội lại cứ lười biếng a-dua không suy-xét lựa chọn, không có cái tinh-thần tự-giác tự-tin. Về kẻ học-giả lại cứ tham cận-lợi, nhai văn nuốt chữ, ấy học-đường của nước văn-minh làm con đường tắt hiển-vinh ; bộ « lều chiếu chõng lọ » tuy phá dập ở trường thi rồi, mà con ma nghiện cử-nghiệp lại bò vào nơi mễ đỗ bảng đen mà ám-ảnh, thì học đến bao giờ cũng chung vô-sở-đắc. Mà dù có sở-đắc được tí gì cũng chẳng để ý đến.

NGUYỄN TRỌNG THUẬT

TRẦN NGUYÊN CHIẾN-KỶ

Tôi duyệt đến sử nhà Nguyên và quốc-sử đương đời nhà Trần giao-chiến với quân nhà Nguyên, lạ cho nước nhỏ địch được với nước lớn, sức yếu địch được với sức mạnh. Quân nhà Nguyên hơn năm-mươi vạn, quân nhà Trần chỉ có ba-mươi vạn, kể binh-số không bằng nhà Nguyên. Thích-Tư-Mã 郝司馬 *chế được súng đạn, quân nhà Trần chỉ có cung tên giáo mác, kể binh-khí không bằng nhà Nguyên, thế mà trận trước chém được tướng Nguyên ở cửa Hàm-tử, trận sau phá được quân Nguyên ở sông Bạch-đằng, uy-thanh lừng-lẫy, tự đó nhà Nguyên không dám hỏi đến cương giới đồng-trụ nữa, đó chả nhờ có tướng-sĩ hợp sức, quốc-dân đồng-tâm đấy ư ? Sức đã hợp, tâm đã đồng, thời thế yếu cũng thành ra mạnh, việc khó cũng hóa ra dễ, nên chép một đoạn tiểu-sử này, để biết vua tôi nhà Trần gây nên được cái công-nghiệp vĩ-đại, để cho vẻ-vang cái lịch-sử của nước nhà, đáng nên kỷ-niệm.*

Đương khoảng thế-kỷ thứ 12 phía tây-bắc nước Tàu có họ Thát-đát 韃靼 *mới xuất-hiện. Thái-tổ tên là Thiết-mộc chân* 鉄木眞 *dấy binh lấy nước Mông-cổ, nối sau Thái-tôn là A-loa-đài* 阿螺台, *Hiếu-tôn là Mông-kha* 蒙哥, *đều là tay kiệt-hiệt trong vòng bảy-mươi năm, giữ Mãn-châu, lấy nước Triều-tiên, diệt được nước Hạ và nước Kim, chiếm được nửa đất nước Tàu, phía đông-bắc Âu-châu, phía tây-bắc Ấn-độ, đều về tay Thát-đát nang quát gần hết, đất nhà Tống chỉ còn có Hồ-bắc trở về nam mà thôi. Khi ấy họ Thát-đát hùng-cường, nghiễm-nhiên một vị chủ-ông ở xứ Đông-bán-cầu vậy. Sau em Mông-kha là Hốt-tất-liệt* 忽必烈 *dẫn binh qua tỉnh Tứ-xuyên, lấy đất Vân-nam rồi có ý tàm-thực cả nước ta nữa.*

Triều vua Trần Thái-tôn niên-hiệu Nguyên-phong, năm thứ bảy (1257), tướng Thát-đát là Ngột-lương-hợp-thai 兀良合台 *chiếm lấy đất Đại-lý rồi lại dẫn quân sang nước ta, đóng ở bên tả sông Thao* 洮江 *thuộc huyện Tam-nông tỉnh Phú-thọ, toan để hư-trương thanh-thế, chực gây binh với nước ta vậy. Bấy giờ vua Trần Thái-tôn, thân dẫn quân đi đánh, bị phải mũi tên đau quá, phải lùi quân về đóng ở sông Lô, quan tướng là Lê Phụ-Trần* 黎輔陳 *cưỡi một con ngựa xông vào trận giặc, thần-sắc tự-nhiên, không kinh-sợ chi cả, quân giặc bắn như hoa mưa, Phụ-Trần may được*

thoát khỏi, chạy ngựa hô quân về đóng ở sông Thiên-mạc 天幕, rồi mà vua Thái-tôn với Trần Thủ-Độ 陳守度 hỏi kế nên đánh hay hàng, Thủ-Độ nói: « Xin quyết đánh, đầu tôi chưa rơi xuống đất, bệ-hạ đừng lo! » Vua nghe lời quyết-kế, bèn cùng với thái-tử tiến đánh ở Đông-bộ-đầu 東步頭, giặc thua chạy về trại Qui-hóa 歸化, chủ trại là Hà-Bồng 何傳 chiêu-tập quân mán đuổi đánh, giặc lui quân về.

Năm tân-dậu (1261) Mông-kha chết, em là Hốt-tất-liệt làm vua Thế-tổ, bèn sai sứ đến nước ta, và đem thư ủy-dụ, vua Trần sai Trần Phụng-Công 陳奉公 đem lễ đến cống, trân-trọng cũng coi như vua nhà Tống vậy.

Đương triều vua Trần Thánh-tôn năm Thiệu-long thứ mười-bốn, Tất-liệt đã diệt được nhà Tống, dựng nước gọi là Đại-Nguyên, sai sứ sang dụ vua Trần vào triều, vua từ chối không đi, sau lại sai Ngột-lương lại hỏi bờ cõi đồng-trụ. Vua sai Lê Kính-Phu 黎敬夫 đến hội khám, nói đồng-trụ ấy, từ ông Mã-Viện dựng đã lâu ngày, đến nay lở mất không biết tung-tích chỗ nào mà xét được. Rồi mà người nhà Nguyên sai lính đi tuần ở ngoài biên-giới, để xem địa-thế, vua khiến Đào Thế-Quang 陶世光 ra Long-châu 龍州 để thám tình-hình quân Nguyên. Hốt-tất-liệt lại sai Hợp-tán-nhi 合散兒 và Hải-nha 海牙 đem sáu việc để yêu-sách nước ta: một là quốc-quân phải thân-hành đến triều; hai là phải đem con vua đến làm lễ chí; ba là phải biên thành dân-số đem nộp; bốn là phải đem quân-sĩ cung-ứng; năm là phải nộp phú-thuế; sáu là đặt Lỗ-cát-tê 嚕噶齊 để cai-trị. (Lỗ-cát-tê cũng như chức đô-hộ hay là toàn-quyền). Vua Thánh-tôn đem việc ấy hỏi ông Trần Quốc-Tuấn 陳國峻 nghĩ nên thế nào. Ông Tuấn thưa rằng: « Xin ngọc-bệ hãy chém đầu tôi, rồi sau sẽ theo cái lời nghị ấy. » Bèn cùng với quần-thần quyết-kế đánh nhà Nguyên.

Sau nhà Nguyên đưa thư dụ rằng: « Nay có người nước Hồi-hột 回鶻 buôn bán ở nước An-Nam, phải dẫn sang nhà Nguyên, để hỏi việc Tây-vực. » Vua Thánh-tôn trả lời, trước có hai người Hồi-hột, một tên là Y-ôn 伊溫, một tên là Sa-bà 婆婆 đến đây buôn bán, nhưng bệnh chết đã lâu. Khi ấy sứ nhà Nguyên đến vua không đáp lễ. Vua Nguyên sai quan Trung-thư đến trách vô-lễ.

Năm mậu-dần (1279), vua Thái-tôn nhà Trần mất, người nhà Nguyên nghe tin, sai thượng-thư Sài-Thông 柴椿 đem thư trách rằng: « Quốc-vương lên ngôi không thỉnh-mệnh, có ý ngạo-mạn với thượng-quốc, và khi trước có kỳ-hẹn sáu điều, đến nay chưa thấy tuân-hành, nay tân quân mới lên ngôi, mà lại không vào triều, thời cần phải sửa thành-trì, chỉnh quân-ngũ, để đợi quân nhà vua đến. » Vua phúc-thư cho sứ nhà Nguyên rằng: « Ta sinh-trưởng ở thâm-cung, không quen cưỡi ngựa, không am thủy-thổ, nên không tiện vào triều ». Sài Thông về tâu, vua Nguyên thịnh-nộ, bèn mưu với tướng thần quyết-kế sang đánh An-Nam.

Nhà Nguyên lúc ấy đã diệt xong nhà Tống, bèn hợp cả toàn-lực để kinh-lý cõi nam.

Khen thay giống Thát-đát lấy một bộ-lạc ở bắc-phương, hốt-nhiên dựng thành được cái nghiệp cường-thịnh, vì dân Mông-cổ lúc còn nhỏ ai cũng tập nghề cưỡi bắn, mỗi một binh thì quản hai con ngựa, ngựa này mệt thì thay ngựa khác; khi lâm-trận thì ăn bằng thịt ngựa, uống rượu bằng máu ngựa, cho nên quân-sĩ người nào cũng hùng-cường, binh-pháp thì mười người làm một đội, từ một đội cho đến nghìn đội, thời cử chức thập-hộ, bách-hộ, thiên-hộ, vạn-hộ để quản-chưởng, còn từ vạn-đội trở lên thời thống thuộc ở

quyền vua, từ thập-hộ cho đến vạn-hộ người nào cũng có đặc-quyền, hễ trái luật thời trị tội, dẫu quyền-quí cũng không tha, cho nên quân-luật nghiêm-minh, không ai dám phạm, bởi vậy đánh nam dẹp bắc, đâu đấy đều là vô-địch. Phương-chi thế-lực nhà Trần so với nhà Nguyên, mười phần chưa được một, chẳng khác gì trứng gà ở dưới núi Thái-sơn vậy. Lúc ấy thượng hoàng Thánh-tôn biết mục-đích người Nguyên có ý nhằm thổ-địa nước ta đã lâu, tất-nhiên cái cuộc chiến-tranh cần phải chỉnh-bị, bèn ngự ra Bình-than 平灘 hội các vương-hầu để bàn thế công-thủ, và chia binh phòng-bị các chỗ xung-yếu. Ông Trần Quốc Toản 陳國瓚 ít tuổi không được dự bàn, trong lòng phẫn-uất, tay cầm quả cam nắm chặt đến nỗi rập nát mà cũng không biết, lui về chiêu-tập gia nô và thân-thuộc, được hơn nghìn người, sửa chiến-thuyền, chế binh-khí kéo cờ viết sáu chữ : « Phá cường-địch, báo hoàng-ân 破强敵報皇恩 » để đợi ngày xuất-chinh.

Thượng-hoàng lại thân suất vương-hầu tập quân thủy quân bộ, phong cho Hưng-đạo-vương Trần Quốc-Tuấn làm Quốc-công, tiết-chế thủy bộ mọi quân, khiến chọn người nào có tướng-tài, chia giữ bộ-ngũ, kế lại với thiên-hạ phụ-lão, hội ở đền Hồng-duyên hỏi kế, ai cũng nói xin đánh, muôn người như một miệng.

Xem thế việc đánh nhà Nguyên không phải tự ở tay quân tướng, chính là hợp cả sĩ-tốt quốc-dân ai cũng cùng lòng, ai cũng lấy một chữ quyết in sâu trong óc, mà lại được một tay thủ tướng kinh-luận đủ sức lược-thao gồm tài, như đức Trần-Hưng-đạo, chính là một bậc thiên-cổ vĩ-nhân, giặc nhà Nguyên dẫu dữ-dội đến thế nào cũng không đủ sợ vậy.

Năm Thiên-bảo thứ năm, sai người trinh-thám biết thái-tử nhà Nguyên là Thoát-Hoan 脫歡 lĩnh binh 50 vạn định đến sang năm kinh-lý nước An-Nam, Thượng-hoàng đã hiểu được tình-hình như vậy, liền sai đức Trần-Hưng-đạo điều-bát vương-hầu mọi quân kiêm-duyệt ở Đông-bộ-đầu, rồi chia các đạo ra Bình-than 平灘 và Vạn-kiếp 萬刼, Khưu-ôn 丘溫, Khưu-cấp 丘急, chỗ nào cũng có quân phòng-ngự, quân nào cũng thích hai chữ Sát-Thát 殺韃 ở trên cánh tay, khiến cho quân-sĩ biết rằng phen này quyết đánh, thế nào cũng không hàng nhà Nguyên vậy.

Đoạn rồi Thượng-hoàng biết tin quân Thoát-Hoan nhà Nguyên đã kéo đến đất Vĩnh-bình, tuyên-ngôn rằng mở đường vận lương để đánh nước Xiêm. Lúc ấy vương-hầu tôn-thất cùng các bách-quan đều theo vua ra chỗ chiến-trường, kinh-thành không có quân phòng-bị, bèn rước Hoàng-thái-hậu và Hoàng-hậu cùng các cung-quyến ngự ra Trường-an, và phu-nhân quyến-thuộc các quan cũng theo ngự ra đấy để tránh giặc. Không bao lâu quân nhà Nguyên kéo đến cửa ải, quan-quân chống giữ không được, phải lùi ở Vạn-kiếp, các quân ở đạo Bàng-hà 旁河, đạo Na-sầm 那岑, đạo Trì-hương 池香, đạo An-sinh 安生, đạo Long-nhãn 龍眼, tất cả hai mươi vạn, lại hội ở Vạn-kiếp đều theo cái mệnh-lệnh của đức Trần-Hưng-đạo, để đợi tiến-binh. Không bao lâu giặc Nguyên kéo vào phá lấy mọi đồn Lang-sơn 廊山, tướng Nguyên là Ô-mã nhi 烏馬兒 kéo quân phạm đến Vạn-kiếp (nay thuộc huyện Lục-ngạn), kế lại tiến đến Vũ-ninh 武寧, Đông-ngàn 東岸, Gia-lâm 嘉林, quan-quân bị giặc bắt được cũng nhiều, quân Nguyên thừa-thế lại kéo vào Đông-bộ-đầu, thượng-hoàng muốn sai người đến chỗ dinh giặc thám-thính tình-hình, nhưng chưa có người nào to gan mà đi được, lúc ấy có Đỗ Khắc-Chung 杜克終 khẳng-khái xin đi, vua khen rằng :

« Ngờ đâu trong chỗ xe muối mà lại có ngựa kỳ ngựa ký giỏi như vậy ! » Chung phụng mệnh, đến dinh giặc để thác cớ cầu hòa. Ô-mã-nhi mắng rằng : « Quốc-quân vô-lễ, cớ gì dám viết hai chữ Sát-Thát ở trên cánh tay, thế là khinh-mạn vương-sư, không tội gì lớn bằng.» Chung đáp: « Chó nhà cắn người, vì không phải chủ, cái lòng trung-phẫn của quân-nhân, nó tự thích vào tay nó, chứ quốc-quân tôi biết đâu, tôi là cận-thần cũng không được biết đến hai chữ ấy. » Ông liền chặt cánh tay đưa cho quân Nguyên xem. Mã-nhi nói: « Vương-sư ở xa đến đây, cớ gì được kháng-cự.» Khắc-Chung đáp : « Quốc-quân tôi nghe tin binh thượng-quốc kéo sang đánh nước Xiêm, mượn đường để vận lương, nên phải đem quân ra cửa ải để ứng tiếp, ngờ đâu quân thượng-quốc kéo đến đánh phá các đồn của quốc-vương tôi, nay nếu quốc-vương tôi không soi sứ đến để cầu-hòa, ấy là lỗi ở quốc-quân tôi, nên tôi phải thay quốc-quân đến trước quân-dinh để thỉnh-tội; còn như sự hai bên xung-đột vì là thế cùng, tình bách phải như vậy. Con thú cùng thời nó đá, con chim cùng thời nó mổ, phương-chi loài người. » Mã-nhi nói: « Vương-sư mượn đường để đánh Xiêm-thành, quốc-vương nếu tới đây để tưởng-kiến thời bờ cõi cũng được an-toàn, một cái tơ cái tóc cũng không có xâm-phạm chi cả. Nếu cố ý không biết hồi-đầu, thời khoảnh-khắc núi sông cũng hóa đất bằng, vua tôi cũng hóa làm cỏ nát, sau hối không kịp. » Khắc-Chung từ-tạ xin về, để báo cho quốc-quân biết, khi Khắc-Chung ra ngoài cửa, Mã-nhi bảo rằng: « Người ấy có tài ứng-đối, không nhục quân-mệnh, ngờ đâu nước Nam còn nhiều nhân-tài, chưa dễ mà đánh nổi. » Bèn sai người đuổi bắt, nhưng Khắc-Chung đi đã xa, đuổi không kịp.

Thoát-Hoan phạm đến Kinh-thành, trong thành không có quân nào phòng-bị, và cũng không có sản-vật gì cả, duy có ít văn-thư về việc ngoài biên báo quan-quân tiêu-tức mà thôi, mà trước chỗ Kinh-thành các đạo có yết biển rằng : « Phàm quận huyện chỗ nào có giặc phải quyết đánh thủ-tử, nếu sức không địch nổi thời bỏ chạy chứ không được ra hàng. » Thoát-Hoan thấy thế nghi là dụ mình vào trong thành, hoặc có phục-binh ở chỗ nào chăng, liền kéo quân lùi. Rồi mà Nguyên-súy là Toa-Đô 唆都 ở Xiêm-thành do đường bộ kéo ra Nghệ-an, toan cùng với quân Thoát-Hoan hợp cùng một toán, Thượng-hoàng nghe tin sai Trần Quang-Khải, đóng quân Nghệ-an, chẹn lối đi lại. Nhân vì giặc mạnh không thể giữ được, quân Toa-Đô kéo ra ngoài Bắc, Trần Bình-Trọng 陳平仲 cùng với giặc đánh ở châu Thi-mạc (tức là châu Mản-tù), bị giặc bắt được, hỏi việc quân-quốc. Bình-Trọng không đáp. Giặc hỏi : « Mi có muốn làm bắc-vương không ?» Đáp : « Thà làm quỉ bên Nam chứ không muốn làm vương bên Bắc. » Bèn bị giết.

Bấy giờ quân nhà Nguyên hoành-hành, đi đến đâu cũng không có ngăn-trở chi cả, Thoát-Hoan đã giữ được thành Thăng-long, dương dương tự-đắc, tưởng là quân Nam hèn yếu không đủ địch với mình, nên không phòng-bị nữa, quân Toa-Đô đã kéo đến Tây-kết, (nay Đông-kết, thuộc Hưng-yên), cách Thăng-long ba trăm dặm, chưa kịp liên-lạc làm một, đức Trần Hưng-Đạo đã thám được tình-thế quân giặc, bèn chia ra hai đạo quân, sai ông Trần Nhật-Duật đem một đạo quân đánh ở cửa Hàm-tử, chém được Toa-Đô. Ông Trần Quang-Khải đem một đạo quân phá giặc ở bến đò Chương-dương (thuộc hạt Thượng-phúc Hà-đông), thu-phục lại được thành Thăng-long. Toa-Đô chết, quân Nguyên chạy tán-loạn, Ô-mã-nhi thừa lúc ban đêm trốn

mất, bắt được dư-đảng và binh-khí không biết bao nhiêu mà kể.

Nhà Nguyên nghe tin cáo-cấp, sai A-bát-xích 阿八赤 đem quân thủy-quân lục tự Khâm-châu tiến đến nước ta để ứng-viện, đức Trần Hưng-Đạo sai quân-sĩ đem cọc đẽo nhọn cắm ở dưới sông Bạch-đằng, thừa lúc nước lên, dụ thuyền giặc vào bên trong, không ngờ nước xuống, thuyền bị cọc đâm chết vô-số, thu được chiến-thuyền bốn trăm chiếc, bắt sống được tướng Nguyên là Ô-mã-nhi, quân-sĩ nó kéo ra hàng quá nửa, còn dư-đảng vài mươi người, giấu Thoát-Hoan ở trong cái chõ đồng, khiêng chạy về đến châu Ư-minh.

Thoát-Hoan đã thua, chạy về nước, vua Nguyên lấy làm căm-tức, hội binh ba tỉnh (Giang-hoài, Hồ-nam, Giang-tây) và quân Vân-nam, chiến-thuyền ba trăm, cử binh sang Nam đánh trận nữa, cử Thoát-Hoan tiết-chế mọi quân, Trình Bằng-Phi 程鵬飛, Áo-lỗ-xích 奧魯赤 đem quân đi đường bộ, Ô-mã-nhi, Phàn Tiếp 樊楫 đem quân đi đường bể, và các đạo chư-tướng tiến đến Vạn-kiếp. Trương Văn-Hổ 張文虎 do đường thủy chở lương bảy-mươi-vạn hộc theo sau. Lúc ấy Trần Khánh-Dư 陳慶餘 đem quân đón đánh ở bến Lục-thủy (nay thuộc Hoành-bồ Quảng-yên), bắt được thuyền lương thu chứa một chỗ, vì thế quân Nguyên lương thì hết, quân thì mỏi-mệt, không biết thủ-nhu vào đâu được. Trần Hưng-Đạo liền dẫn quân đón đánh, bắt được Áo-lỗ-xích, kế lại bắt được Ô-mã-nhi và Nguyễn Bá-Linh 阮伯靈 (tức là Phạm-Nhan), và Tích-Lệ 昔戾, Cơ-Ngọc 基玉, đem dâng đến chỗ dinh đức Thượng-hoàng. Rồi mà Thượng-hoàng ngự về Thăng-long, hiến tù nhà Nguyên ở Chiêu-lăng (lăng vua Thái-tôn). Thượng-hoàng thấy trước lăng chân ngựa đá có bùn lầm, nói rằng tôn-linh của miếu-xã âm-trợ cho ta đây, liền vịnh thơ rằng: « Xã-tắc kỷ hồi lao thạch-mã, sơn-hà thiên-cổ điện kim-âu 社稷幾回勞石馬, 山河千古奠金瓯. » Nghĩa là: miếu xã mấy hồi đau ngựa đá, non sông nghìn thủa vững âu vàng.

Nhà Trần đã dẹp được quân Nguyên, nhưng trong nước quân-sĩ vẫn còn đề-phòng, nghĩ sao cho bảo-toàn vô-ngại, lên sai sứ đem trả những quân bắt được của nhà Nguyên, và dâng biểu tạ lỗi. Nhân bấy giờ Thế-tổ nước Nguyên băng-hà, vua mới lên ngôi cũng không muốn gây binh với nước ta nữa, bèn sắc phong cho vua Trần làm quốc-vương. Từ đấy nhà Nguyên không dám khuy-dư đến bờ cõi nước Nam nữa.

THIỆN-ĐÌNH

Lời điều-trần cùng quan Thuộc-địa Thượng-thư

Dù trí ngu học thiển, tôi cũng xin lấy cái tư-cách là một tên dân nước Nam, vì cái tình-hình nguy-khổ trong xứ chúng tôi hiện-thời mà phải đem cái chân-tình thực-trạng tỏ bày cùng người có quyền thông-trị xứ này, tức là người có thể mà cũng có cái chức-trách phải lo bổ-cứu lại cái tình-hình nguy-khổ xứ này là quan-lớn.

Quan-lớn là một vị Thuộc-địa-bộ Thượng-thư nước Đại-Pháp, cầm cái vận-mệnh tất cả các xứ thuộc-địa nước Pháp ở trong tay ngài, mà nước Nam chúng tôi có lẽ là một xứ thuộc-địa quan-trọng nhất của nước Pháp. Nay ngài vâng lệnh chính-phủ Đại-Pháp sang khảo-sát tình-hình hiện-thời trong xứ chúng tôi, chắc ngài cũng sẵn lòng nghe cho biết cái chân-tình thực-trạng ở xứ này để tìm phương bổ-cứu. Vậy tôi không ngại đường-đột, dám đem hết cái nguyên-nhân biến-loạn bộc-bạch ra trước mặt quan-lớn như sau này.

Sự biến-loạn ở trong nước tôi ngày nay, theo ý ngu tôi xem xét thì có mấy cái nguyên-nhân chính mà là nguyên-nhân xa, cũng có mấy cái nguyên-nhân nhánh mà là nguyên-nhân gần.

Cái nguyên-nhân chính thứ nhất là tại sự học ở xứ này sai lầm quá. Cái mục-đích chính-đáng của sự học là cốt: 1·) là đào-luyện cho những người thông-minh ưu-tú thành được cái thiên-tài vĩ-đại của người ta để dùng vào những công-việc lớn-lao hoặc làm quan-trường, hoặc làm người quản-trị các sở các cuộc, chủ-trương những sự-nghiệp lớn về mọi phương-diện trong xã-hội; 2·) là rèn-tập cho hết thảy nam-nữ quốc-dân những kẻ không được có cái tư-chất cao-minh cũng thành ra người tạm đủ cái tư-cách làm người, làm dân, có nghề có nghiệp, khỏi một hại xã-hội, nhiễu-loạn nhân-quần. Từ xưa đến nay, tôi xét hễ cứ nước nào mà việc giáo-dục hợp vào hai cái mục-đích ấy thì trong nước bao giờ cũng có một bậc người thượng-lưu xứng-đáng chia nhau quản-trị mọi việc công-cộng, dìu-dắt cho nhân-dân được an-cư lạc-nghiệp mà nước ấy trở nên thịnh-vượng thái-bình, lại hết thảy những kẻ bình-dân trong nước ấy cũng đều biết chăm-chỉ nghề-nghiệp, kính-sợ pháp-luật, giữ-gìn được những điều đạo-đức thông-thường; của nước giàu, sức nước mạnh, thế nước vững, vận nước hay là nhờ về đó. Nay tôi xét đến sự học ở trong nước chúng tôi bây giờ, trong ấy chia ra làm bốn bậc học: bậc sơ-học, bậc tiểu-học tức thuộc về việc giáo-dục quần-chúng để cho phàm người dân trong nước ai cũng được có cái tri-thức nhu-yếu, về sau có thể có cái tư cách làm người, làm dân; bậc cao-đẳng tiểu-học rồi lên trung-học phổ-thông; bậc cao-đẳng-học chuyên-môn tức thuộc về việc giáo-dục hoàn-bị để cho những kẻ có tài có chí có nơi học mà thành-tài đạt-chí, về sau có thể nên một bậc người thượng-lưu xứng-đáng, kham nổi mọi việc công-cộng lớn-lao; cái hình-thức sự học ở xứ này bề ngoài coi tựa-hồ cũng như thế; nhưng xét kỹ đến cái thực-tế bề trong thì gần hóa ra bánh vẽ mất cả. Nay như bậc sơ-học với bậc tiểu-học trước kia phần nhiều đều dạy bằng tiếng Pháp, sách-vở dạy phần nhiều dịch ở chữ Pháp ra hoặc lại chính do tay người Pháp làm bằng chữ Pháp cả thầy giáo cấp cái văn-bằng được quyền dạy trẻ thì là cái văn-bằng thi đỗ các kỳ thi chữ Pháp, nên trong trường dạy trẻ gần hầu như không có chút gì để ý đến những lề thói cư-xử, công-chuyện làm ăn thiết-thực của người bản-xứ cả; va lại dạy bằng chữ Pháp thì trẻ học còn phải để chí cố công về sự nhớ lấy chữ Pháp đã, có lĩnh-hội đâu được những điều tri-thức dạy ở trong văn chữ Pháp: thử nghĩ một đứa trẻ người Pháp học ở một cái trường mà nhất nhất cái gì cũng dạy bằng tiếng Tàu cả, học lịch-sử nước Pháp, học địa-dư nước Pháp, học phong-tục luật lệ luân-lý đạo-đức người Pháp mà sách lịch-sử, sách địa-dư, sách

chép phong-tục luật-lệ nước Pháp, sách dạy luân-lý người Pháp đều làm bằng chữ Tàu hoặc theo ở sách chữ Tàu dịch ra cả; lại thầy dạy các môn ấy cũng dạy bằng tiếng Tàu cả thì có phải rất là lố-lăng kỳ-quặc không? Mà trẻ người Pháp học như thế phỏng còn có ích-lợi được tí gì không? phỏng có thể nhờ những trường dạy như thế mà rèn-tập nên được cái tư-cách làm người, làm dân Pháp hay không? Quyết rằng không. Nay một đứa trẻ người Nam mà học ở một cái trường nhất-nhất cái gì cũng dạy bằng tiếng Pháp cả, thật cũng không khác gì thế. Gần đây tuy đã có sửa đổi, đặt riêng ra một bậc sơ-học yếu-lược chuyên dạy bằng tiếng Nam; nhưng ở các trường dạy vẫn còn kèm vào rất nhiều bài chữ Pháp; và tiếng nói rằng dạy bằng tiếng Nam mà sách dạy bằng tiếng Nam chưa có, có được một số rất ít cuốn thì phần nhiều cũng là dịch ở chữ Pháp ra; tệ nhất là không định ra cái kiểu-cách dạy chữ Nam phải dạy thế nào, như là kiểu cách dạy chữ Pháp, phải có dạy chữ một, dạy mẹo ghép chữ, mẹo đặt câu, dạy tập dùng chữ chấp câu mới được; lại tệ nhất là chính các thầy giáo dạy bằng tiếng Nam ở các trường sơ-học yếu-lược bây giờ là chỉ có cái văn-bằng thi đỗ các kỳ thi bằng chữ Pháp cả, phần nhiều thật quả chưa biết hết được tiếng Nam, chưa từng học qua kiểu-cách dạy chữ Nam, chưa viết nổi một bài văn chữ Nam mà bảo dạy học bằng chữ Nam thì trẻ học không còn được một tí gì cả; cho nên tiếng nói là học sơ-học yếu-lược bằng chữ Nam mà kỳ-thực chỉ học được có cái biết đánh vần, biết dịch tiếng mà thôi chứ chẳng có được một tí gì cái « sơ-học yếu-lược » bằng chữ Nam sốt; như thế rồi lên học mấy lớp tiểu-học thì lại phải húc đầu vào chữ Pháp để thi lấy bằng tiểu-học, rút cục là cái tri-thức nhu-yếu về sau có thể có cái tư-cách làm người làm dân, những kẻ đã đỗ tiểu-học rồi vẫn cũng chẳng có một tí gì cả. Một cái khuyết-điểm lớn nữa về sự giáo-dục dân-chúng trong xứ này là tuyệt-nhiên không có tí gì gọi là chức-nghiệp giáo-dục cả; khắp trong nước chỉ lơ-thơ có được mấy trường canh-nông và bách-nghệ, cả thầy dung được độ mấy trăm học-trò; số mấy trăm học-trò được theo học các trường canh-nông và bách-nghệ đối với số người tốt-nghiệp tiểu-học mỗi năm kể hàng có đôi ba ngàn thì mười người chưa chắc đã được một người chịu cái « chức-nghiệp giáo-dục » ấy. Huống-chi gọi là cái chức-nghiệp giáo-dục ở mấy trường canh-nông và bách-nghệ trong xứ này, thực cũng chưa xứng cái tên chức-nghiệp giáo-dục chút nào; những kẻ trù-bị làm ruộng rẫy, làm thợ-thuyền ở đất nước Nam, sinh-hoạt trong đám người quê-mùa phác-dã nước Nam mà cho học những là máy cày, máy cắt, những là phân bón bằng hóa-chất, tháo nước tát nước bằng động-cơ, thì sau này về ở chốn đồng-áng nước Nam có được mấy chỗ là tiện dùng cày máy, lưỡi hái máy, có được mấy nhà là đủ sức sắm nổi phân bón bằng hoá-chất, mua nổi dầu xăng dầu hỏa chạy máy bơm; hoặc cho học những là vẽ, là nặn, là trạm, là đan chiếu phòng khách, là vặn lái ô-tô, thì sau này đối với các nghề thuyền-thợ cũ của nước Nam, mờ-mịt vẫn hoàn mờ-mịt, mà vẽ cho ai thưởng, nặn cho ai chơi, có sa-lông đâu mà trưng, có ô-tô đâu mà ngự. Chỉ được có mấy trường kể là trường chức-nghiệp giáo-dục, mà những cái gọi là chức-nghiệp giáo-dục đó cũng chẳng ích cho chức-nghiệp người Nam được bao nhiêu! Thành ra bọn thanh-niên nam-nữ, bọn sau này phải đóng vai chính làm dân, làm người, làm nghề làm nghiệp, dùng cái bộ-phận trọng-yếu về xã-hội, về kinh-tế, về tài-chính xứ này, đều là bọn đã ăn phải cái độc học-hành lăng-lố dở-dang, làm người, làm dân nước Nam mà lề-thói cư-xử, công-chuyện làm ăn trong đất nước Nam, chẳng hiểu một tí gì cả, bi-ba bi-bô được năm ba tiếng bồi chữ Pháp, nào tự-do, nào bình-đẳng, nào dân-quyền, nào tự-tôn tự-trọng, mà nói tự-do lại tưởng đâu rằng phiện cứ tự-do hút, gái cứ tự-do chơi, nói bình-đẳng lại tưởng đâu rằng con bình-đẳng với cha, thầy bình-đẳng với tớ, nói dân-quyền lại tưởng đâu rằng sưu-thuế dân có quyền không đóng, luật-lệnh

dân có quyền không theo, nói tự-tôn tự-trọng lại tưởng đâu rằng tự-tôn với cả trưởng-thượng vua quan, tự-trọng cả đến nết hư tật xấu! Cái học chữ Pháp «giả cầy» của họ chưa đủ hiểu được tự-do thật là phải tự-do trong vòng hạn-chế, tự-trọng tự-tôn thật là phải tự-tôn tự-trọng cái phẩm-cách, cái tài-nghệ cho cố lấy hơn người, bình-đẳng thật là không ai nên lấn-láp đến tính-mệnh tài-sản, danh-dự quyền-lợi của ai, dân-quyền thật là khắp trong một xã-hội ai cũng là dân, ai cũng lo hết nghĩa-vụ làm dân mà theo luật-lệnh của xã-hội mình đã cùng định ra, giữ luân-lý của xã-hội mình đã cùng chuẩn-nhận. Lại vì cái chữ Pháp «nửa mùa» mà họ đã bập-bẹ được, rồi mới xem báo-chí chữ Pháp, đọc tiểu-thuyết chữ Pháp, cái hay cái ích trong báo-chí cùng tiểu-thuyết chữ Pháp không phải không có, nhưng sức học của họ có lĩnh-thụ đâu được chỗ ích chỗ hay, chỉ nắm lấy như sầm nắm gậy được mấy câu chuyện ăn cướp tài-tình, giết người can-đảm, ăn chơi đài-điếm, tình-dục lõa-lồ, sống chết coi nhẹ như lông hồng, thân-danh coi phi như cỏ rác, dồn lại bao nhiêu cái dại, đắp lên bao nhiêu cái dở mà thành một hạng người không cha không mẹ, không nhà không nước, không lễ không nghĩa, không liêm không xỉ, không nghĩ gì đến mai hậu, mà không kể gì đến cái thân mình nữa! Thứ người như thế, đến lúc hết cắp cập hai buổi đi cho nhẫn đất nhà trường, lấy nẻ ăn nợ cha mẹ, rồi trở về nhà đối với cha mẹ, với anh, với em, với họ, với hàng, với làng, với xóm, không biết câu gì mà nói, không biết việc gì mà làm; cày không được, cuốc không hay, gồng gánh đau vai, lội bùn dát cẳng, muốn xoay lấy một nghề dung-thân, mà bởi chưa được chịu cái chức-nghiệp giáo-dục một tí gì, nhà có sơn đấy mà chẳng biết làm sao sơn được đồ dùng, nhà có mây đấy mà chẳng biết làm sao đan được ghế bàn, đất sét khối đấy mà chẳng biết làm sao làm được đồ sứ, cát khối đấy mà chẳng biết làm sao làm được thủy-tinh. Lại ác một nỗi là mấy năm theo học, nếm cái bả ăn sang mặc điếm, quen thân mất nết đi rồi, ăn tất phải có sữa, có thịt, có trứng, có dầu, có dấm hành khoai, mặc tất phải có cổ cồn, có sơ-mi, có mũ-xoa, có xa, nhung, gấm, đoạn, đi biết đây biết đó, tập-tọng những là xe đạp, xe phành-phạch, xe ô-tô, những là đồng-hồ vàng, kính dưỡng-mục trắng, nước hoa ngát, phấn hồng thơm, nhẫn kim-cương, vòng ngọc-thạch, những là cơm tây, tiệc Tàu, ô-ten, cao-lâu, giường Hồng-công, gương Thượng-hải, lâu-đài công-tước, sa-lông Lu-y, nay hòa nhạc, mai nhảy đầm, chiều chớp bóng, tối hát bội, xi-gà Lữ-tông, rượu nho xâm-banh; bao nhiêu cái vật-chất khoái-lạc nó hiện ra năm quang mười sắc làm choáng mắt mê hồn lũ trẻ người non dạ kia, sinh ra bụng khát-khao thèm-thuồng, cố kiếm cho ra, cố cầu cho được, nhưng cái xác hèn vô-dụng, tri-thức chẳng có, nghệ-nghiệp thì không, với lên cao các sở các tòa không tới, tụt xuống thấp anh cày chị cấy cũng không thông, bòn cho ra bữa lưng bữa vực còn khó thay, làm sao mà cầu được kiếm ra những cái vật-chất khoái-lạc của người, luống để bụng ngày đêm ao-ước. Bấy giờ mới dám ra làm liều phá hoảng, vốn đã có cái học-lý lăng-lỗ dở-dang trong óc, không sợ gì chết, không kể gì thân, tự-do càn, tự-tôn láo, bình-đẳng hỗn, dân-quyền ngang, có một đôi kẻ lấy cái danh-hiệu gì đó xỏ mũi dắt đi cho được ăn, được mặc, được chơi, được túng-dục tư-tình, thỏa-thích những điều khao-khát về đường vật-chất, thế là xô nhau vào cạm, dắt nhau xuống giếng mà quên cả nỗi trầm-luân vĩnh-kiếp, thảm-hại trăm bề. Ấy vì sự quần-chúng giáo-dục ở trong xứ này sai-lạc mà gây nên bao nhiêu những học-trò thôi học ở các trường tiểu-học ra tức là bấy nhiêu những quân lính tiền-phong của kẻ phiến-loạn vậy. Còn như bậc trung-học trở lên cho đến bậc cao-đẳng-học chuyên-môn thì các trường trung-học Tây mở ra ở Hà-nội Sài-gòn, con em người Nam được theo học ở đấy vẫn là phần ít; các trường

trung-học bản-xứ thì tuy có chương-trình học mà trường học không chỉnh-đốn được hoàn-bị, thầy dạy không kén lựa được những nhà sư-phạm xứng-đáng cẩn-mẫn như các trường trung-học Tây ; trường cao-đẳng-học chuyên-môn thì trình-độ học còn thấp kém nhiều, sức học ở các ban học ấy ra cũng chỉ đủ cung dịch-sự trong cái bộ máy các sở các tòa, chứ thực chưa đủ tư-cách kham nổi những công-việc công-cộng lớn-lao, quản-trị tòa kia hoặc chủ-trương sở nọ. người Nam tuy kể là liệt-chủng đối với Người Âu người Mĩ, nhưng trong bọn thanh-niên tuấn-tú không phải không có một số ít người thông-minh trác-lạc, có cái thiên-tài xuất-chúng siêu-nhân. Mà ở đâu chẳng vậy, những kẻ đã có cái tài cái chí khác thường, quyết không mấy ai chịu vùi đầu cúi cổ trong đám làm ăn ti-tiểu, đem tấm thân ngang-tàng bảy thước, yên cái phận làm giá áo túi cơm, học không được học tới nơi tới chốn, để thành-tài đạt-chí mà mở mặt mở mày với xã-hội, đảm-nhiệm những công-việc công-cộng lớn-lao, thì họ tất dám ra phẫn chí ức lòng, con cọp ở cũi, con rồng ở ao, chỉ tìm cách dương vây hà nanh, còn hòng được có khi gần gió lướt mây, mà không thèm kể đến nanh quần vầy sứt. Vả lại trình-độ học chưa cao, sức học chưa chín, chưa suốt rõ lý-thế, hiểu hết việc đời, cái huyết-khí thô-bạo chưa thuần, cái nghị-lực trầm-tiềm chưa đủ, gặp sao hay vậy, dụng đâu làm đấy, bấy giờ nghe cách-mệnh, thì làm cách-mệnh, nghe cộng-sản thì làm cộng-sản, chẳng nghĩ gì sâu-nông, chẳng tính gì thành-bại, miễn cố làm cho khỏi ức khỏi phẫn, mà rang tay mầm miệng, làm chủ-động cho một bầy nhung-nhúc, hô đâu cũng có, kiếm đâu cũng sẵn, là những kẻ học-trò dở-dang vô-nghiệp, ngu-dân cùng-khổ vô-qui. Ấy vì sự cao-đẳng giáo-dục trong xứ này cũng sai-lạc nốt mà gây bao nhiêu những tay tài-tuấn bất-đắc-chí với xã-hội hiện-thời tức là bấy nhiêu những tướng-soái cố liều làm loạn vậy. Chẳng tin xin cứ lục lại mấy tập hồ-sơ các việc biến-loạn gần đây mà xét, quả trong đó những tay chủ-động như Nguyễn Thái-Học, Phó Đức-Chính, Nguyễn Ái-Quốc, Ngô Đức-Trì, Dương Hạc-Đính, Ngô Gia-Tự. v. v., toàn là bọn thiếu-niên tài-tuấn, không được học tới nơi tới chốn để thành-tài đạt-chí, đắc-dụng với quốc-gia mà dám ra cố liều làm loạn ; còn những hạng chân tay đắc-lực, giúp việc cho lũ ấy thì toàn là những học-trò thôi học ở các trường tiểu-học ra, bơ-vơ thất-sở, vớ được có công ăn việc làm, có đồng ra đồng vào ăn chơi huy-hoắc mà nô nhau mạo-hiểm quên mình; xem thế thì đủ rõ các việc biến-loạn gần đây, cái nguyên-nhân thứ nhất chính là tự việc học sai lầm, không còn nghi gì nữa.

Cái nguyên-nhân chính thứ hai là tại nhân-dân trong xứ này hiện nay cùng-khổ quá. Kể ra Chính-phủ Bảo-hộ thi-thiết mọi việc trong xứ này, như mở-mang đường giao-thông, cuộc y-tế, dùng các phương-pháp cải-lương nông-nghiệp, chấn-hưng công-nghệ, tưởng-khuyến thương-mại, coi bề ngoài thì về đường kinh-tế, về đường xã-hội ra chiều phát-đạt lắm ; nhưng xét kỹ bề trong thì dân-gian quả không được hưởng-thụ cái thực-huệ về những việc thi-thiết ấy bao nhiêu, mà trái lại, nhân-dân thật có nhiều điều khốn-khổ quá ! Sao vậy ? Dân chúng tôi là một dân chưa đủ cái tư-cách tự-trị tự-lập, không có một việc hưng-lợi trừ-hại gì mà do sức dân-gian tự-động làm nên được cả, bao giờ cũng cần phải có quan-quyền xướng-suất chỉ-bảo, trông nom săn-sóc đến thì mới hòng việc lợi có thể hưng, việc hại có thể trừ ; ở nước chúng tôi từ xưa đến nay, hễ cứ lúc nào có vua quan giỏi thì dân được thái-bình, lúc nào bị vua quan xấu thì dân phải cùng-khốn. Từ khi Chính-phủ Bảo-hộ giữ cái chủ-quyền dụng-nhân hành-chính trong xứ này, vì ngôn-ngữ không đồng, tình-tình không thông mà các quan bảo-hộ đối với những quan-lại người Nam, khó bề dò xét mà lựa chọn cho được tinh-tường ; và các quan bảo-hộ ở trong xứ này thường chính những ông chánh tòa ở các phủ Thống-đốc, Khâm-sứ, Thống-sứ, hay những ông Chánh-hội-đồng các kỳ

thi hạch quan-lại, nhậm chức vài năm rồi thuyên-bổ chức khác, hoặc về Tây, chẳng có trách-nhiệm gì về những người quan-lại mà các ông đã bổ-dụng cả, ai tham-lam tàn-ác, các ông cũng không cưu,mà ai thanh-liêm cần-thận, các ông cũng không công, các ông có quan-tâm đâu,ngứa gì mà chịu gia công thầm-thận. Nếu trong quan-giới xứ này, người cần-thận thanh-liêm thật có phần ít, mà kẻ tham-lam tàn-ác quả chiếm phần nhiều, dư-luận các báo Tây, tang-chứng rõ-ràng ở các tòa-án, quả không sao lấp được miệng thiên-hạ vậy. Bởi thế nhân-dân đối với Chính-phủ bảo-hộ, tình-ý không được đạt, oan-uổng không được thấu, thấp cổ bé miệng, khuất-phục ở dưới quan-quyền, chẳng những thay đen đổi trắng, chỉ lương vi cường, tính-mệnh tài-sản của nhân-dân như cá trên thớt như thịt đầu dao, không mấy lúc không có cái lo nguy-hiểm, mà cả đến lương-pháp mĩ-ý của Chính-phủ Bảo-hộ như những việc đạc điền-thổ, khai nhân-đinh, bắt người bệnh phong điên, phòng chứng dịch trâu bò, cấp giống lúa, bán trứng tằm, giống cây đường, cáng giây điện, v. v. , thật là những việc rất có ích-lợi cho nhân-dân, mà qua tay kẻ thừa-hành cũng phải lễ trình, lễ khai, cũng bị bắt lên bắt xuống, cũng tùng-trung tác-tệ vô-cùng. Tuy nhờ Chính-phủ bảo-hộ thi-thiết về đường kinh-tế, về đường xã-hội có một ngày một thêm tiến-bộ hơn trước, mà mở-mang nhân-dân có dồi-dào hơn trước được ít nhiều, nhưng bị cái tay tham-quan ô-lại, nạo khoét mãi hàng ngày cũng không còn đâu lại được với cái túi tham không chán; nhân-dân khốn-khổ chẳng là vì quan-lại nhũng-lạm mà nên nỗi thế ru? Nước Nam chúng tôi xưa kia, sưu-dịch do dân làm hoặc do chính-phủ cô-công tự làm lấy, không có cái lệ hỗ-giá cho thầu, những mối hàng chuyên-mại của Chính-phụ do ủy-viên của Chính-phủ trực-tiếp bán cho người mua, không có cái lệ lĩnh-trưng thừa-biện ; về nông-điền thì không có cái luật cho bao-khẩn, về công-nghệ thì không có cái bằng cho chuyên-lợi, về thương-mại không có lập ra bạ-sách cho đăng-chú thương-tiêu, mọi nghề trong nước, ai nấy đều được tự-do kinh-doanh, ai khôn khéo xiêng-năng thì được doanh-dư, ai vụng dại biếng lười thì bị kém sút, nhưng bởi không có ai được hưởng độc-quyền, chuyên độc-lợi, nên kẻ giàu không giàu quá, mà kẻ nghèo cũng ít có kẻ nghèo kiệt nghèo cùng. Từ khi có những cái lệ cho thầu đấu-khoán, điền-địa được bao-khẩn, công-nghệ được chuyên-lợi, thương-mại được có độc-quyền, những kẻ tinh mắt nhanh chân, hoặc thầu làm được việc công-tác gì to, hoặc lĩnh-khoán được việc mua bán gì lớn với Chính-phủ, dựa được thế-lực của Chính-phủ, nào gạt vốn của những nhà hiền-lành súc-tích, nào lường công của những dân lao-động phu-đài, nào chẹt người mua để bán giá cho cao, nào chọc người bán để mua giá cho hạ, họ làm thường chỉ có một đôi việc mà nổi lên giàu có bạc ức bạc triệu như chơi, những kẻ khôn-ngoan siêng-sắng, hoặc vớ được món hàng gì của một tên thợ nào làm ra tinh-xảo, mà xem chiều xã-hội tiêu-thụ được hời, là lũng-đoạn ngay lấy làm vật sở-hữu của mình, lấy bằng chuyên-lợi, chú sách thương-tiêu, rồi nắm cái độc-quyền ấy mà bóp chẹt mấy nhà làm thợ làm thuyên, của bán mười đồng chỉ mua có năm đồng, chính người chế-tạo nhọc-nhằn khéo-léo vẫn không kiếm đủ ăn, mà họ ngồi mát ăn bát vàng, hưởng cái lợi cư-trung, chẳng bao lâu nổi lưng có muôn có triệu. Hoặc choáng được dám đất nào to rộng phì-nhiêu, bỏ ít nhiều ra đắp cái đê ngự-hàm, làm cái đập dẫn-thủy, nạp-trưng nhập-bạ, nghiễm-nhiên thành ngay ông chủ điền liên-thiên-mẫu, mà xoay với mấy tên cày sâu cuốc bẫm, chân lấm tay bùn, nào cho vay thóc, nào cho mượn trâu, nào ở tá-điền, nào cấy rẽ lúa, trăm đường bác-tước để bồi-đắp

riêng cái tư-cơ giàu có như nước như non; lại còn được giấy khen, được bằng thưởng, được mền-đay kim-khánh, có người được cả đến Hồng-lô Quang-lộc, sinh ấm tử phong nữa. Ở đâu cũng vậy, cái tài-sản riêng trong một xứ bao giờ cũng chỉ có một số bấy nhiêu, nó định ứ ở năm mười chỗ quá nhiều, thì hàng ngàn muôn chỗ khác phải khô khan bao kiệt, có những kẻ ăn sung mặc sướng, lên ngựa xuống xe mà tọa-hưởng cái phú-quí tiền đồng bạc chẩy, thì tất có vô-số những kẻ vất mồ-hôi, ráo nước mắt mà không khỏi đói cơm rách áo, lam-lũ suốt đời. Nhân-dân cùng-khốn, chẳng là vì cái chế-độ ủng-hộ tư-bản mà nên nỗi thế ru? Nước Nam chúng tôi xưa kia theo cái tập-tục quê - mùa phác-dã, cần-kiệm nhẫn-nhục, ăn kham ở khổ, thế nào cũng yên phận thủ thường, không có biết hoa-mỹ xa-xỉ là cái gì, mà giản-hoặc có người muốn người thêm thì Triều-đình lại có cái luật lộng-hành, làm nhà, dọn cỗ, may mặc, tang hôn đều có chế-hạn nhất-định, không ai được tiếm-lạm quá, nên dân-gian tiêu dùng có chừng có mực, không ai sài-phí huy-hoắc của trời. Từ khi có cái văn-minh vật-chất ở Âu Mĩ truyền sang, hàng muôn hàng ngàn thứ xa-xỉ-phẩm nhập-cảng tới đây, làm cho hoa mắt mê hồn, khêu gợi cái thị-hiếu ngông cuồng của một đám người làm ăn còn vụng dại, sinh-kế còn rất bần-cùng, cũng khao-khát ước-ao được ngự xe hơi, được lòe vàng ngọc, được chén xâm-banh xi-gà, được hưởng chầm-cầm chớp-bóng, được suênh-soang sa nhung đoạn gấm, được bánh-bao gác tía lầu son, được chỏm-chọe trên bộ ghế sa-lông, được vênh-váo đôi dày đôn cao cổ; mùa-mảng chẳng mấy năm khỏi thất-bát, kỹ-nghệ chẳng mấy thứ bán được ra ngoài, buôn thúng bán mẹt, buôn đầu chợ bán cuối chợ không nên, mà bây giờ người nào cũng đủ mũ tất dày, nhà nào cũng đồng-hồ xe đạp, trai anh nào cũng rượu thùng thuốc bộp, gái chị nào cũng ngọc trát vàng đeo, bữa giỗ nào cũng có bánh Tây chè Tàu, đám cưới nào cũng có dây thêu áo gấm, thì làm gì mà chẳng túng, chẳng thiếu, chẳng đến nheo-nhóc lầm - than, nhân-dân nghèo-đói, chẳng là vì tập-thượng xa-xỉ mà nên nỗi thế ru? Nước Nam chúng tôi xưa kia, thuế-má rất là đơn-giản; đầu năm chí tối nhân-dân chỉ phải chịu hai thứ thuế: thuế đinh và thuế điền; mà ngay hai thứ thuế ấy cũng trưng-thu dễ-dãi, rủi bị năm hoang-khiếm thì hoặc giảm, hoặc xá, hoặc cho khất lại; thường làng nào cũng có một số thuế tích-khiếm thượng-niên. Ngoài ra người làm nghề này, kẻ làm nghiệp khác, tha-hồ lên rừng, xuống bể, phơi muối, làm mắm, trồng thuốc hái chè, không bị những-nhiễu phiền-hà gì về thuế-má cả. Thuế ít như thế thì công-quỹ có đâu mà làm nổi các việc hưng-lợi trừ-hại lớn cho dân, sinh-kế trong dân không được dồi-dào cũng là vì thế; nhưng cái thiệt về thuế-má ít thì dân không biết, mà cái sướng về thuế-má đơn-giản thì dân đã quen. Nay thốt-nhiên bị thuế này thuế khác, trăm thứ những-nhiễu phiền-hà; tuy chính-phủ thu được thuế-má nhiều, làm được nhiều việc hưng-lợi trừ-hại cho dân, sinh-kế nhân-dân vẫn vì thế mà có rộng-rãi hơn trước; mà dân ngu biết đâu đến cái ích-lợi vô-hình đó, chỉ thấy nay bắt thuế kia, mai đòi thuế nọ, mỗi một thứ thuế là một cái giây trói cổ cho dân, phần chạy xuôi chạy ngược để đăng nạp cập kỳ cập hạn cho khỏi phạt khỏi hành, phần lại khổ về nỗi nha-dịch thôi-thúc, tổng-lý xâm-lăng, nghe tiếng quan đoan quan kiểm mà hết hồn, thấy mặt thầy đội thầy cai là mất vía, nó nọ biết chi là ích-lợi, nó lo thuế không xong, thiếu thuế bị tội thì ai cấm được nó khỏi rên-la oán-thán, dậm đất kêu trời. Nhân-dân cùng-khổ chẳng là vì phép thu thuế không được giản - tiện công-bình nên nỗi thế ru! Dân đã cùng đã đói đã khổ, thì thân lươn thôi bao quản lấm đầu, ai đất đâu có kiếm được miếng mà chẳng đi, ai bảo chi có tảo

được tiền mà chẳng phới, những tay chủ-động phiến-loạn mới thừa-cơ lợi-dụng lũ dân cùng liều chết để xô vào đống lửa, đẩy xuống hầm sâu, dù biết nước sâu lửa nóng mà một đàng rồi chết đói chết khổ, một đàng chết thỏa chết no, trước sau cũng một lần, cái dân nhút-nhát ngu-dân này cũng hóa thành ra cái dân mạo-hiểm phiến-loạn. Xem một lũ tù bị đồ bị lưu về tội phá Yên-báy, Hưng-hóa, Lâm-thao, Vĩnh-bảo, Phụ-dực cùng về tội biểu-tình cộng-sản mấy năm nay những quân theo khiêng bom, gánh dao, vác cờ, giải giấy đỏ, không mấy tên không phải là dân quê cùng-kiệt, thật một tý tư-tưởng gì chẳng có, một chút chí-khí gì cũng không, chỉ vì cùng vì khổ, đi đề mà kiếm ăn kiếm mặc, hoặc trả oán trả thù, thì đủ rõ các việc biến-loạn gần đây, cái nguyên-nhân thứ hai chính là tự nhân-dân cùng-khổ, lại còn nghi gì nữa.

Có mấy cái nguyên-nhân chính ấy đã ngầm-ngấm từ lâu rồi, rồi nhân gần đây cái tư-tưởng dân-tộc quốc-gia đã hầu như phổ-thông, một số ít người đảng cách-mệnh có thừa-thời phiến-động, lại thêm người Xích-Nga tuyên-truyền cái chủ-nghĩa cộng-sản, cố ý lay chuyển cả thế-giới phải hãm vào cái vực thẳm lở đất long trời, cái hạt giống biến-loạn trong xứ này vốn đã sẵn nứt mộng nẩy mầm, gặp lúc thời-khí thích-nghi mới tua-tủa mọc lên mà làm nhọc công Chính-phủ Bảo-hộ, phải kiếm hết phương-kế tồi-trừ ngắt cứu, nhưng cái ý ngu chúng tôi trộm nghĩ thì vẫn bởi mấy cái nguyên-nhân chính như trên đã kể, mấy cái nguyên-nhân phụ này mới thành ra có hiệu-quả như ngày nay. Chứ nếu sự học không sai lầm, nhân-dân không cùng-khổ, thì đảng cách-mệnh có tài thánh mấy cũng không đúc ra được người trợ-lực, chủ-nghĩa cộng-sản có thần-thông mấy cũng không cám dỗ được người đồng-tình, xứ này cũng vẫn nằm yên ở dưới bóng cờ bảo-hộ của nước Pháp như xưa, yên lặng thái-bình mà người nước chúng tôi vẫn được hưởng cái nhân-phúc an-cư lạc-nghiệp.

Người ta thường nói hãy biết trúng bệnh tình thì điều thuốc hẳn công-hiệu. Nay đã hiểu rõ những cái nguyên-nhân biến-loạn ở xứ này thì chỉ có trù-hoạch thố-trí thế nào cho đoạn-tuyệt được hết những cái nguyên-nhân đó, là các việc biến-loạn tự-khắc yên dần.

Trị loạn cũng như trị bệnh, cái phép trị bệnh, trị tiêu trước, trị bản sau; trị bản là tự nơi căn-bản trị cho hết bệnh-căn, trị tiêu là tức thì cứu-cấp. Về các việc biến-loạn trong xứ này, tức-thì cứu-cấp thì xin Chính-phủ kíp mở ngay khắp xứ mỗi tỉnh có một sở tập nghề, tùy-tiện tỉnh nào có thứ nguyên-liệu gì thì mở một sở tập nghề về môn công-nghệ ấy, như Hưng-hóa, Phú-thọ sẵn sơn thì lập xưởng làm đồ sơn, Nghệ-an, Hà-tĩnh sẵn mây sẵn gỗ thì lập xưởng làm đồ gỗ đồ mây, vân-vân, cốt phải chọn những nghề thực-dụng trong xứ này cho dân đỡ mua dùng ngoại-hóa, mà mỗi một sở công-nghệ như thế an-sáp được một số lớn học trò vô-nghiệp, khỏi thành ra dở-dang lăng-lố, lêu-lổng lang-thang; mỗi một sở công-nghệ như thế, đón một người chuyên-môn công-nghệ ấy dạy bảo đốc-suất mọi người làm, đặt một viên quản-lý, trông coi việc chi-thu, sắm nguyên-liệu, cắt đặt công việc và kiểm xét thôi-thúc mọi người, làm ra hóa-vật bán được bao nhiêu, trừ thường-phí trong sở, lương ông thầy và lương quản-lý ra, còn liệu công gia-cấp cho mọi người làm trong sở; thế là yên-sáp được một lũ người vô-dụng, đương làm nhiễu-loạn xã-hội, mà thêm được cái lợi chấn-hưng thổ-hóa cho người Nam, Chính-phủ chỉ phải xuất cho một số tiền vốn để các sở công-nghệ vay vốn trả dần, cũng chẳng tốn kém cho công-khố chút nào, mà đám phần-tử nhiễu-loạn được yên nghiệp làm ăn, nước Nam chúng tôi thêm được một nguồn lợi vô-cùng vô-tận. Còn đến những tay

chủ-động phiến-loạn, thì như trên đã nói, những người ấy phần nhiều là hạng tài-tuấn bất-đắc-chí trong xứ, họ có tài có chí mà chẳng đắc-thời đắc-vị, chẳng thi-thố ra được sự-nghiệp gì, bực chí cùng đường, mới chạy liều làm bậy, cho thỏa dạ tang-bồng, cũng biết sự-thế khó-khăn, sức mình chưa đủ tự-chủ tự-cường, việc mạo-hiểm đây chẳng khác gì công giã-tràng xe cát, nhưng đã chót phải chết, cưỡi cọp rồi biết xuống làm sao, đành nhắm mắt đưa chân, phó xoay vần cho con tạo; họ đã quyết chí, nên phải kiên-tâm, càng lùng kiếm tróc-nã bao nhiêu thì càng cố hăng-hái mãi-miệt bấy nhiêu; họ còn theo đuổi kỳ-cùng, thì mầm loạn còn chưa bao giờ đứt hẳn. Nay xin Chính-phủ lượng tình khoan-xá hết cho họ, mà khoan-xá không phải buông rộng thả dài hẳn họ, lựa người nào kham nổi công-việc gì trong các tòa các sở, các nha các thực Nhà nước, thì cho họ có được một cái địa-vị để thi-triển tài-năng học-thức của mình; họ đã có cái sinh-lộ hồi đầu mà lại có cái vũ-đài bay nhẩy, thì cái khách-khí phẫn-uất bất-bình cũng dần dần tiêu-tán, mà vui lòng tán-trợ cho Chính-phủ làm những việc hưng-lợi trừ-hại trong chốn quê-hương! Mà dám chắc rằng họ đã là hạng người có tài có học, lại sẵn lòng làm lấy một cái công-danh sự-nghiệp với nước với dân, thì cái công-việc mà chính-phủ giao-phó cho họ làm, họ tất làm được hơn người, tất có khác những kẻ gãi giấy từ ngày ở các văn-phòng và những phường thi-vị tố-san, rình thò cái thủ-đoạn khoét dân mọt nước. Như thế thì trong xứ không còn những tay chủ-động phiến-loạn nữa, mà chính những người thuở nay làm rày cho chính-phủ phải phiền-phí dùng bao nhiêu trinh-thám, thêm bao nhiêu cảnh-binh, mộ tập bao nhiêu lính tráng, hao tổn bao nhiêu súng đạn vẫn chưa dẹp yên hẳn được, nay lại là những người làm tai mắt chân tay cho chính-phủ rất đắc-lực, thừa-hành thiện-chính lương-pháp cho chính-phủ rất tận-lực tận-tâm, chẳng là một cách trừ loạn rất khôn-ngoan giản-tiện ru? Giản-hoặc có một vài kẻ ương-ngang cố-chấp, không chịu hồi đầu qui-thuận mà cứ giữ thói cũ hô-thô tung-hoành, long xa phản-phúc, thì tưởng không đợi gì trinh-thám cảnh-sát, không cần gì lính-tráng súng đạn, lại ngay những người đã hồi đầu qui-thuận với chính-phủ, họ cũng chẳng để cho ngoài họ còn có kẻ làm càn làm bậy, nguy-hại đến quốc-gia dân-tộc mà phương-ngại đến công-danh sự-nghiệp của họ đương hợp-tác với chính-phủ hiện-thời. Thế là người chủ-động phiến-loạn không có nữa, người a-tòng làm loạn không sẵn nữa, các việc biến-loạn có thể tức-thì cứu-cấp được ngay.

Cái phép trị tiêu thì thế; song nếu không nghĩ cái phép bản trị, tìm phương bồ-cứu để trừ tuyệt hẳn mấy cái nguyên-nhân ngầm ngấm từ lâu kia, thì cái gốc loạn vẫn không hết được. Cái phép trị bản thì xin chính-phủ Bảo-hộ phải đồng-thời chỉnh-đốn lại mấy việc trọng-yếu nhất như sau này:

1o) Về việc học xứ này thì xin phải nhận-chân hai cái mục-đích chính-đáng đã nói trên kia mà thi-hành cho khỏi sai khỏi lạc; một cái mục-đích là giáo-dục quần-chúng cho hết thảy thiếu-niên nam-nữ trong xứ đều có đủ tri-thức để mà tự-trị, nghề-nghiệp để mà tự-dưỡng, gây nên cái tư-cách làm một người dân chính-trực thuần-lương, bao nhiêu các trường sơ-học tiểu-học hoặc trường nam hoặc trường nữ, nhất-định đều dạy bằng quốc-văn; mà dạy quốc-văn không phải dạy một cách cẩu-thả sơ-lược như ngày nay, phải định hẳn ra qui-thức dạy như những qui-thức dạy trẻ con Tây

học chữ Tây; phải làm ra nhiều sách đủ các lớp các môn học bằng quốc-văn, cũng như sách chữ tây mà trẻ con Tây học ở các trường bên Pháp; phải trước hết mở ra nhiều lớp sư-phạm tốc-hành, lựa lấy những người hoặc có Hán-học, hoặc có Pháp-học sẵn-rồi, mà đã đứng tuổi từ 25 tuổi trở lên cho đến bốn năm mươi cũng được cho vào học một kỳ-hạn là một năm, chuyên học quốc-văn và các điều cần về môn sư-phạm, hạch tốt-nghiệp rồi bổ đi dạy các trường sơ-học, tiểu-học hoặc cấp giấy cho được lập trường tư về bậc sơ-học, tiểu-học dạy ở các làng các xóm, không phải xin phép xin tắc lôi-thôi phiền-phí gì. Có như thế thì cái học sơ-học, tiểu-học bằng quốc-văn mới thực là có thầy dạy, có phép dạy, có sách dạy, có đủ trường dạy cho hết-thảy nhà quê kẻ chợ thiếu-niên nam nữ đều lĩnh thụ được cái học thông-thường; ngoài các trường tư trường công dạy sơ-học tiểu-học cho những trẻ từ mười ba tuổi trở xuống rồi, thì mở ra mỗi tỉnh có một trường học nghệ, nghề ruộng-rẫy, nghề tằm-tang, nghề chăn nuôi, nghề chài lưới, nghề thương-mại, các nghề chế-tạo, các nghề mỹ-thuật, tùy nơi nào tiện học nghề nào thì có trường dạy cho nghề ấy; có như thế thì bọn thiếu-niên nam nữ đến tuổi trưởng-thành mới sẵn có nghề-nghiệp trong tay, tự-nhiên chăm-chỉ làm-lụng kiếm đủ nuôi mình nuôi nhà, mà không ai phải vô-nghệ lang-thang đâm ra làm xằng làm dại. Một cái mục-đích nữa là giáo-dục nhân-tài, cho hết thầy những người ưu-tuấn thông-minh đều được học đến nơi đến chốn, đạt chí thành tài, mà đắc-dụng với quốc-gia xã-hội; những người ưu-tuấn thông-minh thì gián-hoặc ở hạng nào cũng có, trong các trường sơ-học tiểu-học cho đến cả các trường học nghề, mỗi năm mở một kỳ thi, lựa lấy những trẻ thật có cái tư-chất hơn người, thật là xuất-sắc hơn cả bằng-bối, cho vào trường trung-học Pháp-Việt, hai năm đầu chuyên học chữ Pháp văn Pháp, hai năm sau học các môn phổ-thông, qua một kỳ hạch tốt-nghiệp lại loại bớt những người lạm-tuyển ra, còn ai trúng-tuyển bấy giờ cho hẳn sang học các trường cao-đẳng bên Pháp, người kém một tí thì cho vào học các ban cao-đẳng chuyên-môn Hà-nội, học thành-tài rồi phải bổ-dụng cho xứng-đáng với tư-cách người ta. Có như thế thì kẻ có tài có chí đều được học cho đến đạt-chí thành-tài, đều trở nên người hữu-dụng với quốc-gia xã-hội, mà không ai phải trầm-luân ức-tắc, sinh ra cẩu đá gầm-gừ. Ấy việc học trong xứ này mà thi-hành đúng hai cái mục-đích trên đó, không sai không lạc, không có những người tài-tuấn bất-đắc-chí, lại không có những hạng học lăng-lố dở-dang, tức là một phương-pháp căn-bản trừ loạn vậy.

2o) Về việc dụng-nhân hành-chính thì xin phải giao cái quyền thuyên-bổ truất-trắc quan-lại mỗi kỳ-hạt cho một hội-đồng đại-hiến người Nam mà buộc phải chịu trách-nhiệm về sự thuyên-bổ truất-trắc ấy. Theo luật của nước chúng tôi trước, bổ-dụng các quan dưới do các quan trên phải cử-tri, mà người quan dưới đó cần-cán thanh-liêm thì vị quan trên cử-tri được triều-đình hậu-thưởng, người quan dưới tham-tàn nhũng-lạm, thì vị quan trên cử-tri bị chiếu luật nghi-tội vi-tòng. Tôi tưởng đối với người Nam tôi thì cái luật ấy rất hay; một ông quan đại-hiến người Nam kinh-lịch trong quan-giới đã lâu, phú-quí đã cực, danh-vị đã to, tất lo hết lòng bảo-thủ danh-dự quyền-chức của mình mà không khi nào dám làm chuyện lạm-quyền trái phép; nay giao cho các ông ấy cái quyền thuyên-bổ truất-trắc quan-lại, lại buộc các ông ấy cái trách-nhiệm

liên-can thưởng phạt về sau, các ông ấy đều kể có mấy chục năm trong quan-giới, các quan dưới người nào hay người nào dở, các ông ấy lựa chọn mà cẩn-thận, tất là không sai; còn đến chuyện tình-vị thiên-tư, thì buộc tội liên-can với kẻ mình cử sau này, quyền-vị mình còn gì, danh-dự mình còn gì, quyết không ông nào dại đến nỗi tối mắt đen lòng, vì một cái của đút nhỏ-mọn năm bảy trăm, một vài nghìn mà liều hoại cả thân-danh nhất-phẩm. Cho nên dám chắc rằng phép tuyển-bổ quan-lại mà cải-lương như thế, thì quan lại không sợ gì phi-nhân. Tuyển bổ quan-lại đã cực-kỳ tinh mật, mà giám-đốc quan-lại cũng phải cực-kỳ nghiêm-minh, xin giao cái quyền ấy mỗi kỳ hạt cho một hội-đồng những người danh-vọng trong dân-đảng; hội-đồng đó phải có một sở thường trực để nhận những tin-tức về quan-trường ở các nơi gửi đến, và có ủy-viên đi luân-lưu các hạt xem xét tình-hình trong dân-gian, điều-tra hành-trạng của các quan, mỗi tháng hội-đồng phải họp một lần, đủ mặt hội-viên hai phần ba là ít, cùng nhau thương-xác, lấy đồng-ý quyết-định mà làm một tờ biên-bản tường-tế, kể rõ ông quan nào có cái chính-tích gì hay, có cái liêm-tiết gì quí, hoặc ông quan nào có cái chính-thanh gì xấu, có cái những-tệ gì hư, trình với quan thủ-hiến bảo-hộ xứ mình, xét theo đó mà cho « nốt », chua vào lý-lịch, tùy công-tội mà tưởng-lục, hoặc thăng-thưởng, hoặc bạt-bổ, hoặc ký-quả, hoặc giáng-cấp, hoặc giáng chức, hoặc chiếu luật hành-hình; mà quan thủ-hiến xét ra ý kiến có khác với hội-đồng, phải họp hội đồng lại mà thanh-minh tại cớ gì, tự mình xét lại sự thực nó khác nhau thế nào cho hội-đồng công-nhận đã rồi mới ra nghị định truất-trắc thưởng-phạt được. Tôi tưởng một cái hội đồng toàn những người danh-vọng trong dân-đảng, không có giao-thiệp liên-lạc với quan-trường mà quan-trường với dân đảng phải giữ miếng nhau, cũng không thốt-nhiên mà có được cái chuyện lo luồn đút lót. Cái hạng đã gọi là bậc danh-vọng trong dân-đảng thì vốn biết trọng danh-dự, giữ phẩm-giá, ít hay làm bậy làm càn, tham lợi hoặc vì tình mà trái phép; vả thường ở trong dân mà có đủ trí thức xem xét được tình-hình dân-gian rõ đích-xác, điều-tra được hành-trạng quan-lại rõ tinh-tường, cũng ít có lầm lẫn vàng thau ngọc đá. Cho nên dám chắc rằng phép giám-đốc quan-lại mà cải lương như thế thì quan-lại không sợ rằng có kẻ những-tệ tham-ác mà còn được bảo-vệ toàn-thân (1). Hễ quan hay thì dân trị, nhân-dân trong xứ này sẽ nhờ thế mà việc hại đều trừ, việc lợi đều hưng, cái hạnh-phúc sung-sướng thái-bình không còn phải nói nữa. Dân sung-sướng thái-bình cả thì ai tài thánh mà rủ dỗ được nó theo làm loạn bao giờ.

3o) Về việc bảo trợ bình-dân, dự phòng cái họa xung-đột tư-bản với lao-động thì xin phải làm lại cái chế-độ kinh-tế của Đông-phương cũ, bỏ hẳn các luật-lệ không hợp thổ-nghi dân-tình của nước Nam chúng tôi, như luật cho bao-khẩn ruộng đất, luật cho chú-sách thương tiêu, lệ phát bằng chuyên lợi cho các công-nghệ-phẩm,

(1) Cách bổ-dụng đã tinh-mật, mà cách giám-đốc lại rất nghiêm-minh, quan-lại phần nhiều là người có tư-cách xứng-đáng, lại phải giữ-gìn cẩn-thận thì xin phải hậu-đãi một cách đặc-biệt hơn bây giờ; phải cung-cấp một cái lương-bổng và các món tiền phụ-cấp rất phong-dụ cho người ta có thể đủ cái sinh-kế thân-gia; phải ủy-thác cho cái quyền-hạn minh-bạch đúng với chức-vị của người ta mà đừng có khinh-nhờn bỉ-bạc, hoặc ngờ vực nên đè đè đến nỗi mất thể-thống quan-quyền mà khiến cho người ta sinh lòng chán-nản; tất ai cũng vui lòng hởi dạ làm việc tốt việc hay.

lệ cho lĩnh-trưng những việc mua bán lớn và thừa-biện những việc công-tác lớn của Chính-phủ, lệ cho phép làm những việc mưu-lợi độc-quyền như mở nhà máy điện, đặt đường xe hỏa, chở tầu đò, đốn rừng cây, v. v.; về nghề nông phải cho nông-dân được tự do khai phá thành điền, nộp thuế từ mười mẫu trở xuống mà thôi; còn những nơi ruộng đất hoang-nhàn thì phải do chính-phủ trù làm cái kế-hoạch di-dân lập-ấp; mỗi khu ruộng đất to rộng chừng bốn năm trăm mẫu thì trù hẳn một số tiền đủ khai-khẩn khu đó cho những dân ở nơi đinh đa điền thiểu, đi đến làm ăn; mùa đầu Chính-phủ cấp cho lương ăn, cho ngưu-canh điền-khí, cho giống-má tính mỗi nhà hết thảy bao nhiêu mà cấp dần cho nó khai-khẩn mấy mẫu ruộng tùy lực hẳn phải trả số tiền vốn lãi cho Chính-phủ làm mười năm; mỗi khu bốn năm trăm mẫu thì đi đến năm chục nhà, lập thành một ấp, có tổng lý tuần đoán cai-quản, cũng như làng cựu ở trung-châu, khu khác cũng vậy; dần dần như đi hết những dân ở nơi đinh đa điền thiểu, khai-khẩn hết những ruộng đất hoang-nhàn, lập thành thêm bao nhiêu ấp, bao nhiêu tổng, bao nhiêu huyện không chừng, dân nghèo đều có chỗ làm ăn, mà Chính-phủ mỗi năm thêm thuế-má bao nhiêu vào công-quĩ. Về nghề công phải tính cho các nhà công nghệ được tự-do chế-tạo càng ngày thêm khéo thêm tinh, hoặc Chính-phủ đặt ra các cách khích-khuyến bổ-trợ, phải xét kỹ, thật người thợ chế-tạo được thứ công-nghệ ấy tinh-xảo hơn người mà khen thưởng và giúp đỡ cho đích thêm người thợ, chứ đừng hở mà để cho những kẻ cướp nghề của người thợ được lạm ơn trên, còn đến công-nghệ lớn, chế-tạo các công-nghệ-phẩm xuất-cảng bán ra ngoài thì nên do Chính-phủ mộ tập tư-bản! khai-trương công-xưởng, đặt một phái-viên quản-lý và một đốc-công chuyên-môn công-nghệ ấy, những công-nghệ-phẩm bán ra được, trừ chi-phí các khoản trong công-xưởng, tiền vốn trả dần lại cho Chính-phủ, hỏa-hồng cho quản-lý và đốc-công, dư được lợi-tức bao nhiêu, chia cho thợ-thuyền trong công-xưởng tùy công-lực ít nhiều mà phát tiền lương tiền thưởng, người thợ khéo được yên sở làm ăn, cứ việc ra sức làm một ngày thêm tinh-xảo, không phải bán phá-giá làm hàng điêu, kém bề tinh-xảo mãi như bây giờ, công-nghệ trong xứ ngày càng chấn-hưng, mà thợ thuyền đều được ấm no thừa-thãi; chính-phủ mỗi năm thêm được một số tiền xuất-cảng công-nghệ-phẩm vào quĩ mà chẳng phải tốn công tốn của gì bao nhiêu. Về nghề thương-mại thì việc buôn to xuất-cảng nhập-cảng phải do Chính-phủ lập ra một sở thương-chính có phái-viên chia giữ các việc buôn; người buôn trong xứ đều có sở thương-chính của Chính-phủ đỡ đầu, cho mua hàng góp ở các nơi, đem gán hàng cho sở thương-chính xuất-cảng, bán hàng lẻ ở các nơi, nhận mua hàng của sở thương-chính nhập-cảng; mà hàng mua cùng hàng bán, Chính-phủ chỉ lấy lãi mấy phần trăm đó, tính vừa đủ các khoản chi-phí trong sở thương-chính tiện-lợi về số vốn của Chính-phủ xuất ra lập sở thương-chính, tiền hoa-hồng các phái-viên, còn thì để lợi cho người buôn trong xứ là những người mua góp hàng, bán lẻ hàng cho sở thương-chính; Chính-phủ được lời, người buôn được lợi, cái thương-quyền không vào tay người riêng lũng-đoạn, mà việc thương-mại trong xứ tự-nhiên thịnh-vượng dần dần. Về những việc công-tác lớn và mua bán lớn của Chính-phủ do Chính-phủ giao cho sở công-chính cùng sở thương-chính của Chính-phủ làm lấy, trù-định cái giá

tiền công cùng giá mua giá bán thế nào cho đúng với thời-giá, không thiệt đến dân, rồi cứ thế mà thuê nhân-công, sắm vật-liệu cùng rao bảo cho công-chúng được tự do đến mua bán với phái-viên Chính-phủ, nhất-thiết cái lệ cho lĩnh-trưng thừa-biện bỏ hẳn không làm nữa; những nhân-viên của Chính-phủ ở sở công-chính cùng sở thương-chính há rằng không khôn-khéo tinh-tường, cẩn-thận siêng-sáng hơn mấy người thầu-khoán vô-học kia sao? Nay Chính-phủ buộc cho những nhân-viên đó cái trách-nhiệm phải làm lấy các việc công-tác, coi lấy các việc mua bán của Chính-phủ mà định cái cách thưởng phạt cho thật nghiêm-minh, thì những nhân-viên đó tự-khắc phải tận-tâm tận-lực, làm việc đâu đấy hẳn-hoi, chắc còn có phần được việc hơn là giao cho thầu-khoán; mà số tiền của công-quĩ xuất ra bao nhiêu về mọi việc công-tác, cùng mọi việc mua bán của Chính-phủ đều trực-tiếp đến nhân-công trong xứ được hưởng nhờ, không bị phao-phí hàng nghìn hàng muôn, phá tiền công-quĩ mà chỉ để làm giàu cho những kẻ lĩnh-trưng thừa-biện, khéo che đậy mà ăn gian ăn dối với Chính-phủ, ỷ cường-bạo mà ăn lường ăn quịt với nhân-công; lợi cho công-quĩ, lợi cho nhân-công, tức là nhân-dân trong xứ này khỏi bị thiệt của thiệt công, lại được bớt đóng bớt góp, không cùng-khốn như bây giờ nữa, chỉ không được mãn-nguyện có bọn thầu-khoán mất cái mối lợi dối trên lừa dưới, không chóng thành ra một giai-cấp tư-bản xung-đột với giai-cấp lao-động mà thôi. Nhân-dân đã không cùng khốn, không bực-tức về nỗi nghèo giàu quá chênh-lệch, không uất-ức về nỗi có làm không có ăn, thì chẳng bao giờ chẳng lạc-nghiệp an-cư mà hòng có kẻ thừa cơ phiến-động được nữa.

4°) Về việc sùng-kiệm ức-xa, để giữ-gìn tài-nguyên trong xứ khỏi tiêu-tiết quá chừng, thì xin phải tưởng-lệ cái phong-tục kiệm-phác cũ của người Nam; đặt ra cấm-lệnh, không cho những việc tang-hôn được quá phô-trương xa-xỉ, không cho những đám yến-hội được quá hoa-mỹ linh-đình; phục cái luật lộng-hành cũ của triều-đình Nam, nhà cửa chỉ cho làm đúng vệ-sinh, dân thường không được lầu-các nguy-nga như đình-thự, quần áo trang-sức chỉ cho vừa đủ sạch sẽ, dân thường không được gấm vóc vàng ngọc như vương-công; cả đến bàng quan-lại, các hạng thân-hào cũng nên có cách khuyến-trừng, ai cửa nhà thanh-bạch, ăn mặc phác tố, thì có ban khen kim-khánh mền-đay, ai cửa nhà lộng-lẫy, ăn mặc xa-hoa thì có quở phạt, tước quyền giáng cấp; trong xứ đều đua nhau giới-xa chuộng kiệm, dần dần lại thành ra phong-tục thuần-phác như xưa, tài-nguyên trong xứ không tiêu-tiết quá chừng; sách cổ Đông-phương có câu: ăn ít dùng vừa thì của không bao giờ thiếu; của không thiếu thì dân việc chi đến nỗi cùng; dân không cùng thì không bao giờ có loạn được nữa.

5°) Về các thứ thuế-lệ thì xin phải theo cái nguyên-tắc thu thuế rất công-bình và giản-tiện khỏi sinh ra những điều phí-tổn vô-ích về sự thu thuế mà để cho nhân-dân phải thêm gánh nặng hoặc phải chịu những-nhiễu phiền-hà: như các thứ thuế chợ, thuế rác, thuế hiên, thuế hàng giong, thuế vãng-quá các thành-phố, rút lại gì cũng đến người ở trong thành-phố phải chịu; nay bày vẽ ra bàng bao nhiêu thứ thuế, phải phí-tổn thêm bao nhiêu người thu thuế, bao nhiêu giấy tờ sổ sách biên thuế, tiền thuế và ở các công-quĩ có một mà tiền tạp-phí về sự thu thuế đến hai, thành ra nhân-dân đáng phải nộp một đồng thuế vào công-quĩ đã đủ tiêu mà té ra phải nộp đến hai đồng

thuế mới cung-dưỡng đủ lũ người làm về sự thu thuế; chi bằng tính tất cả bấy nhiêu thứ thuế cộng lại trong một năm, toán-số bao nhiêu, trừ cái tiền phí-tổn vô-ích về sự thu thuế phải đánh thêm vào thuế ra, tăng bổ đều vào thuế thổ-trạch và thuế nhân-đinh trong thành phố chịu cả, có phải là giản-tiện mà nhẹ bớt cho nhân-dân được một phần gánh nặng không? Như thuế muối, thuế rượu, thuế kiểm-lâm, thuế thương-chính, đánh thuế vào thứ gì tức là gián-tiếp đến người mua dùng thứ đó phải chịu thuế. Nay đặt ra sở kiểm-lâm, sở thương-chính, tốn lương bao nhiêu người làm để dinh-mò bắt-bớ từng mủng muối, từng chai rượu, từng cây nứa, từng bánh thuốc, công-quĩ thêm nhiều phí-tổn vô-ích, mà nhân-dân bị những-nhiễu về sự dinh-mò bắt-bớ rất khổ rất đau; chi bằng liệu đánh thuế ngay vào ruộng muối, vào ruộng trồng thuốc, vào rừng trưng-khẩn, vào lò nấu rượu, vào xưởng thợ chế-tạo ra đồ, dù đánh nặng hơn lên thì kẻ có muối, có thuốc, có gỗ, có lụa, có rượu, có đồ lại tính thêm tiền thuế vào trong mà bán đắt thêm lên cho người mua dùng chịu, có phải là giản-tiện mà nhân-dân khỏi cái nỗi những-nhiễu phiền-hà không? Vả lại thu thuế phải xét kỹ cái sức nhân-dân chịu thuế, tùy cái phần họ được hưởng-thụ về sự dùng tiền thuế hoặc nhiều hoặc ít mà định phép thuế cho thật công-bằng; sự dùng tiền thuế ở trong xứ này phần nhiều là để gìn-giữ trị-an, mở-mang đường-sá, đặt đường xe hỏa, thông đường tầu thủy, nào giây điện, nào giây nói, nào phố-sá, nào dinh-thự, nào cải-lương nông-nghiệp, nào chấn-hưng công-thương, cái ích-lợi ấy có phải hết thảy nhân-dân được hưởng-thụ như nhau cả hay sao? Tôi tưởng mười phần đến chín phần ích-lợi về các nhà quan-trường, các nhà làm ăn buôn-bán lớn được hưởng-thụ hơn kẻ bình-dân, mà thuế thổ-điền, thuế nhân-đinh, thì một ông điền-chủ ruộng thẳng cò bay, có nông-giang nhà-nước chấp thủy phóng thủy tha-hồ, với một tên trai cày một sào năm miếng cũng đồng chịu mỗi mẫu một số thuế như nhau; một ông quan lớn, một ông chủ tư-bản có ô tô, có xà-lúp, có năm bảy chiếc xe đạp cho đầy tớ người nhà, ngày nào cũng đánh giây điện, giờ nào cũng hỏi giây nói, mở đồn-điền được tiền cứu-trợ, lập xưởng thợ cửa hàng được tiền phụ-cấp, đủ trăm bề thuận-tiện dễ-dàng, với một tên áo ôm khố rách, cả năm không biết cái ô-tô thế nào, không hiểu đánh giây điện, gọi giây nói làm sao, cũng đồng chịu lĩnh cái thẻ thuế tùy-thân năm mấy đồng bạc như nhau; cái cách thu thuế không công-bằng như thế phải sửa đổi lại, người hưởng-thụ được nhiều ích-lợi phải chịu thuế nhiều, người hưởng-thụ được ít ích-lợi cho chịu thuế ít, chia ra nhiều thứ hạng mà bắt tùy theo thứ hàng nộp thuế hơn kém cho thật rất công-bằng; người giàu-có được nhờ về Chính-phủ nhiều thì phải gánh vác công-quĩ cho Chính-phủ hơn người nghèo-túng dỡ được ít phần nghèo-túng, cũng được no đủ như bây giờ; dân no đủ thì loạn tự dâu mà sinh được.

Ấy cái việc biến-loạn trong xứ này, có bổ-cứu như thế mới thật là cái phép trị-bản vậy. Song làm những sự cải-cách đại-đoạn thế, nói thì được mà làm thì có dễ chi đâu!

Trước nhất là Chính-phủ Bảo-hộ phải giao cho quan Toàn-quyền cái toàn-quyền thực được tự-tiện xử-trí mọi việc trong xứ này, trừ ra phải phụng-hành cái chính-sách nhất-định, theo đúng cái chương-trình dự sẵn của Chính-phủ Pháp không được làm sai; còn mọi việc dụng-nhân hành-chính, những

điều thi-thiết về giáo-dục, về công-tác, về kinh-tế, về xã-hội, cần phải bổ-hoạch thế nào cho hợp với nhân-tình thế-tục xứ này, cho công-việc làm khỏi sinh ra cái hại sai-lầm tệ-lạm thì đều được tùy-thời tùy-tiện xử-trí cho thích-nghi, lại cần nhất là cái nhiệm-kỳ quan Toàn-quyền ở đây phải cho được lâu ra thì suốt đời, chóng ra cũng mươi mười lăm năm là ít, cũng như phó-vương Anh ở Ấn-độ, toàn-quyền Mĩ ở Phi-luật-tân, thì quan Toàn-quyền mới thông-thạo được tình-hình trong xứ, hiểu rõ được nhân-vật phong-tục trong dân, mới hòng thi-thiết cho khỏi lạc nẻo trái đường, mới triển-bố được hết cái tài chính-trị của mình, làm trót-lọt được những sự-nghiệp ích dân lợi nước, những sự cải cách đại-đoạn, thế mới có người làm toàn-quyền dám đem hết trách-nhiệm mà thẳng tay theo đuổi cho đến cùng vậy.

Thứ nữa là Chính-phủ Bảo-hộ phải thành-tâm hợp-tác với người Nam. Cái điều này thì người Nam tôi mong-mỏi về Chính-phủ Bảo-hộ đã lâu, mà chính Chính-phủ Bảo-hộ cũng hết lòng mưu-tính; hai tiếng « hợp-tác » đã gần thành là khuôn vàng thước ngọc cho những người mở miệng nói việc chính-trị trong xứ này, dù người Nam hay người Pháp mà là người thành-thực, hơi có con mắt trông to thời-thế, cũng đều công-nhận là phải. Song, nói hợp-tác với người Nam, không có lẽ đem tất cả hơn hai mười triệu người Nam mà hợp-tác được. Vậy thế nào cũng phải tìm lấy một hạng người có thể chắc cậy, có thể làm tai mắt chân tay cho Chính-phủ mà hợp-tác. Nhưng thử xét kỹ xem hạng người ấy trong xứ này tìm được ở đâu?

Theo cái kiến-giải tầm-thường thì bảo Chính-phủ Bảo-hộ hợp-tác với vua quan là thuận-tiện nhất. Song, đã mấy chục năm nay, người Nam ở gần người Pháp, theo học chữ Pháp, nhất là lại thâu-nhập cái chế-độ dân-chủ dân-quyền của nước Pháp, con mắt một đứa dân hèn người Nam bây giờ trông vua quan cũng đã không còn thấy cái oai-nghiêm ông ngoáo như xưa nữa; cái tôn-nghiêm vô-hình mà độc-nhất của vua quan ở xứ này xưa kia cũng khác nào như vị tượng thần trong miếu, giả cứ để hương hoa nghi-ngút, ngai khám nguy-nga mãi ở trong thâm-cung mấy tầng hương-án, thì cái tôn-nghiêm ấy vẫn còn dủ hiệu-lệnh như sấm nổ gió rung, nhưng nếu đã rỡ miếu, hương hoa ngai khám đã triệt đi rồi, mà còn chắc cái tượng thần ấy vẫn thiêng, giả trẻ muôn nhà vẫn lấm-lét kinh vía hoảng hồn về chỗ mù tối ngài ra oai giáng phúc, thì quả là chuyện không có yên được nhân-dân xứ này, cũng không khác gì thế. Gia-dĩ ông quan ở xứ này lâu nay cách bổ-dụng và cách thưởng-phạt, như trên kia đã nói, thật ít có ông có thực tài thực đức, chịu hết lòng hết sức làm việc hưng-lợi trừ-hại cho dân, dưới đối với dân hèn thì nhất-vị áp-bức khi-lăng, mà trên đối với Chính-phủ thì nhất-vị dối lừa bưng bít, thiện-chính lương-pháp của Chính-phủ thi-hành biết mấy, mà đến các ông ấy thừa-hành, phần nhiều cũng hư-ngụy hay là những-nhiễu, trở thành hại dân cả; bao nhiêu tình-ý u-ẩn của nhân-dân chẳng hề có đạo-đạt cho Chính-phủ biết, bao nhiêu điều lỗi điều hại trong dân-gian chẳng hề bộc-bạch cho Chính-phủ lo; Chính-phủ Bảo-hộ mà hợp-tác với hạng người như thế, liệu còn có chắc cậy gì được chăng, mà có phải là tai mắt của Chính-phủ to tướng, tay chân của Chính-phủ thật lanh-lẹ chăng? Hạng người ấy nay chỉ để làm một hạng thừa-hành, mà trong việc thừa-hành phải kiếm cách giám-đốc cho thật nghiêm-minh thì cũng là được việc, nhưng nếu để dùng hẳn vào vai hợp-

tác với Chính-phủ Bảo-hộ thì chẳng ích cho chính-sách cải-cách được là bao.

Theo cái phép chính-trị thông hành ở phương Tây thì bảo Chính-phủ Bảo-hộ hợp-tác với các cơ-quan dân-biểu là hợp dân-ý mà dễ thi-hành lắm. Song ở nước Nam chúng tôi, cái chế-độ dân-chủ dân-quyền còn chưa biết đời nào mới trở nên cái thủy-thổ khí-hậu thích nghi cho cái hạt giống ấy; hiện nay năm mười cậu, một đôi cô bập-bẹ mấy câu chữ Pháp, tập-tọng nói giọc những là tự-do, là bình-đẳng, là tham-dự chính-trị, là tuyển-cử phổ-thông, nhưng xét cho kỹ thì một trăm người nói những tiếng ấy mà chưa chắc đã có một người hiểu hết cái ý-nghĩa những tiếng ấy cho thật đích-xác phân-minh, chính những anh những chị reo hò đòi tham-dự chính-trị, mà giả có cho tham-dự chính-trị chửa chắc đã có một tí tri-thức gì về chính-trị hồng bàn luận phải chăng; rút lại cũng chỉ bám vào cái danh-vị ông nghị ông hội chỗ nghị-trường mà bon thu lấy cái tư-lợi cỏn-con, hay khất-ai lấy cái hư-vinh lòe-loẹt; lại chính những anh chị kêu rên xin tuyển-cử phổ-thông, nhưng giả có cho tuyển-cử phổ-thông, chửa chắc đã có đủ trí khôn lựa chọn nói ai là người đáng bầu, ai là người lạm-tuyển, rút lại ôm cái phiếu đi bầu cũng chỉ để làm cái lưỡi câu rượu chè, câu hát xướng hay để làm cái lá bùa cầu tài, cầu chữ bạc, cầu mớ xu; ấy là nói những kẻ tuy-toe có đôi chút học-thức, mà đưa quyền bầu-cử cho họ, đã thấy hại quá đưa con dao sắc lắm họ đứt tay; còn hết thảy nam nữ quốc-dân trong xứ, đâu đâu cũng vậy, người người đều thế, ngoài ăm thực nam-nữ không tư-tưởng, ngoài cửa nhà gà chó không công-danh, suốt ngày thâu đêm, đâu-đâu lo sao cho có đồ ăn ngon có áo mặc đẹp, có nơi ăn chốn ngồi bằng chúng bạn, có ruộng vườn của-cải để cho con, biết chi là quyền bầu-cử, kể chi là việc chính-trị, nghe có cái giấy quan sức đi bầu nghị-viên cũng coi như cái lệnh đem bạc đóng thuế, vác cuốc làm sâu, ai kéo đi thì đi với họ, bảo bầu ai thì bầu phất cho xong, chỉ biết được một điều mới hơn là có cái phiếu bầu-cử trong tay thế nào cũng có thiên-hạ cho rượu cho cơm cho tiền cho bạc. Ấy dân-chủ với dân-quyền ở nước chúng tôi là thế; chế-độ bầu-cử ở nước Nam chúng tôi là thế; thử nghĩ những người có thực tài thực đức, có thực lòng muốn mưu-tính việc ích-quốc lợi-dân, cái công-việc mình định ra gánh vác khó-nhọc, lo việc nước việc dân, mình có vị danh vị lợi gì, mà nếu lại phải bôn-tẩu cạnh-tranh, chạy rượu chạy thịt, chạy phiện, chạy chầu bát, chạy tiệc tây, chạy năm ba chục đồng mua phiếu, van-lơn thỉnh-thác với những kẻ xách dép không đáng cho mình, thì phỏng ai có chịu cái nước như thế không? Mà giản-hoặc có người nào nhiệt-tâm công-danh quá, chịu đựng đến cái thủ-đoạn u-trọc ấy để mong chiếm lấy một chân ăn nói trong trường chính-trị, thì lúc xuất-thân đã phải mất của mất công, không lẽ cơm nhà việc người, cam-tâm bỏ tiền túi hàng ngàn hàng vạn ra mà không cầu chút đền bù sau này về việc dân việc nước. Bấy giờ mới đánh hơi thấy có cái mồi nào nó dử, cái dử bằng tước-lộc, cái dử bằng kim-tiền, nghĩ lại cái công mình chạy xuôi chạy ngược, mất trăm mất nghìn, âu cũng tối mắt đen lòng, chẳng lợi dân thì chớ, chẳng ích nước thì dừng, miễn được cái món hời kiếm răm ba vạn, ăn tiêu phung-phá với đời chơi là cắm cổ gật, dơ tay nẩy, hứa làm những chuyện mọt dân hại nước. Cho nên người khá ít ai dự vào các hội-đồng dân-cử, có người nào dự thì kết-cục cũng chẳng làm gì ích được nước, lợi được dân. Còn một hạng chen vai

thích cánh nhau trong các chỗ nghị-trường thì hoặc là kẻ hứng của cầu danh, hoặc là kẻ giàu có mưu lợi, hào-hức muốn cái hàn-lâm bắc-đẩu, chi mà chẳng vứt bạc vạn ra mua, ngấp-nghé chực cái lô rượu đồn-điền, chi mà chẳng lót từng người xin lấy, mua được cái ghế hội-đồng, xin được cái bài ông nghị, rồi là chỉ có một cái mục-đích chăm-chăm chúi-chúi, hót sao cho được lòng Chính-phủ, lâu sao cho bịt mắt nhân-dân, dối trên lừa dưới để mưu thỏa cái dục-vọng cầu-lợi cầu-danh, chứ còn nghĩ gì đến quốc-kế dân-sinh, lo gì tới dân-tình lại-tệ; vả cái hạng người đã đâm đầu vào hư-danh tài-lợi thì trí-thức có gì, tài-học có gì, chẳng qua giỏi được cái khéo nói dối ăn gian, khôn được cái lợi toàn-doanh xu-mị, biết gì việc chính-trị mà hợp-tác với Chính-phủ, làm tai mắt sáng-suốt, tay chân đắc-lực cho Chính-phủ, để Chính-phủ có thể chắc cậy vào họ mà dựng nên cơ-đồ trường-trị cửu-an.

Chính-phủ không hợp-tác được với quan-quyền, các cơ quan dân-cử cũng không hợp-tác được với Chính-phủ. Nay Chính-phủ Bảo-hộ muốn thực-hành cải-cách cho xứ này được chuyển loạn làm trị, chuyển ngụy làm an, thì xin phải thứ nhất những người có học-thức, có tài-trí, có danh-vọng khắp trong xứ, không luận là người trong quan-giới, người trong các cơ-quan dân-cử hay người trong các nghiệp công thương, người trong các miền thôn-dã, gây cho trong xứ này có một cái dân-đảng chân-chính, toàn là người có tài có học, có công-tâm công-đức, đích-đáng vào bậc lĩnh-tụ trong dân, để làm tai mắt thật sáng-suốt, tay chân thật đắc-lực cho Chính-phủ làm các việc hưng-lợi trừ-hại trong xứ này, để cho Chính-phủ có thể chắc cậy vào một hạng người Nam thành-thực hợp-tác cùng nhau mà không ngại cải-cách có chỗ sai-lầm, thi-hành các điều tệ-lạm.

Kể nước Nam chúng tôi dân-trí còn ấu-trĩ quá, trình-độ học-thức còn thấp kém quá, nhân-tài vẫn không sao sánh kịp được với người Tây. Nhưng cổ-ngữ có câu: trong mươi bồ đất sao cũng có một khóm cỏ thơm; một nước hơn hai-mươi bảy vạn dặm vuông, cái khí linh-tú của non sông không phải không chung-đúc nên được một số ít người đĩnh-đạc phi-thường, siêu-quần xuất-chúng; cái lịch-sử lập-quốc gần ba ngàn năm nay trong đó thật chẳng thiếu gì nhưng bậc minh-quân lương-tướng, chí-sĩ cao-nhân, anh-hùng hào-kiệt, những bậc ấy dẫu bao giờ ở nước nào cũng vẫn là sừng lân lông phượng, chẳng lấy đâu có nhiều được, nhưng quả ngay ở nước chúng tôi cũng vẫn đời nào cũng có, đất nào cũng có, không dám nói lấy mẽ, tưởng những người Tây có xem xét lịch-sử nước Nam, có am-hiểu nhân-vật nước Nam đôi chút cũng biết chắc như thế rõ ràng không sai. Hiện nay trong xứ việc học đương lố-lăng, nhân-tài không nẩy-nở ra được, lại kinh-qua bao nhiêu hồi biến-loạn, nhân-tài cũng trác-táng đi mất nhiều; nhưng thử bấm đốt ngón tay mà đếm, còn có ở Nam-kỳ như Nguyễn Phan-Long, Phan Văn-Trường, Bùi Quang-Chiêu, Lê Văn-Trung, Lê Quang-Liêm, Hồ Văn-Trung, Diệp Văn-Kỳ, Nguyễn Văn-Bá, v. v.. Ở Trung-kỳ như Huỳnh Thúc-Kháng, Trần Đình-Nam, Lê Thước, Phan Thúc-Duyện, Phan Khôi, Huỳnh Văn-Khải, Lương Tái-Tạo, Nguyễn Trác, Cao Xuân-Tiên, Hồ Tá-Bang, Nguyễn Hiệt-Chi, v. v.. Ở Bắc-kỳ như Đỗ Đình-Thuật, Nghiêm Xuân-Quảng, Bùi Đình-Tá, Lê Đình-Lục, Nguyễn Bá-Chính, Nguyễn Văn-Luận, Trần Trọng-Kim, Phạm Huy-Lục, Phạm

Quỳnh, Nguyễn Văn-Vĩnh, Nguyễn Năng-Quốc, Nguyễn Minh-Cầu, Lê Đức, Phan Trọng-Kiên, Nguyễn Văn-Tố, Trịnh Bá-Bích, Ngô Bằng Giực, Dương Quảng-Hàm, Đào Hùng, Bạch Thái-Bưởi, Bùi Huy-Tín, Bùi Kỷ, Lê Dư, Nguyễn Công-Tiễu, Hoàng Tích-Chu, Nguyễn Văn-Ngọc, v. v.. Tuy nói tài-học chẳng thấm đâu với người Tây, nhưng cũng đều là các phần-tử trong dân-đảng chân-chính ở nước Nam cả. Ấy là chưa kể những người đương ở trong vòng quan-lại, đương làm việc các sở các tòa, cùng những người vì một lầm hai lỡ mà đương ở tù rỡ-rạc, tại đồ tại lưu, cũng còn có thể thu nhặt được một số khá-khá nữa, cho đứng vào cái vai dân-đảng chân-chính được. Chính-phủ Bảo-hộ mà thật lòng muốn hợp-tác với dân-đảng chân-chính người Nam thì cũng chẳng khó gì chẳng thu nhặt đủ người lập nên được một dân-đảng chân-chính cho người Nam, đứng làm tai mắt tay chân, lấy làm một hạng người chắc cậy được, mà thực-hành cải-cách cho người Nam vậy.

Trước hết là Chính-phủ lấy thành-tâm dung-nạp, cho phép mấy người đầu mục đứng lên tổ-chức một cái dân-đảng, trong khi hiệu-triệu nhau lập đảng được ngôn-luận tự-do, tập-hội tự-do, thư tín tự-do, để được thông-đạt tình-ý, trao đổi ý-kiến với nhau mà định cái chương-trình biện-sự trong đảng. Lập thành dân-đảng rồi, Chính-phủ công-nhận và tán-trợ cho, trong đảng chia ra các ban ủy-viên làm các việc, ban thì chuyên việc đi hiểu-dụ dân chúng, ban thì chuyên việc chiêu-tập và lựa lấy đảng-viên, ban thì chuyên việc huấn-luyện đảng-viên, ban thì chuyên việc tra-xét dân-tình lại-tệ, ban thì chuyên việc nghiên-cứu các vấn-đề có ích-lợi về dân-sinh quốc-kế, có quan-hệ về học-thuật, phong-tục, thực-nghiệp, lợi-quyền, ban thì chuyên việc trình-bày ý-kiến với Chính-phủ, ở phủ Toàn-quyền và các phủ Thống-đốc, Khâm-sứ, Thống-sứ đều có ủy-viên thường-trực cho các quan thượng-hiến cố-vấn thượng-đồng; mà Chính-phủ cho được dự vào các kỳ hội-đồng Chính-phủ thường-trực, hội đồng tư-mật, hội-đồng cơ-mật, hội-đồng bảo-hộ, hội-đồng kinh-tế, hội-đồng Chính-phủ thường-niên; đến việc giám-đốc quan-lại, việc củ-soát nhân-viên làm việc các sở các tòa, các trường công-nghệ, các cục thương-chính, công-chính của nhà nước thì xin Chính-phủ giao hẳn cho dân-đảng cắt một ban ủy-viên chuyên việc đi luân-lưu các chỗ, mỗi tháng báo-cáo chân-tình thực-trạng cùng các nốt tốt nốt xấu của các quan-lại nhân-viên trình lên Chính-phủ một lần; hay ủy-viên dân-đảng báo-cáo điều gì hoặc trình bày ý-kiến về việc gì thì xin quan thượng-hiến xét lại kỹ-lưỡng rồi quyết-đoán thi-hành ngay, hoặc quyết-đoán thưởng-phạt ngay, không du-dự mà trễ việc hay, không kiên-chấp mà bỏ lẽ phải; mỗi việc Chính-phủ thi-thiết thì trước khi thi-hành, do dân-đảng được dùng hết phương-pháp đạo đạt truyền-thị cho nhân-dân hiểu biết phận mình, không để mù-mịt hàm hồ cho kẻ tạ-đoan phiền-nhiễu, đến lúc thi-hành lại do dân-đảng dùng hết phương-pháp giúp đỡ giám-chế kẻ thừa-hành phải nhận-chân biện-sự, không để cầu-thả hư-nguy cho có điều pháp lập tệ sinh. Như thế thì chính-phủ thật có đủ trăm mắt nghìn tai nghe thấy trong dân không di sót, có đủ trăm tay nghìn cẳng hành-động trong dân không di-hư, các việc thi-thiết ra đều có thể chắc cậy vào dân-đảng giúp công mà thi-hành tận-thiện được cả.

Lại dám đoan-quyết với chính-phủ Bảo-hộ một điều này nữa: cái tập-quán tổ-truyền của dân nước Nam là cái tục tôn-hiền kính-trưởng; ở trong xã-hội, người nào hơi có tài-trí, có học-

thực, có danh-vọng hơn người một chút thì kẻ bình-dân tức-nhiên đem lòng kính-sợ phục-tùng, không đợi có oai-lực hiếp-chế gì, mà tự đâu trong óc trọng tài chuộng đức đã dầm-thấu mấy ngàn năm, cái tâm-lý phổ-thông của mọi người coi ra ngoài đối với người trưởng-thượng cũng như ở trong nhà đối với bậc anh em, bảo gì cũng nghe, sai gì cũng được. Nay tuy bị cái lý-thuyết bình-đẳng, tự-do, dân-chủ, dân-quyền, làm cho người ta hiểu lầm nghe lạc, một số ít kẻ thiếu-niên mặt giấy cứng cổ, ngang-tàng ngỗ-ngược, không còn cái tâm-lý ấy như lúc cổ-thời, nhưng một cái tập-quán tổ-truyền đã mấy ngàn năm, một số rất ít ngang-tàng ngỗ-ngược đó vẫn chưa có chút thế-lực gì lay động nổi cái nền móng thân-thượng tôn-trưởng tự lâu đời, trong phần đông vẫn chưa đổi cái bụng kính sợ phục-tùng đối với những người tài cả đức to, phận trọng vọng trọng. Cái hạng người đã được nhân-dân kính sợ phục-tòng sẵn, mà nếu lại được Chính-phủ thành-tâm hợp-tác, được Chính-phủ tin cậy, ủy-thác làm tai mắt tay chân thì tài-đức của họ càng thêm tín-dụng với dân, phẩm-vọng của họ đối với dân càng thêm long-trọng, họ dắt dân đi ngược là ngược, họ dắt dân đi xuôi là xuôi, họ đã tin chắc hợp-tác với Chính-phủ Bảo-hộ là ích nước lợi dân, họ lấy đó làm sự nghiệp lâm danh giá cho họ về sau thì họ tất đem hết lòng hết sức của cả nhân-dân vào trong vòng hợp-tác, ai cũng trung-thành với Chính-phủ, đâu cũng trung-thành với Chính-phủ, đâu cũng trông nhờ về Chính-phủ thì còn ai đâu phản-đối Chính-phủ, mà bảo bọn cách-mệnh ở ngoài còn mong phiến biến, quân Xích-Nga cộng-sản còn ngỏi tuyên-truyền. Nên dám đoan-quyết với Chính-phủ Bảo-hộ rằng: quả thật Chính-phủ Bảo-hộ thành-tâm hợp-tác với dân đảng chân-chính người Nam cùng nhau hiệp-lực đồng-tâm mà thực-hành cải-cách, đúng như mấy điều trên kia đã nói thì trong xứ này chẳng bao giờ có biến-loạn như mấy năm gần đây nữa vậy.

Cả dân nước Nam chúng tôi mong lắm; mà tôi tưởng như thế thì cái quyền-lợi nước Pháp ở Đông-dương, cái thanh-thế của nước Pháp ở Thái-bình-dương cũng may lắm! Xin quan Thượng-thư Thuộc-địa Pháp ngài xét kỹ cho.

Còn một vấn-đề hiện đương khẩn-yếu nữa là cái vấn-đề kinh-tế khủng-hoảng ngày nay. Cái nạn khủng-hoảng chung cả thế-giới thì tôi không dám bàn, nhưng cái tình-hình khủng-hoảng riêng ở Đông-dương thì theo ngu-kiến tôi, có ba điều cần phải để ý đến trước tiên mà gỡ xong ba điều này tức là may ra có thể giải-quyết được cái vấn-đề đó.

Cái nạn khủng-hoảng chung cả thế-giới thì ở trong xứ này, trừ ra có các nhà công-nông-thương người Pháp và một số rất ít những nhà đại-điền-chủ, đại-kỹ-nghệ, đại-thương-mại người Nam, người Khách, người Ấn-độ là phải chịu cái số-phận chung với người Âu Mĩ mà thôi; còn phần nhiều dân nước Nam chúng tôi chỉ chuyên nghề cày cấy giồng giọt, hoa-sản giao-dịch phần nhiều chỉ với người Tàu; dân Tàu, trải mấy mươi đời nay đi sang làm ăn buôn bán, sinh-cơ lập-nghiệp ở xứ này, có thể nói rằng non một nửa tư-bản lưu-thông rải rắc trong xứ này là của người Tàu cả, cái tình-hình khủng-hoảng mà dân nước Nam chúng tôi phải nhăn-nhó khổ-sở đây là chỉ vì tự cuối năm ngoái đến giờ, thóc gạo không bán sang Tàu được, chẳng những thóc gạo, mà đến các thứ hóa-sản khác như nâu, quế, tiêu, gỗ, các vị thuốc, các chất nấu dầu, các chất nhuộm, các hàng công-nghệ cũng

không tiêu-thụ sang Tàu như mọi khi; cái cớ hóa-sản không bán được sang Tàu không phải tại người Tàu không cần mà chỉ tại đồng tiền Tàu đối với đồng tiền Đông-dương sụt giá quá; đồng tiền Đông-dương cao hơn đồng tiền Tàu đến nỗi gần gấp thành hai, nên chẳng những hóa-sản nước Nam không bán được sang Tàu, mà bao nhiêu tư-bản của người Tàu vốn vẫn lưu-thông rải-rắc trong nước Nam cũng rút về Tàu mất cả; họ chẳng những rút cái tư-bản hiện đương giao-dịch trong xứ này của họ, mà họ lại bán cả đến bất-động-sản của họ để móc lấy tư-bản của người Nam đưa cả về Tàu. Thành ra trong nước Nam bây giờ gần mất hẳn cái tư-bản giao-dịch của người Tàu, lại không thu-nhập được tí nào về những hóa-sản bán ra được sang Tàu, mà trông về tư-bản người Tây, thì người Tây chính đương bị cái nạn kinh-tế khủng-hoảng chung cả thế-giới; trong nước Nam tiền khan hẳn đi vì thế; tiền khan thì trăm công ngàn việc, trăm nghề ngàn nghiệp phải đình đốn suy-sụp cả, mà diễn thành cái nguy-trạng khủng-hoảng ngày nay.

Bây giờ xin Chính-phủ kịp đổi lại cái bản-vị của Đông-dương như cũ, nghĩa là nước Tàu còn dùng tiền bản-vị bằng bạc, Đông-dương cũng cứ dùng tiền bản-vị bằng bạc như nước Tàu, để khôi-phục lại cái tình-hình giao-dịch với nước Tàu, hóa-sản bán được sang Tàu, nhờ có số tiền thu-nhập, dần dần lại rút trở lại cái tư-bản lưu-thông rải-rắc trên thị-điện của người Tàu; như thế thì dù cái nạn kinh-tế khủng-hoảng chung cả thế-giới chưa gỡ xong ngay trong xứ này chưa trông về cái tư-bản giao-dịch của người Âu Mĩ được, nhưng có được cái tư-bản của người Tàu lưu-thông rải-rắc trên thị-điện và có được số tiền thu-nhập về hóa-sản bán sang Tàu, nước Nam quyết không đến khan tiền quá như ngày nay, mà dân nước Nam quyết không đến nỗi quá-khổ về cái nạn chung khủng-hoảng vậy.

Lại xin Chính-phủ kịp sửa lại cái thuế xuất-cảng gạo, chẳng những bỏ hẳn cái thuế phụ 45 % mà đến chính cái nguyên-ngạch thuế xuất-cảng gạo hiện vẫn thi-hành từ trước đến nay, bây giờ cũng phải giảm bớt đi nữa, phải tính làm sao cho gạo mình tải ra đến Hương-cảng, cái thành bản cũng chỉ bằng giá gạo Diến-điện với gạo Xiêm-la; vì hiện-thời giá gạo ở trong thị-trường thế giới sút xuống, mà đường tiêu-thụ cũng hẹp đi nhiều, gạo có hạ giá mới tranh được mối hàng Diến-điện Xiêm-la họ đều phải bỏ hoặc giảm thuế xuất-cảng gạo đi để dễ kiếm khách mua hàng cho gạo của họ; mình muốn cạnh-tranh thị-trường bán gạo với họ thì mình cũng không thể không bỏ hoặc giảm thuế xuất-cảng gạo đi. Chính-phủ sửa lại thuế xuất-cảng gạo thế nào cho gạo mình ra đến ngoài tính giá rẻ hơn gạo Diến-điện với gạo Xiêm-la, thì gạo mình tự-khắc tiêu-thụ ra ngoài được nhiều, không đến nỗi như năm nay không bán được ra ngoài, mà thóc thừa để mục. Một mặt phải hết sức cải-lương cho dân nước Nam nghề làm ruộng; bao nhiêu việc chấp-thủy phòng-thủy, phòng-bị cho ruộng lúa khỏi nơi thì tiêu-khô, nơi thì ngập-lụt, nhờ được có khoản tiền công-thái của bên Pháp giúp thuộc-địa, xin trước hết hãy đem kinh-doanh tạo-tác về việc lợi-nông; các sở canh-nông thí-nghiệm cùng các ty coi việc canh-nông hiện đã đặt ra ở trong xứ này, trách-cứ phải nghiên-cứu cho thật rõ-ràng, tìm ra các phương-pháp chọn giống, bón màu, chia chất đất, làm tốt đất, trừ sâu bọ, ngừa sương gió thế nào là thật kiến-hiệu, thật giản-tiện dễ theo, làm sách làm báo phát cho dân xem, diễn-giảng thường thường cho dân

hiểu, và kiếm mỗi làng một vài nhà hơi có khôn biết, khuyến-khích cho họ theo phương-pháp làm trước để kẻ khác noi gương; nghề làm ruộng đã cải-lương thì số lúa sản-xuất ngày một thêm bội-thu, huyết-mạch của xứ này tự-nhiên dồi-dào đầy-đủ. Như thế gạo mình vừa nhiều vừa tốt, lại vẫn giữ được mối hàng tiêu-thụ ra ngoài, một xứ nông-quốc như xứ này còn có khi nào có cái tình-hình khủng-hoảng như ngày nay nữa.

Lại xin Chính-phủ trong khi mới định lại bản-vị tiền, tư-bản trong xứ chưa thu-hồi được, mới sửa lại thuế xuất-cảng gạo, mỗi hạng gạo chưa tranh lại được, thì kịp hãy dùng cái chính-sách hạn-chế ngoại-hóa cho trong xứ đỡ bớt khoản chi-xuất, bù với khoản thu-nhập hiện đương chẳng có gì; bao nhiêu những thứ hàng thuộc về xa-xỉ-phẩm mà xứ này vẫn phải mua ở ngoài vào, xét ra những thứ gì không cần-thiết cho nhân-sinh nhật-dụng lắm thì đánh thuế nhập-cảng rõ nặng cho không thể bán được vào đây, đỡ được đồng tiền ở đây bớt chảy tuột ra ngoài mất một số lớn. Như thế tuy khoản thu-nhập đương còn ít-ỏi, mà khoản chi-xuất cũng bớt được nhiều, cái tình-hình khủng-hoảng sẽ cũng đỡ nguy-kịch đi được khá vậy.

Ngu-kiến như vậy, xin quan lớn xét xem có thái-thủ được điều nào chăng.

DƯƠNG BÁ-TRẠC

CA-DAO CỔ (1)

Vua tôi đạo cả ở đời,
Vua hiền tôi thẳng trong đời mới yên.

Câu này nói làm vua có minh, làm tôi có trung, thì trong nước mới trị yên.

Công cha như núi Thái-sơn,
Sữa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Câu này nói công-đức sinh-thành của cha mẹ mình rất to.

Anh em như chân như tay,
Vợ chồng như áo cởi ngay nên lìa.

Câu này nói tình vợ chồng nhẹ, không nặng bằng nghĩa anh em.

Bạn-bè là nghĩa tương-tri,
Sao cho sau trước một bề mới nên.

Câu này nói tình bè bạn phải nên ăn ở có thủy chung

Gặp-ghềnh hòn đá treo-leo,
Biết đâu quân-tử mà gieo mình vào.

Câu này là lời con gái kén chồng, mà chưa gặp kẻ vừa đôi phải lứa.

Đi đâu cho thiếp đi cùng,
Đói no thiếp chịu, lạnh lùng thiếp cam.

Câu này là người con gái say mê người con trai, dẫu khổ-sở cũng không quản.

Đôi ta là nghĩa tao-khang,
Xuống khe bắt ốc, lên đường hái rau.

Câu này là vợ chồng thương yêu nhau, không quản gì sự nghèo khó.

Ai kêu nheo-nhéo bên sông,
Tôi đang vá áo cho chồng tôi đây.

Câu này là vợ chồng đang tương-đắc, dẫu ai kêu réo cũng mặc.

(1) Đây là sao theo một tập sách cũ bằng chữ nôm, cả lời giải-thích cũng y như nguyên-bản, để giúp tài-liệu cho các nhà khảo-cứu về lối văn-chương bình-dân lưu-truyền ở nước ta.

Chuột kêu rúc-rích trong vò,
Có kia có muốn thì đò sang đây.

Câu này là người con gái thích người con trai, mà người con trai nói cợt dỡn.

Cóc kêu dưới vũng tre ngâm,
Cóc kêu mặc cóc, âm thầm mặc ai.

Câu này nói người con gái động tình, mà người con trai mần thinh không để ý đến.

Chuồn-chuồn mắc phải nhện vương,
Ai mà quấn-quít thì thương nhau cùng.

Câu này là lời trai gái say mê nhau mà làm ra.

Một cành tre năm bảy cành tre,
Đẹp duyên thì lấy chớ nghe họ hàng.

Câu này nói đẹp duyên thì gả, đừng kén chọn nữa, rồi lại hối như tồ ong tán trời mưa

Trăm năm trăm tuổi trăm chồng,
Đẹp duyên thì lấy chẳng ông tơ-hồng [nào xe.

Câu này là lời cười bỉ những đồ con gái vô-lương.

Rõ ràng giấy trắng mực đen,
Duyên ai phận ấy chớ ghen mà già.

Câu này nói người ta ai cũng có phận ông trời định sẵn, không thể ghen được.

Đi đâu mà chẳng lấy chồng,
Người ta lấy hết chồng mông mà gào.

Câu này là chê người con gái không lấy chồng sớm, về sau lại hối-hận.

Đi đâu chẳng lấy học-trò,
Thấy người ta đỗ nhấp-nhổ đứng nhòm.

Câu này là cười những kẻ đàn bà không có kiến-thức.

Cái cóc ăn trầu đỏ môi,
Có ai làm lễ chồng tôi thì vào.

Ý là khen người đàn bà không ghen-tuông.

Hai tay cầm hai quả bòng,
Quả đắng phần chồng, quả ngọt phần trai.

Câu này cười mỉa những tuồng gái dĩ, không biết có chồng.

Nhà mày chết chó chết gà,
Năm ba ông cống đến nhà ngày mưa.

Câu này là lời cười những người không biết trọng đạo nho.

Tiếc thay ngựa bạch cương thừng,
Tiếc thay người thế ôm lưng ông già.

Câu này là cười người con gái tham của mà lấy ông lão già.

Muốn vàn chớ cấy kẻ La,
Cái tương thì thối cái cà thì thâm.

Câu này nói người làng La kiệm-sắc quá, đến nỗi những người làm mướn bảo nhau không làm.

Thuyền không đậu bến La-đình,
Ta đây chỉ quyết lấy mình mà thôi.

Câu này là lời trai gái lúc cùng nhau tương-đắc mà làm ra.

Ai về nhắn nhủ hàng cau,
Chiều buồm dấp nước giữ màu cho anh.

Câu này là lời trai gái cùng nhau tương-đắc mà dặn bảo nhau.

Ai về nhắn mẹ thằng hề,
Cài then đóng khóa ta về sẽ hay.

Câu này là lời người con trai khi đi xa, mà nhắn người dặn bảo vợ.

Trách người quân-tử bạc tình,
Có gương mà để bên mình chẳng soi.

Câu này là lời người đàn bà không có tiết-hạnh phải chồng rồng bỏ mà than thân.

Đôi ta như cái đòng-đòng,
Đẹp duyên nhưng chẳng đẹp lòng mẹ cha.

Câu này là lời người con trai người con gái muốn lấy nhau, mà oán cha mẹ không cho lấy.

Tiếng đâu như tiếng chuông đồng,
Tiếng ai như tiếng vợ chồng nhà ta.

Câu này là lời vợ chồng luyến-ái nhau mà làm ra.

Cát bay vàng lại ra vàng,
Những người quân-tử dạ càng đinh-ninh.

Câu này nói bụng người quân-tử như vàng như sắt, không bao giờ thay đổi.

Ta về ta tắm ao ta,
Dù trong dù đục ao nhà đã quen.

Câu này nói người ta không nên hãnh-cầu.

Gần thì chẳng bén duyên cho,
Xa-xôi cách mấy lần đò cũng đi.

Câu này ý nói những kẻ bỏ cái gần mà mưu cái xa.

Ngỡ rằng nước chảy đá mòn,
Nào ngờ nước chảy đá còn trơ-trơ.

Câu này ý nói bụng người con gái kiên gan, nói thế nào cũng không xiêu.

Trăm năm bia đá thì mòn,
Nghìn năm bia miệng vẫn còn trơ-trơ.

Câu này nói miệng đời truyền lại lâu hơn là tạc bia đá.

Xăm-xăm tới chốn vườn chanh,
Lẩm-le muốn bẻ sợ cành có gai.

Câu này là người con trai muốn đến nhà con gái, lại sợ có sự gì trở-ngại chăng.

Tay mang khăn gói sang sông,
Mẹ ơi lạy mẹ thương chồng phải theo.

Câu này là người con gái lấy nghĩa xuất-giá tòng-phu mà đi theo chồng.

Nằm lâu mới biết đêm dài,
Ở lâu mới biết con người có nhân.

Câu này nói có xem xét kỹ mới biết kẻ hay người dở.

Đói thì ăn ngô ăn khoai,
Chớ thấy lúa rỗ tháng hai mà mừng.

Câu này là lời nhà làm ruộng chiêm nghiệm mà dặn bảo nhau.

Bao giờ đến tháng giêng hai,
Trồng bông, trồng đậu, trồng khoai kịp thời.

Câu này là nói nhà làm ruộng siêng-năng về sự trồng-trọt.

Trời mưa thì mặc trời mưa,
Chồng tôi đi bừa đã có áo tơi.

Câu này nói mưa nắng là việc trời, công việc cày bừa bao giờ cũng phải chăm.

Trời mưa thì mặc trời mưa,
Tôi không có nón trời chừa tôi ra.

Câu này là lời người đi đường gặp mưa mà nói dỡn.

Vú em chum-chúm chũm cau,
Cho anh bóp cái có đau anh đền.

Câu này là lời cợt-nhả của những tay đàn ông cường-bạo.

Tham vàng lấy phải thằng Ngô,
Đêm nằm hú-hí như vồ đập hông.

Câu này chê những phường con gái tham giàu, thấy của tối mắt lại.

Nạ-dòng lấy được trai tơ,
Đêm nằm đủn-đỡn như Ngô được vàng.

Câu này nói cái tâm-lý của người đàn bà đã nhiều tuổi lấy được chàng thiếu-niên.

Chồng con là cái nợ nần,
Thà rằng đứng vậy nuôi thân béo mầm.

Câu này là người con gái lấy phải chồng du-đãng mà hối-hận.

Mẫu-đơn mọc cạnh nhà thờ,
Đôi ta trinh-tiết đợi chờ lấy nhau.

Câu này là lời người con trai người con gái kỳ ước lấy nhau, quyết giữ nhau trinh-tiết.

Giàu đâu những kẻ ngủ trưa,
Sang đâu những kẻ say-sưa tối ngày.

Câu này nói người mà lười biếng rượu chè, thì không khá được.

Người ta lên núi thì vui,
Sao tôi lên núi những chui cùng trèo.

Câu này là lời người đi đường phàn-nàn vì đường gian-hiểm.

Chàng ôi phụ thiếp làm chi,
Thiếp như cơm nguội đỡ khi đói lòng.

Câu này là lời người đàn bà trách chồng ăn ở phụ-bạc.

Chính-chuyên anh cũng được nhờ,
Lẳng-lơ anh biết cõi bờ là đâu.

Câu này là người con trai chung tình với người con gái, mà bảo gái như vậy.

Bao giờ lúa rồ vàng-vàng,
Cho anh đi cắt cho nàng mang cơm.

Câu này nói sự làm ruộng vất-vả.

Ông tha nhưng bà chẳng tha,
Lại còn mồng ba, hai mươi ba tháng mười.

Câu này là lời nhà làm ruộng sợ trời mưa nhiều ngập lụt.

Chẳng nên cơm cháo gì đâu,
Ta về ở bãi hái dâu chăn tằm.

Câu này nói đàn bà làm gì cũng không bằng nghề chăn tằm là hơn cả.

Hoàng-cương ăn ít chẳng no,
Bông-viên có lúa bán cho kẻ Hoàng.

Câu này nói hai làng bên giàu bên nghèo tư cấp lẫn nhau.

Thuyền đà đến bến anh ơi,
Sao anh chẳng bắc cầu nơi lên bờ,

Câu này ý nói học đã tấn-tới, thì nên gắng công cho được thành-lập.

Thuyền tình đến bến anh ơi,
Sao anh chẳng bước xuống chơi thuyền tình.

Câu này là lời con gái trách người con trai không đoái đến mình.

Bơi Đăm, rước Giá, hội Thầy,
Vui thì vui vậy chẳng lầy giã La.

Câu này nói hội làng La-khê là vui hơn cả ba làng kia

Tháng sáu gọi cấy nhao-nhao,
Tháng mười lúa chín mỡ rao cắm đồng.

Câu này nói công-việc nhà làm ruộng.

Tay tiên nâng chén rượu đào,
Chẳng uống thì tiếc, uống vào thì say.

Câu này là lời trai gái chung tình với nhau.

Làm trai cho đáng nên trai,
Một trăm đám cỗ chẳng sai đám nào.

Câu này là chê người hay ăn hay uống.

Làm trai lấy vợ Sơn-đông,
Thịt xôi thì ít tiền chồng như non.

Câu này là chê tục làng Sơn-đông gả con gái thách cưới nặng.

Hai bên tranh lấy quả cầu,
Dân an quốc thái sống lâu vững bền.

Câu này là một câu hát ở làng Điêu-lương thuộc phủ Lâm-thao khi vào đám.

Ai ăn cau cưới thì đền,
Tuổi em còn bé chưa nên lấy chồng,

Câu này là người con gái đã nhận lễ xính của người mà không muốn lấy.

Về nhà ăn cơm với dưa,
Thằng Kinh có hỏi thì thưa không gì.

Câu này là người thổ sợ người kinh hay sách-nhiễu mà nói chối như vậy.

Mạnh thì gạo bạo thì tiền,
Lắm tiền lắm gạo là tiên trên đời.

Câu này ý nói không gì bằng nhiều tiền nhiều gạo là sướng

Tháng chín thì quít đỏ trôn,
Tháng ba kẻ mọc cái con tìm về.

Câu này nói phong-khí trên rừng núi cực độc.

Tôm tép vũng chân trâu nho-nhỏ,
Cá kình-nghê bãi bể giong chơi.

Câu này ý nói người lớn yên phận lớn, người bé yên phận bé.

Đời vua Vĩnh-tộ lên ngôi,
Cơm nguội đầy nồi trẻ chẳng ăn cho.

Câu này là câu hát thái-bình về đời vua Thần-tôn nhà Lê.

Nhởn-nhơ dạo bước đường mây,
Dịu-dàng ca múa ran tay chúc mừng.

Câu này là một câu hát khi ả-đào hát múa.

Gió đưa tờ giấy lên mây,
Gió đưa cô ấy lại đây sơi trầu.

Câu này là lời người con trai chung tình với người con gái mà nói đùa.

Người sao một hẹn thì nên,
Tôi sao chín hẹn thì quên cả mười.

Câu này là trai gái mong mỏi nhau mà làm ra.

Thế-gian chẳng ít thì nhiều,
Không dưng ai dễ đặt điều cho ai.

Câu này nói người ta không có sự dở thì ai bịa ra mà chê.

Miếng ngon ăn ít ngon nhiều,
Người khôn dẫu nói nửa điều cũng khôn.

Câu này ý nói người giỏi không cần phải lộ ra ngoài lắm, mà người ta cũng biết mình.

Tiếc thay cây quế trong rừng,
Thơm cay ai biết, ngát lừng ai hay.

Câu này ý nói của quí ở ngay trước mắt, mà không ai biết.

Liệu cơm em gắp mầm ra,
Liệu cửa liệu nhà em lấy chồng đi.

Câu này là lời người con trai bảo người con gái.

Ai ơi đợi với tôi cùng,
Tôi còn gỡ mối tơ-hồng chưa xong.

Câu này là người con gái chung-tình với người con trai, mà bảo người con trai hãy đợi.

Chồng chài vợ lưới con câu,
Sông Ngô bể Sở tối đâu là nhà.

Câu này là câu vui thú của nhà chài lưới.

Tối trời bắt sấm trông sao,
Sấm thề sấm thấy ông nào sấm đui.

Câu này là cười những người không có kiến-thức.

Giốc bồ thương kẻ ăn đong,
Vắng chồng thương kẻ nằm không một mình.

Câu này ý nói việc đời có trải qua mới biết.

Kia ai tin bợm mất bò,
Tin bạn mất vợ nằm co một mình.

Câu này chê kẻ quá tin bạn mà bị lừa.

Sấm bên đông động bên tây,
Tuy rằng nói đấy nhưng đây chạnh lòng.

Câu này cũng là lời trai gái nói với nhau.

Đi đâu có anh có tôi,
Người ta mới biết rằng đôi vợ chồng.

Câu này ý cười những đồ thất-phu thất-phụ.

Bấy lâu lưu-lạc giang-hồ,
Một ngày tu lại cơ-đồ cũng nên.

Câu này ý nói người mà có chí thì nên.

Chồng thấp mà lấy vợ cao
Nồi tròn vung méo úp sao cho vừa.

Câu này có ý nói vợ chồng lấy nhau không vừa đôi lứa.

Cách sông nên phải lụy đò,
Những như đường liền chẳng phải lụy ai.

Câu này ý nói người ta vô-sự thì chẳng phải cầu-cạnh đến ai.

Ở sao cho vừa lòng người,
Ở rộng người cười ở hẹp người chê.

Câu này nói lòng người thực khó lượng mà chiều được.

Gái đừng hay đến nhà trai,
Mai sau hai vủ bằng hai sọ dừa.

Câu này ý nói con trai con gái phải có phân-biệt.

Mẹ em khéo đẻ em ra,

Bẻ em mồng bốn đẻ ta hôm rằm.

Câu này là lời trai gái chung tình, mà nói với nhau.

Mặt vàng đồi lấy mặt xanh,
Hai tay hai gậy lấy anh sông Bờ.

Câu này ý nói nước mạn sông Bờ độc.

Chém cha cái nước sông Bờ,
Ngỡ rằng bảng nước ai ngờ bảng con.

Câu này là chê người đàn-bà đi buôn sông Bờ mà hoang-thai.

Anh thương cô mình như lá đài-bi,
Ngày thì dãi nắng đêm thì dầu sương.

Câu này là lời người con trai thương yêu người con gái

Phong-lưu là cạm trên đời,
Vẫn quen đánh bẫy lấy người hồng-nhan.

Câu này là lời bọn du-tử lúc đắc-ý.

Ăn chanh nằm gốc cây chanh,
Bác mẹ gả bán cho anh thực thà.

Câu này là lời người con gái than thân lấy phải anh chồng ngu.

Lấy ai cũng một đời chồng,
Lấy anh câu ếch dầu lòng rử-rê.

Câu này là người con gái biết tri-phận, không dám dỗng-đảnh.

Lấy ai cũng một đời chồng,
Lấy ta ta để ta bồng trên tay.

Câu này là người con trai thích người con gái mà tỏ lời chung-ái.

Đầu gà mà lợn thì chê,
Lấy anh câu ếch rử rê ao bèo.

Câu này người đàn-bà biết yên phận, dẫu ai sang trọng cũng mặc ai.

Chẳng đi thì nhớ thì thương,
Đi thì lặn suối, trèo non, qua đèo.

Câu này nói trai gái không quản xa xôi tìm đến với nhau.

Chẳng đi chẳng biết xứ Đông,
Đi ra khốn khổ thân ông thế này.

Câu này là lời một người đến tỉnh Đông mà than rằng đường xa.

Mày đẹp thì mày phải lo,
Nằm đêm lắm kẻ dình mò ước-ao.

Câu này là trai gái chung-tình với nhau, mà trai dặn gái phải phòng the khóa kín.

Lúc rồi sao chẳng xe gai,
Đến khi nước lụt mượn chài ai cho.

Câu này ý nói làm người phải biết lo xa.

Muốn ăn đậu phụ tương tầu,
Mài dao đánh kéo gọt đầu đi tu.

Câu này ý chê đàn-bà con gái ham mê nhà chùa.

Đã đành canh cải nấu gừng,
Chẳng ăn thì chớ xin đừng mỉa-mai.

Câu này là trai gái có ý không ưa nhau mà nói như vậy.

Hôm nay mười bốn mai rằm,
Ai muốn ăn oản ra nằm với sư.

Câu này ý chê giễu những người đàn bà con gái hay đến chùa.

Oản tẻ ăn với chuối xanh,
Đôi ta giàu khó cũng đành có nhau.

Câu này là trai gái thương nhau yêu nhau mà nói với nhau.

Trọc đầu mang tiếng bất-lương,
Kia như có tóc cũng phường gió trăng.

Sư-tăng hay bị người đời chế nhạo mà nói như vậy.

Râu tôm nấu với ruột bầu,
Chồng chan vợ húp lắc đầu khen ngon.

Miền thôn-dã thích phong-vị thôn-dã, mà vui lòng ngâm-ngợi.

Con cậu mà lấy cháu cô,
Thóc lúa đầy bồ giống má nhà ta.

Câu này ý cười trong thích-thuộc lấy nhau lẫn-lộn không ra thế nào.

Hoài lời nói kẻ vu-vơ,
Một trăm gánh trì đúc chẳng nên chuông.

Câu này là ý nói với người không đáng nói, nói cũng phí lời.

Nghe anh được lúc bây giờ,
Một mai trứng nước con thơ ai nhìn.

Câu này là người con gái sợ người con trai lòng chim dạ cá.

Con ơi chớ khóc mẹ rầu,
Bữa mai bữa mốt thuyền hầu đến kia.

Câu này là lời dỗ con của vợ người khách buôn mong chồng ở Tầu sang.

Vườn xuân hoa nở đầy gian,
Ngăn con ong lại, kẻo tàn nhị hoa.

Câu này là lời trai gái chung-tình với nhau mà bảo nhau yêu hoa nên phải tiếc hoa.

Mồm cha con bướm khôn ngoan,
Hoa thơm bướm đậu, hoa tàn bướm bay.

Câu này là người đàn-bà trách người đàn-ông ăn ở bạc-tình.

Bướm bay bướm cũng bạc đầu,
Thấy hoa thiên-lý cúi đầu bướm bay.

Câu này là lời trai gái trách nhau.

Vì hoa thiên-lý ngang trời,
Cho người tài-tử gặp người giai-nhân.

Câu này là lời trai gái lúc cùng nhau tương-đắc.

Cũng nên bắt họ Hy, Hòa,
Từ rày làm lịch đêm già cho dài.

Câu này là trai gái say mê nhau mà tức vì tình dài mà đêm ngắn.

Cũng liều hồn xuống suối vàng,
Thôi thôi ngọc nát hoa tàn từ đây.

Câu này là lời người tiết-phụ khi tuẫn-tiết.

Bao giờ bình định giang-san,
Mồ gan ninh-tặc, thỏa gan anh-hùng.

Câu này là lời xót kẻ trung-thần mắc oan.

Heo bầu mang tiếng thị phi,
Bầu không có rượu lấy gì cũng say.

Câu này ý nói những người mắc hư-danh mà mang tiếng.

Say tình say nghĩa say nhân,
Say thơ Lý Bạch say đàn Bá-Nha.
Bá-Nha chẳng gặp Tử-Kỳ,
Đàn kia ai rõ tiếng tri-âm này.

Câu này ý nói bè bạn được người tương-đắc là khó.

Giữa đường thấy cánh hoa rơi,
Hai tay nâng lấy cũ người mới ta.

Câu này là trai gái chung tình với nhau mà không quản gì sự tốt xấu.

Em như tấm vóc đại-hồng,
Anh như chỉ kim-tuyến thêu rồng nên chăng?

Câu này là người con trai thích người con gái mà bảo như vậy.

Hôm qua anh trông cấy sau đình,
Anh bỏ quên cái nón, chúng cô mình cho anh xin.

Câu này là chàng con trai hát ve người con gái đi cấy

Bao giờ cho sóng bỏ ghềnh,
Cù lao bỏ bể thì anh quên nàng.

Câu này là lời trai gái chung tình với nhau, mà người con trai bảo như vậy.

Làm trai biết đánh tổ tôm,
Uống chè Phương-thái, xem nôm Thúy-Kiều.

Câu này ý nói cách chơi phong nhã, làm trai nên biết.

Mồm cha đẻ mẹ con Kiều,
Làm cho thiên-hạ nhiều điều đắng cay.

Câu này ý bỉ những đồ gái dĩ mà lấy nàng Thúy-Kiều nói ví với gái dĩ.

Bấy lâu vắng mặt khát-khao,
Bây giờ trông thấy muốn bào mặt ta.

Câu này là lời người con gái oán người con trai vì đã lâu không thấy mặt.

Lụa này là lụa Cổ-đô,
Quả-nhiên cái chẳn, xin cô hãy cầm.

Câu này ý khinh-bỉ những phường cờ bạc đến cầm khăn cố áo mà không biết xấu-hổ.

Năm mươi được cũng là may,
Đánh chén cho say rồi ta đi ngủ.

Câu này là lời phường cờ bạc lúc đắc-chí.

Gái thương chồng đang đông buổi chợ,
Trai thương vợ nắng quái chiều hôm.

Câu này ý nói trai góa nhớ vợ thì chóng nhạt ngay, mà gái góa nhớ chồng, thì rất là nồng-nàn.

Gái không chồng chơi hang Cắc-cớ.
Trai không vợ xem hội chùa Thầy,

Câu này ý nói hội Sài-sơn đã vui, hang Cắc-cớ lại hẹp, trai gái đi xem hội hay phải lòng nhau

Thương nàng chẳng biết để đâu,
Để trong tay áo lâu lâu lại nhòm.

Câu này là người con trai thích người con gái mà nói.

Thương anh chẳng biết để đâu,
Để trong khúc gỗ hai đầu đem sơn

Câu này ý bỉ những người bất-lương.

Dạy con con chẳng nghe lời,
Con nghe ông hềnh đi đời nhà con.

Câu này cười những người bảo câu phải cũng không biết nghe.

Yêu nhau xin quyết một lòng,
Bậu ngâm ra giá đãi đằng nhau chi.

Câu này là trai gái bảo nhau, sợ không nhất-tâm với nhau.

Vì chàng thiếp phải long đong,
Những như thân thiếp đã xong một bề.

Câu này là lời vợ bảo chồng.

Muốn ăn cơm trắng cá kho,
Trốn cha trốn mẹ xuống đò cùng anh.

Câu này là lời con trai Trung-kỳ ve dỗ con gái Bắc-kỳ.

Gối chăn gối chiếu chẳng êm,
Gối lụa chẳng mềm bằng gối đầu tay.

Câu này là lời trai gái lúc cùng nhau tương-đắc.

Quỳnh-lâm khánh đá chuông đồng,
Muốn chơi em trả của chồng em chơi.

Câu này là gái say trai bỏ chồng mà đi theo. Quỳnh-lâm là tên cái chùa cổ thuộc huyện Đông-triều, xưa là một nơi danh-lam vui lắm.

Thành Phao Phả-lại sáu đầu,
Em về em để mối sầu cho ai.

Câu này là lời người con trai bảo người con gái, lúc người con gái lâm-biệt.

Bỗi cô yếm thắm bùa đeo,
Chồng cô có bỏ cô theo chồng người.

Câu này nói bỉ những đồ gái đĩ bỏ chồng đi theo trai.

Yêu nhau cau bảy bổ ba,
Ghét nhau cau bảy bổ ra làm mười.

Câu này tả cái cảnh trai gái lúc yêu nhau lúc ghét nhau.

Cách bức chẳng được nói luôn,
Những người bên ấy có buồn cùng chăng.

Câu này là trai gái say nhau mà hiềm vì không được ở cùng nhau.

Trống chùa ai đánh thì-thùng,
Của chung ai khéo vẫy-vùng nên riêng.

Ý là nói của đời là của chung khéo làm ăn thì được giàu có.

Đôi ta như rắn liu-điu,
Nước chảy mặc nước ta dìu lấy nhau.

Câu này là trai gái say mê nhau mà bảo nhau.

Đêm qua chung bóng chung hơi,
Bây giờ kể ngược người xuôi mặc lòng.

Câu này là lời trai gái nói với nhau khi lâm-biệt.

Yêu cây vì bởi yêu hoa,
Yêu gì thằng đỗ mua quả đỗ ăn.

Câu này là lời người con trai chung tình với người con gái.

Hai tay ôm lấy ngang lưng,
Tôi đau bụng lắm lấy gừng cho mau.

Câu này là lời người con gái uốn-éo người con trai.

Người về trường gấm no đôi,
Tôi nằm chiếu lác lẻ loi một mình.

Câu này là người phải đi làm lẽ mọn mà than thân.

Nay mừng anh chị tốt đôi,
Chóng cho có cháu để tôi cho vòng

Câu này là người con gái thấy người con trai có vợ mà mừng gượng.

Bường xa đi tắt lại gần,
Mẹ ơi lấy vợ Thanh-thần cho con.

Câu này là người con trai muốn lấy người con gái ở làng Thanh-thần.

Nói thương mà chẳng thấy thương,
Đi đâu mà bỗ phỏng hương lạnh lùng.

Câu này là lời người con gái trách người con trai.

Chuông già đồng điếu chuông kêu,
Anh già lời nói em xiên tấm lòng.

Câu này ý nói bỉ người già mà còn hay ve gái.

Xung quanh những chị em người,
Giữa thì ngồi dọc một tôi với nàng.

Câu này là trai gái quá say nhau, không sợ họ mạc chê cười nữa.

Buồn rầu buồn rĩ buồn nỉ buồn non,
Buồn vì một nỗi sớm con muộn chồng.

Câu này là lời người con gái than thân chưa chồng mà đã có con.

Nào khi gánh nặng anh chở,
Mỏi vai anh đỡ bây giờ nghe ai.

Câu này là người con trai trách người con gái phụ bạc.

Dù chàng năm thiếp bảy thê,
Chẳng qua được cái nái sề này đâu.

Câu này ý nói đàn ông dẫu lấy mấy vợ cũng không bằng người vợ cả là căn-bản.

Đêm qua có ngủ xin thề,
Phần thì muỗi cắn, phần mê sự nàng.

Câu này là lời người con trai nói với người con gái tỏ tình luyến-ái.

Vợ đẹp càng tổ đau lưng,
Chè ngon ngọt giọng thuốc ngon lắm đờm.

Câu này là một câu nói dỡn, song cũng là một câu chí-đáng.

Này lời anh dặn cô bay,
Sông sâu chớ lội đò đầy chớ đi.

Câu này là người con trai chang ái người con gái mà dặn-dò.

Yêu nhau quá đỗi nên mê,
Rồi ra mới biết kẻ chê người cười.

Câu này là chê cười những đồ trai gái đĩ thõa vô-lương.

Chẳng nên tình trước nghĩa sau,
Có con ta gả cho nhau thiệt gì.

Câu này là trai gái không lấy được nhau, mà hẹn ước sau này làm thông gia.

Bà già đã tám mươi tư,
Ngồi trong cửa sổ gửi thư lấy chồng.

Câu này là cười người đàn-bà đã già rồi mà còn dĩ.

Đã lòng đùm bọc yêu vì,
Thì anh đắp điếm mọi bề đại khôn.

Câu này là trai gái chung-tình với nhau mà dặn bảo nhau

Bán hàng ăn những chũm cau,
Chồng con có biết cơ-mầu này chăng.

Câu này là khen người đàn bà tiết-kiệm.

Vẽ gì một giải sông Ngân,
Làm cho Chức nữ chẳng gần Ngưu-lang.

Câu này là trai gái tương tư nhau, không đến được với nhau mà than tiếc.

Tôi đã biết vợ anh rồi,
Quăn-quăn tóc trước ra người hay ghen.

Câu này là người con gái chê người con trai có vợ hay ghen.

Có lòng cũng đội ơn lòng,
Xa xôi ắt chẳng đèo-bòng được đâu.

Câu này là người con gái bảo người con trai lúc cùng nhau từ-biệt.

Yêu ai cho bằng yêu chồng,
Bởi chồng cờ bạc nên lòng không yêu.

Câu này là người vợ hiền tỏi khích chồng.

Xưa kia nói nói thề thề,
Bây giờ bẻ khóa trao thìa cho ai.

Câu này là người con trai trách người con gái phụ mình mà lấy người khác.

Lẳng lơ chẳng một mình tôi,
Thanh-lâm Đồng-sơn có đôi ba người.

Câu này là phường gái dĩ nói chữa thẹc.

Chính chuyên chết cũng ra ma,
Lẳng lơ chết cũng đem ra đầy đồng.

Câu này ý nói đời người ta chẳng kỳ hiền ngu ai cũng phải chết. Ý là người đàn bà đã chán đời mà nói liều.

Trông mặt mà bắc hình dong,
Con lợn có béo thì lòng mới ngon.

Câu này ý nói người thế nào trông mặt cũng đủ biết.

Trứng rồng lại nở ra rồng,
Liu-điu lại nở ra giòng liu-điu.

Câu này ý nói nòi nào đi giống ấy.

(*Còn-nữa*)

LUẬN-NGỮ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH

論語國文解釋

III

THIÊN BÁT-DẬT THỨ BA

八佾第三

(凡二十六章)

(Gồm 26 chương)

I

也。不忍庭。佾季孔
可也。是舞氏子
忍孰可於八謂

Dịch-âm.— *Khổng-tử vị : « Qui-thị bát dật vũ ư đình, thị khả nhẫn dã, thục bất khả nhẫn dã ».*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng bàn rằng : « Họ Qui dùng nhạc bát-dật mà múa ở sân nhà riêng của mình, sự ấy còn khá nhẫn-tâm mà làm, thì sự gì là chẳng khá nhẫn-tâm mà làm vậy ».

Chú-giải. — *Qui-thị* = Quan đại-phu nước Lỗ, họ Qui-Tôn, tức là Qui Hoàn-tử. *Dật* = Hàng múa. *Bát-dật* = Tám hàng nhạc-công đứng múa hát. Lễ ngày xưa Thiên-tử dùng 8 hàng, chư-hầu 6 hàng, đại-phu 4 hàng, quan-sĩ 2 hàng, cứ mỗi bậc kém đi hai hàng. Mỗi hàng thì số người theo như số hàng, nghĩa là Thiên-tử 8 hàng thì 64 người, vua chư hầu thì 36 người, quan đại-phu 16 người, quan sĩ thì 4 người. *Nhẫn* = Nỡ, nỡ lòng dám làm. *Thục* = Gì, trỏ vào một việc gì.

Đây là bàn về họ Qui tiếm dùng lễ nhạc thiên-tử, mà trách tại nhẫn-tâm, là ý cốt chỉnh danh-phận để phòng kẻ tiếm-loạn.

II

之於穆。天雍子以三
堂。三奚子辟曰。雍家
家取穆公。相徹。者

Dịch-âm.— *Tam gia giả dĩ Ung triệt. Tử viết : « Tường duy tích-công, thiên-tử mục-mục, hề thủ ư tam gia chi đường ! »*

Dịch-nghĩa. — Ba tư-gia nước Lỗ khi tế nhà thờ mình, đem hát thơ *Ung* làm lễ triệt-soạn. Đức Khổng chê rằng : « Lời thơ *Ung* rằng : « Trợ tế thì hàng

tích-công, đấng thiên-tử thì thẩm nghiêm.» Hai lời ấy lấy nghĩa gì về từ-đường ba nhà, mà ba nhà hát thơ *Ung* ? »

Chú-giải. — *Tam-gia* = Ba nhà quan đại-phu nước Lỗ, tức là Mạnh-Tôn, Thúc Tôn, Qui-Tôn. *Ung* = Tên một thơ ở thiên Châu-tụng. *Triệt* = Tế xong mà thu-dọn lễ-vật, tức là lễ triệt-soạn. Thiên-tử tế nhà tôn-miếu, thì hát thơ *Ung* để làm lễ triệt-soạn, khi đó họ Qui tiếm mà dùng. *Tướng* = Giúp việc tế, tức là trỏ người trợ-tế. *Tích-công* = Vua các nước chư-hầu. *Mục-mục* = Thẩm sâu nghiêm-trang, trỏ về dung-nghi nghiêm-kính của thiên-tử lâm khi chủ-tế. *Hề* = Gì. *hề thủ* = Lấy nghĩa gì, là nói lời thơ không có nghĩa gì về từ-đường ba nhà quan đại-phu.

Đây là chê ba nhà không biết gì, mà làm càn, để mang lấy cái tội tiếm-thiết.

III

樂仁。而何。如不人子
何。如不人禮仁。而曰。

Dịch-âm.— *Tử viết* : « *Nhân nhi bất nhân, như lễ hà. Nhân nhi bất nhân, như nhạc hà* ».

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng: « Người mà chẳng nhân, thì cái tâm chẳng kính, dùng thế nào được lễ. Người mà chẳng nhân, thì cái tâm chẳng hòa, dùng thế nào được nhạc ».

Chú-giải. — *Nhân* = Cái đức trong bản-tâm, đủ có ý cung-kính hòa-bình.

Đây là trách kẻ bất-nhân đã làm mất cái bản-tâm hòa kính đi rồi, dù có dùng lễ-nhạc, chẳng qua là hư-văn mà thôi.

IV

林。易喪也與哉子禮林
也與寧其問。曰。之放
寧其儉。奢禮大本。問

Dịch-âm.— *Lâm Phóng vấn lễ chi bản. Tử viết* : « *Đại tai vấn ! Lễ, dữ kỳ xa dã ninh kiệm ; tang, dữ kỳ dị dã ninh thích* ».

DỊCH-NGHĨA. — Lâm Phóng hỏi điều gốc của việc lễ. Đức Khổng khen rằng : « Lớn thay lời hỏi ! Phàm lễ cát, nếu mà xa-hoa tốn-phí, thì thà rằng kiệm-phác là hơn. Phàm lễ hung như việc tang, nếu mà sửa-sang bày-đặt, thì thà rằng thương xót là hơn ».

Chú-giải. — *Lâm Phóng* = Người nước Lỗ. *Dị* = Cũng như trị, là ý sửa-sang, trang-hoàng.

Đây là khen Lâm Phóng biết chuộng gốc, khác với thói đời chỉ hay chuộng ngọn. Và bảo cho rằng : Nếu chỉ chuộng những điều văn-sức ở bề ngoài, thì không bằng chuộng chất-phác ở bề trong mới là gốc vậy.

V

亡夏如君。之夷子
也。之諸不有狄曰。

Dịch-âm.— *Tử viết* : « *Di dịch chi hữu quân, bất như chư hạ chi vô dã* ».

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng: « Chốn di-địch kia còn có đạo quân-trưởng, chẳng như chốn chư-hạ không còn có vậy ».

Chú-giải. — *Di-địch* = Mọi rợ, trỏ về những nơi chưa có văn-hóa. *Hạ* = Lớn, nơi đất rộng người nhiều. *Chư-hạ* = Mọi nơi hoa-hạ, trỏ về những nước văn-hóa đã thịnh.

Đây là than đời tiếm-loạn, không còn có trật-tự trên dưới.

VI

乎。不曾子對弗冉求季
如謂曰。曰。能有山。氏
林泰嗚不教曰。子旅
放山呼。能。與。女謂於

Dịch-âm. — *Qui-thị lữ ư Thái-sơn. Tử vị Nhiễm-Hữu viết* : « *Nhữ phất năng cứu dư ?* » *Đối viết* : « *Bất-năng* ». *Tử viết* : « *Ô hô ! Tằng vị Thái-sơn bất như Lâm Phóng hồ !* »

DỊCH-NGHĨA. — Họ Qui sắp-sửa cử-hành việc tế-cáo ở núi Thái-sơn. Đức Khổng bảo thầy Nhiễm-Hữu rằng: « Ngươi chẳng hay cứu cho họ Qui cái lỗi tiếm-lễ đấy dư ? » Nhiễm-Hữu thưa rằng : « Ý họ Qui đã quyết, Cầu

này chẳng thể cứu được ». Đức Khổng nói rằng: « Than ôi! Từng bảo rằng thần Thái-sơn chẳng biết lễ mà chẳng bằng người Lâm Phòng đấy ư! »

Chú giải. — *Lữ* = Tên một lễ tế thần núi ngày xưa. *Thái-sơn* = Thuộc về địa-phận nước Lỗ. Lễ ngày xưa vua chư-hầu mới được tế các thần sơn-xuyên trong cõi nước, nay họ Quí là quan đại-phu mà tế là tiếm. *Nhiễm-Hữu* = Học-trò đức Khổng tên là Cầu 求, khi ấy đương làm quan Tể nhà họ Quí. *Cứu* = Chữa, nghĩa là chữa cho khỏi hãm vào cái tội tiếm-thiết.

Đây là nói thần Thái-sơn hà chẳng biết lễ, chắc là thần cũng không hưởng cái tế phi-lễ của họ Quí, thế họ Quí tế cũng vô-ích, để mong họ Quí biết là vô-ích mà tự khắc thôi đi.

VII

君 其 下 讓 射 爭。子 子
子。爭 而 而 乎。必 揖 曰。
也 飲。升。揖 也 所 君

Dịch-âm.— *Tử viết* : « *Quân-tử vô sở tranh, tất dã xạ hồ. Ấp thượng nhi thăng, há nhi ẩm, kỳ tranh dã quân-tử* ».

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng: « Người quân-tử vốn không cạnh-tranh, duy lúc cùng nhau tập bắn là có cạnh-tranh đấy chăng. Nhưng khi chửa bắn thì vái nhau nhường nhau mà lên bắn; khi bắn rồi thì lại vái nhau mà xuống, rồi kẻ bắn thua tự mình rót rượu phạt mà uống. Cạnh-tranh mà vẫn thung-dung lễ nhượng như vậy, là lối cạnh-tranh quân-tử.

Chú-giải. — Đây là khuyên người đời nên lấy lễ-nhượng làm trọng, mà có ý phân biệt quân-tử với tiểu-nhân cạnh-tranh khác nhau.

VIII

言 商 子 素。子 絢 盼 笑 子
詩 也。曰。曰。曰。分。分。倩 夏
已 始 起 繪 繪 何 素 分。問
矣 可 子 後 事 謂 以 美 曰。
與 者 乎 後 也。爲 目 巧

Dịch-âm.— *Tử-Hạ vấn viết* : « *Xảo tiếu miễn hề, mĩ mục miện hề, tố dĩ vi huyễn hề, hà vị dã?* »

— *Tử viết* « *Hội sự hậu tố* ».

— *Viết* : « *Lễ hậu hồ!* »

— *Tử viết* : « *Khởi dư giả thương dã, thủy khả dữ ngôn Thi dĩ hĩ* ».

Dịch-nghĩa.— Thầy Tử-Hạ hỏi rằng: « Kinh *Thi* rằng: « Cái vẻ cười khéo mỉm vậy, cái con mắt đẹp sáng vậy, » là nói về chất đẹp đã đành. Lại rằng: « Trắng-trẻo để làm văn-vẻ, » là nghĩa sao? »

— Đức Khổng nói rằng: « Nghĩa là có nền chất trắng rồi sau mới làm ra văn-vẻ được, thế là việc vẽ phải trước có nền trắng, rồi vẽ vào sau ».

— Tử-Hạ nói rằng: « À thế ra người ta phải trước có cái bản-chất trung-tín, mà sự lễ-văn ở sau đấy chăng! »

— Đức Khổng khen rằng: « Khởi-phát được ý-chí ta là Thương kia vậy. Như Thương kia mới khả cùng bàn kinh Thi ».

Chú-giải.— *Thi* = Đây là dật-thi. Phàm tản nát ở ngoài ba trăm thiên gọi là dật-thi. *Miễn* = Mỉn miệng cười. *Miện* = Con mắt lòng đen lòng trắng phân minh. *Khởi-dư* = Khơi-phát được ý ta, những điều thầy chửa nói đến mà học-trò hay nói ra được, là hay khải-phát được ý-chí thầy.

Đây là thầy Tử-Hạ nhân nghĩ lời kinh *Thi* mà hỏi cho thích-nghi, lại hay phát-minh được đến sự học trước phải lấy trung-tín làm bản-chất.

IX

之 足。獻 不 吾 足 能 子
矣。則 不 足 能 徵 言 曰。
吾 足。徵 言 也。之。夏
能 故 也。之。殷 杞 禮
徵 也。文 宋 禮 不 吾

Dịch-âm.— *Tử viết* : « *Hạ lễ, ngô năng ngôn chi, Kỷ bất túc trưng dã. Ân lễ, ngô năng ngôn chi, Tống bất túc trưng dã. Văn-hiến bất túc, cố dã. Tức, tắc ngô năng trưng chi hĩ* ».

DỊCH-NGHĨA.— Đức Khổng nói rằng: « Lễ nhà Hạ ta có thể nói được đại-khái, nhưng nước Kỷ chẳng đủ chứng-thực cho lời ta. Lễ nhà Ân ta có thể nói được đại-khái, nhưng nước Tống chẳng đủ chứng-thực cho lời ta. Vì là sách vở và người hiền của hai nước ấy tàn-khuyết chẳng vẹn đủ vậy. Nếu vẹn đủ thì ta có thể đem ra mà chứng-thực lời ta, để truyền về sau vậy ».

Chú-giải. — *Kỷ* = Tên một nước con cháu nhà Hạ. *Tống* = Tên một nước con cháu nhà Ân. *Văn* = Sách vở sử-ký trong nước gồm chép về lễ chế, khá làm tài liệu để kê-cứu. *Hiền* = Người hiền trong nước hay am-hiểu về lễ-chế đời trước. *Bất-túc* = Không vẹn đủ, là nói sách vở tàn khuyết, người hiền điêu-tạ.

Đây là có ý than tiếc cho lễ-chế nhà Hạ nhà Ân truyền lại không đủ để khảo-chứng về sau.

X

祭。如 不 者。而 既 禘 子
之 欲 吾 往 灌 自 曰。

Dịch-âm. — *Tử viết: « Đế tự ký quán nhi vãng giả, ngô bất dục quan chi hĩ ».*

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng: « Nước Lỗ tế *đế*, từ lúc đã tưới rượu giáng-thần trở về sau, mất cả ý thành-kính, ta chẳng muốn xem nữa vậy ».

Chú-giải. — *Đế* = Lễ đại tế của đấng vương-giả, tế ông thủy-tổ, mà lại truy-tế một vị sinh ra ông thủy-tổ, lại lấy ông thủy-tổ để phối-hưởng, như là nước Lỗ tế thủy-tổ là Châu-công, lại truy-tế vị sinh ra thủy-tổ là Văn-vương. Nước Lỗ là chư-hầu, lẽ ra chỉ tế thủy-tổ mà thôi. Thành-vương nhà Châu cho nước Lỗ dùng lễ vương-giả mà tế *đế* là phi-lễ. *Quán* = Tưới, lúc mới vào tế tưới một thứ rượu *uất-sưởng* xuống đất để làm lễ giáng-thần. Khi ấy nước Lỗ tế Đế đã là phi-lễ, nhưng khi mới tế chửa tưới rượu giáng-thần thì còn thành-kính khá xem, từ khi đã tưới rượu giáng-thần rồi, thì sinh ra trễ-nải không còn thành-ý gì nữa.

Đây là chê nước Lỗ tế *đế* đã là phi-lễ, mà trong phi-lễ lại còn thất-lễ.

XI

乎。如 天 說 知 說。或
指 示 下 者 也。子 問
其 諸 也。之 知 曰。禘
掌。斯 其 於 其 不 之

Dịch-âm. — *Hoặc vấn đế chi thuyết. Tử viết: « Bất tri dã. Tri kỳ thuyết giả chi ư thiên-hạ dã; kỳ như thị chư! » Chỉ kỳ chưởng.*

DỊCH-NGHĨA — Hoặc có kẻ hỏi cái thuyết tế *đế*, đức Khổng đáp rằng: « Chẳng dễ biết được vậy. Nếu mà biết được cái thuyết tế *đế*, thì suy ra việc trị thiên-hạ chẳng khó gì, này xem như đây này! » Đức Khổng nói rồi liền trỏ vào bàn tay mình.

Chú-giải. — Lễ tế Đế phi đấng vương-giả không được tế; mà cốt ở cái ý bảo bản truy-viễn, không phải kẻ hoặc-nhân hay biết được. Nếu biết được cái ý-nghĩa sâu-xa thì lẽ gì mà chẳng minh, thành gì mà chẳng cảm, suy ra việc trị thiên-hạ có khó gì. *Chỉ kỳ-chưởng* = Trỏ vào bàn tay, để rõ ra cái lẽ vừa minh-bạch vừa dễ-dàng.

Đây là nói cái thuyết tế *đế* có ý nghĩa rất sâu xa.

XII

祭。如 與 吾 子 神 神 在。祭
不 祭。不 曰。在。如 祭 如

Dịch-âm. — *Tế như tại, tế thần như thần tại. Tử viết: « Ngô bất dự tế, như bất tế ».*

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng khi tế tiên-tổ coi như là tiên-tổ ở đấy. Khi tế các thần, coi như là thần ở đấy.

Ngài bình-nhật thường nói rằng: « Ta vì cớ gì phải nhờ người khác tế thay mà ta chẳng được dự tế, thì trong bụng ta vẫn áy-náy, như là chẳng tế vậy ».

Chú-giải. — *Thần* = Như các vị thần sơn-xuyên xã-tắc v. v. Tế thần thì cốt ở điều kính, tế tổ-tiên thì cốt ở điều hiếu.

Đây là ghi-chép đức Khổng hết lòng thành kính về việc tế-tự.

XIII

也。天。然。也。於。於。曰。王
孫。賀。子。意。奧。與。孫
所。罪。曰。何。事。其。習
禱。於。不。謂。媚。媚。問

Dịch-âm.— *Vương-Tôn Giả vấn viết: « Dữ kỳ mị ư Áo, ninh mị ư Táo, hà vị dã? » Tử viết: « Bất nhiên, hoạch tội ư thiên, vô sở đảo dã »*

Dịch-nghĩa. — Vương-Tôn Giả hỏi rằng: « Thế-tục thường nói rằng nếu mà đua-mị với thần Áo, thà rằng đua-mị với thần Táo, là ý thế nào? » Đức Khổng nói rằng: «Đua-mị với thần nào chẳng nữa, cũng đều là chẳng phải cả; tôn nhất là trời, trời chẳng qua lẽ, nếu hành-vi trái lẽ mà phải tội với trời, thì không kêu-cầu với thần nào mà khỏi được tội vậy ».

Chú-giải. — *Vương Tôn-Giả* = Quan Đại-phu nước Vệ, vốn là kẻ quyền-thần. *Mị* = Đua mị, ý là thân gần thuận theo. *Áo* = Vị thần ở mé tây-nam trong nhà là vị thường-tôn; nghĩa bóng là vì với vua nước Vệ, tuy tôn mà không có quyền. *Táo* = Thần bếp, là thần ti-tiện, nhưng có thực-quyền; nghĩa bóng là trỏ vào Vương-Tôn Giả, tự vì như mình có quyền.

Đó là Vương Tôn-Giả dẫn lời thế-tục mà hỏi ý muốn cho Khổng-tử phụ theo mình để tiện-dụng. Nhưng Khổng-tử lấy cái lẽ chính-đáng mà đáp lại để ám-chiết cái tâm kẻ quyền-thần.

XIV

周。吾。文。郁。代。於。周。子
從。哉。乎。郁。二。監。曰。

Dịch-âm.— *Tử viết: « Châu giám ư nhị đại, ức ức hồ văn tai! Ngô tùng Châu ».*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng: « Nhà Châu coi ở cái lẽ-chế nhà Hạ nhà Thương hai đời, cho nên rực-rỡ vậy văn-vẻ thay! Ta theo điển-chương chế-độ nhà Châu ».

Chú-giải. — *Châu* = Tên một đời ở về sau đời Hạ đời Thương. Đây là kể về đời Văn-vương Vũ-vương và Châu-công chế-lễ tác-nhạc. *Giám* = Coi đó làm gương, điều thái-quá thì tổn đi, điều bất-cập thì bổ-ích vào. *Ức-ức* = Rõ-ràng thịnh-vượng. *Văn* = Lễ-văn, trỏ về hiến-chương pháp-độ đều hoàn toàn văn-vẻ.

Đây là khen cái điển-chương nhà Châu cực thịnh, mà tỏ ý nên theo.

XV

是。子。廟。禮。入。曰。每。子
禮。問。每。乎。之。執。事。入
也。之。事。人。子。謂。問。太
曰。問。太。知。鄹。或。廟。

Dịch-âm — *Tử nhập thái-miếu, mỗi sự vấn. Hoặc viết « Thục vị Châu nhân chi tử tri lễ hồ! Nhập thái miếu mỗi sự vấn ». Tử văn chi viết: « Thị lễ dã ».*

Dịch-nghĩa.— Đức Khổng vào trợ-tế nhà thái-miếu, mỗi một sự gì cũng hỏi. Hoặc có kẻ chê rằng: « Ai bảo con người làm quan ấp Châu biết lễ đấy ư! Xem như vào trợ-tế nhà thái-miếu, mỗi một việc gì cũng hỏi ». Đức Khổng nghe lời ấy, nhân biện bạch mà rằng: « Lễ cốt ở điều kính-cẩn, kính cẩn mà hỏi là lễ vậy ».

Chú-giải. — *Thái-miếu* = Miếu thờ Châu-công nước Lỗ. *Châu* = Tên cái ấp ở nước Lỗ, đấng tuẫn-phụ ông Khổng là Thúc Lương-Ngột từng làm chức đại-phu ấp ấy. Nên mới gọi ông Khổng là con người ấp Châu.

Đây là đức Khổng nhân khi vào trợ-tế muốn hỏi cho tường việc lễ; lại nhân có kẻ chê, nên ngài lại vì lễ mà biện-bạch, để cho hay rằng dẫu biết cũng hỏi, là có ý kính-cẩn chính là lễ vậy.

XVI

也。之。科。不。爲。主。射。子
道。右。同。力。皮。不。曰。

Dịch-âm.— *Tử viết: « Xạ bất chủ hồ, vị lực bất đồng khoa, cổ chi đạo dã ».*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng: « Lễ Hương xạ có nói rằng: « Bắn để mà xem đức, chẳng chủ ở xuốt da. » Lễ nói thế là vì sức người có khỏe yếu, chẳng cùng một bậc như nhau, ấy là cái đạo chuộng đức chẳng chuộng lực ở đời xưa vậy ».

Chú-giải. — *Bì* = Da, cái bia bắn ngày xưa, ngoài căng vải, giữa đặt miếng da, để làm cái đích mà tập bắn. *Khoa* = Bậc.

Đây là có ý tiếc cho cái đạo đời xưa chang được thấy nữa, mà thương cho cái thói đời nay chỉ chuộng vũ-lực mà không chuộng đức-lễ.

XVII

愛 其 也。子 之 去 子
羊。爾 曰。餼 告 賜
禮。我 愛 賜 羊。朔 欲

Dịch-âm. — *Tử-Cống dục khử cốc sóc chi khải dương. Tử viết: « Tứ dã, nhĩ ái kỳ dương, ngã ái kỳ lễ ».*

Dịch-nghĩa. — Thầy Tử-Cống muốn bỏ con khải-dương dùng về lễ cốc-sóc ở nước Lỗ. Đức Khổng nói rằng: « Tứ kia vậy, ý ngươi thì tiếc con dê, nhưng ý ta thì tiếc cái lễ ».

Chú-giải. — *Cốc-sóc* = *Cốc* là cáo nhà tổ-miếu. *Sóc* là ngày mồng một đầu tháng. *Khải-dương* = Con dê để sống. Đời xưa đấng thiên-tử cứ đến tháng qui-đông ban bố ngày sóc trong mười hai tháng năm sau cho các nước chư-hầu, tức là ban lịch. Chư-hầu phụng-nhận mà cất-tàng ở nhà tổ-miếu. Mỗi tháng cứ ngày sóc dùng con dê làm lễ cáo-miếu, thỉnh với tổ-tiên mà thi-hành lịch ấy. Nước Lỗ tự vua Văn-công chẳng đi cáo miếu làm lễ sóc nữa, mà kẻ chức-sự vẫn cứ chiều-lệ dùng con dê để cung cấp việc cốc-sóc, nên thầy Tử-Cống cho là hư-phí, có danh mà không có thực, muốn bỏ đi.

Nhưng đức Khổng thì cho rằng danh còn thì lễ chửa toàn mất, con khải-dương không nên bỏ, ý là muốn duy-trì lấy lễ vậy.

XVIII

也。爲 人 臺 事 子
諂 以 禮。君 曰。

Dịch-âm. — *Tử viết: « Sự quân tận lễ, nhân dĩ vi siểm dã. »*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng: « Ta thờ vua cung-kính, hết cái lễ đương-nhiên, mà người đời chẳng biết cho ta là siểm-nịnh vậy ».

Chú-giải. — Đây là nói ngài thờ vua vẫn theo cái lễ đương-nhiên không nên khiếm-khuyết; mà cũng không phải là làm quá lễ để nịnh đời vậy.

XIX

以 臣 臣 曰。凡 如 魯 君 定
忠。事 以 君 子 之 事 使 公
君 禮。使 對 何。君。臣。問

Dịch-âm. — *Định-công vấn quân sử thần, thần sự quân, như chi hà? Khổng-tử đối viết: « Quân sử thần dĩ lễ, thần sự quân dĩ trung ».*

Dịch-nghĩa. — Vua Định-công hỏi cái đạo vua sai khiến bề tôi, bề tôi phụng-thờ vua, nên như thế nào? Đức Khổng thưa rằng: « Vua sai-khiến bề tôi nên lấy điều lễ; bề tôi phụng thờ vua nên lấy điều trung ».

Chú-giải. — *Định-công* = Vua nước Lỗ. *Lễ* = Lễ-nghĩa kính-trọng bề tôi. *Trung* = Trung-thực chẳng dối vua.

Đây là khuyên cả vua tôi, đều nên hết đạo mình, vua chớ lo bề tôi chẳng trung, mà nghĩ mình tiếp-đãi phải cho có lễ; bề tôi chớ lo vua chẳng có lễ, mà nghĩ mình phụng-sự cho hết lòng.

XX

不 哀 不 樂 關 子
傷。而 淫。而 雎。曰。

Dịch-âm. — *Tử viết: « Quan-thư, lạc nhi bất dâm, ai nhi bất thương ».*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng: « Thơ Quan-thư, vui mà chẳng quá vui, thương mà chẳng quá thương ».

Chú-giải. — *Quan-thư* = Thơ đầu thiên Châu-nam, nói về sự cầu được bà Hậu-phi có hiền-đức để giúp vua Văn-vương. *Lạc* = Vui, nói về khi đã được bà hậu-

phi mà khua chuông trống cầm-sắt làm vui. *Dâm* = Quá vui, mà làm đến thất-chính. *Ai* = Thương, nói về khi chửa phối được bà Hậu-phi, mà lo nghĩ thức-nhấp chiền-chuyền đi cầu. *Thương* = Thương quá, hại đến sự hòa.

Đây là khen thơ Quan-thư, tả được cái tình-tình vui lo chính-đáng, chẳng đến nỗi thất-chính, mà cũng chẳng hại hòa, để bảo kẻ học-giả cho biết cái tính-tình chính-đáng của người làm thơ.

XXI

禄。不聞使周松。曰。宰哀
既說。之民人殷夏我。公
往遂曰。戰以人后宰問
不事成栗。栗。以氏我社
答。不事子曰。柏。以對於

Dịch-âm.— *Ai-công vấn xã ư Tề-Ngã. Tề-Ngã đối viết : « Hạ-hậu thị dĩ tùng, Ân-nhân dĩ bách, Châu-nhân dĩ lật. Viết : « Sử dân chiến lật ». Tử văn chi viết : « Thành sự bất thuyết, toại sự bất giáng, kỳ vãng bất cửu ».*

Dịch-nghĩa.— Vua Ai-công hỏi nghĩa lập nền xã ở thầy Tề-Ngã. Thầy Tề-Ngã thưa rằng: « Đời xưa lập nền xã đều trồng cây, họ Hạ-hậu dùng cây tùng, người nhà Ân dùng cây bách, người nhà Châu dùng cây lật. Dùng cây lật là nghĩa rằng khiến dân sợ-hãi. » — Đức Khổng nghe lời ấy mà trách rằng : « Sự đã thành chẳng nói nữa, sự đã chót chẳng can nữa, sự đã qua chẳng trách nữa ».

Chú-giải. — *Ai-công* = Vua nước Lỗ, *Xã* = Đời xưa lập-quốc tất lập nền xã, xã là cái nền đắp cao để tế thần sơn-xuyên. Lập nền xã tất trồng một thứ cây hợp với thổ-nghi nền ấy. *Tùng* = Cây thông. *Bách* = Cây trắc. *Lật* = Cây lật, giống như loài cây ổi. *Chiến-lật* = Sợ-hãi. *Toại* = Chót, sự đã chót rồi, không thể ngăn lại được nữa.

Đây là thầy Tề-Ngã phụ-hội cái thuyết đời xưa giết người có tội ở nền xã, mà giải ra cái nghĩa *lật* là chiến-lật để cho dân sợ-hãi, đã trái với cái ý lập nền xã của tiên-vương, lại khêu cái lòng sát-phạt của vua Lỗ, cho nên đức Khổng thảm trách Tề Ngã, để cho biết cẩn-thận lời nói về ngày sau.

XXII

繹。管反邦塞仲樹。管○子
氏坫。君門。知焉氏或曰。
而管爲管禮得有曰。管
知氏兩氏乎。儉。三管仲
禮。亦君亦曰。 歸。仲之
孰有之樹邦然官儉器
不反好。塞君則事乎。小
知坫。有門。樹管不曰。哉。

Dịch-âm. — *Tử viết : « Quản-Trọng chi khí tiểu tai ! »*

Hoặc viết : « Quản-Trọng kiệm hồ ? » Viết : « Quản-thị hữu tam-qui, quan sự bất nhiếp, yên đắc kiệm ».

Nhiên-tắc Quản-Trọng tri lễ hồ ? « Viết » : « Bang quân thụ tắc-môn ; Quản-thị diệc thụ tắc-môn ; bang-quân vi lưỡng quân chi hiếu, hữu phản-điếm, Quản-thị diệc hữu phản-điếm, Quản-thị nhi tri lễ, thục bất tri lễ ! »

Dịch-nghĩa.— Đức Khổng nói rằng: « Khí-lượng ngươi Quản Trọng nhỏ lắm thay ! » — Hoặc có kẻ ngờ mà hỏi rằng: « Ngươi Quản-Trọng là người tiết-kiệm, mà giống như khí-lượng nhỏ đấy ư ? » Đức Khổng nói rằng: « Họ Quản có đài Tam-qui làm chốn chơi bời ; trong nhà đặt ra nhiều kẻ quan-thuộc, một người chẳng kiệm hai việc, họ Quản là người xa xỉ, sao được là tiết-kiệm » — Kẻ hoặc lại ngờ mà hỏi rằng : « Thế thì Quản Trọng là người biết lễ mà giống như xa-xỉ đấy ư ? » Đức Khổng nói rằng : « Đấng bang-quân dựng bức bình che cửa, họ Quản cũng dựng bức bình để che cửa ; đấng bang-quân khi hai vua giao-hiếu hội tiệc, có cái án để úp chén, họ Quản cũng có cái án để úp chén, họ Quản là Đại-phu mà tiếm lễ vua chư-hầu, họ Quản mà biết lễ, thì ai chẳng biết lễ ! »

Chú-giải. — *Quản Trọng* = Quan Đại-phu nước Tề, tên là Di Ngô 吾夷, giúp vua Hoàn-công, bá-trưởng cả các nước

chư-hầu. *Khí-tiểu* = Cục-lượng nông cạn, qui-mô hẹp-hòi, không biết cái đạo đại-học của thánh-hiền, cũng như cái đồ nhỏ đựng vật dễ đầy, không đựng thêm được nữa. *Tam-qui*. = Tên cái đài cao. *Thụ-tắc-môn* = Dựng bức bình gọi là *thụ*. *Tắc* nghĩa là che; dựng bức bình ở giữa cửa ra vào, để che trong ngoài, khiến cho thâm-nghiêm. *Phản điếm* = *Điếm* là một cái đồ-vật như cái an phê, đặt ở khoảng giữa hai cái cột. *Phản* = Nghĩa là là trả lại, khi uống rượu thù-tạc xong, thì trả chén lại úp lên trên cái ấn ấy, nên gọi là cái phản-điếm

Đây là chê Quản-Trọng khí-lượng hẹp hòi chỉ đủ làm nên nghiệp bá, chứ không đủ tiến lên đạo vương, lại chứng như những việc Quản-Trọng xa-xỉ mà phạm lễ để càng rõ ra rằng khí-cục nhỏ-nhen.

(*Còn nữa*)

ĐÔNG-CHÂU và TỪNG-VÂN *dịch*

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Thế-giới đại-sự ký

(*Từ mồng 1 tháng 8 đến 30 tháng 9 năm 1931*)

Mồng 1 tháng 8 năm 1931.— Hôm nay là một ngày kỷ-niệm của đảng cộng-sản, các nơi rục-rịch muốn biểu tình, nhưng đâu đâu các Chính-phủ cũng phòng-bị nghiêm, không có xảy ra sự gì cả.

—« Pháp-quốc ngân-hàng » (*Banque de France*) và « Mĩ liên-bang trử-kim ngân-hàng » (*Federal Reserve Bank*) cùng cho vay « Anh-quốc ngân-hàng » (*Banque d'Angleterre*) một khoản năm-mươi triệu *livres*.

—Theo biểu thống-kê về nhân-khẩu ở Đức trong năm 1930, thì số sinh đẻ ở nước ấy sụt kém đi nhiều lắm, cứ tính theo suất-số một nghìn người thì lại kém cả nước Pháp nữa.

— Hội-nghị quốc-tế đảng xã-hội họp ở *Vienne*, hôm nay bế-mạc.

Mồng 2.—Ở Tây-ban-nha (*Espagne*) mở cuộc trưng-cầu dân-ý (*referendum populaire*) về việc lập hiến-pháp cho xứ *Catalogne*.

Mồng 3. — Kết-quả cuộc trưng-cầu dân-ý ở *Catalogne* được 95 phần trăm (95%) ưng-thuận cho xứ này tự-trị.

Mồng 4. — Quốc-vương *Maroc* sang du-lịch Pháp, hôm nay đỗ tầu ở *Marseille*, mai lên *Paris*, do Chính-phủ Pháp chính-thức nghênh-tiếp.

— Thủ-tướng Đức BRÜNING truyền điện diễn-thuyết cho dân Đức, nói về tình-hình nước Đức và khuyên dân nên vững lòng yên-tĩnh.

Mồng 5.— Ở Đức các nhà băng lại tự-do giao-dịch như thường. Còn các « trử-sức ngân-hang » (kho để dành= *caisses d'épargne*) thì có một đạo sắc-luật (*décret-loi*) mới định cách giao-dịch, bắt đầu từ mồng 10 sau này.

— Thủ-tướng Đức BRÜNING và ngoại-tướng CURTIUS dời *Berlin* để đi *Rome*.

— Tiền *sterling* nước Anh giảm từ 123,90 xuống 123,25.

Mồng 6.—Quốc-vương *Maroc* dự yến trưa với quan Giám-quốc DOUMER ở cung *Rambouillet* rồi, thời dự lễ nghênh-tiếp ở nhà Thị-sảnh thành *Paris*.

— Giám-quốc Mĩ Hoover nghĩ cách bàn với liệt-cường có hải-quân nên nghỉ việc chế tầu chiến (*vacances navales*) trong hạn hai năm.

Mồng 7.— Vì việc thợ bãi-công, các chủ xưởng chế dầy ở thành *Limoges* (Pháp) định đóng cửa (*loc-kout*) thành ra 4 nghìn thợ không có việc làm.

Mồng 8 —Quan Robin nguyên quyền Toàn-quyền Đông-dương, về Pháp nghỉ, hôm nay đến *Marseille*, nhân các báo đến phỏng-vấn, có tuyên-bố nhiều điều về tình-hình thuộc-địa.

— Thủ-tướng và ngoại-tướng Đức trong mấy bữa ở *Rome* có thương-thuyết với thủ-tướng Ý Mussolini, rồi vào yết-kiến Giáo-hoàng ; hôm nay dời *Rome* về *Berlin*. Có mời thủ-tướng Ý sang Đức thì ông Mussolini đã nhận lời.

— Hôm nay công-bố thiên thứ nhất hiến-pháp nước Tây-ban-nha.

Mồng 9.—Ở *Prusse* (Phổ-lỗ-sĩ, Đức) mở cuộc đồng dân đầu-phiếu (*plébiscite*), phái phản-đối Nôi-các Braun chỉ được có 37°/o số phiếu, tổng-số người đầu-phiếu là 26 triệu, được có 9 triệu 80 vạn mà thôi.

Mồng 10 — Ngoại - tướng Pháp Briand bấy lâu dưỡng-bệnh nay đã khá, xem chừng có thể đi dự Hội Vạn-quốc vào đầu tháng chín này được

— Chính-phủ Pháp định cử ông François-Poncet làm chức đại-sứ Pháp ở *Berlin*. Chính-phủ Đức đã biểu ý ưng-thuận.

— Nhân đảng cộng-sản muốn gây việc biến-động ở *Prusse* và mưu hại chuyến xe-lửa tốc-hành *Bâle-Berlin*, Chính-phủ Đức và Chính-phủ *Prusse* đặt kế-hoạch nghiêm để đề-phòng và trừng-trị,

Ngày 11 — Các nhà chuyên-môn nghiên-cứu về cách thích-hợp chương-trình Hoover với chương-trình Young đã làm việc xong, và ký bản quyết-định kết-liễu (*protocole final*).

—Nước Đức làm lễ đệ-niên kỷ-niệm Hiến-pháp *Weimar*.

— Đảng « mũ sắt » (*Casques d'acier*) và đảng Cộng-sản đều di-nghị về kết-quả cuộc chúng-dân đầu-phiếu ở *Prusse* ngày mồng 9 vừa rồi.

Ngày 12. – Chính-phủ Đức tỏ ý muốn mời Thủ-tướng Laval và ngoại-tướng Briand nước Pháp sang *Berlin* để tiếp-tục cuộc hội - thương ở *Paris* trước.

— Nhân nước Áo xin Hội Vạn-quốc giúp cho về đường tài-chính, Hội cử hai ông Avenal và Leveday đến *Vienne* để nghiên-cứu về việc đó.

Ngày 13. — Ông François-Poncet nguyên làm thứ - trưởng Bộ Quốc-gia kinh-tế (*sous-secrétaire d'Etat à l'économie nationale*), nay được bổ làm đại-sứ Pháp ở Đức, nên chức thứ-trưởng kia Chính-phủ giao cho ông Gignoux.

— Ký hiệp-ước ở *Paris* cho nước *Hongrie* vay 5 triệu *sterling*.

— Ban chấp-hành của Hội-nghị quốc-gia Ấn-độ nhất-quyết không tham-dự vào Hội-nghị Bàn-Tròn

Ngày 14. — Vì ngoại-tướng Briand còn đau, nên thủ-tướng Laval báo cho thủ-tướng Đức biết rằng việc đi hội-thương ở *Berlin* sẽ đình đến sau kỳ hội-đồng Hội Vạn-quốc.

— Đại-tá Macia là lãnh-tụ đảng tự-trị đất *Catalogne* đến *Madrid* để đệ-trình bản dự-thảo hiến-pháp xứ *Catalogne*, được nhân-dân kinh-thành cổ-võ hoan-nghênh.

Ngày 15 — Tổng-công-ti hàng-hải Đại Tây-dương (*Compagnie générale transatlantique*) làm lễ phóng-thủy chiếc tàu *Champlain* ở cửa *Saint-Nazaire*.

Ngày 16. — Quốc-vương *Maroc* đến *Vittel*, công-ti nước suối ở đấy đặt dạ-yến để hoan-nghênh.

— Thủ-tướng Anh MAC-DONALD đương trù-tính về các kế-hoạch tỉnh-giảm các khoản chi-tiêu.

— Nước *Yougoslavie* làm lễ kỷ-niệm thập-chu-niên vua ALEXANDRE đăng-quang.

— Định đến khoảng tháng 10 sẽ họp tại *Jérusalem* một cuộc hội-nghị lớn các dân theo đạo Hồi (*conférence panislamique*).

Ngày 17. — Nội-các Đức họp hội-nghị, xét về tình-hình tài-chính, xem ra có vẻ bi-quan, phải trù-tính cách hoãn nợ ngoại-quốc (*moratoire étranger*).

Ngày 18. — Ở trường Đấu-xảo Thuộc-địa tại *Vincennes*, sở đấu-xảo của Nam-dương quần-đảo thuộc Hòa-lan (*Indes néerlandaises*) độ trước bị cháy tai-hại lắm, nay đã làm xong một sở mới, hôm nay khánh-thành.

— Ở Hội-nghị quốc-tế về Nông-nghiệp, đại-biểu của hai-mươi nước, cùng với đại-biểu Hội Vạn-quốc và nhà Quốc-tế thanh-trái ngân-hàng (B.R.I. = *Banque des Règlements internationaux*) thảo-luận về cách lập một nhà băng quốc-tế về nông-nghiệp để cho vay ngắn hạn cho các nhà nông.

— Ở *Irlande* lại xảy ra việc biến-loạn.

— Ở *Yougoslavie* cấp đặt một ủy-ban tiết-kiệm (*Comité des économies*).

Ngày 19. — Tờ trình của Hội-đồng giám-định tài-chính họp ở *Bâle* đã công-bố. Xét ra các khoản nợ ngắn hạn của Đức tới 7.400 triệu.

— Nội-các Anh họp để bàn về chương-trình tiết-kiệm. Các phái không được đồng-ý nhau, sợ trong Nội-các cũng trong đảng lao-động có cái nguy phân-liệt.

— Chính-phủ Ý tăng thuế thương-chính về lúa mì.

— Chính-phủ nước *Chili* nghị-định cho hoãn các khoản nợ ngoại-quốc trong một năm.

Ngày 20. — Hội-đồng Chính-phủ Pháp cử các phái-viên Pháp ra hội-đồng Hội Vạn-quốc kỳ này. Phái bộ có ba phái-viên thực-thụ là ông BRIAND, ngoại-vụ tổng-trưởng, FLANDIN tài-chính tổng-trưởng và ROLLIN, thương-vụ tổng-trưởng, còn ba phái-viên dự-khuyết là ông CATHALA, PETSCHE và GIGNOUX.

— Sự khủng-hoảng về nghề dệt ở phía bắc nước Pháp làm cho số thợ thất-nghiệp mỗi ngày một tăng lên.

Ngày 21. — Nước Pháp với nước Tô-Nga (*Russie soviétique*) vẫn thương-thuyết về việc thông-thương kinh-tế, và vẫn thường báo-cáo cho hai chính-phủ *Pologne* và *Roumanie* được biết.

— Ở Anh, tổng-hội các nghiệp-đoàn (*conseil général des trade-unions*) định không y-nhận các dự-án tài-chính của Chính-phủ, làm cho Nội-các MAC-DONALD bị quẫn-bách.

— Ở Tây ban-nha, nhân cái chính-sách của Chính-phủ đối với các giáo-hội mà xảy ra nhiều sự khó-khăn, có cơ muốn xung-đột với Chính-phủ giáo-hoàng.

Ngày 22. — Ở trường đấu xảo Thuộc-địa khai cuộc hội-nghị thuộc-địa và quốc-tế về việc học.

— Ở *Londres* và ở *Genève* đều đồng-thời công-bố bản báo-cáo của Chính-phủ Anh cho Hội Vạn-quốc về tình-trạng quân-bị nước Anh.

Ngày 23. — Tại các xưởng chế-kim ở miền *Roubaix* (Pháp), chủ thợ điều-đình với nhau, thợ chịu giảm tiền công 3%.

— Ông PAUL-BONCOUR được mời ra ứng-cử thượng-nghị viên ở quận *Tarn* và *Loir-et-Cher*.

— Tình-trạng Nội-các MAC-DONALD vẫn còn bấp-bênh lắm. Quốc-vương Anh tiếp thủ-tướng rồi, lại thương-thuyết với lĩnh-tụ các đảng bảo-thủ và tự-do. Ngày rồi ta đoán Nội-các lao-động sẽ phải

từ chức và có lẽ lập một tòa Nội-các mới liên-hiệp các đảng.

— Nội-các BRÜNING nước Đức sắp tuyên-bố một đạo sắc-luật cho các bang (*Etats*) trong Đế-quốc Đức được quyền độc-tài về các khoản chi-thu công.

— Nước *Hongrie* lập Nội-các mới, bá-tước JULES KAROLYI làm thủ-tướng, kiêm lĩnh bộ Ngoại-giao.

Ngày 24.— Có một đoàn 80 y-sĩ nước Mĩ đi thăm các sở ôn-tuyền (*stations thermales*), của nước Pháp, hôm nay đến sở *Vittel*, quan-dân sở-tại nghênh-tiếp.

— Sau cuộc hội-diện lãnh-tụ ba đảng lao-động, bảo-thủ và tự-do là MAC DONALD, BALDWIN và SIR HERBERT SAMUEL do quốc-vương GEORGE chủ-trương, thì Nội-các lao-động xin từ chức. Ông MAC-DONALD nhận lập một Nội-các liên-hiệp mới, có đại-biểu của các đảng bảo-thủ và tự-do tham-dự vào, và chỉ chủ để chấn-chỉnh tài-chính cùng thi-hành các khoản tiết-kiệm cần-thiết mà thôi. Làm xong việc đó thì các đảng lại phục-hồi tự-do, và sẽ mở cuộc tuyển-cử mới. Nghị-viện sẽ triệu-tập vào đầu tháng chín. Các nghiệp-đoàn (*Trade-Unions*) thời tỏ ý phản-đối Nội-các mới đó.

Ngày 25. — Quan Học-bộ Tổng-trưởng MARIO ROUSTAN thăm kỹ viện bảo-tàng về dân-tộc-học (*Musée d'Ethnographie*) ở điện *Trocadéro*, để tính cách dung-nạp các bộ đồ bày ở trường Đấu-xảo thuộc-địa, định khi Đấu-xảo tan thì đem về chứa đó.

— Bộ ngoại-giao Pháp có lời thông-cáo cho các báo nói rõ đầu đuôi việc thương-thuyết với Chính-phủ Tô-Nga, khởi tự sau khi hai nước Ba-lan (*Pologne*) và Nga đã điều-đình với nhau để ký ước bất-tương-xâm (*pacte de non-agression*), việc điều-đình này tuy chưa xong nhưng sẽ tiếp-tục ở *Moscou* nay mai.

— Nội-các liên-hiệp nước Anh đã lập xong, có ông MAC-DONALD làm thủ-tướng, ông BALDWIN làm tổng-lý Nội-các, LORD READING làm ngoại-vụ tổng-trưởng. Trong Nội-các có bốn người thuộc đảng lao-động (*travaillistes*), bốn người thuộc đảng bảo-thủ (*conservateurs*) và hai người thuộc đảng tự-do (*libéraux*). Ông MAC-DONALD có truyền điện thông-cáo cho quốc-dân biết vì cớ gì phải lập Nội-các liên-hiệp như vậy, và bày tỏ cái chương-trình có hạn-định của Nội-các mới thế nào.

Ngày 26. — Một đoàn-thể các thợ cùng cựu-chiến-binh ở miền *Bordeaux* có chủ-trương làm một tập sách gọi là « Hòa-bình kim-thư » (*Livre d'or de la Paix*), lấy chữ ký của nhiều người, để tỏ lòng tán-dương cái chính-sách hảo-hòa của ông BRIAND. Hiện đã thu được hơn ba triệu chữ ký của người Pháp, hôm nay đem sách ra tặng ông BRIAND.

— Quan Tổng-trưởng bộ Hàng-không cùng Thống-chế PÉTAIN đến duyệt-thị cuộc tập trận tàu bay ở *Nancy*.

— Nội-các mới nước Anh đã bắt đầu làm việc. Định đặt các tiểu-ban để chia các khoản chi-thu ra mà nghiên-cứu cho kỹ. Bộ Lục-quân giao cho ông TOM SHAW, nhưng ông này cố xin từ chức, nên lại giao cho LORD CREWE. Còn nhiều đoàn-thể lao-động hiện đương hiệp nhau lại để công-kích Chính-phủ mới ở giữa Nghị-viện và ở trong dân gian.

— Ngoại-vụ tổng-trưởng nước Tây-ban-nha (*Espagne*) là ông LERROUX đọc một bài diễn-thuyết quan-trọng về chính-trị, tỏ cái ý-tứ muốn ra đứng đầu Chính-phủ.

— Sở điện-báo *Tass* ở *Moscou* có lời thông-cáo nói vì lẽ làm sao mà Chính-phủ Tô-Nga phải tạm đình việc thương-thuyết để lập ước bất-tương-xâm với nước *Pologne*.

— Bác-sĩ WIRTH, là Nội-vụ tổng-trưởng nước Đức tuyên-bố rằng Chính-

phủ sẽ quyết dùng võ-lực để trừng-trị mọi sự phiến-loạn của các đảng cách-mệnh.

— Sau một cuộc hội-diện với Phó-vương Ấn-độ, ông GANDHI nhận đi dự hội-nghị Bàn Tròn.

Ngày 27. — Chính-phủ Pháp đặt một cuộc hội-nghị cao-đẳng về không-quân và cử tướng HERGAULT làm chánh bộ tham-mưu về không-quân.

— Hai quan tổng-trưởng Pháp FLANDIN và PIÉTRI thương-thuyết với đại-biểu bộ Tài-chính Anh cùng nhà Anh-quốc ngân-hàng về việc phát-hành một cuộc công-thái ở *Paris* và ở *New-York* để giữ giá cho tiền *sterling*.

— Chính-phủ Anh cử Tử-tước CECIL làm chánh phái-viên tại Hội Vạn-quốc thay cho nguyên ngoại-tướng HENDERSON.

— Chính-phủ Tô-Nga tuyên-bố rằng không hề có vận-động gì để tiếp-tục việc thương-thuyết lập ước bất-tương-xâm, dù đối với nước Ba-lan, dù đối với nước Pháp cũng vậy.

Ngày 28. — Việc thương-thuyết của hai nước Pháp, Anh về tài-chính đã có kết-quả: các nhà băng Pháp thuận để cho Chính-phủ Anh năm ngàn triệu phật-lăng, phần thời làm khoản cho vay, phần thời để phát trái-phiếu của công-khố Anh, định hạn một năm và phát-hành ở Pháp.

— Hai hạt *Tarn* và *Loir-et-Cher* tranh nhau muốn bầu cho ông PAUL-BONCOUR làm thượng-nghị-viên, hạt trên là hạt vẫn bầu cho ông làm nghị-viên xưa nay, hạt dưới là nơi quê hương ông, ý ông thì muốn ra ứng-cử hạt dưới, nhưng hạt trên không chịu nghe.

— Hai đảng bảo-thủ và tự-do ở Anh đều bằng lòng tham-dự Chính-phủ. Duy có đảng xã-hội thời không đồng lòng theo các nhà lãnh-tụ. Phái phản-đối trong đảng ấy cử ông HENDERSON đứng chủ-trương để công-kích Chính-phủ. Một tay lãnh-tụ nữa trong đảng ấy là ông SNOWDEN thời định không tham-dự việc nước nữa. Nghị-viện định đến ngày 8 tháng 9 sẽ triệu-tập.

— Ngoại-tướng Nga LITVINOF đến *Berlin* thương-thuyết với ngoại-tướng Đức CURTIUS, nhất là về việc đính-ước bất-tương-xâm với Pháp và Ba-lan.

Ngày 29. — Ngoại-tướng BRIAND còn nhọc chửa đi dự Hội-nghị Hội Vạn-quốc được. Có lẽ kỳ đại-hội-đồng mới đến được.

— Có tin đồn rằng nước Pháp đã làm trọn việc ủy-nhiệm ở xứ SYRIE rồi, sẵn lòng thôi không nhận chức-trách quản-cố cho xứ ấy nữa. Bộ Ngoại-giao Pháp bá-cáo rằng tin ấy là đồn sai.

— Quốc-vương *Maroc* đáp tầu ở *Marseille* để về nước.

— Cứ lời ức-đoán của thiên-hạ thì Nội-các liên-hiệp nước Anh khi ra Nghị-viện có lẽ được dư ước trên dưới 50 phiếu. Những người bầu-cử cho ông MAC DONALD bách ông phải từ chức nghị-viên.

Ngày 30. — Ban ủy-nhiệm (*Commission des mandats*) ở Hội Vạn-quốc bàn về cách-thức khi các xứ thuộc quyền ủy-nhiệm muốn được giải nhiệm thì phải thế nào.

— Ở Nga, hội-nghị các ủy-viên họp hội-đồng bất-thường để xét về vấn-đề đính ước bất-tương-xâm.

Ngày 31. — Hội-đồng Quản-hạt Nam-kỳ gửi giấy cám ơn quan Thuộc-địa-bộ Tổng-trưởng PAUL REYNAUD về lòng ngài quyến-cố xứ Nam-kỳ và mừng rằng ngài sẽ sắp sang kinh-lý bên Đông-dương.

— Tòa Quốc-tế Tài-phán *La Haye* bác cái án Đức Áo liên-hiệp (*Anschluss*). Nhân đó hai Chính-phủ Đức và Áo đều tuyên-bố rằng không theo đuổi cái mục-đích đó nữa.

— Bản dự-án hiệp-ước bất-tương-xâm do ngoại-tướng Nga LITVINOF đệ-

trình sẽ giao cho một tiểu-ban mật xét.

— Chính-phủ Giáo-hoàng và Chính-phủ Ý điều-đình xong về cái án đảng «Gia-tô Hành-động» (*Action catholiques*).

Mồng 1 tháng 9. — Có tin ông LOUIS-MILL chủ-nhiệm báo *Le Temps* hốt-nhiên chết.

— Hội-nghị Hội Vạn-quốc đã khai-mạc kỳ thứ 64 ở *Genève*. Duyệt-y bản báo-cáo của ông CURTIUS bày tỏ cái bước đường thứ nhất về chương-trình «kinh-tế hiệp-tác» (*plan d'action économique concertée*).

Chính-phủ Tây-ban-nha với Chính-phủ Giáo-hoàng thương-thuyết về vấn-đề tôn-giáo, xem ra có kết-quả; hai bên đã thỏa-hợp về ba khoản như sau này: một là chính giáo phân-li (*séparation de l'Eglise et de l'Etat*), hai là mộ-địa trung-lập (*neutralité des cimetières*), ba là hôn-lễ tòng luật (*mariage civil*).

Mồng 2. — Việc thủ-tướng LAVAL và ngoại-tướng BRIAND nước Pháp đi *Berlin* định vào ngày 26, 27 và 28 tháng 9.

— Có lệnh cấm rượu vang Ý-đại-lợi không được nhập-cảng nước Pháp từ ngày 31 tháng 8.

— Ông ARTHUR FONTAINE là chánh hội đồng trị-sự Quốc-tế Lao-động-cục và hội-đồng trị-sự các mỏ sông *Sarre* thuộc công-sản Hội Vạn-quốc, tạ thế.

— Ông MACDONALD báo cho đảng Lao-động (*Labour Party*) biết rằng ông không chịu từ chức nghị-viên.

Mồng 3. — Ở Hội-nghị Hội Vạn-quốc, ông SCHOBER thay mặt Chính-phủ Áo, và ông CURTIUS thay mặt Chính-phủ Đức tuyên-bố thôi không theo đuổi việc liên hiệp Đức Áo về thương-chánh nữa.

Mồng 4. — Tướng DE BONO, Thuộc-địa, bộ Tổng-trưởng nước Ý, đến *Paris* thăm trường Đấu-xảo Thuộc-địa. Quan Tổng-trưởng Thuộc-địa Pháp PAUL RENAUD có đặt tiệc mừng, hai bên diễn-thuyết đều tán-dương cái tình thân-thiện và cái công khai-hóa của hai nước Pháp Ý.

— Ở Hội-nghị Hội Vạn-quốc, nước Áo bày tỏ tình-hình tài-chính quẫn-bách nhờ Vạn-quốc giúp đỡ cho.

Mồng 5. — Pháp-viện *La Haye* phán định về việc đình ước thương-chánh nước Đức với nước Áo; khi dầu-phiếu quyết nghị thì được 8 phiếu đối với 7 phiếu, tuyên bố việc đó là trái với lời ước của hai nước đối với liệt-quốc.

Mồng 6. — Ông BRIAND dời *Paris* đi dự hội-nghị Hội Vạn-quốc. Đến *Genève* được thiên-hạ cổ-võ hoan-nghênh.

— Có tin đồn kỳ Đại-hội-đồng thứ 12 Hội Vạn-quốc sẽ cử ông TITULESCO là đại-biểu nước *Roumanie* làm Chánh-hội.

— Việc nước Đức và nước Áo bỏ cái dự-án liên-hiệp hai nước về thương-chánh bị các báo phản-đối trong hai nước công-kích dữ lắm.

Mồng 7. — Kỳ Đại-hội-đồng thứ 12 Hội Vạn-quốc khai-mạc ở *Genève*. Quả như lời đồn, ông TUTILESCO được bầu làm Chánh-hội, năm ngoái ông đã được bầu một lần rồi, từ khi có Hội Vạn-quốc đến giờ mới có ông là được bầu hai lần như vậy.

— Hội-nghị các nghiệp-đoàn nước Anh họp ở *Bristol*, nghị-trưởng là ông HAYDAY tuyên-bố nhất-quyết phản-đối không để cho đụng đến lương thợ và tiền phụ-cấp thất-nghiệp của thợ. Lại toàn hội-nghị tỏ ý hết sức công-kích Chính-phủ.

— Có tin đồn vua nước Anh muốn làm gương tiết-kiệm cho dân, tự xin giảm 6 triệu vào tiền ngân-sách của Hoàng-gia (*liste civile*).

— GANDHI truyền vô-tuyến-điện cho nhân-dân thành *Londres*, nói chuyến này sang Anh là để tuyên-truyền cổ-

động cho nước, chứ không phải đi du-lịch thường.

Mồng 8. — Chúng-nghị-viện Anh họp buổi thứ nhất, Nội-các liên-hiệp ra trình bày với nghị-viện, được dư 59 phiếu. Thủ-tướng diễn-thuyết nói tình-hình tài-chính trong nước rất nguy, xin các đảng nên bỏ sự cạnh-tranh mà hiệp-lực trù-tính các phương cứu-cấp.

— Đại-hội-đồng Hội Vạn-quốc định mời nước *Mexique* vào Hội. Đại-biểu nước Ý là ông GRANDI diễn-thuyết nói về hội-nghị tài-giảm quân-bị sau này rất là hệ-trọng, trong khi sửa-soạn việc hội-nghị các nước nên đồng lòng nhau đừng chế thêm quân-khí nữa.

Mồng 9.—Quan Thuộc-địa-bộ Tổng-trưởng PAUL REYNAUD sắp đi Đông-dương, tuyên-bố về cái mục-đích cuộc lữ-hành này, cốt để nghiên-cứu về tình-hình chính-trị kinh-tế của Đông-dương.

— Chính-phủ Ý và Chính-phủ Đức đệ tại Hội Vạn-quốc một bản kê về hiện-tình quân-bị của hai nước.

— Các báo Đức về đảng quốc-gia công-kích việc thủ-tướng và ngoại-tướng Pháp sang hội-thương ở *Berlin*.

Mồng 10.— Quân Pháp mở cuộc tập trận lớn ở miền Đông, chia làm hồng-quân do tướng MAITRE chỉ-huy và thanh-quân do tướng LACAPELLE chỉ-huy.

— Quan Thuộc-địa Tổng-trưởng REYNAUD đã dời *Paris* để đi Đông-dương.

— Ở Chúng-nghị-viện Anh, tài-chính tổng-trưởng SNOWDEN trình bày các dự-án về tài-chính, có nói rằng: «Gần đây nước Anh đã ăn tiêu quá sức mình», thành ra sự khủng-hoảng bây giờ, chỉ có hai cách đối-phó: một là tiết-kiệm, hai là tăng thuế.

Ngày 11. — Hai đoàn tầu bay, hiệu là *le Trait d'Union II* và *le Point d'interrogation*, bay từ trường bay *Bourget*, định đi thẳng tới *Tokio*, kinh-đô nước Nhật, để thi lấy giải nhất đường trường (*record de distance*). Đoàn *Point d'interrogation* bay được mấy giờ phải đỗ ở *Düsseldorf* (Đức).

— GANDHI tới *Marseille*, tuyên-bố rằng mục-đích của ông đi Anh chuyến này vẫn là theo tôn-chỉ của Hội-nghị *Delhi* năm 1922, nghĩa là xin cho Ấn-độ tự-trị.

— Ông PAUL REYNAUD đáp tầu *d'Artagnan* ở *Marseille* để đi Đông-dương. Trong khi đi vắng thì ông MAGINOT, tổng-trưởng bộ Lục-quân, quyền lĩnh bộ Thuộc-địa.

— Ở Hội Vạn-quốc ông BRIAND đọc bài diễn-thuyết dài, nói rõ về cái thuyết bảo-an của nước Pháp, và ước-ao rằng các nước sẽ theo cái chủ-nghĩa tương-trợ để giữ cho cuộc hòa-bình thế-giới.

Ngày 12. — Cuộc bay *Paris-Tokio* kết-cục một cách bi-thảm. Đoàn bay *Le Trait-d'Union II* đến dạng núi *Ourals*, (phía Tây nước Nga) thì bị liệng xuống đất. Phi-tướng LE BRIS cùng người cầm máy MESMIN chết. Duy có DORET nhảy vào cái « rù phòng-hiểm » (*parachute*) là được an-toàn.

— Chính-phủ Đức công-nhiên mời ông LAVAL và BRIAND sang *Berlin* ngày 27 tháng 9 này. Hai ông đã ưng nhận.

— Ở Hội Vạn-quốc, ngoại-tướng Đức CURTIUS diễn-thuyết về vấn-đề tài-binh, lời nói có giọng khiêu-khích.

— GANDHI đã đến *Londres*, người Ấn-độ ở đấy cổ-võ hoan-nghênh lắm.

Ngày 13.— Có cuộc bầu-cử thượng-nghị-viên ở quận *Loir-et-Cher*: ông PAUL BONCOUR là nghị-viên quận *Tarn*, về đảng xã-hội S. F. I. O. (nghĩa là chi-bộ nước Pháp của đảng Lao-động quốc-tế), không công-nhiên ra ứng-cử, được bầu về lần đầu-phiếu thứ ba, được 342 phiếu đối với 253 phiếu về

ông PERSIL là nguyên nghị-viên về Cộng-hòa tả-đảng.

Ngày 14. — Hội Vạn-quốc bầu tòa trị-sự: nước Tây-ban-nha, nước Tàu và nước *Panama* được trúng-cử lần thứ nhất.

Ngày 15. — Ông MAGINOT, tổng-trưởng bộ Lục-quân Pháp, diễn-thuyết ở *Reims*, nhân dịp quân Pháp tập trận, có nói một câu rằng: « Quân-bị nước Pháp chỉ có một mục-đích bảo-thủ, không có bao giờ dùng để công-kích ». (*L'organisation militaire de la France, purement défensive, ne servira jamais à une agression*).

— Ở *Genève* có cuộc vận-động để phá cái nghị Liên-Âu (*Union européenne*), nhờ có ông BRIAND can-thiệp, cuộc vận-động không thành.

— Ở Hội-nghị Bàn-Tròn họp tại *Londres*, GANDHI nhất-quyết yêu-cầu cho Ấn-độ được hoàn-toàn độc-lập.

Ngày 16. — Ông PAUL REYNAUD tới *Port-Saïd*.

— Ở Anh, lính thủy các tầu chiến vận-động không tuân thượng-lệnh để biểu-tình về việc giảm lương, cuộc vận-động này có ý quan-ngại cho Chính-phủ Anh lắm. Còn ở Hội-nghị Bàn-Tròn thời GANDHI diễn-thuyết một bài cũng khiến cho Chính-phủ phải quan-tâm.

Ngày 17. — Ở *Genève*, ông ROLLIN thương-vụ tổng-trưởng Pháp, tường-thuật về cái chương-trình cải-tạo Âu-châu về kinh-tế, nói khẩn-khoản nhất về sự cần phải hưng-khởi các công-trình lớn để đỡ cái nạn thất-nghiệp, và liên-hiệp về kinh-tế để đỡ sự cạnh-tranh về quan-thuế và cố-định các giá hàng-hóa.

— Việc lính thủy Anh bất-tuân thượng-lệnh cũng xảy ra nhiều việc xung-đột. Nhưng Hải-quân súy-phủ (*Amirauté*) đã điều-đình cho khỏi sự bãi-công.

Ngày 18. — Ở Anh thiên-hạ vẫn náo-động. Xem chừng muốn khởi-hành việc tổng-tuyển-cử. Nội-các ưng như vậy; đảng bảo-thủ cũng ưng, duy có đảng tự-do phản-đối. Chuyến này bầu-cử là căn-cứ ở vấn-đề « bảo-hộ mậu-dịch » (*protectionnisme*).

— Ở Mãn-châu xảy ra việc xung-đột dữ người Nhật với người Tàu. Hai bên có đánh nhau, chết mất nhiều người.

Ngày 19. — Việc Trung-Nhật có ảnh-hưởng ở Hội Vạn-quốc. Đại-biểu nước Nhật tuyên-bố rằng nước ấy sẽ hết sức giữ-gìn cho khỏi thành việc chiến-tranh to. Đại-biểu nước Tàu cũng tuyên-bố xin có tin-tức gì thì hằng ngày trình cho Hội Vạn-quốc biết.

— Ở Anh, tình-hình tài-chính càng ngày càng gấp. Tiền *sterling* sụt quá, tư-bản trong nước thoát ra ngoài nhiều.

Ngày 20. — Tình-hình nước Anh lại càng khẩn-cấp. Chính-phủ phải trù cách đặc-biệt để cứu cho tiền bản-vị, định bỏ bản-vị vàng và hạ lệnh cấm không cho vàng xuất-cảng; lại cho phép nhà Anh-quốc Ngân-hàng được dùng các kế-hoạch lâm-thời để đối-phó với tình-hình nguy-cấp, như cho tăng số « cát-dẫn » (*taux d'escompte*) tự $4^1/_2$ lên 6%.

— Quân Nhật chiếm-cứ thành Phụng-thiên (*Moukden*).

Ngày 21. — Giám-quốc HOOVER nước Mĩ công-nhiên mời thủ-tướng Pháp LAVAL sang hội-thương bên Mĩ để xét các vấn-đề quốc-tế.

— Nhật với Tàu đánh nhau dữ ở Mãn-châu. Tàu yêu-cầu Hội Vạn-quốc can-thiệp. Có tin đồn Nga sẽ đem quân sang Mãn-châu. Hiện quân Tàu đánh *Paitalyng* (?), và quân Nhật thì chiếm *Kirin* (Cát-lâm).

Ngày 22.— Hội Vạn-quốc nghĩ cách điều-đình về việc Trung-Nhật. Đặt một hội-đồng điều-đình có bốn ông : LORD CECIL (Anh), CURTIUS (Đức), GRANDI (Ý) và MASSIGLI (Ý). Chính-phủ Nhật ưng mở một cuộc hội-nghị hai nước Trung-Nhật để tự điều-đình lấy, và hứa sẽ không đem thêm quân sang Mãn-châu nữa.

Ngày 23. — Hội Vạn-quốc lấy làm khó giải được việc Trung-Nhật. Hội bản cử một ban ủy-viên để điều-tra về việc xung-đột. Nhật không chịu. Còn các tin ở Mãn-châu thì rất là mâu-thuẫn, không lấy đâu làm bằng-cứ. Nghe như Nhật muốn chiếm-cứ *Kharbine* (Cáp-nhĩ-tân), rồi lại thôi.

Ngày 24.— Chính-phủ Mĩ thông-cáo cho Hội Vạn-quốc biết rằng nước Mĩ rất chú-ý về việc Trung Nhật, mong cho Hội điều-đình xong. Lại gửi thông-điệp cho bộ Ngoại-vụ Nhật nói việc xung-đột này là một mối quan-tâm cho cả liệt-cường. Còn đại-biểu Nhật và Tàu ở Hội Vạn-quốc thì đều trình bày ý-kiến của nước mình cho Hội biết, nước Tàu bằng lòng cho Hội tự-tiện điều-đình, nước Nhật thì xin Hội cứ thương-thuyết, nhưng việc điều-đình thì để cho hai nước đương-sự thương-lượng với nhau.

Ngày 25.— Ở *Londres*, tiền *sterling* sụt xuống 85 phật-lăng, rồi lên 96 ; ở *Paris* thì giá hối-đoái là 88 phật-lăng 25.

Ngày 26. — Ông LAVAL và ông BRIAND dời *Paris* đi *Berlin*.

— Ở Mãn-châu vẫn khủng-hoảng lắm. Ở Thượng-hải có cuộc biểu-tình phản Nhật, họp-tập tới mấy ngàn người.

Ngày 27. — Ông HERRIOT làm thị-trưởng thành *Lyon* năm nay là 25 năm, đảng xã-hội cấp-tiến mà ông là một tay lãnh-tụ có làm lễ mừng, kỷ-niệm cuộc nhị-thập-ngũ-chu-niên đó.

— Ông MAGINOT tổng-trưởng Lục-quân diễn-thuyết khánh-thành đài trận-vong ở *Varennes-en-Argonne* có nói rằng : « Các nước giúp đỡ lẫn nhau để phòng-bị sự ngoại-xâm, đó là cách rất cần để cho được giảm binh-bị ». (*L'assistance mutuelle contre toute agression est la garantie nécessaire pour réduire les armements*).

— Hai ông LAVAL và BRIAND đến *Berlin*, cũng được dân Đức hoan-nghênh. Ông BRIAND có đến thăm mộ cố ngoại-tướng Đức STRESEMANN.

— Chính-phủ Hương-cảng đặt quân-luật để trừng-trị những sự cướp phá do việc vận-động bài Nhật phát-sinh ra. — Có tin các kiều-dân Nhật ở miền lưu-vực sông Dương-tử định bỏ về nước.

Ngày 28. — Hai ông LAVAL và BRIAND cùng với các quan Nội-các Đức thương-thuyết, định đặt một ban ủy-viên gồm cả người hai nước để trù các kế-hoạch hiệp-tác về kinh-tế.

— Vì tiền *sterling* hạ giá, hai nước *Suède* và *Norvège* định bỏ tiền bản-vị vàng.

— Ở Tàu, việc vận-động bài Nhật kịch-liệt lắm. Ở Nam-kinh học-sinh đánh bị thương quan ngoại-giao tổng-trưởng Vương Chính-Đình. Ở Bắc-bình và Quảng-đông, học-sinh mở cuộc biểu-tình, cổ-võ dòi chiến-tranh.

Ngày 29. — Hai ông LAVAL và BRIAND đã ở *Berlin* về *Paris*, nói cuộc hội thương với các quan Nội-các Đức cũng có kết-quả tốt.

— Kỳ đại-hội-đồng thứ 12 Hội Vạn-quốc hôm nay bế-mạc.

— Nghị-viện nước *Danemark* quyết-nghị luật định tiền bản-vị vàng cho đến ngày 30 tháng 11.

— Bọn thanh-niên nước Tàu vẫn biểu-tình và yêu-cầu xin gửi tối-hậu-

thư cho Nhật. Ở Mãn-châu có sự vận-động muốn phân-lia với Tàu.

Ngày 30. — Hội Vạn-quốc họp một lần cuối cùng để xét về việc Mãn-châu. Đại-biểu Tàu và Nhật đều thay mặt Chính-phủ cam-đoan hết sức điều-đình cho việc xung-đột khỏi bành-trướng ra. — Còn Đông-tam-tỉnh thì hiện đương loạn to. — Vương Chính-Đình ở Nam-kinh xin từ chức ngoại-vụ.

Thời-cục nước Tàu. — Tiếng súng nổ lên ngày 18 tháng chín tây ở Phụng-thiên, ai cũng tưởng rằng cuộc Trung Nhật xung-đột ấy chẳng bao lâu sẽ giải-quyết xong. Nào ngờ ngòi lửa chiến-tranh một phen nhóm lên, cứ mỗi ngày bùng to mãi. Hội Vạn-quốc, trước ở *Genève* sau về *Paris*, đã tìm đủ mọi phương-pháp dàn-hòa mà chẳng thể nào xong. Nước Nhật thì rõ ra mặt lấy võ-lực xâm-lấn, trước sau giữ một cái thái-độ ngang-ngạnh, gan-góc, ngăn-trở công-việc mưu sự hòa-bình của hội Vạn-quốc. Một mặt cứ việc chiếm lấy Mãn-châu, mỗi ngày lại càng lan rộng mãi ra; trước còn lấy mất Phụng-thiên, Cát-lâm, sau đánh lên lấy Hắc-long-giang. Quân Tàu thì cứ giữ một mặt "bất-đề-kháng" rút cả quân lên đóng ở Cẩm-châu. Duy có Mã Chiếm-Sơn là một tướng anh-hùng dám chống nhau với quân Nhật. Khi quân Nhật đánh Hắc-long-giang thiệt-hại rất to, cứ như tướng Đa-môn tự nói ra thì quân Nhật chết mất hơn 800 binh-sĩ. Sau Mã Chiếm-Sơn vì không có quân cứu-viện và khí giới không đủ, phải rút quân lên đóng ở Hải-luân, vẫn chực thu-thập dân-quân để đánh phản-công mà khôi-phục lấy tỉnh Hắc. Tuy quân ít mà một lòng nghĩa-dũng, đã đánh luôn được quân Nhật mấy trận, chiến-công lừng-lẫy cả thế-giới. Mã Chiếm-Sơn hiện cùng với mấy viên đại-tướng Hắc-quân là Phạm Bảo-Cốc, Ngô Tùng-Sơn tuyên-thệ cùng nhau sống chết, đem lòng tinh-trung báo nước, chống quân Nhật đến cùng. Hiện ba viên tướng ấy chú-trọng việc luyện kỵ-binh, để sau này đem dùng; quân nghĩa-dũng của dân-đoàn 20 huyện mỗi huyện kén 200 người, đều luyện làm kỵ-binh chú-trọng phép dã-chiến đánh ban đêm, định lấy ít đánh được nhiều, gặp dịp liền phản-công. Quân Nhật ở tỉnh-thành Hắc-long-giang hiềm Anh-Thuận hèn ngu vô-tài, vẫn khuyên Trương Cảnh-Huệ đến tỉnh-thành chủ-trì việc chính-trị, nhưng Trương thấy Mã chí-khí rất cứng-cỏi, chỉ chực phản-công nên dùng-dằng không dám đến.

Tướng Nhật thấy quân Mã khí-thế hăng-hái, nên lại đem thêm quân cứu-viện của Nhật lên nhiều. Hiện nay tại Phụng-thiên, tướng Bản-Trang hội-nghị cùng tướng Linh-mộc quyết định sẽ dùng đủ mọi phương-pháp tàn phá cho sạch đạo quân của Mã. Tướng Nhật đã mấy lần sai người đến chiêu-dụ Mã Chiếm-Sơn. Nhưng Mã đều cự-tuyệt, thề không biến chí.

Mã Chiếm-Sơn hiện nay là một viên dũng-tướng, một mình đem một đạo cô-quân chống nhau với quân Nhật ở Hắc-long-giang, dù vì quân ít thế cùng, bị quân Nhật đánh thua, phải bỏ Tề-tề-cáp-nhĩ lui đến Khắc-sơn, nhưng đều được quốc-dân Tàu ngợi khen, tưởng nên kể qua cái tiểu-sử của Mã như sau này.

Mã bấy lâu ở Đông-tam-tỉnh vốn không có tiếng-tăm gì, chỉ là một viên sư-trưởng tầm-thường mà thôi. Quân-đội Đông-bắc vốn chia làm hai phái, là phái lục-lâm (kẻ cướp) và phái học-sinh. Phái Lục-lâm đều là quân cướp đầu hàng, tổ-chức làm quân-đội riêng; còn phái Học-sinh thì đều là những học-sinh sĩ-quan lưu học ở Nhật-bản. Mã Chiếm-Sơn vốn thuộc về phái Lục-lâm đem bộ-hạ đầu-hàng Trương Tác-Lâm

trong năm Dân-quốc thứ 9, do Trương biên làm đoàn kỵ-binh, cho làm lữ-trưởng, đóng giữ ở biên-cảnh Hắc-long-giang, chuyên giữ việc phòng-biên, nên mấy lần Trương Tác-Lâm vào trong Sơn-hải-quan đánh nhau với phái Trực-lệ và Phùng Ngọc-Tường, Mã đều không dự. Năm Dân-quốc 18, xảy việc chiến-tranh Trung Nga, quân Nga chia ba đạo trung, tây, đông tiến đánh. Trương Học-Lương cũng chia ba đạo chống giữ, hai đạo đông tây đều thua, chỉ có đạo trung là vững, đó là nhờ sức Mã Chiếm-Sơn và Hoàng Sư-Nhạc. Khi chiến-sự xong, Trương Học-Lương rất yêu trọng Mã, cất làm sư-trưởng. Lần này vì tỏ lòng hăng-hái chống nhau với quân Nhật, được Chính-phủ Nam-kinh cử làm chủ-tịch Hắc-long-giang, danh-giá vang lừng khắp thế-giới.

Mã xuất-thân là tướng cướp, ít đọc sách, nhưng ngày thường rất hâm-mộ tài-chí của Nhạc-Phi, trị quân nghiêm mà có ân. Mã ngày thường không súc-tích tiền của, không ham thanh sắc. Khi Trương Hải-Bằng theo quân Nhật, Mã có viết thư khuyên Trương nên tỉnh-ngộ, trong thư có câu : «Tôi tiếc cho ông đã 70 tuổi đầu, gần kề miệng lỗ, còn có hi-vọng gì mà lại làm việc táng-tâm như thế? Dù ông không nghĩ đến nước, cũng nên nghĩ đến con cháu, nghĩ đến cái thanh-giá sau khi đã chết, mau mau hồi-tâm cùng cứu nạn nước, thà làm viên tướng chặt đầu, chớ nên làm viên tướng đầu hàng vậy.» Nhưng Trương không nghe.

Xem qua một đoạn tiểu-sử Mã Chiếm-Sơn như vậy, thực đáng khen là một bậc anh-hùng cứu-quốc.

Các nhà đương-cục quân-sự Nhật-bản đã quyết định, nếu Trương Học-Lương không tự-động rút lui quân đóng ở Cẩm-châu vào Sơn-hải-quan thì thực-hành lấy võ-lực đối-phó.

Chánh-phủ Nhật đã phúc-đáp ba nước Anh, Pháp, Mĩ về cái cớ đánh Cẩm-châu. Đại-ý nói quân Trung-hoa ở Cẩm-châu nếu không xâm-phạm phòng-tuyến của quân Nhật, thì không khi nào quân Nhật lại có áp bách quân Trung-hoa. Quân Trung-hoa vì có phiến-động quân thổ-phỉ và lẻn vào trong đội thổ-phỉ để đánh quân Nhật, quân Nhật tất phải hành-động theo lẽ tự-vệ. Mấy tuần lễ trước quân Trung-hoa quả có hỗn-hợp với quân thổ-phỉ để đánh quân Nhật, cho nên khi quân Nhật hành-động theo cách tự-vệ, khó nhận rõ được toán nào là thổ-phỉ, toán nào là quân-đội chính-thức của Trung-hoa. Chính-phủ Nhật vốn mong Trương Học-Lương lập tức rút quân đóng ở Cẩm-châu vào Sơn-hải-quan, nếu không lỡ có sự biến xảy ra, chính-phủ Trung-quốc cần phải chịu cả trách-nhiệm.

Tình-thế Cẩm-châu rất là khẩn-cấp. Quân Nhật định trước sau ngày nguyên-đán tây tiến đánh. Bộ quân Trương Học-Lương bỗng hạ lệnh đem những quân Trung-hoa chủ-lực ở Cẩm-châu và các nơi phụ cận rút vào trong Sơn-hải-quan. Lời giải-thích đạo luật rút quân ấy nói là quân Nhật gần đây lấy cớ quân Trung-hoa không rút vào trong Sơn-hải-quan, lục-tục kéo sang phía tây Liêu-ninh và thêm nhiều viện-quân đến Thiên-tân, sẽ nguy đến Bắc-bình và Thiên-tân, vì muốn ngăn cái kế tàm-thực của quân Nhật, cho nên quả-quyết rút quân.

Quân Trung-hoa sau khi tiếp đạo mệnh-lệnh ấy đã bắt đầu rút lui, cốt ở trong cái thời-kỳ rất ngắn, rút hết bộ-đội chủ-lực, nhưng chính-phủ tỉnh Liêu-ninh, vẫn đặt ở Cẩm-châu và lưu lại một đội số ít ở trong thành Cẩm-châu để dùng về việc củng-vệ.

Ở Nam-kinh được tin Trương Học-Lương rút quân ở Cẩm-châu lấy làm lạ quá, hội ngoại-giao đặc-biệt ủy-viên đã khai hội để bàn về việc ấy.

Có tin ở Bản-sơn nói rằng quân Nhật chia hai đường tiến lên, đạo từ Bản-sơn đã chiếm các nơi gần Câu-bang-tử, đạo Tân-dân đã chiếm núi Đả-hổ. Quân Trung-hoa ở Cẩm-châu bắt đầu rút về phía tây. Tình-hình Sơn-hải-quan rất rối loạn, máy bay Nhật lượn ném bom xuống, người Trung-hoa phần nhiều phải đào hầm để ở.

Có điện tín về bộ Lục-quân báo rằng đại-đội binh-mã Nhật đã vào Cẩm-châu, đi đầu là thiếu-tướng Muro, đại-biểu cho viên tư-lệnh Bản-trang. Tư-lệnh Nhật phát-biểu tờ cáo-thị buộc cho các quan-chức Tàu phải chịu trách-nhiệm việc giữ trật-tự trong các phủ huyện.

Thế là quân Nhật đã lấy nốt Cẩm-châu, cơ-hồ hoàn-toàn chiếm cả Mãn-châu vậy. Thế mà công-sứ Nhật là Phương-Trạch đứng trước hội Vạn-quốc, vẫn luôn luôn nói một câu rằng :

« Việc hành-động của Nhật ở Mãn-châu chẳng phải là việc chiến-tranh, như vậy Nhật chẳng có phạm vào hòa-ước *Paris*, mà cũng chẳng hổ tiếng là hội-viên hội Vạn-quốc được ! »

Cái thuyết của công-sứ Phương-Trạch nói như thế có lọt tai không ? Kéo binh lính vào đất người ta, súng bắn nổ dậy đất, máy bay kéo mù trời, thây chất thành đống, chẳng gọi là chiến-tranh thì gọi là gì ? Gọi là việc giết người chăng ? Cái lý của kẻ mạnh xưa nay vẫn trái-ngược như thế, mà vẫn nghe được.

Có tin rằng hai nước Nhật Nga đối với vấn-đề Mãn-châu đã lượng-giải cho nhau rồi. Nhật và Nga đã lập-thành cuộc hiệp-định, tờ hiệp-định này chẳng những tỏ ra rằng chính-sách đối với Mãn-châu hai nước như nhau, lại còn hàm có điều-khoản thỏa-hiệp tích-cực nữa. Chính-phủ Nga Sô-viết đối với việc Nhật-bản xâm-chiếm Nam-Mãn chẳng những không ghen ghét, lại cho là cơ-hội rất tốt cho nước Nga mở-mang thế-lực ở miền Bắc-Mãn. — Lại theo như ý-kiến phóng-viên của nhà điện-tín hàng ngày thì quân Nhật chiếm-cứ Nam-Mãn, tức là làm cho Nga khỏi phải xung-đột với Tàu. Nước Nga có thể nhờ đó mà gây nên thế-lực ở Bắc-Mãn. Ví dụ như khu-vực ven đường Trung-Đông, trước kia nước Nga phải thuê, thì nay về sau có thể chiếm-cứ mãi mãi. Có lẽ vì thế nên nước Nga đối với sự hành-động của quân Nhật ở Mãn-châu không kháng nghị chăng ?

Chính-phủ Trung-ương mới.—Nhắc lại để độc-giả nhớ chính-phủ Quảng-đông bắt đầu thành-lập mấy tháng nay, do một bọn phản-đối với Tưởng Giới-Thạch như Tôn-Khoa, Uông Tinh-Vệ, Cổ Ứng-Phần (chết rồi) và một tay nhà binh có thế-lực là Trần Tế Đường.

Bọn mấy người đó không phục-tòng chính-phủ Nam-kinh, là chính-phủ ở dưới quyền họ Tưởng, mà lập một chính-phủ khác, là ý họ cố nài cho được Tưởng Giới-Thạch từ chức và hạ-dã rồi muốn nói chuyện gì mới nói. Nay Tưởng Giới-Thạch đã từ hết cả các chức ở trong Nội-các và chức Tổng tư-lệnh.

Có tin ở Nam-kinh rằng Tưởng Giới-Thạch lấy cớ hội trung-ương toàn-thể đã khai, chính-phủ trung-ương đã có người chịu trách-nhiệm, nên sau khi dự lễ khai-mạc, liền cưỡi máy bay dời Nam-kinh, có gửi thư cho bọn Vu Hữu-Nhiệm nói rằng: « Toàn-hội đã khai, cái trách-nhiệm của đệ đã xong, nếu lại không đi, tất làm ngăn-trở cho bản-

đảng, nên quyết về làng làm ruộng, trả lại quyền tự-do cho mình, chỉ mong cả nước được đến cái kết-quả viên-mãn, không kể thế nào, đều phải nhịn nhục vì nước, để mong chính-phủ mau được hoàn-thành. Đệ không còn có chủ-trương gì, lần đi này sẽ về núi tĩnh-dưỡng, xin chớ có thư-từ đi lại nữa, cho dù có thư gửi đến, đệ cũng không mở xem đâu».

Tưởng Giới-Thạch từ hôm về làng cũ ở trong đài Diệu-cao, chùa Tuyết-đậu, cự-tuyệt tân-khách, không tiếp-kiến ai cả.

Trương Học-Lương, chủ-tịch Mãn-châu, phó tư-lệnh Trung-hoa, cũng đã xin từ chức.

Hội trung-ương toàn-thể họp ở đảng-bộ trung-ương đã quyết định bản nghị-án tổ-chức chính-phủ trung-ương mới như sau này:

Chủ tịch: Lâm Xâm;

Hành-chính viện-trưởng: Tôn-Khoa; phó viện trưởng: Trần Minh-Khu;

Lập-pháp viện-trưởng: Trương Kế; phó viện-trưởng: Đàm Chấn;

Tư-pháp viện-trưởng: Ngũ Triều-Khu; phó viện-trưởng: Cư Chính;

Khảo-thí viện-trưởng: Đái Tuyền-Hiền; phó viện-trưởng: Lưu Lư-Ẩn;

Giám-sát viện-trưởng: Vu Hữu-Nhiệm; phó viện-trưởng: Đinh Duy-Phần;

Ủy-viên chính-phủ quốc-dân 53 người. Trung-ương chính-trị thường-vụ ủy-viên 3 người: Hồ Hán-Dân, Uông Tinh-Vệ, Tưởng Giới-Thạch.

Nhân-viên các bộ như sau này:

Nội-chính: Lý Văn-Phạm;

Ngoại giao: Trần Hữu-Nhân;

Quân-chính: Hà Ứng-Khâm;

Hải-quân: Trần Thiệu-Khoan;

Giao-thông: Trần Minh-Khu kiêm;

Giáo-dục: Chu Gia-Hoa;

Tư-pháp: La Văn-Cán;

Thực-nghiệp: Trần Công-Bác;

Thiết-đạo: Diệp Cung-Xước;

Tài-chính: Hoàng Hán-Lương quyền.

Xét trong chính-phủ mới ấy, 9 ủy-viên trung-ương, phái Nam-kinh chiếm 4, phái Quảng-đông chiếm 5; chức viện-trưởng, cứ Nam-kinh chính thì Quảng-đông phó, Quảng-đông chính thì Nam-kinh phó; 33 vị ủy-viên quốc-phủ, phái Quảng-đông và các phái phản Tưởng ở miền bắc trước kia cũng chiếm phần nhiều, như vậy thì về cánh phản Tưởng được lợi nhiều lắm, thế mà xem chừng nội-tình vẫn còn rắc-rối, phái Nam-kinh thì Tưởng về ở quê nhà tuyên-bố không dự chính-sự nữa; phái Quảng-đông thì Uông cáo bệnh nằm ở Thượng-hải; Hồ cũng cáo bệnh nằm ở Hương-cảng, dường như còn nghi-kỵ chưa dám vào Nam-kinh; lại như chính-phủ Quốc-dân ở Quảng-đông, bọn Trần Tế-Đường lại chưa thủ-tiêu. Cứ cái tình-hình ấy người ta lại càng rõ đảng Quốc-dân ngày nay chỉ chăm tranh quyền cướp vị của nhau, chứ không nghĩ gì đến nước cả, nạn nước nguy-cấp là thế, mà không kịp lo đối-phó, cứ chúi đầu vật lộn nhau, thực đáng buồn thay!

Tôn-Khoa, trưởng viện hành-chính hôm nay đã tới Thượng-hải thương-thuyết cùng Phùng Ngọc-Tường và Uông Tinh-Vệ, ý Tôn Khoa muốn cố điều-đình để cho ba người là Tưởng Giới-Thạch, Uông Tinh-Vệ và Hồ Hán-Dân đều về cả Nam-kinh. Người ta nói rằng Phùng Ngọc-Tường cũng vận-động theo mục-đích ấy.

Hội Tứ-toàn Quốc-dân-đảng lần này mới định lại cách tổ-chức chính-phủ. Trong cách tổ-chức mới này có hai cái đặc-điểm: 1) Chủ-tịch quốc-phủ không chịu trách-nhiệm thực-tế; 2) Số Ủy-

viên viện Lập-pháp và viện Giám-sát do nhân-dân bầu-cử một nửa.

Cam Nãi-Quang có nói về hai chỗ đặc-biệt đó rằng : Trước nay vì chủ-tịch phải chịu trách-nhiệm, nên mỗi khi có phong-trào chính-trị nổi là phải đánh nhau. Nay chủ-tịch không chịu trách-nhiệm, để cho viện Hành-chính chịu trách-nhiệm, cầm quyền-chính, thì sau này có phong-trào chính-trị nổi lên, chỉ thay đổi viện Hành-chính, không phải động đến nguyên-thủ thì không cần phải dùng đến quân-lính mà giải-quyết phong-trào chính-trị, như vậy thì chính-trị có thể đi theo khuôn phép được. Còn điểm thứ hai, cho nhân-dân bầu-cử một nửa ủy-viên vào viện Lập pháp và viện Giám-sát, có thể tránh khỏi được cái thói xấu và mối tệ trong việc bầu-cử, vả cũng là cách thiết-thực để huấn-luyện nhân-dân của đảng, v. v..

Lâm Xâm là một người lão-thành trong đảng quốc-dân Trung-hoa thay chân Tưởng Giới-Thạch, chắc có nhiều người muốn biết con người ấy là người thế nào, vậy xin thuật qua lược sử của Lâm như sau này.

Lâm Xâm tên là Tử-Siêu, người tỉnh Phúc-kiến, năm nay 69 tuổi, râu tóc bạc phơ, có vẻ đạo-mạo. Khi Lâm vào đảng Quốc-dân, do ông Tôn Văn phái sang Mĩ làm việc đảng, bị đảng-viên tỉnh Quảng-đông công-kích, nhưng Lâm là người hàm-dưỡng sâu-sắc, đối với kẻ phản-đối vẫn giữ thái-độ điềm-nhiên, không giận dữ, không đôi-co, lâu rồi kẻ công-kích cũng bị Lâm cảm-hóa, mà về việc đảng Lâm mới làm nên công-trạng đặc-biệt, ông Tôn Văn lại càng trọng Lâm. Sau khi Dân-quốc thành-lập, Lâm đã làm viện-trưởng Hạ-nghị-viện ; đối với việc ủng-hộ Quốc-dân-đảng, Lâm phấn-đấu hết sức, Lâm cùng với Trương Kế hai người trở nên cái trọng-tâm của đảng-viên Quốc-dân-đảng. Sau Quốc-dân-đảng tổ-chức lại, cử Lâm làm Hải-ngoại bộ-trưởng, nhưng rồi ra vì Lâm có dự hội-nghị Tây-sơn bị ban trung-ương Quảng-đông kỳ thứ hai triệt-đổi. Sau khi chia hai cánh Ninh Hán (Nam-kinh là cánh Tưởng ; Hán-khẩu là cánh Uông) Lâm đứng về mặt Nam-kinh, Lâm rất được lòng tín-ngưỡng của Hoa-kiều ở Mĩ-châu, nên có thế-lực lớn ở ngoại-quốc, có cơ vượt hơn Đặng Trạch Như và Tiêu Phật-Thành. Về việc đảng và chính-trị, Lâm không có ý-kiến riêng, nên được tiếng là người lão-thành trí-trọng, ở trong đảng Lâm không có tay cừu-địch về chính-trị, mà có tính trung-hòa, dễ hòa-hợp mọi bên. Mấy năm nay đảng-phái chia xẻ cạnh-tranh, Lâm vẫn giữ thái-độ trung-lập, nên không ai để ý đến cả.

Khi Tưởng giam Hồ Hán-Dân, gọi Lâm ở Mĩ về, cử làm Lập-pháp viện-trưởng thay Hồ, nhưng Lâm lấy cớ là tuyên-phủ Hoa-kiều không về, cũng không tỏ ý sao cả. Khi Quảng-đông phản Tưởng, kê tên Lâm vào bài điện thảo Tưởng, Lâm cũng nín lặng. Đến khi Ninh Việt bàn hòa, Lâm mới về nước dự hội-nghị giảng-hòa. Nay được chễm-chệ cái ghế chủ-tịch, cũng là do cái tính trung-hòa trung-lập vậy.

Tống Tử-Vân cũng theo Tưởng từ chức Tài-chính tổng-trưởng rồi.

Viên Tài-chính tổng-trưởng mới là Hoàng Hán-Lương tuyên-ngôn với phóng-viên các báo rằng Chính-phủ sẽ giảm các khoản nợ, giữ quĩ tích-trữ để góp nợ của Chính-phủ, và tổ-chức cho nhà Trung-quốc Trung-ương Ngân hàng có tính-cách tự-lập. Chính-phủ lại cử một «Quốc-gia tài-chính ủy-ban» để giải-quyết các vấn-đề tài-chính quan-trọng.

Việc trong nước

(Từ mồng 1 đến 30 Novembre 1931)

Quan Thượng-thư thuộc-địa sang thăm Đông-dương đã tới Huế. — Kỳ trước đã đăng tin quan Thượng-thư thuộc-địa REYNAUD đi kinh-lý xứ Đông-dương, đã tới Huế chiều ngày mồng 1 Novembre. Ngày mồng 2 và mồng 3 tiếp-kiến các quan triều-đình Huế. Gắn bội tinh cho những người được thưởng, sang thăm Triều-đình Huế và Lưỡng-tôn-cung. Viếng đài kỷ-niệm chiến-sĩ trận-vong. Đến dự lễ cầu-hồn ở nhà thờ. Chủ-tọa kỳ hội-đồng viện Cơ-mật, kỳ hội-đồng này trong các việc đem bàn có việc bàn về cách thi-hành tờ hiệp-ước bảo-hộ. Đi thăm các lăng Tự-đức, Khải-định, Minh-mệnh và Thiệu-trị. Đến xem Khải-định bảo-tàng-viện. Đi xem những thắng-cảnh nơi Kinh-đô

Ngày mồng 4, quan Tổng-trưởng từ-biệt Huế, đi thanh-tra các tỉnh miền bắc Trung-kỳ, buổi trưa tới Hà-tĩnh. Buổi chiều đi thăm các đồn binh đặt ở các hạt trong tỉnh Hà-tĩnh. Buổi tối thì tới Vinh.

Ngày mồng 5, buổi sáng khởi-hành ở Vinh, buổi chiều tới Thanh-hóa, tiếp các quan-chức thân-hào rồi đi thăm các công-sở. 10 giờ đêm đi xe lửa ra Hà-nội, 1 giờ sáng ngày mồng 6 ra tới ga phủ Thường-tín, tạm dỗ lại đấy đến sáng mới lên Hà-nội.

Sáng ngày mồng 6, quan Tổng-trưởng tự ga Thường-tín lên tới Hà-nội. Sau khi các quan-chức thân-thương Tây Nam đã nghênh-tiếp chào mừng rồi. Ngài về phủ Toàn-quyền. Tiếp-kiến các quan-chức văn-võ, các hội-đồng dân-cử, các nhà thân-thương và các đại-biểu các giới. Đi viếng đài kỷ-niệm tướng-sĩ. Buổi chiều các hội-viên phòng Thương-mại, phòng Canh-nông và Bắc-kỳ-kinh-tế hội-nghị nghênh-tiếp Ngài tại phòng Thương-mại. Ngài đến thăm tòa Đốc-lý, rồi đến thăm Hội Khai-trí Tiến-đức.

Ngày mồng 7 buổi sáng Ngài chủ lễ khánh-thành viện *Pasteur*. Đi thăm các trường Trung-học *Albert Sarraut*, trường Bảo-hộ, trường Đại-học, nhà Cổ-học bảo-tàng, viện Bảo-tàng *Maurice Long*, trường Cao-đẳng mĩ-thuật, viện Quang-tuyến chữa bệnh ung độc và chủ lễ khánh-thành nhà máy điện phố Đỗ Hữu-Vị. Tiếp-kiến ban trị-sự viện Dân-biểu và đại-biểu các hội ái-hữu bản xứ. Buổi chiều Ngài tiếp-kiến riêng những vị thân-hào Tây Nam nào mà ngài muốn hỏi. Đến chủ lễ khánh-thành hội Liên-hiệp ái-hữu.

Ngày mồng 8, buổi sáng đi thăm tỉnh Lạng-sơn; buổi chiều đi kinh-lý Đồng-đăng và Nam-quan rồi về Hà-nội.

Ngày mồng 9 đi thăm Hongay, qua Bắc-ninh, Sept-Pagodes, đi xem mỏ Hongay, thăm Campha-Mine và Campha-Port, rồi ngài ra xem Vịnh Hạ-long.

Ngày mồng 10 Ngài đi xem các động Vịnh Hạ-long, xong thì về thăm thành-phố Hải-phòng, thăm tòa Đốc-lý và phòng Thương-mại Hải-phòng rồi trở về Hà-nội.

Ngày 11, duyệt binh tại trước đài kỷ-niệm tướng-sĩ trận-vong, rồi lên thăm Đồn Thông, thăm trại binh và trường bay, tập trận, rồi thăm đồn-điền *Borel*. Thăm sở bơm nước ở Sơn-tây, rồi về Hà-nội.

Ngày 12 Ngài gắn bội-tinh cho các người được thưởng.

Ngày 13, quan Tổng-trưởng cưỡi máy bay sang Ai-lao. Đến ngày 15 Ngài đi thủy-phi-cơ trở lại Sài-gòn.

Ngày 17, tại Sài-gòn, sau khi quan Toàn-quyền PASQUIER đọc bài chúc tiễn, quan Tổng-trưởng PAUL REYNAUD đáp lại rồi đọc một bài diễn-thuyết dài. Đoạn Ngài sang chơi Xiêm-la mấy hôm rồi cưỡi máy bay về Pháp

REYNAUD *phu-nhân đối với cơ-dân Nghệ-Tĩnh.* — Sau khi quan Tổng-trưởng

Thuộc-địa và REYNAUD phu- hân cùng công-nương đến xem cuộc hát lấy tiền giúp dân Nghệ-Tĩnh tại nhà hát tây Sài-gòn thì REYNAUD phu-nhân có giao cho hội-đồng tổ-chức một số tiền 500 đồng bạc để giúp cơ-dân Nghệ-Tĩnh.

Tặng Kim-bài cho quan Tổng-trưởng thuộc-địa.— Khi quan Tổng-trưởng thuộc-địa REYNAUD đến Huế vào yết-kiến Nam-triều tại điện Cần-chánh rồi, thì Nam-triều có kính tặng ngài một cái kim-bài khắc bốn chữ « 惠我南國 » (Huệ ngã Nam-quốc). Kim-bài này để trong một cái long-đình che 4 lọng có nhã-nhạc rước đến phủ Khâm-sứ, một vị ấn-quan đem kim-bài vào tặng, quan Thượng-thư thân-nhận và đáp lời cảm-tạ.

Quan Tổng-trưởng thuộc-địa ân-xá cho các tội-nhân.— Khi quan Tổng-trưởng thuộc-địa kinh-lý ở Đông-dương Ngài có ra lệnh ân-xá cho những tội-nhân khắp năm xứ trong cõi Đông-dương can về các tội thường-luật, cùng những người tù rượu lậu và thuốc-phiện lậu.

Ngày sinh-nhật đức Bảo đại.— Ngày mồng 2 Novembre là ngày 23 tháng 9 An-Nam, là sinh-nhật đức Bảo-đại hoàng-đế, các công-sở đều được nghỉ cả.

Tòa án cai-trị.— Sáng ngày mồng 4, Tòa-án cai-trị đã họp, do quan Chánh-án dự-khuyết BAURENS chủ-tọa.

Phòng Canh-nông họp hội-đồng. Ngày mồng 5, phòng Canh-nông đã họp hội-đồng do ông LECONTE chủ-tọa. Phiên hội-đồng này xét những tờ trình của ủy-viên (do dân bầu ở Nam-kỳ) về việc cho vay dài hạn cùng là phương-pháp trừ việc trộm cướp trong các đồn canh-nông, vân-vân.

Khánh-thành nhà máy điện mới — Sáng mồng 7 nhà máy điện khánh-thành nhà máy điện mới ở phố Đỗ Hữu-Vị (phía bắc thành Hà-nội) do quan Tổng-trưởng thuộc-địa REYNAUD đến chủ tọa lễ khánh-thành này.

Hội đồng tư-vấn An-Nam tại Nam-kỳ.— Tại Nam-kỳ mới đặt một Hội-đồng tư-vấn An-Nam thường-trực, để khảo-sát những vấn-đề thuộc về sự cai-trị hàng tỉnh và hàng xã, và dự-bị những điều-lệ thi-hành các lời bàn của hội-đồng cải-cách. Hội-đồng này sẽ do quan Thống-đốc Nam-kỳ chủ-tịch, và có 4 hội-viên An-Nam mỗi năm chọn : 1) do quan Thống-đốc chọn : một viên đốc-phủ-sứ hay phủ về hưu, một ông cố-vấn hàng tỉnh, một người chủ đất ; 2) do ông chủ-tịch Hội-đồng Quản-hạt chọn : một viên hội-viên quản-hạt An-Nam. Hễ khi có giấy triệu-tập của viên chủ-tịch hay có giấy yêu-cầu của một hội-viên, thì Hội-đồng sẽ họp.

Những ông sau này được cử làm hội-viên : Bùi Quang-Chiêu, phó chủ-tịch hội-đồng quản-hạt ; Nguyễn Tấn-Lợi, đốc-phủ-sứ đã hưu ; Võ Văn-Thiết, cố-vấn hàng tỉnh ở Tân-an ; Võ Văn-Thơm, tài-chủ Cần-thơ.

Thành-phố Hải-phòng chia làm 6 hộ. — Ngày 15 Novembre, quan Đốc-lý Hải-phòng đã ký nghị-định bãi đạo nghị-định ngày mồng 1 Juin 1924 đi, chia thành-phố Hải-phòng ra làm 6 hộ, mỗi hộ có một người chánh-hộ-trưởng (*chef de quartier*) trông coi. Người chánh-hộ-trưởng ấy lại có nhiều phó hộ-trưởng (*sous chef de quartier*) giúp đỡ công-việc nữa.

Hộ nhất có 6 phó-hộ-trưởng.
Hộ nhị có 3 phó-hộ-trưởng.
Hộ tam có 2 phó-hộ-trưởng.
Hộ tứ có 2 phó-hộ-trưởng.
Hộ ngũ có 4 phó-hộ-trưởng.
Hộ lục có 5 phó-hộ-trưởng.

Việc giảm phụ-cấp các viên-chức Tây Nam đã đổi lại.— Số báo trước, bản-chí đã đăng đạo nghị-định ngày 6

Octobre quan Toàn-quyền đã ký tại Sài-gòn về việc giảm phụ-cấp các viên-chức Tây Nam, thì nay mới đổi lại như sau này :

Chỉ hai đứa con đầu mới phải trừ thôi, còn đứa thứ ba trở đi vẫn được hưởng nguyên như cũ.

Quan Thống-đốc Nam-kỳ về nghỉ. — Ngày 16 Novembre, quan Thống-đốc Nam-kỳ KRAUTHEIMER xuống tầu « *D'Artagnan* » về Pháp.

Cùng đi chuyến tầu này có REYNAUD phu-nhân và công-nương với các quan tùy-tùng quan Tổng-trưởng cùng về Pháp.

Lập lại Học-bộ ở Huế. — Chính-phủ Bảo-hộ và Nam-triều đã bàn định trong một kỳ hội-thương để đặt lại bộ Học coi về học-vụ xứ Trung-kỳ. Công-việc bộ ấy nay theo lệ mới mà sắp-đặt đại-khái như sau này :

Bộ Học có quyền-hạn xem xét học-vụ từ lớp sơ-học yếu-lược cho đến tiểu-học tất cả các tỉnh Trung-kỳ.

Mỗi tỉnh có một quan đốc-học hoặc kiểm-học tùy tỉnh lớn nhỏ, mỗi phủ có quan giáo-thụ, huyện có quan huấn-đạo, tổng làng thì có tổng-sư và hương-sư.

Các quan đốc-học kiểm-học huấn-đạo giáo-thụ đều có viên giáo-học phụ-giáo giúp việc. Lương-bổng thì bộ Học làm sổ lương cả các tỉnh, phủ, huyện, còn các nơi hương tổng thì các giáo-chức ăn lương lạc-quyên của các làng tổng.

Đối với tòa Học-chính thì bộ Học có một quan cố-vấn chỉ để dự bàn học-vụ với Học-bộ mà thôi. Còn xem xét học-vụ thì nay mới đặt có một quan Tá-lý.

Hành-hình tên Huy. — Sáng ngày 20, tại sân nhà pha Sài-gòn đã hành-hình tên Huy là kẻ thủ-phạm giết viên mật-thám LEGRAND ở Sài-gòn.

Hội-đồng Bảo-hộ xét các đơn xin ân-xá. — Ngày 20 Hội-đồng Bảo-hộ họp tại phủ Thống-sứ, do quan Thống-sứ THOLANCE chủ tọa. Hội-đồng xét đơn xin ân-xá của Phạm Hữu-Mẫn tức Nguyễn Hoàng-Tôn tức Cẩu, bị Hội-đồng Đề-hình khép-án xử-tử ngày 16 Octobre 1931, và Nguyễn Thái-Trác, Trần Bích tức Bá Bích, Lê Xuân-Huy tức Cử Hy cùng Lê Văn-Chu, là những người bị Hội-đồng Đề-hình kết án trong mấy phiên trước.

Cờ đỏ và truyền-đơn. — Đêm hôm 20, có người bỏ một lá cờ đỏ ở cổng sở Xi-măng Hải-phòng, và giải truyền-đơn ở quanh sở ấy cùng các phố khác nữa. Lính cảnh-sát lượm cờ đỏ và những truyền-đơn ấy đưa về sở mật-thám tra xét. Có 4 người bị nghi về việc này đã phải bắt.

Tại làng Lang-định, huyện Nghi-lộc Vinh, vừa rồi có kẻ đem giải rắc truyền-đơn và cờ đỏ. Quan sở-tại đã đến tận nơi tra xét, có bắt hơn hai-mươi người tình-nghi về việc ấy.

Hội-đồng thành-phố. — Tối ngày 27, Hội-đồng thành-phố Hà-nội đã họp tại tòa Đốc-lý, do quan Đốc-lý GUILLEMAIN chủ-tọa.

Hội chợ Nam-định. — Hội-chợ Nam-định đã khai-mạc chiều thứ bảy 28 Novembre, do quan Thống-sứ THOLANCE chủ-tọa.

Đông-dương đối với việc lập đài kỷ-niệm Thống-chế Joffre. — Về việc lập đài kỷ-niệm Thống-chế *Joffre* ở thành *Rivesalte* bên Pháp, xứ Đông-dương quyên vào cả thảy được 370.173f,80. Trong số ấy thì :

Bắc-kỳ và phủ Toàn-quyền	152.799f 60
Trung-kỳ	31.095, 60

Nam-kỳ	118.008, 20
Cao-miên	49.606, 20
Ai-lao	8.141, 50
Quảng-châu-loan	10.511, 70

Tiền ấy đã gửi sang ban trị-sự lập đài kỷ-niệm và ông xã-trưởng thành *Rivesalte* thâu nhận.

Chính-phủ Nam-kỳ cho các nông-gia vay tiền.— Chính-phủ Nam-kỳ định xuất ra 355.000 đồng chia cho các nông-gia các tỉnh sau này, vay để làm mùa lúa tới đây :

Bắc-liêu	30.000 $	Long-xuyên	50.000 $
Bà-rịa	5.000 ,	Mỹ-tho	10.000 ,
Bến-tre	20.000 ,	Rạch-giá	30.000 ,
Biên-hòa	5.000 ,	Sa-đéc	20.000 ,
Cần-thơ	30.000 ,	Sóc-trang	50.000 ,
Châu-đốc	10.000 ,	Tân-an	5.000 ,
Chợ-lớn	10.000 ,	Tây-ninh	5.000 ,
Gia-định	10.000 ,	Thủ-dầu-một	5.000 ,
Gò-công	5.000 ,	Trà-vinh	30.000 ,
Hà-tiên	5.000 ,	Vĩnh-long	20.000 ,

Lập Hội Tương-tế ở Hòa-bình.— Sáng ngày 28, ông LEURRET ở Hà-nội lên tỉnh Mường Hòa-bình diễn-thuyết việc lập hội Tương-tế, rồi cử ban trị-sự hội Tương-tế như sau này :

Hội-trưởng : quan chánh-sứ MORLEVAT.
Phó-hội : quan tuần-phủ Quách Vị.
Thư-ký : ông phán Uyển.
Thủ-quĩ : quan ân Đinh công-Siển.
Cố-vấn : bà tổng-đốc Đinh Công-Thịnh.
Quan châu Quách Hàm.
Quan lang Quách Điều.

Ban trị-sự sẽ họp hội-đồng để làm điều-lệ và thực-hành mục-đích hội.

Hội đồng Đề-hình.— Từ ngày 16 đến 18 Novembre, Hội-đồng Đề-hình họp tại tòa Thượng-thẩm Hà-nội, quan Giám-đốc chính-trị BOUCHET chủ-tọa, quan Đốc-lý GUILLEMAIN, Đại-úy BOURGEOIS và quan Biện-lý MOREAU bồi-thẩm. Kỳ này xét xử 102 người bị cáo về việc tổ chức lại Việt-Nam-quốc-dân-đảng, việc Đông-dương-Cộng-sản-đảng, việc ám-sát Trần Thị-Uyển, Thị-Nhu, và Cửu-Tỵ. Sau khi xét các câu hỏi về tội-trạng từng người rồi tuyên-án như sau này :

2 người bị xử tử : Hồ Ngọc-Lan tức Thang, và Nguyễn Đức-Cảnh, đều có chân Cộng-sản-đảng cùng dự việc ám-sát Thị-Nhu và Thị-Uyển.

5 người khổ-sai chung-thân : Vũ Văn-Tư tức Khác tức Ba, đảng-viên ban tài-chính Cộng-sản ; Đỗ Ngọc-Du tức Phiêm Chu, Trịnh Đình-Cửu tức Tu-Chi, Dương Hạc-Đính, Đỗ Duy-Mạc, đều có chân Cộng-sản, đều dự việc ám-sát Thị-Nhu và Thị-Uyển.

9 người phát-lưu và chung-thân : Trần Văn-Lan tức Giáp, đảng-viên tài-chính cộng-sản-đảng ; Lưu Thị-Đinh tức Thị-Phong, thuộc cơ-quan huấn-luyện của đảng Thanh-niên và Cộng-sản ; Bùi Thị-Tao tức Thị-Hai, cơ-quan huấn-luyện của Cộng-sản-đảng ; Trần Trọng-Khoan tức Qui, cơ-quan tỉnh-ủy và giao-thông của đảng Cộng-sản ; Phạm Văn-Duyên tức Nguyễn Văn-Nhân tức Minh, cơ-quan tuyên-truyền của đảng Cộng-sản ; Nguyễn Văn-So có chân Cộng-sản-đảng ; Nguyễn Thị-Thuần tức Thị-Hợi, cơ-quan tuyên-truyền của đảng Cộng-sản, Nguyễn Thị-Ngân có chân Việt-Nam Quốc-dân-đảng và Lê Thị-Chất, cơ-quan ấn-hành của Việt-Nam Quốc-dân-đảng, có dự việc ám-sát chị em Thị-Uyển.

2 người 20 năm khổ-sai, Nghiêm Toàn, chực tổ-chức lại Việt-Nam Quốc-dân-đảng, dịch văn-thư và giúp báo Cách-mệnh ra được 10 số ; Nguyễn Nhất-Trượng tức Via, chực tổ-chức lại Việt-Nam Quốc-dân-đảng.

13 người 20 năm cấm-cố : Nguyễn Tào tức Trác, cơ-quan tài-chính của đảng Cộng-sản ; Trần Đình-Quỳ tức Thanh, Lê Duân, đều thuộc cơ-quan huấn-luyện của đảng Cộng-sản ; Cao Văn-Nhiêu, Trần

Thị-Thọ tức Lun, Trần Văn-Mạc, đều thuộc cơ-quan ấn-hành của đảng Cộng-sản, Đỗ Như tức Nguyễn Văn-Huân tức Gio, Trần Văn-Điêu tức Ban tức Luyên, Phạm Văn-Phong tức An tức Thương, đều thuộc cơ-quan tuyên-truyền của đảng Cộng-sản Vũ Thiện-Châu, có chân Việt-Nam Thanh-niên cách-mệnh đồng-chí-hội ; Vũ Văn-Điền tức Quang-Diên, có chân Việt-Nam Quốc-dân-đảng ; Phan Thanh-Ích và Nguyễn Hữu-Thông, đều có chân Việt-Nam Quốc-dân-đảng.

7 người được trắng án ; 16 người bị tù án treo ; còn thì bị cấm-cố hoặc tù từ 1 năm đến 15 năm.

Đại-hội-nghị kinh-tế tài-chính Đông-dương. - Đại-hội-nghị kinh-tế tài-chính Đông-dương khai-mạc tại phòng Thương-mại Sài-gòn từ sáng ngày 25 Novembre, họp luôn đến trưa ngày 12 Décembre, mới bế-mạc. Tòa trị-sự kỳ này có ông LAGAZE là hội-trưởng phòng Thương-mại Sài-gòn được bầu làm nghị-trưởng. Hai chức phó nghị-trưởng là ông PERROUD và ông PHẠM QUỲNH. Hai chức thư-ký là ông CLAUDE và ông PHẠM VĂN-QUẢNG. Chương-trình của hội-nghị, ngoài việc xét các sổ dự-toán về năm 1932, có mấy việc sau này quan-trọng hơn: a) Chương-trình cuộc công-thái Đông-dương; b) Chế-độ rượu ở Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ; c) Sửa đổi chế-độ muối ở Đông-dương.

Việc rượu thì nhà-nước có dự-thảo hai cách này :

Một là ở Bắc-kỳ và ở phía bắc Trung-kỳ sẽ theo như lệ đang thi-hành tại Nam-kỳ, nghĩa là tự-do cất rượu nhưng phải do sở Thương-chính thường-trực kiểm-soát và có đổi khác ít nhiều ;

Hai là đặt ra một công-ti Pháp-Việt để lĩnh-trưng rượu ti ở Bắc-kỳ.

Trong khi bàn-bạc trước thì nhiều ông hội-viên không thuận cho việc cất rượu được hoàn-toàn tự-do, mà muốn ưng bản dự-thảo thứ hai ; ông Phạm Quỳnh là bản-chí chủ-bút thì nhất-định không ưng bản dự-thảo thứ hai, hết sức biện-luận và có đọc một bài trần-thuyết tại Đại-hội-nghị, lời lẽ rất khẩn-thiết, để yêu-cầu cho dân được nấu rượu và bán rượu, miễn là dân có xin phép Chính-phủ và có môn-bài chịu thuế là được. Sau Hội-đồng đầu-phiếu kín, kết-cục thì nhiều phiếu ưng-thuận bản dự-thảo thứ nhất (1).

Chế-độ tiền-tệ. — Ngày 12 Novembre, quan Toàn-quyền có nghị-định rằng đồng bạc đồng *piastre de commerce)* Kể từ đầu năm 1932 trở đi không được tiêu-dùng trong dân-gian nữa, và các công-sở cũng không nhận nữa. Nhà-nước đã có thứ bạc đồng mới trọng-lượng 20 gramme, thanh-sắc 090, sẽ đem lưu-hành. Người nào có đồng bạc cũ phải trước ngày 1 Janvier 1932 đem đến nhà băng hoặc các kho bạc đổi lấy bạc mới mà tiêu.

Sách mới xuất-bản

— Báo *Bạn-dân*, của ông R. E. MICHEL, chủ-nhiệm báo *Ami du peuple indochinois*, mới xuất-bản tự đầu năm 1932. Báo ra hàng ngày, mỗi số ba xu ; giá đồng-niên là 7 đồng, nửa năm 4 đồng và 3 tháng 2 đồng rưỡi. — Tòa soạn ở 43 Phố Hàng Kèn B^d Jauréguiberry, Hà-nội.

Bản-chí có lời mừng bạn đồng-nghiệp mới.

* *

— Tạp-chí *Kim-lai*. Tuần-báo xuất-bản ngày thứ năm. Báo-quán ở 87 đường Gia-long, Huế. Chủ-nhiệm là ông Viễn-Đệ, nhà công-nghệ có tiếng, chế-tạo ra thứ dầu Khuynh-diệp. Chủ-bút là ông Đào-Duy-Anh. Giá bán : mỗi số 12 xu ; ba tháng 1 p. 50 ; sáu tháng : 2 p. 80 ; một năm : 5 p. 00.

Bản-chí có lời mừng bạn đồng-nghiệp mới.

---

(1) Kỳ sau bản-chí chủ-bút sẽ có bài tường-thuật về việc ở Đại-Hội-nghị.

— Ở Sài-gòn mới xuất-bản một tập tạp-chí về Phật-học, tên là *Từ-bi-âm*, cơ-quan của hội « Nam-kỳ nghiên-cứu Phật-học », mỗi tháng xuất-bản hai kỳ, giá đồng-niên 5 p. ; 6 tháng 3 p. ; mỗi cuốn 0 p. 25. — Báo xuất-bản tại chùa Linh-sơn, 149 đường Douaumont, Sài-gòn.

— Ông Đào Hùng mới đặt ở Hà-nội một thư-xã đặt tên là «Tân Việt-Nam thư-xã», để soạn-dịch và xuất-bản các sách kinh-truyện, sử-ký, văn thơ, tiểu-thuyết, v. v. — Hiện đã in được hai quyển :

1°) Vô gia-đình (dịch bộ tiểu-thuyết tây *Sans famille* của HECTOR MALOT). Dịch giả : Nguyễn Đỗ-Mục và Đào-Hùng.

2°) Đông-Chu liệt-quốc. Dịch-giả : Đào-Hùng.

Mỗi quyển giá 1 đồng. Bán tại nhà ông Đào-Hùng, 33 bis Rue Lamblot, Hà-nội.

* * *

Bản-quán mới nhận được một quyển *Truyện Nha-phiến*, là lối vận-văn và là cảnh-thế tiểu-thuyết, di-bút của cụ Phùng Cúc-hiên, do ông Phùng Huy-Bích sao-lục, có bài tựa của quan Tiến-sĩ Nguyễn Đình-Tuân, dầy 49 trang, giá 0 p. 20. Gửi bán tại hiệu Nam-ký số 17 phố Bờ-Hồ, Hà-nội ; và tại nhà soạn-giả, số 226, phố Tiên-an, tỉnh Bắc-ninh.

— Bản-quán vừa tiếp được quyển « *Niên-lịch Thông-thư năm nhâm-thân* » (1932) của nhà in Trung-bắc tân-văn ấn-hành, một quyển 308 trang, giá bán 0$50 (ở xa phải phụ thêm tiền cước).

Sách này do một ý-kiến của quan Thống-sứ ROBIN và của nhà đồng-nghiệp T. B. T. V. in ra. Ý đó là muốn nhân những tục cũ của dân ta mà khiến cho các nhà dùng sách thâu-thái được lắm điều bổ-ích. Về phần cựu-tục thì có đủ mọi điều : can, chi, ngũ-hành, thập-nhị-trực, nghi, kị, cũng như lịch quan ở Kinh phát ra và các lịch tầu vậy. Về phần thông-thường cận-tiện thì có những mục sau này : Các ngày phiên chợ khắp trong Bắc-kỳ ; Luật-lệ sở Bưu-điện và điện-thoại ; luật-lệ trước-bạ và cách dùng tem và tín-chỉ ; những điều cần tra-cứu để làm giấy khai-sinh ; lịch-sử và cách tổ-chức việc Công-học Pháp-Việt ; mấy điều thiết-yếu trong việc làm nhà : về phương hướng, vệ-sinh, vật-liệu, giá cả, cách thuê mướn : nấu ăn và làm các thứ bánh ngọt.

Các nhà khảo-cứu những tục cũ nước Nam thì nên xem mục « Dạy lấy số và đoán số tử-vi.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Đã xuất-bản :

1.— Văn-minh-luận	4 hào.
2.— Ba tháng ở Paris	4 hào.
3.— Văn-học nước Pháp :	4 hào.
4.— L'idéal du Sage	4 hào.
5.— Chính-trị nước Pháp.	
Quyển thứ I	4 hào.
Quyển thứ II	5 hào.
6.— Khảo về tiểu-thuyết	4 hào.
7.— Lịch-sử thế-giới	4 hào.
8.— Le Paysan Tonkinois	4 hào.
9.—Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE	4 hào.
10.— Phật-giáo đại-quan. (In lần thứ hai).	5 hào.

Mới xuất-bản :

11. La Poésie annamite.	4 hào.

Sắp xuất-bản :

12.— Tục-ngữ ca-dao.